Mục lục

. - Mục lục -
. Chương 1: Đạo Âm Dương
. Chương 2: Bát Quái định Càn Khôn
. Chương 3: Kinh Dịch và vận mệnh
. Chương 4: Giải mã bói toán
. Chương 5: Kiền Khôn là cửa ngõ của Dịch
. Chương 6: Quẻ 1: Bát Thuần Kiền - Kiền quái lục long
. Chương 7: Lục Long Ngự Thiên
. Chương 8: Văn Ngôn của Khổng Tử
. Chương 9: Dương Cực Thành Âm
. Chương 10: Quẻ 2: Bát Thuần Khôn - Địa Đạo Nhu Cương
. Chương 11: Đạo Kiền Khôn
. Chương 12: Quẻ 3 : Thủy Lôi Truân : Khó khăn khi mới bắt đầu
. Chương 13: Quẻ 4: Sơn Thủy Mông - lấy giáo dục để bồi dưỡng
. Chương 14: Quẻ 5 : Thủy Thiên Nhu - Cần phải chờ đợi
. Chương 15: Đạo đợi thời
. Chương 16: Quẻ 6 : Thiên Thủy Tụng - Tranh cường hiếu thắng
. Chương 17: Hóa Giải Mệt Mỏi Vì Kiện Tụng
. Chương 18: Sư Ưu Tỷ Lạc
. Chương 19: Quẻ 7 : Địa Thủy Sư - Sư xuất chính đạo
. Chương 20: Quẻ 8 : Thủy Địa Tỷ - Thân tỷ hài hòa
. Chương 21: Tâm đầu ý hợp

Chương 1: Đạo Âm Dương

> Kinh Dịch - tác phẩm kinh điển cổ xưa nhất của dân tộc Trung Hoa, là nguồn gốc của tư tưởng triết học Trung Quốc. Dù là chữ "Đạo" trong câu "đạo khả đạo phi thường đạo" của Lão Tử, hay chữ "đạo" trong "ngô đạo nhất dĩ quán chi" của Khổng Tử, đều bắt nguồn từ tư tưởng cơ bản nhất trong Kinh Dịch, đó là: Một âm một dương gọi là đạo (Nhất Âm nhất Dương chi vị đạo). Vậy âm dương sinh ra như thế nào? Giữa chúng có mối quan hệ gì? Và tư tưởng âm dương có ảnh hưởng như thế nào đến dân tộc Trung Hoa?

"Chúng ta chỉ có một Trái Đất" - câu nói này giờ đây ai cũng thuộc lòng vì nghe quá nhiều, nhưng ý nghĩa thực sự của nó là gì? Chúng ta đã từng thấy văn hóa Babylon, văn hóa Hy Lạp, nếu nói những nền văn hóa này khác biệt rõ ràng, nhưng dường như lại rất gần gũi, còn nếu nói chúng giống nhau, thì lại có vẻ khác biệt rất xa, vậy rốt cuộc là gần hay xa, giống hay khác?

Đúng là chúng ta chỉ có một Trái Đất, nhưng người phương Tây nhìn Trái Đất từ góc độ phương Tây, trong khi người phương Đông, đặc biệt là người Trung Quốc, lại nhìn cùng một Trái Đất từ góc độ phương Đông, kết quả nhìn nhận sẽ khác nhau.

Mọi nền văn minh đều bắt đầu từ thần thoại, nhưng thần thoại có thể thỏa mãn nhu cầu của con người không? Tôi nghĩ là không, với thần thoại, chúng ta luôn nửa tin nửa ngờ, nên thần thoại không thể thỏa mãn khao khát tìm hiểu của con người, từ đó sinh ra triết học. Mỗi dân tộc đều có triết học khác nhau, và thực tế triết học của mỗi dân tộc đều được nâng lên từ thần thoại.

Thần thoại chỉ có một mục đích là giải đáp các vấn đề về vũ trụ và nhân sinh, triết học cũng chỉ có một mục đích là giải đáp các vấn đề về vũ trụ và nhân sinh. Nhưng mọi người thường cảm thấy, lời nói của các triết gia, chúng ta hiểu được nhưng không thực sự hiểu, như thể họ luôn ở trong tháp ngà, điều này tạo ra một vấn đề lớn: chúng ta cho rằng triết học không thể thỏa mãn nhu cầu của con người. Nhưng triết học Trung Quốc không sinh ra trong tháp ngà, bạn xem Khổng Tử, ông gần gũi với dân chúng biết bao, bạn xem Lão Tử, ông thấm sâu vào lòng người biết bao! Bởi vì chúng ta hợp nhất với nhau, chúng ta kết hợp lý tưởng với thực tế, chúng ta kéo cái cao và cái thấp lại gần nhau. Vì thế thần thoại dần dần hình thành triết học, triết học biến thành trí tuệ.

Trí tuệ của chúng ta là gì? Chính là Kinh Dịch. Nhận thức của chúng ta về Kinh Dịch phải rất rõ ràng, phải hiểu rằng Kinh Dịch không dạy cho chúng ta kiến thức. Kinh Dịch cho chúng ta trí tuệ.

Kinh Dịch nói với chúng ta, tất cả mọi thứ đều do con người nghĩ ra. Chúng ta không dùng ảo tưởng, chúng ta dùng trí tưởng tượng. Và trí tưởng tượng đều bắt đầu từ mơ hồ, từ không rõ ràng, rồi dần dần trở nên cụ thể.

> Kinh Dịch nói với chúng ta, tất cả mọi thứ đều do con người nghĩ ra. Thực tế, chính vì con người có trí tưởng tượng, mới có muôn vàn phát minh và sáng tạo trong thế giới, mới xuất hiện các loại hình thái ý thức và trào lưu tư tưởng. Vậy thì, Kinh Dịch do ai nghĩ ra?

Kinh Dịch là trí tuệ cao nhất của dân tộc Trung Hoa, nó do Phục Hy nghĩ ra. Phục Hy là ai, thực ra chúng ta không cần tốn quá nhiều thời gian để tìm câu trả lời, chúng ta có thể tưởng tượng, ông là một người rất thích động não.

Người Trung Quốc chúng ta thường nói, người đam mê dục vọng sâu sắc thì thiên cơ nông cạn, người đam mê dục vọng nông cạn thì thiên cơ sâu sắc, nghĩa là một người nếu chỉ đam mê hưởng thụ cảm giác, thì trí tuệ của người đó chắc chắn rất nông cạn. Chỉ có người thoát khỏi sắc thanh phồn hoa, lặng lẽ suy tư, mới có thể có trí tuệ lớn để nắm bắt được cuộc đời phức tạp và vũ trụ vô cùng. Và nông cạn hay trí tuệ, hoàn toàn tùy thuộc vào bản thân.

Nếu một người ăn no rồi rảnh rỗi chỉ đánh mạt chược, người đó không thể trở thành Phục Hy. Phục Hy nghĩ về điều quan trọng nhất của loài người, và cũng là bí mật cao nhất của vũ trụ: vạn vật từ đâu mà đến.

Phục Hy nhìn thấy mặt trời từ phương Đông mọc lên, rồi lặn ở phương Tây, ông hiểu được rằng dưới trời có một loại lực lượng kéo mặt trời từ phương Đông lên, kéo xuống phương Tây, lực lượng này khiến vạn vật đều chịu ảnh hưởng của nó, như thể nó là nguồn gốc của vũ trụ.

Phục Hy rất muốn thể hiện suy nghĩ của mình ra, để mọi người đều biết, nhưng lúc đó chưa có chữ viết, ông bèn dùng một đường thẳng liên tục để đại diện cho lực lượng này, đây là một cách làm rất tuyệt vời, không có chữ viết, nói cũng không nói rõ được, chi bằng vẽ một hình ảnh, vẽ một ký hiệu đơn giản nhất. Lúc đó ngay cả khái niệm ký hiệu cũng chưa có, có thể thấy ký hiệu cũng là do con người nghĩ ra. Phục Hy vẽ một đường như vậy, có lẽ lúc đầu ngay cả bút vẽ cũng không có, ông bẻ một đoạn cành cây để đại diện cho lực lượng đó, vì thế một nét vẽ khai thiên có ý nghĩa thực sự là một nét vẽ khai thiên lập địa.

Đến đây, chúng ta đã biết rất rõ ràng, ban đầu Phục Hy dùng mắt để quan sát vũ trụ vạn tượng, rồi dựa vào trí tưởng tượng để tạo ra cho chúng ta một hệ thống, nguồn gốc tổng thể của hệ thống này, chính là một nét vẽ, gọi là Thái Cực (hình 1-1). Tất cả đều bắt đầu từ đây.



图 1－1

Nếu Phục Hy chỉ nghĩ đến đây, chúng ta sẽ thấy người này quá ảo tưởng, quá không thực tế. Làm sao biết không thực tế? Quá đơn giản rồi, hôm nay một mặt trời mọc lên, ngày mai lại một mặt trời mọc lên, làm gì có nhiều mặt trời như vậy? Một ngày một cái, một năm đã hơn ba trăm cái, sao chịu nổi. Cho dù có nhiều mặt trời như thế, phương Đông có kho chứa mặt trời lớn đến thế để lưu trữ sao? Phía Tây cũng cần một kho mặt trời lớn mới có thể tiếp nhận mỗi ngày một cái. Vì thế Phục Hy tự phủ định chính mình. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến người Trung Quốc, chúng ta là dân tộc biết tự phản tỉnh nhất.

Bây giờ chúng ta đã biết đó không phải là sự thật, mặt trời luôn tồn tại, chỉ là Trái Đất tự quay, nên có lúc chúng ta nhìn thấy mặt trời, có lúc không nhìn thấy mặt trời. Mặc dù lúc đó Phục Hy không biết những điều này, nhưng điều đó không ảnh hưởng đến suy nghĩ của chúng ta. Phục Hy ít nhất đã nói cho chúng ta biết: có phần nhìn thấy được, thì có phần không nhìn thấy được, có một lực lượng kéo lên, thì có một lực lượng kéo xuống. Ông đã hình thành quan niệm về hai loại lực tương tác, một chính một phản, một lên một xuống, tuần hoàn không ngừng, “chu nhi phục thủy” (chờ đợi thời cơ thích hợp để tái sinh). Vì thế ông cho rằng, có âm thì có dương, có dương thì có âm.

> Phục Hy ngước quan sát thiên văn, cúi xem địa lý, suy nghĩ rất lâu, cuối cùng một nét vẽ khai thiên địa, nét vẽ này chính là Thái Cực, tất cả mọi thứ trong vũ trụ đều sinh ra từ Thái Cực. Khổng Tử trong phần Thập Dực mà ông viết, cũng chính là Dịch Truyện có viết: "Dịch hữu Thái Cực, thị sinh lưỡng nghi." Đây chính là điều mà người ta thường nói "Thái Cực sinh lưỡng nghi", ý nói trong Thái Cực chứa đựng hai loại lực lượng một chính một phản, và hai loại lực lượng này chính là âm dương. Vậy thì, giữa âm dương có mối quan hệ như thế nào?

Thái Cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi chính là âm dương, nếu Phục Hy nghĩ đến đây đã thấy hài lòng, thì chúng ta cũng rất không may mắn. Bởi vì điều này thể hiện quan niệm phân chia đã xuất hiện, có âm có dương, tức là hai cái, "hai" tức là đã phân chia.

Phục Hy cho rằng một vẫn là một, chỉ là một có lúc là một, có lúc một sẽ biến thành hai, giống như một khúc gỗ, chúng ta không động đến nó, nó vẫn là một khúc gỗ, bẻ gãy nó, nó sẽ thành hai đoạn nhỏ, vì thế âm chính là dương, dương chính là âm, âm có thể biến thành dương, dương có thể biến thành âm.

Nét vẽ này gọi là Thái Cực, cũng gọi là dương, chữ Hán của chúng ta ở các trường hợp khác nhau có cách đọc khác nhau, có ý nghĩa khác nhau, có lẽ bắt nguồn từ đây. Bạn nói nét vẽ này tính là gì? Tính là Thái Cực,

nhưng chỉ cần âm xuất hiện, nó lại đại diện cho dương. Cùng một nét vẽ, ở các vị trí khác nhau, nó có ý nghĩa khác nhau, điều này trong chữ Hán được sử dụng rất nhiều.

Âm và dương có tính phối hợp cao độ, không thể tách rời. Sau đó Phục Hy dần dần nghĩ ra, trong âm có dương, trong dương có âm, bởi vì ông phát hiện bẻ gãy cành cây thì biến thành âm, nối lại thì biến thành dương. Tôi nghĩ những điều này đối với chúng ta bây giờ là hiện tượng rất thường thấy, nhưng vào thời đó, Phục Hy đã phát huy trí tưởng tượng cao độ.

Chúng ta phát hiện, chữ "nhị" 二 trong một hai và chữ "ác" 惡 trong xấu xa rất gần nhau (ndlr: Chữ này có cấu trúc gồm phần trên tương tự chữ "nhị" (二) và bộ "tâm" (心) ở dưới), nhị tức là có hai lòng, là rất xấu xa, quan niệm này đều từ Kinh Dịch mà ra. Nhìn thấy một, chúng ta sẽ cảm thấy rất vui vẻ, bởi vì mọi người hợp lại làm một, sức mạnh sẽ rất lớn, chúng ta ngày nay nói đồng tâm hiệp lực chính là có cảm giác của một. Hai đã bắt đầu phân chia, nên Phục Hy nghĩ, nếu dương là dương, âm là âm, thì dương có thể đi theo hướng đó, âm lên có thể đi theo hướng này, hai cái không phối hợp, không điều hòa với nhau, vũ trụ này sẽ có trật tự được sao? Từ đây chúng ta lại có được một quan niệm, đó là vũ trụ nhìn có vẻ rất hỗn loạn, nhưng thực tế lại có điều có lý, rất có quy luật, rất có trật tự, chính là trong loạn có thứ tự. **Tất cả mọi thứ trên thế giới đều nhìn có vẻ hỗn loạn, nhưng thực tế là trong loạn có thứ tự, điều này cũng đáng để chúng ta suy ngẫm kỹ.**

> Kinh Dịch cho rằng, âm dương sinh ra từ Thái Cực, và trong âm có dương, trong dương có âm, âm cực thành dương, dương cực thành âm, giữa chúng tương tác hợp nhất, không thể tách rời, gọi là "nhất âm nhất dương chi vị Đạo". Vậy thì, quan niệm âm dương này có ảnh hưởng như thế nào đến cách tư duy của người Trung Quốc?

Tất cả học vấn trên đời, nếu muốn dùng một câu để nói cho rõ, có thể được không? Tôi tin rất nhiều người chắc chắn lắc đầu. Thực ra, thật sự có thể dùng một câu để khái quát, bao hàm tất cả học vấn, đó chính là "nhất âm nhất dương chi vị đạo".

Ngày nay các nhà khoa học sinh vật học đã nói rất rõ ràng, thế giới có thể “sinh sinh bất tức” (sinh sôi không ngừng) là vì đa dạng sinh học, có các yếu tố khác nhau tương tác, tác động lẫn nhau. Nếu chỉ có một loài, tất cả các loài khác đều không còn, chỉ còn lại loài người, loài người cũng sẽ chết. Một câu đã nói hết, không có mâu thuẫn thì không thể có biến đổi, không có biến đổi thì là đường cùng. Đây chính là nhất âm nhất dương chi vị đạo.

"Nhất âm nhất dương chi vị đạo" không phải nói một âm một dương, hợp lại gọi là đạo, mà là nói về sự biến hóa tự nhiên. Vạn sự vạn vật trên thế giới không ngoài bốn chữ, “tự nhiên thai nghén”. Nhưng đằng sau sự thai nghén tự nhiên có một đạo lý, đạo lý đó là “vĩnh hằng bất biến”. Nếu đạo lý đó thay đổi, thì mỗi ngày sẽ ra những kiểu mới, xã hội còn có trật tự gì? Chúng ta còn có thể tin tưởng vào tự nhiên không? "Nhất âm nhất dương chi vị đạo" nói cho chúng ta biết sự biến hóa tự nhiên chính là đạo âm dương.

Hai chữ âm dương là ai thêm vào? Là Khổng Tử thêm vào. Khổng Tử nói: "Dịch hữu Thái Cực, thị sinh lưỡng nghi." Điều này cho chúng ta biết, một chứa đựng những thứ khác nhau, điều này rất dễ hiểu, chính là như chính phản, thượng hạ, cao thấp, nặng nhẹ... tức là hai loại đối lập nhau. Nhiều người vừa nghĩ đến đối lập, liền cho rằng trên đời không có cái gì tuyệt đối, thực ra không phải vậy. Chúng ta nói tất cả mọi thứ trên đời đều là tương đối, tuyệt đối không có cái gì tuyệt đối, câu nói này bản thân đã rất tuyệt đối. Điều này nói cho chúng ta biết, mọi thứ đều có ngoại lệ, đây là quan niệm rất quan trọng trong Kinh Dịch.

Miễn là nắm rõ điều này, thực hiện cân bằng động, chúng ta sẽ có thể hiểu hoàn toàn. Chúng ta nên tôn trọng Phục Hy, bởi vì điểm xuất phát của ông rất cao và toàn diện, hơn nữa để chúng ta có thể tuân theo mãi mãi, đây gọi là Kinh. Vì thế chúng ta đặt Kinh Dịch ở vị trí đầu tiên trong các kinh là có lý do, nhưng vẫn chưa đủ, thực ra, nó là nguồn gốc chung của các học phái bách gia chư tử, gọi là nguồn gốc của các Kinh.

Thái Cực là tính chất chung của chúng ta, con người dù lớn đến đâu cũng chỉ là một Thái Cực, dù nhỏ đến đâu vẫn là một Thái Cực. Người người đều là Thái Cực, thậm chí trong chữ Hán mỗi chữ đều là một Thái Cực, gọi là "nhất tự nhất Thái Cực". Nhưng vạn vật đều sẽ biến hóa, trong đó có âm có dương. Cùng một người Trung Quốc, có lúc rất giữ chữ tín, có lúc lại rất không giữ chữ tín; có lúc rất đúng giờ, có lúc không đúng giờ; có lúc rất phấn chấn, có lúc rất chán nản. Con người có sự thay đổi cảm xúc, cùng một người có những cảm xúc khác nhau, có lúc cảm thấy thế giới thật tươi sáng, tràn đầy hy vọng, có lúc lại thấy đâu đâu cũng là người xấu, mình thật không may. Cùng một người, cũng chính là cùng một Thái Cực, phân âm phân dương. Người xấu có nhất định là xấu không? Không nhất định, người xấu đôi khi cũng làm việc tốt. Người tốt có nhất định không làm việc xấu không? Cũng không nhất định, người tốt cũng thường làm việc xấu. Có thể thấy, trong âm có dương, trong dương có âm.

Nếu hỏi người phương Tây, âm dương là hai thứ hay một thứ, tôi đảm bảo câu trả lời của họ là hai thứ. Người phương Tây cho rằng âm là âm, dương là dương, âm dương là hai chuyện khác nhau. Nhưng người Trung Quốc sẽ nói với bạn, âm dương là một thứ, một thứ bên trong chứa hai thành phần, một thành phần gọi là âm, một thành phần gọi là dương, hợp lại gọi là Thái Cực, Thái Cực phân ra gọi là âm dương (hình 1-2). Vì thế nếu nói một, chính là Thái Cực, nếu nói hai, chính là dương và âm, quan niệm này người Trung Quốc dễ tiếp nhận.

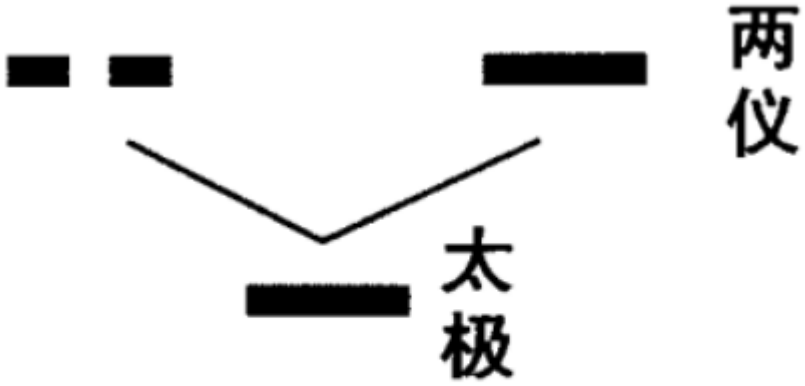

图 1 –2

> Kinh Dịch cho chúng ta tư duy "nhất nội hàm nhị" (một chứa đựng hai), và nhận thức "nhị cấu thành nhất" (hai tạo thành một) của phương Tây, khiến cho quan niệm Đông Tây có sự khác biệt "sinh" và "phân", vậy thì, hai cách tư duy khác nhau này của Đông Tây, phản ánh trong cuộc sống thực tế có những khác biệt như thế nào?

“Nhất phân vi nhị”, đây là sự thật, “nhất sinh nhị” cũng là sự thật, nhưng “sinh” và “phân”, hai chữ này, chúng ta thực sự cần phải suy nghĩ kỹ. “Phân” là gì? Phân chính là chia ra, vì thế chúng ta mới biết tại sao các quốc gia phương Tây rất nhỏ, bởi vì họ phân ra, còn chúng ta luôn là sinh, “sinh sinh bất tức” (sinh sôi không ngừng).

“Sinh” và “phân” có gì khác? Người phương Tây nói một sẽ phân tách thành hai, bởi vì họ cho rằng, một vốn là do hai thứ cấu thành, "nhị cấu thành nhất", bốn chữ này đối với sự hình thành văn hóa của họ rất quan trọng. Họ đều là hai cái hợp thành một cái, nên rất dễ phân thành hai cái. Gia đình phương Tây do chồng và vợ cấu thành, ý kiến không hợp là có thể rời đi, đây là quan niệm của họ, chúng ta không phải vậy. Chúng ta cho rằng một chứa đựng hai, hai cấu thành một là lấy hai làm trung tâm, một chứa đựng là lấy một làm trung tâm. Một gia đình phải có chồng và vợ mới tính là gia đình, chỉ cần tách ra, còn lại một người, thì không tính là gia đình.

Tất nhiên, phương Tây cũng có quan niệm hợp, chỉ là họ quá coi trọng phân, phân lớn hơn hợp, phân đến cuối cùng sẽ thành gì? Sẽ thành đơn vị nhỏ nhất của xã hội là cá nhân. Trung Quốc không như vậy, Trung Quốc là trong hợp có phân, chúng ta phân thế nào cũng không tách rời được hợp, hợp là quan trọng nhất, vì hợp mà phân, có thể; vì phân mà phân, chúng ta cho là không tốt. Vì thế quan niệm của chúng ta khác với người phương Tây, **người phương Tây cho rằng đơn vị nhỏ nhất của xã hội là cá nhân, chúng ta cho rằng đơn vị nhỏ nhất của xã hội là gia đình.**

Quan niệm cơ bản của chúng ta khác với phương Tây, điều này khiến cho hiện tượng sinh ra càng ngày càng khác xa, chúng ta gọi đây là “nhất bổn vạn thù” (một gốc, vạn biểu hiện khác nhau). Vốn dĩ Trái Đất chỉ có một, vốn dĩ chỉ có một hiện tượng, nhưng chúng ta lại nhìn ra những thứ khác nhau, từ đó hình thành nhiều biến hóa.

Trong Kinh Dịch có một câu nói là "tự thiên hựu chi, cát vô bất lợi" (tự nỗ lực, trời sẽ giúp). Ý nghĩa của nó là chúng ta phải tự mình hiểu được thiên lý, thuận theo tự nhiên, sẽ được cát tường, sẽ không có hậu quả bất lợi. Điều này nói rõ, điều chúng ta coi trọng là ở con người, ở bản thân. Thực ra Kinh Dịch chính là chuyển quy luật tự nhiên thành luân lý trong việc của con người.

Luân lý từ đâu mà đến? Từ tự nhiên mà đến. Tự nhiên có trật tự như vậy, ai là người quản lý? Nếu Phục Hy thời đó nói là thần đang quản lý, thì chúng ta đã sinh ra tôn giáo rồi, nhưng ông không làm vậy. Ông nói, đây là sự tương tác của âm dương, là sự thai nghén tự nhiên, là có hai loại lực khác nhau tác động qua lại, rất tự nhiên sinh ra vạn vật, và không ngừng vận hành, hoàn toàn không có sự chủ tể đặc biệt nào.

Người phương Tây nhìn Trái Đất, cuối cùng nhìn ra một kết quả, chính là nhất phân vi nhị, một tế bào phân chia thành hai tế bào, nhị phân vi tứ, hai tế bào phân thành bốn tế bào, tứ phân vi bát, bát phân vi thập lục, thập lục phân vi tam thập nhị, cứ thế vô cùng vô tận sinh ra vạn vật. Chúng ta cũng không thể nói quan niệm này không đúng, nhưng người Trung Quốc lại có cách nhìn khác, chúng ta cho rằng là nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật, phía dưới không cần nói nữa, bởi vì không cần thiết nữa, vạn vật đã sinh ra rồi, còn nói gì nữa?

Nhất phân vi nhị, nhất sinh nhị, cả hai đều đúng, nhưng phân tích ra thì có sự khác biệt rất lớn. Nhất sinh nhị, rất đơn giản, Thái Cực sinh lưỡng nghi, phân âm phân dương, nhị sinh tam, tam chính là tam tài: thiên, địa, nhân. Tam sinh vạn vật, cái tam này đối với người Trung Quốc chúng ta rất quan trọng. Hán Cao Tổ thống nhất thiên hạ sau đó, ông chỉ đơn giản ước pháp tam chương (Ba điều luật cơ bản), đây là cách làm phù hợp nhất với tính dân tộc Trung Quốc. Có âm có dương, ai cũng biết, nhưng âm dương nếu không tương tác, thì chẳng có gì cả, chỉ một âm một dương, có tác dụng gì? Toàn bộ tư duy này ảnh hưởng đến sự phát triển của dân tộc chúng ta.

> Lão Tử nói: “nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật”. Dùng tư duy Kinh Dịch để giải thích, một chính là Thái Cực, là nguồn gốc của mọi biến hóa; hai là âm dương; ba là quá trình tương tác của âm dương. Như vậy, tự nhiên có thể sinh ra vạn vật. Kinh Dịch - Hệ Từ cũng viết: "Dịch hữu Thái Cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh Bát Quái..." Vậy thì, vạn vật trên đời lại biến hóa từ lưỡng nghi như thế nào?

Bây giờ chúng ta nhất định phải hiểu rằng, rất nhiều cách tư duy của người Trung Quốc đến từ Kinh Dịch. Kinh Dịch nói cho chúng ta biết, thế giới được cấu thành bởi một, nhưng cái một này nếu là một đơn thuần, thì sẽ một mãi đến cùng, sẽ không có biến hóa nữa, càng không thể có vạn vật. Chỉ có âm có dương, nếu

âm dương không tương tác, cũng không thể phát sinh tác dụng, vì thế chúng ta biết được, dương nhất định sẽ gặp gỡ với âm, âm sẽ hóa hợp với dương, như vậy mới sinh ra vạn vật, biến thành tứ tượng.

Mọi thứ trên đời đều có âm có dương, và âm dương không thể tách rời. Lấy nhiệt độ của một ngày làm ví dụ, chúng ta thức dậy vào buổi sáng, mặt trời đã mọc, lúc này không cảm thấy nóng, bởi vì mặt trời ở trên tuy nóng, nhưng nhiệt lượng chưa hoàn toàn chiếu xuống mặt đất, mặt đất vẫn còn mát, nên buổi sáng gọi là thiếu dương. Đến trưa, trên dưới đều nóng, gọi là thái dương. Đến hoàng hôn, ánh tà dương không còn nhiệt lượng nữa, chúng ta có thể cảm nhận được, mặc dù mặt đất vẫn còn rất nóng, nhưng phía trên đã bắt đầu mát mẻ, nên hoàng hôn gọi là thiếu âm. Đến 12 giờ đêm, trên dưới đều lạnh, gọi là thái âm.

Bốn mùa trong năm cũng có thể xem theo tứ tượng, mùa xuân là thiếu dương, mùa hạ là thái dương, mùa thu là thiếu âm, mùa đông chính là thái âm.

Thực ra bất kể trong phương diện nào, chúng ta đều có thể dùng "Thái Cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng" (hình 1-3) để nhìn nhận tất cả sự biến hóa.

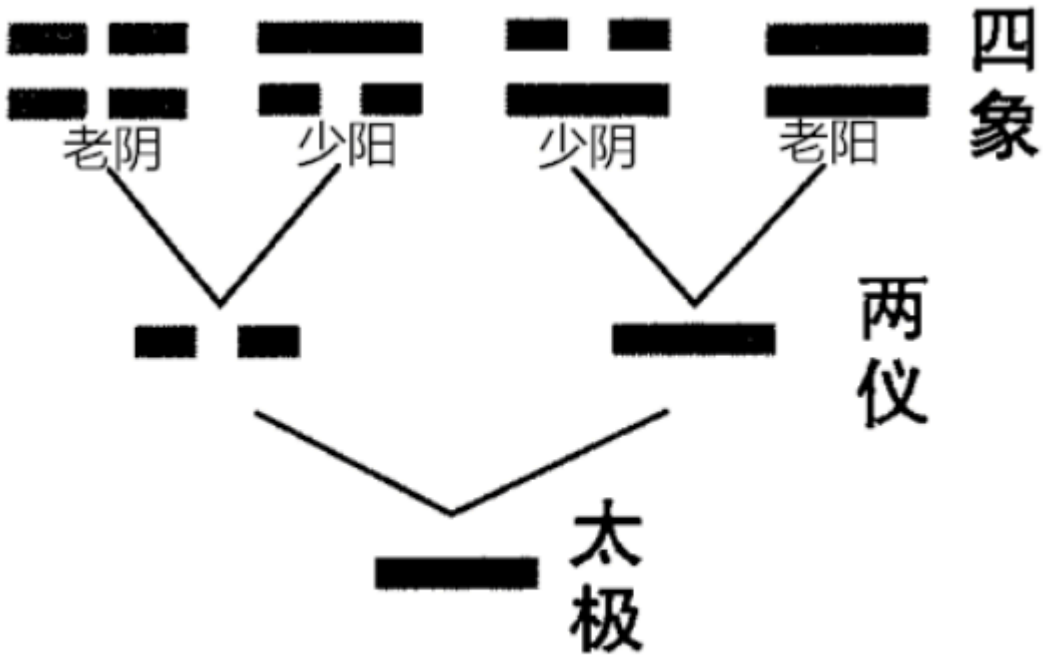

图 1 – 3

Phục Hy một nét vẽ khai thiên địa, nét vẽ này chính là Thái Cực; Thái Cực chứa đựng hai loại lực âm dương, cũng chính là lưỡng nghi; và sự tương tác của âm dương lại sinh ra tứ tượng. Vậy tiếp theo, tứ tượng lại sinh

ra Bát Quái như thế nào? Bát Quái lại đại diện cho những ý nghĩa gì? Tập sau chúng ta sẽ nói về: Bát Quái định Càn khôn.

Chương 2: Bát Quái định Càn Khôn

> Bát Quái là ghi chép văn minh sớm nhất của dân tộc Trung Hoa trước khi có chữ viết. Học Kinh Dịch, trước tiên phải hiểu rõ Bát Quái. Vậy tám quẻ này lại đại diện cho những ý nghĩa gì? Tại sao nói vũ trụ vạn tượng đều bao gồm trong tám quẻ này? Có cách nào giúp chúng ta dễ dàng hiểu được Bát Quái đồ không?

Chúng ta không có tôn giáo, nhưng chúng ta có niềm tin, niềm tin của người Trung Quốc ở đâu? Ý định của Phục Hy năm xưa là muốn cho dân tộc Trung Hoa đời đời kiếp kiếp có một nhận thức chung, có một niềm tin chung, đó chính là luân lý đạo đức. Có một câu nói mà mọi người có thể suy nghĩ kỹ, cái mạch liên tục không đứt đoạn của dân tộc Trung Hoa chính là luân lý đạo đức. Vì thế, tại sao Nho gia được coi trọng đến vậy, cũng chính là đạo lý này. Nhưng Phục Hy năm đó không có chữ viết, thậm chí chưa có ngôn ngữ hoàn chỉnh, làm sao ông có thể nói đạo lý? Đây cũng là điều khiến chúng ta vô cùng kính phục Phục Hy, ông chỉ dùng một nét vẽ khai thiên để nói với chúng ta, Thái Cực đại diện cho trật tự tự nhiên của vũ trụ, nó có quy luật. Tuy nhiên, Phục Hy hy vọng chúng ta chuyển quy luật tự nhiên sang thế giới nhân sinh, nên Kinh Dịch đa phần là thông qua vũ trụ vạn tượng để nói ra đạo lý nhân sinh. Đạo lý nhân sinh là gì? Chúng ta gọi nó là luân lý.

Luân lý là danh từ chúng ta thêm vào, bạn nói với người phương Tây, họ sẽ nói với bạn đó chính là tôn giáo, bởi vì người phương Tây là đưa tu dưỡng đạo đức cá nhân vào tôn giáo, tôi nghĩ điểm này chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phương Tây cuối cùng là "phân", làm việc là khoa học, làm người là tôn giáo, người Trung Quốc không "phân".

Phục Hy một nét vẽ mở trời, dần dần phân âm phân dương (hình 2-1).

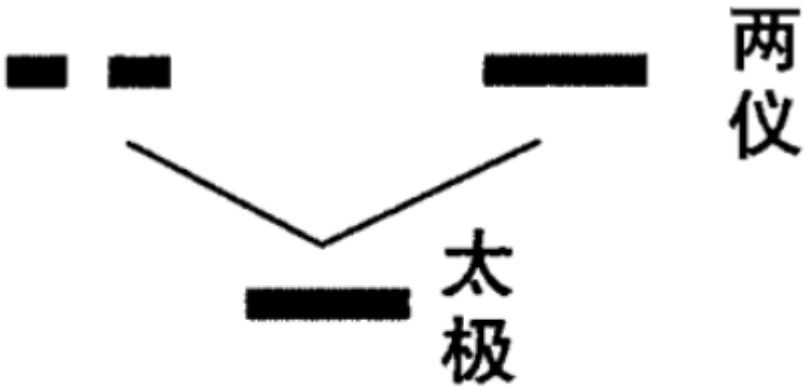

图 2 -1

Sau đó Phục Hy nghĩ, chỉ có âm có dương, nếu hai cái không tương tác thì không thể phát sinh tác dụng, nên ông hiểu rằng dương nhất định sẽ gặp gỡ với âm, âm sẽ hóa hợp với dương, như vậy mới sinh ra vạn vật, từ đó biến thành tứ tượng (hình 2-2).

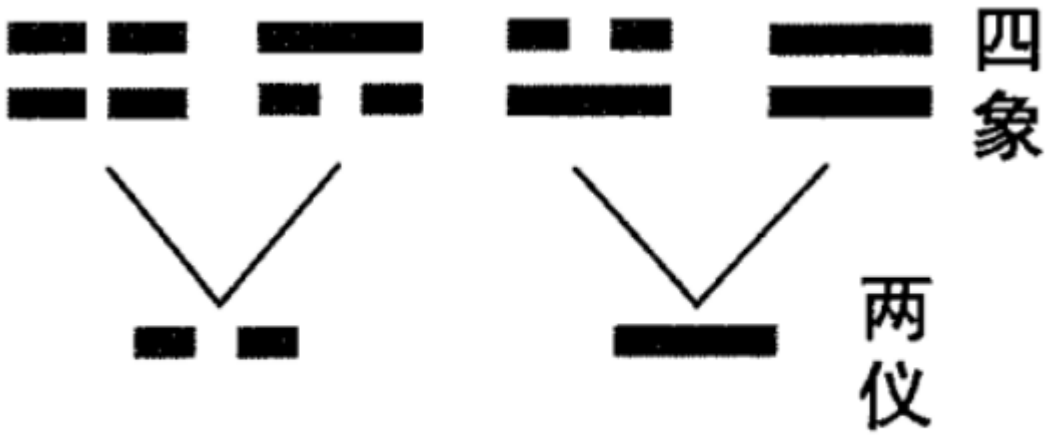

图 2 –2

Phục Hy lại nghĩ, cứ mãi âm dương âm dương, tứ tượng cân bằng như vậy, làm sao nó chuyển động được? Vì thế ông nghĩ ra, vũ trụ được tạo thành bởi sự mất cân bằng, quan niệm này ảnh hưởng quá lớn đến chúng ta. Tất cả đều là không cân bằng, chúng ta hy vọng nó cân bằng, nhưng cân bằng rất nhanh lại bị phá vỡ, lại tìm thấy mất cân bằng, lại theo đuổi cân bằng, **đây gọi là cân bằng động**. Dùng quan niệm này để nhìn tất cả hiện tượng hiện nay, tất cả đều là cân bằng động, không phải cân bằng tĩnh. Cân bằng tĩnh gọi là "tĩnh chỉ", "tĩnh chỉ" chính là tử vong. Không thể động nữa, làm sao sinh sinh bất tức? Vì thế Phục Hy biết được, hai âm ở trên có thể thêm một dương có thể thêm một âm, hai dương ở trên có thể thêm một dương thêm một âm, vốn đã là âm dương, cũng có thể thêm một dương hoặc thêm một âm, như vậy rất tự nhiên biến thành tám cái, gọi là Bát Quái (hình 2-3).

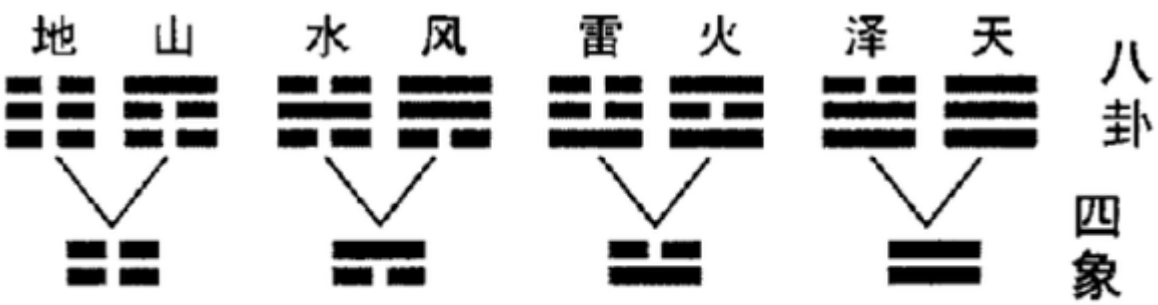

图 2 –3

Lục thập tứ quái cũng là Bát Quái, nhiều người cho rằng Bát Quái là Bát Quái, lục thập tứ quái là lục thập tứ quái, không có chuyện đó. Lục thập tứ quái chính là Bát Quái trùng với nhau, phối hợp đến cuối cùng, tổng cộng có sáu mươi bốn trường hợp.

> Phục Hy một nét vẽ khai thiên địa, nét vẽ này chính là Thái Cực, Thái Cực lại bao gồm âm và dương, Phục Hy đem sự kết hợp biến hóa của âm và dương vẽ ra, hình thành Bát Quái. Nhưng nhiều người đều cảm thấy, học Kinh Dịch rất khó, chính là vì không hiểu được Bát Quái, càng không cần nói đến lục thập tứ quái, vậy Bát Quái rốt cuộc đại diện cho cái gì? Có phải nắm được Bát Quái là có thể đọc hiểu Kinh Dịch không?

Làm sao đọc Kinh Dịch? Trước tiên phải hiểu rõ tám quẻ, mọi việc đều không tách rời Bát Quái này. Bát Quái chính là Kinh Dịch, Kinh Dịch chính là Bát Quái, nối lại gọi là "dịch kinh Bát Quái". Bát Quái là gì? Chính là tám yếu tố cơ bản mà chúng ta quy nạp từ vũ trụ vạn tượng. Thông tin chúng ta nhận được từ Kinh Dịch là các yếu tố cấu thành vũ trụ có tám loại, chính là tám loại có quan hệ mật thiết nhất với đời sống của loài người.

Loại thứ nhất chắc chắn là trời, nói thật, không có trời thì chẳng còn gì nữa, một mảnh tĩnh lặng. Động thực vật đều không có, thì còn thành thế giới gì nữa? Có trời, chúng ta ngước đầu nhìn thấy, chúng ta cúi đầu ngay lập tức sẽ thấy phía dưới, phía dưới chính là đất, nên trời, đất không ai có thể rời xa. Con người một khi rời xa trời đất, dĩ nhiên đôi khi cũng có thể, thỉnh thoảng làm phi hành gia, rất vinh dự, nhưng nếu bảo bạn từ nay rời khỏi Trái Đất, mãi mãi làm phi hành gia, bạn có muốn không? Tôi vẫn nghĩ là Trái Đất tốt hơn. Trời đất là gốc rễ của con người, ai cũng không thể rời xa.

Sau trời đất, chúng ta ngay lập tức nghĩ đến hai thứ, nước và lửa, không có nước chúng ta sống được sao? Không có lửa, chúng ta ăn gì? Có thể thấy, Kinh Dịch chính là đạo lý được chiết xuất từ tự nhiên. Vì thế trời, đất, nước, lửa chính là bốn thứ căn bản nhất.

Trời đất nước lửa đã thỏa mãn chưa? Chưa, có lúc lửa quá lớn, rất nóng, chúng ta bắt đầu quạt quạt, chính là hy vọng có gió mát đến, có thể thấy gió cũng rất quan trọng. Gió đến rồi, chúng ta lập tức sẽ nghĩ đến cái gì đối lập với gió? Chính là sấm, khi sấm đánh cảm giác đó thường đối lập với cảm giác khi gió đến, vì thế trời, đất, nước, lửa, sấm, gió.

Nhưng tại sao gió từ bên đó vào, không từ bên này vào? Hóa ra là bị núi chặn lại. Núi sẽ chặn nhiều thứ, nên núi lại tỏ ra rất quan trọng. Núi chặn gió bên này, gió liền từ kia đến, bên kia là gì? Đó chính là biển, cũng không nhất thiết hoàn toàn là biển, nhiều nơi không có biển, thì lấy đầm gọi là biển, như Vân Nam, Vân Nam nói hải trạch; hải trạch, chính là một cái hồ, một cái đầm, một cái ao.

Như vậy tám thứ đã xuất hiện, trời, đất, nước, lửa, sấm, gió, núi, đầm. Vạn vật vạn tượng trên thế giới đều là do tám thứ này tương tác với nhau mà sinh ra, sấm với gió tương tác, sấm với núi tương tác, sấm cũng có

thể tương tác với trời, tương tác với đất, sao không thể chứ? Một tiếng sấm có thể đánh lên trời, cũng có thể từ dưới đất bất ngờ chạy ra. Vì thế chúng ta quy định tám hiện tượng này thành tám quẻ Kinh, chính là quẻ cơ bản, và trong đó chỉ chia thành hai hệ thống nhỏ, một cái là có quan hệ với trời, một cái có quan hệ với đất, rất dễ nhớ.

> Phục Hy thông qua quan sát kỹ càng phát hiện, vũ trụ tuy có vạn vật vạn tượng, nhưng đều do tám yếu tố cơ bản nhất cấu thành, đó chính là trời, đất, nước, lửa, sấm, gió, núi, đầm. Vậy Phục Hy đã sử dụng sự biến hóa kết hợp của hai ký hiệu âm và dương như thế nào để đại diện cho tám hiện tượng tự nhiên này?

Thông thường chúng ta vẽ trời như thế nào? Điều này chúng ta nhất định phải dùng tư duy rất đơn thuần của con người thời xa xưa để tưởng tượng, lúc đó vẽ trời thế nào. Khi vẽ trời, chúng ta rất tự nhiên sẽ vẽ một đường cong để biểu thị trời, và chúng ta phát hiện trời không phải chỉ một lớp mỏng, hình như ngoài trời có trời, trên trời có trời, điều này rất dễ hiểu, nên vẽ ba đường, giống như ngày nay vẽ cầu vồng vậy, quẻ đó đã xuất hiện. Quẻ tượng quẻ tượng, chính là nói quẻ này giống cái gì, ba nét này giống trời (hình 2-4).



图 2－4



图 2－5

Còn đất thì sao? Đất ở dưới trời, liên tục đến tận chân trời, nhưng ở giữa bị sông ngòi ngăn cách. Trời thì liên tục với nhau, nhưng đất thì bị chia cắt, bên này một mảnh bên kia một mảnh, nên Phục Hy rất tự nhiên vẽ thành một đường thẳng đứt đoạn. Đương nhiên đất cũng dày, không phải chỉ một lớp mỏng, nên dùng ba nét đường thẳng đứt đoạn (hình 2-5).

Chúng ta chia Bát Quái thành hai loại, một loại có quan hệ với trời, một loại có quan hệ với đất. Chúng ta vẽ trời xuống, ba đường thẳng này theo hiểu biết hiện nay của chúng ta, thực ra cũng là từ xưa truyền lại, gọi là thượng, trung, hạ. Chữ "hào" này là một từ ngữ độc đáo trong Kinh Dịch, tức là mỗi nét đều gọi là một hào, nét dưới cùng gọi là hào dưới, nét giữa gọi là hào giữa, nét trên cùng gọi là hào trên, hào chính là một ký hiệu (hình 2-6).



图 2 –6

Càn, ba hào dương, hào dưới cùng từ dương biến thành âm, gọi là dưới trời động, hào giữa của trời từ dương biến thành âm, gọi là trời giữa động, hào trên của trời từ dương biến thành âm, gọi là trời trên động. Đều là trong ba hào có một hào biến hóa, hai hào không đổi. Vậy tại sao dùng số ít để đại diện cho động? Bởi vì của hiếm thì quý, hai dương một âm, âm là số ít, nên lấy âm làm chủ.

Dưới trời động là gì? Lập tức có người nghĩ đến cây cối, không sai, lúc đó ở dưới trời động cũng chỉ có cây cối là cao nhất, nhưng cây có thể tự mình động không? Nên Phục Hy nghĩ đến là gió đến. Gió đến, chính là dưới trời có một thứ chúng ta không nhìn thấy, nhưng có thể cảm nhận rất rõ ràng nó đang động, chính là gió đang động, trời dưới động, gió.

Trời giữa động thì dễ hiểu hơn, chỉ cần có một nơi có lửa cháy, chúng ta ở giữa trời sẽ thấy một mảng lửa, một biển lửa, còn có ráng đỏ, nhìn từ xa, giống như giữa trời đang cháy vậy, nên trời giữa động chính là lửa.

Trời phía trên động thì khá khó tưởng tượng. Thời Phục Hy không có máy bay, cũng không có vệ tinh, ông làm sao biết cái gì động ở trên trời? Con người thực sự quá thông minh, chúng ta đến bên hồ nhìn sẽ phát hiện, ảnh phản chiếu của trời ở dưới sóng nước, sóng nước đúng là ở trên trời. Tình huống này ở sông hẹp chảy xiết không dễ thấy được, phải đến bên hồ đầm rộng và yên tĩnh mới thấy rõ ảnh phản chiếu của trời, nên trời phía trên động không thể gọi chung chung là nước, mà vùng nước tụ tập với diện tích lớn chúng ta gọi là “đầm”, nên trời phía trên động gọi là “trạch” (đầm)

Gió (phong), lửa (hỏa), đầm (trạch), ba thứ này đều có quan hệ với trời (hình 2-7).



图 2 -7

Trời chính là ba nét thẳng, liên tục; trời dưới động, gió, chính là hai nét liên tục ở trên, một nét biến động ở dưới; trời giữa động, lửa, chính là trên dưới mỗi bên một nét liên tục, giữa một nét biến động; trời trên động, đầm, hai nét liên tục ở dưới, một nét biến động ở trên, như vậy rất nhanh có thể nhớ được.

Đất là ba đường đứt đoạn, ba đường đứt đoạn này cũng chia thành hạ, trung, thượng. Hào dưới cùng từ âm biến thành dương, đại diện cho đất dưới động; hào giữa từ âm biến thành dương, đại diện cho đất giữa động; hào trên cùng từ âm biến thành dương, biểu thị đất trên động. Ba trường hợp này đều là hai âm một dương, dương là số ít, đại diện cho động, nên lấy dương làm chủ. Đất dưới động, chính là đánh sấm, khi đánh sấm chúng ta có thể cảm nhận được dưới đất có thứ gì đó đang động. Đất giữa động, chính là nước, nước chính là ở giữa đất không ngừng lưu động. Đất trên động giống như trời trên động, cần một chút trí tưởng tượng, trên mặt đất có rất nhiều thứ, bạn nói trâu động cũng đúng, chó động cũng đúng, con người chúng ta động cũng đúng, nhưng đây đều là những hiện tượng cành lá. Tư duy của Kinh Dịch là không ngừng nâng cao, đi tìm thứ căn bản. Động lớn nhất trên mặt đất chính là núi, nên đất trên động chính là núi. Như vậy chúng ta sẽ biết, **sấm (lôi), nước (thủy), núi (sơn)** là liên quan đến đất (Hình 2-8).



图 2 -8

Gió, lửa, đầm có quan hệ với trời, và sấm, nước, núi có quan hệ với đất, cộng lại chính là Bát Quái.

> Bát Quái nhìn có vẻ phức tạp, nhưng thực ra chỉ cần hiểu được cách nó được hình thành thì cũng rất đơn giản. Ba hào dương đại diện cho trời, trời phía dưới động là gió, trời ở giữa động là lửa, trời phía trên động là đầm. Ba hào âm đại diện cho đất, đất phía

> dưới động là sấm, đất ở giữa động là nước, đất phía trên động là núi. Nhưng trong hình Bát Quái mà chúng ta thấy, phía trên không viết trời, đất, gió, sấm, nước, lửa, núi, đầm mà lại viết Càn, Khôn, Tốn, Chấn, Khảm, Ly, Cấn, Đoài, tại sao vậy?

Trời, đất, nước, lửa, sấm, gió, núi, đầm - liệu chỉ với những yếu tố này có thể hiểu được hết vũ trụ nhân sinh không? Có vẻ là không. Vì thế, dần dần chúng ta gọi trời là Càn, gọi đất là Khôn. Hai chữ Càn Khôn này chúng ta sử dụng rất nhiều, khi nói "Càn Khôn định vị" nghĩa là trời đất đã định hình, khi nói "điên đảo Càn Khôn" nghĩa là mọi thứ đã rối loạn, trong từ vựng thường dùng của chúng ta có rất nhiều từ chứa "càn khôn". Có thể thấy việc dùng Càn để đại diện cho trời, Khôn để đại diện cho đất đã rất quen thuộc với chúng ta, Càn Khôn chính là trời đất.

Nhưng chúng ta phải suy nghĩ xem, trời có nhất thiết phải dùng Càn để đại diện không? Từ Kinh Dịch, chúng ta có thể thấy rất rõ trời thực sự đại diện cho điều gì. Tôi nghĩ đây là kết quả của một quá trình suy ngẫm lâu dài: trời đại diện cho cương kiện, không chỉ cương mà còn phải kiện. Không chỉ rất cương mạnh mà còn phải bền vững, nếu chỉ cương mạnh một lúc rồi sau đó yếu đuối đi thì có thể gọi là trời được không? Vì thế cương là cương, kiện là kiện, cương là rất mạnh mẽ, kiện là chịu được thử thách, chịu được sự mài mòn của thời gian, có ý nghĩa bền bỉ, vì vậy cương kiện nghĩa là sự mạnh mẽ bền bỉ. Trời, dù thế nào đi nữa, năm này qua năm khác, vẫn luôn như vậy, trời không thể nói "thôi thôi, ta mệt rồi, hôm nay ta muốn nghỉ ngơi", nếu không loài người sẽ phải sống trong cảnh đen tối vô định.

Chúng ta hiểu trong vũ trụ có một loại tính năng rất cương kiện, nên dùng Càn để đại diện. Vậy còn Khôn thì sao? Khôn là nhu thuận, đất rất nhu thuận, mảnh đất, bạn muốn đào một cái hố nó sẽ để bạn đào, bạn muốn đắp một đống đất nó cũng để bạn đắp, bạn chôn xác động vật vào nó cũng không phản đối, các loại thực vật mọc lên từ trong đó, nó đều hoan nghênh. Trời rất cương rất kiện, còn đất thì rất nhu rất thuận, hai loại này kết hợp với nhau, trời đất thực sự là nơi tốt để loài người sinh sống.

Tại sao nước lại gọi là Khảm? Con người vừa thích nước vừa sợ nước, đặc biệt là người Trung Quốc. Vấn đề lớn nhất của thiên tai lũ lụt chính là cuốn trôi đất đai. Chữ "Khảm" 坎 nghĩa là thiếu đất 欠土, những nơi thiếu đất đều là nơi bị nước cuốn trôi, vì vậy chúng ta gọi nước là Khảm.

> Tám quẻ đại diện cho tám yếu tố, sở dĩ được đặt tên mới trong Bát Quái, một mặt là vì thuộc tính tự nhiên của bản thân các yếu tố này, như trời cương đất nhu, sấm chấn gió tốn; mặt khác, cũng cho thấy điểm tương thông giữa hiện tượng tự nhiên và xã hội loài người. Nước được gọi là Khảm, ngụ ý nước giống như những trắc trở trong cuộc sống của chúng ta, bạn sợ nó, nhưng không thể tách rời, chỉ có thể đối mặt với nó. Vậy thì việc đặt tên cho lửa, núi và đầm có thể cho chúng ta những gợi mở gì?

Khi lửa bùng cháy lên, nhiều người sẽ chạy đến xem, vì nó rất đẹp, nhưng khi nhìn sâu hơn chúng ta sẽ biết, lửa cháy đến cuối cùng là cùng tan biến. Đặc tính của lửa là nó có thể đốt cháy nhiều thứ, nhưng khi lửa đốt cháy hết mọi thứ thì bản thân nó cũng không còn, vì vậy chúng ta mới dùng Ly để đại diện cho lửa, Ly nghĩa là đến cuối cùng bản thân cũng biến mất.

Tại sao đầm lại gọi là Đoài? Bạn thấy đó, khi bạn đến bên bờ đầm, tâm trạng của bạn phần lớn đều rất vui vẻ, vì thế khi một người cảm thấy buồn bực trong lòng, đi dạo bên bờ nước, phần lớn sẽ cảm thấy rất vui vẻ. Người ta đi câu cá, thực sự là để câu được cá lên không? Thực ra không phải, mà là để tận hưởng quá trình đó, trong lòng rất vui vẻ.

Vì vậy chúng ta dùng chữ Đoài 兑 để đại diện cho chữ 'trạch' (泽). Bạn thấy đó, nếu bên cạnh chữ Đoài thêm một bộ tâm 心, nó sẽ thành chữ "duyệt" (悦) nghĩa là vui vẻ. Bởi vì khi chúng ta nhìn thấy đầm, nhìn thấy nước đầm, tâm trạng rất vui vẻ, nên chúng ta gọi đầm là Đoài. Bây giờ còn hay hơn, bạn lúc nào tâm trạng vui vẻ nhất? Chính là khi người ta đưa cho bạn một tờ séc, bạn đến ngân hàng có thể đổi thành tiền mặt, điều đó thực sự rất vui vẻ, vì vậy chúng ta gọi đây là 兑现 (duìxiàn) (thực hiện thanh toán).



图 2 -9

Như vậy, chúng ta đã biết được tám quẻ cơ bản này rất dễ hiểu, và thực sự có liên quan mật thiết với cuộc sống của chúng ta. Dù bạn có vắt óc nghĩ ra quẻ thứ chín, thứ mười cũng rất khó. Vì vậy, chúng ta vẽ tám quẻ cơ bản này thành Bát Quái đồ, đình của chúng ta cũng làm thành Bát Quái đình, chính là để nói với chúng ta rằng, chúng ta đang sống trong tám yếu tố cơ bản này, bản thân chúng ta phải điều chỉnh, làm cho phẩm đức của mình ngày càng cao thượng. Như vậy có thể hiểu được Kinh Dịch, những điều khác đều được phát triển từ đây.

> Phục Hy vừa vẽ khai thiên lập địa, đại diện cho nguồn gốc vạn vật trong vũ trụ, lại dùng Bát Quái định càn khôn, quy nạp tất cả vật chất trong vũ trụ thành tám yếu tố cơ bản. Nhưng với sự phát triển của khoa học hiện đại, chúng ta dần dần phát hiện, vạn vật trong thế gian rất nhiều, xã hội loài người phức tạp đa dạng, vậy thì Bát Quái đồ mà Phục Hy vẽ từ mấy nghìn năm trước, thật sự có thể bao hàm tất cả trong vũ trụ không?

Nhiều người không tin Kinh Dịch chỉ dùng 64 quẻ mà có thể thống nhất được tất cả mọi thứ trên toàn cầu, có dễ dàng như vậy không? Chúng ta hãy nghĩ kỹ xem, 64 quẻ mỗi quẻ có 6 hào, 6 nhân với 64 thành 384 hào, vì vậy 64 lại biến thành 384. Và mỗi hào đều tương tác với mỗi hào, hoán đổi qua lại.

Động một sợi tóc sẽ ảnh hưởng cả thân thể, điều này trong Kinh Dịch có thể thấy bất cứ lúc nào, trong một quẻ có sáu hào, chỉ cần một hào nào đó thay đổi, nó sẽ biến thành một quẻ khác, chúng ta thường nói lại biến quẻ rồi, lại biến quẻ rồi, chính là nói quẻ thường xuyên thay đổi.

Hào có ý nghĩa biến động, cũng có ý nghĩa học theo, mỗi hào đều có thể biến thành âm có thể biến thành dương, nhưng một khi biến thành âm hoặc biến thành dương, nó sẽ trở thành quẻ khác. Hiện nay chúng ta có thể thấy, 64 quẻ mỗi quẻ 6 hào, 64 tương tác với 64, sẽ có 4096 loại biến hóa. Vũ trụ vạn vật đều là động thái, luôn thay đổi, vận mệnh con người cũng là động thái, luôn thay đổi. Có thể bạn sẽ nói "không phải vậy, tôi chưa từng thay đổi gì cả", thì rất xin lỗi, điều đó chỉ nói với mọi người rằng, bạn thực sự quá không tiến bộ, chưa từng thay đổi chính là quá không tiến bộ. Vì vậy từ bây giờ, đừng gặp mặt nói "lâu không gặp, anh chẳng thay đổi gì cả", đó là lời chửi người ta.

"Sĩ biệt tam nhật, đương cách mục tương khan" (cách nhau ba ngày phải nhìn nhau bằng con mắt mới), ba ngày không gặp, đã thay đổi dáng vẻ, và càng ngày càng tiến bộ, người như vậy mới đáng yêu. "Lâu không gặp, anh chẳng thay đổi gì cả", thì người đó nghe xong nên cảm thấy xấu hổ mới phải.

Ngày ngày đều có khí tượng mới, gọi là "nhật nhật tân, hựu nhật tân", đây mới là điều chúng ta theo đuổi. Vì vậy, muốn thực sự xem vận mệnh của một người, phải hiểu từ trạng thái động. Tôi nói rất rõ ràng, học vấn của người Trung Quốc một khi trở thành tĩnh tại để nhìn thì đã hỏng rồi. Có quy luật thì có ngoại lệ, có thể bạn chính là ngoại lệ đó, vậy bạn chẳng phải rất không may sao? Tôi nghĩ quan niệm này là điều quý báu nhất mà Kinh Dịch cho chúng ta, khiến cho đầu óc chúng ta rất linh hoạt, biến hóa vạn phần, trong một sát na có thể có vài trăm ý nghĩ, thậm chí vài nghìn ý nghĩ. Người Trung Quốc suy nghĩ nhanh nhạy, có liên quan rất lớn đến sự biến hóa đa dạng của Kinh Dịch.

Kinh Dịch, bạn thấy nó có rất ít nội dung, nhưng có thể biến hóa rất nhiều; bạn thấy nó rất đơn giản, nhưng có thể biến thành rất phức tạp; bạn thấy nó chỉ có một, nhưng có thể biến ra hàng nghìn hàng vạn kiểu dáng khác nhau. Vì vậy bất cứ thứ gì đều có thể đặt vào Kinh Dịch của chúng ta, mãi đến vĩnh viễn, đây mới là chìa khóa để văn hóa Trung Hoa có nguồn gốc xa xưa và dòng chảy dài lâu. Nó chỉ là một, rất đơn giản, nhưng nó biến hóa vạn lần, tuy nhiên vạn biến không thể rời khỏi cái "một" này, gọi là "vạn biến bất ly kỳ tông" (muôn sự thay đổi không rời gốc ban đầu).

Bát Quái nói với chúng ta rằng, trời đất là định vị, con người không nên đảo lộn phải trái. Con người sống với nhau, mọi người phải sống cuộc sống tập thể, cần phải có một quy định, không thể chỉ lo mình thích thế

nào thì làm thế đó, phải hợp tác lẫn nhau, vì vậy phải có sự đồng thuận, Bát Quái chính là sự đồng thuận sớm nhất của nhân loại.

Bát Quái vì chỉ có ký hiệu mà không có chữ viết, nên được gọi là "vô tự thiên thư", người chú thích chữ viết cho Bát Quái, làm cho nó trở thành Kinh Dịch, chính là Chu Văn Vương. Vậy Chu Văn Vương đã hoàn thành Kinh Dịch trong hoàn cảnh nào? Chúng ta sẽ nói trong phần tiếp theo: Kinh Dịch và vận mệnh.

Chương 3: Kinh Dịch và vận mệnh

> Chu Văn Vương hoàn thành Kinh Dịch trong ngục khi bị Thương Trụ Vương giam cầm, Kinh Dịch còn được gọi là Chu Dịch. Văn Vương trước thuật Kinh Dịch, là vì ngộ ra rằng quy luật của xã hội loài người và quy luật của tự nhiên có nhiều điểm tương thông, nhưng tại sao Kinh Dịch từ khi ra đời, lại bị phủ lên một màu sắc thần bí, thậm chí trở thành công cụ để bói toán? Kinh Dịch trải qua mấy nghìn năm, đã trải qua những trắc trở nào?

Có một đoạn lịch sử, tôi tin rằng mọi người đều rất quen thuộc, đó là triều đại nhà Thương, vốn cũng là một triều đại rất tốt, nhưng truyền đến Thương Trụ Vương, chúng ta đều biết Trụ Vương có phẩm tính rất kém, bạo ngược vô đạo, làm nhiều việc mà dân chúng rất không thích. Vì vậy lúc đó dân chúng lại thích Chu Tây Bá hơn, tức là Chu Văn Vương (hình 3-1).



图 3 – 1

Chu Tây Bá được lòng dân nên Thương Trụ Vương có phần lo sợ, bèn mượn cớ bắt ông và giam ở Dực Lý.

Khi Chu Tây Bá bị giam có hai suy nghĩ, một là bản thân mình có những kinh nghiệm sống quý báu như vậy, là trải nghiệm tích lũy lâu dài, nếu bỏ đi thì thực sự đáng tiếc, chi bằng tận dụng thời gian này để sắp xếp lại, có lẽ sau này sẽ có đóng góp gì đó cho người đời. Ý nghĩ thứ hai là ông biết Trụ Vương là người nói giết là giết, không nhớ đến tình nghĩa trước đây, vì thế ông biết tính mạng mình trong sớm tối. Khi Thương Trụ Vương sai người băm con trai của Chu Tây Bá thành nhân bánh rồi đem cho Chu Tây Bá ăn, thực ra ông cũng biết đây chính là thịt con trai mình, nhưng ông vẫn ăn, không phải ông rất tàn nhẫn, ông cũng không nỡ ăn thịt con mình, mà là vì cố toàn đại cục, muốn bảo toàn tính mạng, ông không thể đối đầu ngay với Trụ Vương được, nên phải nhẫn nhục chịu đựng, nhẫn nhục để gánh vác trọng trách, mới có thể hoàn thành lý tưởng. Như vậy ông bắt đầu viết một số kinh văn cho Kinh Dịch trong ngục.

Chu Tây Bá đem những kinh nghiệm sống quý báu tích lũy được của mình, thông qua 64 quẻ để lưu giữ lại. 64 quẻ, mỗi quẻ ông đều viết thoán từ, mỗi quẻ có 6 hào, mỗi hào cũng đều viết hào từ để giải thích, trở thành bản Kinh Dịch sớm nhất. Bởi vì thời Phục Hy không có chữ viết, lúc đó chỉ có những ký hiệu đơn giản, có thể nói là vô tự thiên thư. Vì vậy người thực sự viết thành Kinh Dịch là Chu Văn Vương, ông ở trong ngục đã rất khổ tâm, từng chữ từng chữ cân nhắc để hoàn thành.

Khi Phục Hy vẽ quẻ không có chữ viết, nên có tính trống rỗng rất lớn, để cho người đời sau có thể bổ sung, giải thích từ nhiều phương diện. Chu Văn Vương chắc chắn đã thấu hiểu niềm vui của tính trống rỗng này, vì ông có thể có không gian rất lớn để phát huy, một mặt ông bị Trụ Vương áp chế, rất khó có thể nói thẳng, có phần trốn tránh, có nỗi khổ tâm khó nói, có nỗi khổ không thể nói ra; mặt khác, ông cũng tạo ra cho chúng ta một không gian, gọi là tính lưu bạch, trong câu chữ ông để lại nhiều không gian có thể uốn nắn, quanh co.

Sau khi Chu Văn Vương viết xong Kinh Dịch, tôi tin rằng nhiều người muốn sửa đổi nó, bởi vì chỉ cần có thể sửa được một chữ là có thể nổi tiếng, nhưng thế nào cũng không sửa được. Dù trong đó có nhiều chỗ có thể giải thích thế này cũng có thể giải thích thế kia, không rõ lắm, nhưng mọi người đều rất kính trọng Chu Văn Vương, nên phần lớn kinh văn của ông đều được truyền lại.

> Bát Quái đồ của Phục Hy vì không có chữ viết nên được gọi là vô "tự thiên thư", đời sau có nhiều người muốn dùng chữ viết để chú giải Bát Quái đồ, nhưng chỉ có Kinh Dịch do Chu Văn Vương viết là hoàn chỉnh và được lưu truyền đến nay, nên chúng ta thường gọi Kinh Dịch là Chu Dịch. Vậy Chu Văn Vương đã chú giải Bát Quái của Phục Hy bằng chữ viết như thế nào?

Chu Văn Vương đặt cho mỗi quẻ một tên, và viết thoán từ để giải thích tên quẻ. Mỗi quẻ có sáu hào, mỗi hào ông đều rất tâm huyết chú giải, viết hào từ. 64 quẻ được hoàn thành, hoàn toàn không có kẽ hở, móc nối với nhau, không có mâu thuẫn, và còn có thể bổ sung cho nhau, thực sự rất quý giá.

Sau đó, nhà Chu lật đổ nhà Thương, con trai của Văn Vương là Chu Vũ Vương nói ra một câu: "Nhân vi vạn vật chi linh" (người là linh trong vạn vật). Nghĩa là, người vốn là một loài động vật, nhưng đã là người thì phải giác ngộ, phải kéo dài khoảng cách với động vật. Bởi vì Kinh Dịch nói với chúng ta, con người là loài động vật duy nhất trong trời đất có thể giúp trời đất cải tạo thế giới này, đây là trách nhiệm của chúng ta.

Chu Vũ Vương nói câu này thực ra mang một sứ mệnh rất nặng nề, bởi vì ông biết cha mình là Chu Văn Vương viết Kinh Dịch, chủ yếu là để giáo hóa. Nhưng lúc đó dân trí chưa mở mang, và nhà Thương là một thời đại rất mê tín, muốn phá bỏ mê tín ngay lập tức, gần như là không thể. Vì vậy, trước tiên ông nói ra tông chỉ của Kinh Dịch này.

"Nhân vi vạn vật chi linh", truyền đến bây giờ, chúng ta đều biết có câu này, chỉ là nhiều người không rõ câu này rốt cuộc là ai nói, tại sao phải nói. Chu Vũ Vương đang nói với con cháu đời sau rằng, bộ cổ kinh này

của Văn Vương là để dùng cho việc giáo hóa, nhưng trong thời nhà Thương mê tín nặng nề, Chu Văn Vương mới phải dùng từ ngữ bói toán, dùng hình thức bói toán để viết hào từ, dùng các từ như cát, hung, hối, lận, vô cữu, thông qua việc bói toán để hiểu đạo lý trong đó. Ông dụng tâm lương khổ, chính là điều mà sau này chúng ta gọi là "dĩ thần đạo thiết giáo" (dùng thần đạo để thiết lập giáo hóa), từ đó khoác lên Kinh Dịch một tấm áo thần bí.

Khổng Tử nói: "Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi" (Dân có thể khiến họ làm theo, không thể khiến họ hiểu rõ). Thực ra cũng đang nói về việc này. Ông nói muốn cho dân chúng hoàn toàn hiểu được đạo lý, sợ rằng hơi khó. Tôi nghĩ lúc đó Khổng Tử có "giáo vô loại" (dạy không phân biệt), sẽ rất tận tâm đi khắp nơi phổ cập giáo hóa, chính là vì thấy dân chúng phần lớn kiến thức không phổ cập, trí tuệ chưa khai mở, muốn họ hiểu đạo lý tương đối khó khăn, vì vậy ông mới dùng những phương pháp khác. Một phương pháp rất phổ biến mà Khổng Tử thực hiện giáo hóa, được sử dụng cho đến nay, gọi là tế tự, bái tổ tiên. Khổng Tử nhiều lần nói tế tự rất quan trọng, và các đời vua không có ai không tế tự, không có ai không bái tổ tiên. Khổng Tử nói: "Tế như tại, tế thần như thần tại" (Tế như thể người đó đang hiện diện, tế thần như thể thần đang hiện diện). Ý nói bạn có thể không tế, chúng ta tôn trọng bạn, nếu bạn muốn tế, trong lòng phải có sự hiện diện của thần. Đây chính là chữ "kính" mà nhà Nho rất coi trọng.

Hiện nay chúng ta muốn hiểu văn hóa Trung Hoa, muốn hiểu Kinh Dịch, chữ "kính" này rất quan trọng. Một nhìn văn hóa Trung Hoa, liền cảm thấy lạc hậu, nên vứt bỏ đi, thì bạn sẽ không bao giờ học được. Một nhìn Kinh Dịch, liền nói "cái này có tác dụng gì? Đồ cũ rích thế", thì bạn sẽ không bao giờ học được. Chúng ta phải cung kính, bởi vì đây là trí tuệ quý báu mà tổ tiên để lại.

Thực ra người trên toàn thế giới đều rất coi trọng văn hóa truyền thống Trung Quốc, đặc biệt là đối với Khổng Tử, đều rất cung kính. Trước cổng trường học của Hàn Quốc đều có tượng Khổng Tử, thầy và trò Hàn Quốc mỗi ngày đi học đều cúi chào tượng Khổng Tử trước, rồi mới vào trường. Thực ra ở châu Âu hay Mỹ, nhiều người nghe đến Khổng Tử đều giơ ngón tay cái lên, tán thán tuyệt vời. Chúng ta không thể vì quá quen thuộc với ngài mà coi thường, Khổng Tử khuyên chúng ta kính sợ bậc đại nhân, kính sợ bậc thánh nhân, không phải sợ họ, mà là phải kính trọng họ, như vậy mới có thể học được một số đạo lý từ họ. Kinh Dịch rất không may bị khoác lên tấm áo thần bí, nhưng nếu nhìn từ góc độ "nhất âm nhất dương chi vị đạo", sẽ thấy chúng ta những người đời sau thật sự rất may mắn.

> Chu Văn Vương viết Kinh Dịch trong ngục, để tránh sự ngược đãi của Thương Trụ Vương, nhiều lời không thể nói thẳng, chỉ có thể dùng các từ bói toán như cát, hung, hối, lận để giải thích quy luật phổ biến của tự nhiên và xã hội, kết quả khiến cho Kinh Dịch - một cuốn sách chứa đựng đại trí tuệ của văn minh Trung Hoa này, ngay từ khi ra đời, đã bị phủ lên một lớp màu sắc thần bí, nhưng tại sao lại nói đây là một sự may mắn?

Kinh Dịch vì được xem là sách bói toán, nên đã thoát khỏi nạn đốt sách của Tần Thủy Hoàng. Khi đó Tần Thủy Hoàng muốn đốt tất cả sách vở, có người nói với ông rằng Kinh Dịch không cần đốt, vì đó là sách bói

toán, là thứ dân chúng dùng để xem bói, là đồ mê tín, là thứ dân gian sử dụng. Có thể thấy việc dùng Kinh Dịch để bói toán đã thịnh hành một thời gian dài. Vì vậy khi Tần Thủy Hoàng nghe vậy, cảm thấy loại sách này để cho dân chúng dùng cũng chẳng sao, nên không đốt. Kinh Dịch, vì sự thần bí của bản thân nên đã thoát khỏi nạn lửa nhà Tần, khiến nhiều người từ đó nói rằng, Kinh Dịch thật thần kỳ, ngay cả kiếp nạn của mình cũng tính trước được, đều có thể phòng bị trước. Tôi nghĩ không cần phải thần thánh hóa nó như vậy, vì Tần Thủy Hoàng phải để lại một số thứ cho dân chúng dùng, ông ta muốn đốt những thứ mà người đọc sách đọc, ông có ý đồ riêng.

Sau nhà Tần, nhà Hán hưng thịnh, vấn đề lớn nhất của nhà Hán là chia Kinh Dịch thành hai phần, một phần gọi là "thuật số", phần kia gọi là "dịch lý", về cơ bản đã vi phạm tinh thần "nhất âm nhất dương chi vị đạo". Bởi vì Kinh Dịch nói về sự hợp nhất, mọi sự phân chia đều là để hợp lại. Thái cực có thể phân thành lưỡng nghi, nhưng bất kể lưỡng nghi biến đổi thế nào, cuối cùng vẫn trở về trạng thái thái cực. Một tĩnh, một động, động rồi tĩnh, tĩnh rồi động, như vậy mới có biến hóa.

Để tiện cho việc nghiên cứu, chúng ta chia Kinh Dịch thành dịch lý và thuật số để nghiên cứu, điều này không có gì sai, nhưng nếu nói thẳng thuật số (bốc phệ) là mê tín, chỉ có dịch lý mới đúng, tôi nghĩ cũng là một quan điểm phiến diện. Tôi biết một học giả, cả đời ông chỉ chủ trương dịch lý, rất ghét việc xem bói, xem phong thủy, ông cho rằng những thứ đó đều là nói bậy. Nhưng rất không may, vị tiên sinh này cuối cùng cũng tự sát. Có thể thấy, một người hoàn toàn chỉ nói lý, sẽ thiếu một chữ tình, rất ít có lòng đồng cảm, tình và lý là hợp nhất. Hoàn toàn nói lý đến cuối cùng, mọi người sẽ thấy nhiều người quá lý trí, cuối cùng ngay cả cuộc sống của mình cũng không sắp xếp được.

Chỉ nói bốc phệ thì càng đáng sợ hơn, đó thực sự là điều bất hạnh lớn của Kinh Dịch. Nhưng những gì lưu truyền trong dân gian rất ít dịch lý, bởi vì dịch lý phần nhiều nằm trong tay người đọc sách, mà người đọc sách đọc nửa ngày lại không biết dùng. Còn những gì lưu hành trong dân gian toàn là gì? Xem bói, xem phong thủy, chọn ngày, thậm chí cả khoa học về tên họ cũng đưa vào trong đó, lại làm cho rất rầm rộ, rất náo nhiệt. Những kiểu này khiến người ngoài cảm thấy rất thần bí, rồi rất tin tưởng, đến nỗi mê tín. Trước đây chúng ta gọi đây là thần thông, thực ra trên đời **không có chuyện thần thông, thần thông chính là suy luận.**

Dân gian đã phổ biến Kinh Dịch rất rộng rãi, đến nỗi ngày nay khi nghe đến Kinh Dịch, mọi người đều cảm thấy đó là bói toán, giống như đã hoàn toàn gạt bỏ phần dịch lý. **Thực ra đọc Kinh Dịch đến cuối cùng là để hiểu đạo lý,** nếu không thì tâm huyết của Chu Văn Vương, câu "nhân vi vạn vật chi linh" của Chu Vũ Vương, gần như đều đã mất đi. Ngày nay chúng ta vừa nói đến Bát Quái, lập tức có người nghĩ đó là chuyện cười, là điều hoang đường vô căn cứ, lôi kéo lung tung mà không rõ ràng, điều này thực sự có lỗi với tổ tiên. Trí tuệ quý báu của nhân loại, sa sút đến mức này, chỉ vì việc dùng thần đạo để thiết giáo ngày xưa sao?

Nhưng chúng ta có thể trách Chu Văn Vương không? Tất nhiên là không, nhiều việc phải dựa vào hoàn cảnh lúc đó để phán đoán, chứ không phải dùng hoàn cảnh hiện tại để phán đoán.

> Phục Hy dựa vào quan sát các hiện tượng tự nhiên vẽ ra Bát Quái, Chu Văn Vương phát hiện quy luật của xã hội loài người và quy luật của tự nhiên có điểm tương thông, nên dùng 64 quẻ để suy diễn vạn vật vạn tượng trong thế gian. Nhưng Kinh Dịch truyền đến xã hội hiện đại, gần như trở thành một công cụ để bói toán, vậy ý nghĩa thực sự của Kinh Dịch là gì?

Kinh Dịch là giả thuyết mà người xưa đưa ra thông qua quan sát hiện tượng tự nhiên, đạt được một số tâm đắc và thể hội. Thực ra tất cả học thuyết đều bắt đầu từ giả định, ngày nay gọi là mô phỏng, chỉ là thời xưa kiến thức thực sự không phát triển, nên dùng thần đạo để giáo hóa là điều không thể tránh khỏi, hơn nữa là điều bắt buộc phải làm lúc đó. Chúng ta dùng một câu đơn giản "ngẩng đầu ba thước có thần minh", để khiến mỗi người có sự e ngại, biết không thể quá buông thả bản thân, không thể vì nhu cầu của mình mà làm điều mình muốn. Đó là vì an toàn, vì kỷ luật, vì thuận tiện, vì hiệu quả.

Khi bạn đi du lịch, bạn nghe những hướng dẫn viên nói thế này thế nọ, có nhiều thành phần vẫn còn từ việc dùng thần đạo để giáo hóa ngày xưa để lại. Khi vào chùa, hướng dẫn viên sẽ nói với bạn, không được giẫm lên ngưỡng cửa này, đương nhiên không thể giẫm, vì một khi giẫm, đầu sẽ đụng vào khung cửa phía trên, đụng đến chảy máu đầu ai chịu trách nhiệm? Nhưng nếu anh ta nói với bạn không được giẫm, giẫm sẽ đụng đầu chảy máu, thì bạn chắc chắn một trăm người không tin, rồi cứ giẫm, đến khi đầu chảy máu bạn vẫn sẽ trách anh ta, đây là bản tính con người. Vì vậy chúng ta nói giẫm ngưỡng cửa sẽ không may mắn, mọi người lo sợ mình đen đủi, không dám giẫm, thế là an toàn. Đây cũng là điều Khổng Tử nói "dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi" (Dân chúng có thể được khiến làm theo nó, nhưng không thể khiến họ hiểu rõ về nó), bởi vì nói đạo lý mọi người không nghe, dù có nghe hiểu cũng không nhớ, dù có nhớ cũng không làm theo, dùng cách này mới khiến mọi người chú ý.

Không giẫm ngưỡng cửa là vì an toàn, thiết kế ngưỡng cửa cũng là vì an toàn. Có một cách nói là cổng chùa không được mở, chỉ khi Hoàng Đế đến mới được mở. Chúng ta thử nghĩ xem, chùa thường ở nơi nào? Thường ở nơi núi non hoang vắng, nơi đó nhiều nhất là cướp, cướp đột nhiên đến, quan binh hoàn toàn không kịp phòng bị, nhà sư phải tự mình chống cự, điều đó rất khó. Nếu cửa giữa mở rộng, cướp một khi đến, thế nào cũng không chặn được, nên bình thường đóng cửa giữa lại, phía trước có một cây cầu nhỏ, hai bên có hai con sông, ngày nay gọi là ao phóng sinh, rồi mở cửa bên, chỉ cần từ xa nghe thấy nhìn thấy có cướp, lập tức đóng cửa bên lại, kịp thời, an toàn hiệu quả lại thuận tiện.

Có người nói nhìn thấy ni cô sẽ xui xẻo, thực ra đây cũng là ý tốt, chính là để bảo vệ sự an toàn của ni cô. Nhiều người không hiểu, nói điều này hoàn toàn không có giá trị, làm sao lại không có giá trị? Bất cứ việc gì dùng hợp lý đều có giá trị. Chúng ta thử nghĩ xem, ni cô có cần ra ngoài làm việc không? Có cần ra ngoài mua đồ không? Có cần ra ngoài xử lý một số việc không? Cần chứ! Khi họ ra ngoài, bên ngoài chỉ có hai loại

đàn ông, một loại là nông dân, loại kia là thợ săn. Bởi vì người bình thường sẽ không xuất hiện gần ni am. Ni cô vừa ra ngoài, nông dân và thợ săn hai loại người này thể lực đều khá mạnh, rồi nhìn thấy ni cô, cảm thấy khá xinh đẹp, khó tránh khỏi nảy sinh tà tâm, thì ni cô sẽ không an toàn. Vì vậy chúng ta nói nhìn thấy ni cô sẽ xui xẻo, không được nhìn. Nông dân vừa thấy một ni cô đi qua, quay người không nhìn; người đi săn vừa thấy là ni cô, nhanh chóng không nhìn, ni cô thế là rất an toàn. Nếu hiểu theo hướng này, chúng ta không khó biết rằng, "nhất âm nhất dương chi vị đạo" trong xã hội Trung Quốc được lưu truyền rộng rãi, và được áp dụng phổ biến.

> Kinh Dịch nói với chúng ta rằng, thông qua một số quy luật của hiện tượng tự nhiên, để hiểu quy luật của xã hội loài người, và phản tỉnh hoàn cảnh của bản thân, suy nghĩ cách đối phó. Giống như một số quy tắc trong chùa, tuy nhìn có vẻ mang màu sắc mê tín, nhưng thực tế có lợi cho sự an toàn của xã hội loài người. Vậy vận mệnh của con người có thể dự đoán được không? Cầu thần bái Phật có thể thay đổi vận mệnh của một người không?

Nhiều người động một tí là cầu thần bái Phật, đây là không hiểu ý nghĩa thật sự của việc bái Phật, nếu bạn vừa lạy, Phật liền phù hộ bạn, thế thì Phật này là Phật gì? Phật trong tiếng Phạn, nguyên ý là “giáo thụ”, chính là một người ngộ được đạo lý rồi, thì tu thành Phật. Phật Thích Ca Mâu Ni vốn cũng là người, ngài ngộ được đạo lý sau đó mới thành Phật. Điều này nói với chúng ta rằng tất cả mọi người, chỉ cần có thể ngộ được đạo lý, lại có thể nghiêm túc thực hành, cuối cùng đều có thể thành Phật.

Bồ Tát là chưa thành Phật, nên Bồ Tát tương đối không thể mở miệng, không hay nói chuyện, nhưng như Quan Thế Âm Bồ Tát, như Địa Tạng Vương Bồ Tát, cũng đều có đủ điều kiện thành Phật, nhưng các ngài tự mình không muốn thành Phật, vì các ngài muốn cứu độ người đời. Sau khi thành Phật thì ngồi ở đó, để người ta lễ bái, để người ta tham vấn, còn không bằng hành động thực tế giúp ích cho người đời nhiều hơn. Địa Tạng Vương Bồ Tát nói: "Địa ngục bất không, thề bất thành Phật" (Địa ngục chưa trống, thề không thành Phật). Ngài biết địa ngục sẽ không bao giờ trống, nhưng ngài vẫn nguyện như vậy, chẳng phải còn vĩ đại hơn Phật sao?

Vì vậy chúng ta phải hiểu, việc chúng ta cầu thần bái Phật, chỉ là để nhắc nhở bản thân có thần minh hiện hữu, đừng làm bậy, phải tốt quản thúc bản thân, phải tốt tu luyện phẩm tính của mình. Nếu cúng một ít lễ vật, đốt vài nén hương, rồi bái Phật, Phật sẽ phù hộ cả nhà bạn, thế thì Phật chính là quan tham ô lại, thế thì không phải là Phật nữa.

Có người nói với tôi: Có người xem bói rất linh, anh ta nói tôi sẽ định cư ở một nơi bên bờ biển, phong cảnh rất đẹp, công việc của tôi rất ổn định, bây giờ tôi quả nhiên như vậy.

Tôi nói với anh ta: Đây là do anh bị ám thị tâm lý của anh ta, rồi toàn lực phối hợp, anh chạy khắp cả nước, nhìn thấy nơi này là bờ biển, môi trường không tệ, đúng là anh ta đoán trúng, nên định cư luôn. Chỉ đơn giản vậy thôi, nếu anh không phối hợp với anh ta, anh ta sẽ không đúng, anh phối hợp với anh ta, anh ta sẽ

rất đúng. Xem bói không phải bảo bạn nghe theo lời họ, bạn nghe theo lời họ thì bạn biến thành nô lệ của họ, họ sẽ biến thành chủ nhân của bạn, họ có thể khống chế bạn, họ sẽ là người chủ tể của bạn, thế thì còn được không? Xem bói là nói họ đoán xem sao, tôi nghe xem sao, nếu có lợi cho tôi, tôi sẽ cố gắng đạt được, nếu không có lợi cho tôi, thì tôi cố gắng tránh. Đây mới là đạo lý "thú cát tỵ hung" (theo điều tốt tránh điều xấu) mà Kinh Dịch dạy chúng ta.

Có một người nghe người ta nói mình sẽ có họa huyết quang, anh ta liền trốn trong nhà, nằm trên giường, đóng hết cửa sổ cửa ra vào lại. Kết quả không ngờ, bên ngoài có người bắn ná, viên bi xuyên qua kính cửa sổ, đập trúng khung kính treo trên đầu anh ta, khung kính rơi xuống đúng vào người anh ta, đúng là họa huyết quang. Sau đó anh ta nói thật linh, đoán trúng, trốn không thoát. Thực ra có nghiêm trọng đến thế không? Năm đó, có người nói với tôi sẽ có họa huyết quang, tôi liền theo đạo lý của Kinh Dịch, tôi từ chối chấp nhận, tôi nói tôi không để nó xảy ra, tôi rất cẩn thận, có nhiều nơi tôi vừa thấy không ổn, liền không đi nữa, kết quả chẳng có chuyện gì xảy ra.

Chúng ta nói "thành tắc linh" (thành tâm thì linh nghiệm), ý nghĩa là nói bạn tin nó, bạn sẽ phải chấp nhận sự sắp đặt của nó, bạn không tin nó, bạn có thể phòng bị, phòng bị đến mức nào còn tùy vào bản thân bạn. Vì vậy chúng ta quay về lập trường con người trong Kinh Dịch, đây mới là phẩm giá của con người.

Chúng ta có nhiều đền miếu, động một tí là cầu thần, động một tí là bái quỷ, vậy tính tự chủ của con người chạy đi đâu rồi? Nếu nói cầu thần bái Phật là có thể phát tài, có thể bình an, vậy chúng ta không cần làm gì nữa, như vậy xã hội loài người còn có thể tiến bộ không?

> Lý do con người đi cầu thần bái Phật, đi xem bói, là vì khó nắm bắt được cuộc đời vô thường, mong muốn có thể biết trước vận mệnh của mình, hy vọng có lực lượng thần bí có thể phù hộ mình tránh được tai họa. Trong 64 quẻ của Kinh Dịch thường thấy các từ cát hung, nên được nhiều người dùng để xem quẻ bói toán, để cầu "thú cát tỵ hung". Vậy nắm vững Kinh Dịch, thật sự có thể "thú cát tỵ hung" không?

"Tự thiên hựu chi, cát vô bất lợi" (tự nỗ lực, trời sẽ giúp), câu này chúng ta đã nhắc lại nhiều lần, chính là nhắc nhở chúng ta phải tự mình đi hiểu thiên lý, thuận theo tự nhiên, sẽ được cát tường. Nghĩa là nói, điều chúng ta coi trọng là ở con người, ở bản thân. Thực ra Kinh Dịch chính là đem quy luật tự nhiên chuyển sang mặt luân lý của con người. Vì vậy luân lý là từ tự nhiên mà đến, tự nhiên có trật tự như vậy, ai đang quản lý? Nếu Phục Hy đương thời nói là thần đang quản lý, thì chúng ta đã sinh ra tôn giáo rồi, ông không làm vậy, ông nói đó là sự tương tác của âm dương, là sự ấp ủ của tự nhiên, không hề có chủ tể đặc biệt nào, là hai loại lực khác nhau tương tác với nhau, rất tự nhiên sinh ra vạn vật, vận hành không ngừng.

Làm sao Kinh Dịch có thể thần kỳ như vậy? Chúng ta dùng một chữ thần để chỉ nó rất thần kỳ, rất thần diệu, rất cao minh, là vì nó có ba đặc tính. Kinh Dịch vượt qua tất cả thần học, triết học, khoa học, nó bao hàm nhiều thứ như vậy, là vì nó có ba đặc tính này.

Thứ nhất, Kinh Dịch có tính mơ hồ. Nói ra thật sự như người nước ngoài nói, rất buồn cười, nó rất mơ hồ, bởi vì chỉ có một vài hệ thống, một vài hình mẫu, một vài ký hiệu, ngoài ra không có gì khác, cho người ta không gian tưởng tượng rất lớn, bạn nghĩ nó thế nào cũng có đạo lý. Bởi vì nó đơn giản rõ ràng, mới có thể tác dụng lớn như vậy, nếu bản thân nó đã rất rõ ràng, nó chỉ có thể áp dụng trong một lĩnh vực nào đó, các lĩnh vực khác sẽ không thông. Tính mơ hồ của nó ảnh hưởng rất sâu đến người Trung Quốc. Chúng ta nói chuyện thường không thích nói rất rõ ràng. "Đại khái như thử" (Đại khái là như vậy), bốn chữ này rất quan trọng, ảnh hưởng quá lớn đến người Trung Quốc, đại khái như vậy, những cái khác bạn tự nghĩ. Tại sao? Bởi vì chúng ta biết tất cả đều đang biến đổi, nếu trước đó đã nói rất rõ ràng, lại nói không thể thay đổi, thì chắc chắn sẽ không thông. Đây chính là nỗi khổ lớn nhất của việc không thể ứng biến khi thể chế hóa. Như vậy chúng ta mới biết, khi con cái sắp ra ngoài, cha mẹ Trung Quốc chỉ nói một câu, cẩn thận một chút, chỉ một câu này, sẽ không bao giờ sai, bởi vì chúng ta không thể dự đoán được những thay đổi trong tương lai.

Tính mơ hồ của Kinh Dịch cho phép chúng ta giải thích thế nào cũng đúng, nhưng phải nói có đạo lý, và phải thông đến nguồn gốc. Chỉ cần không vi phạm “thái cực sinh lưỡng nghi”, “nhất âm nhất dương chi vị đạo”, đạo lý căn bản này là được.

Thứ hai, Kinh Dịch có tính linh hoạt rất lớn, thoán từ và hào từ mà Chu Văn Vương viết, chúng ta giải thích thế này cũng đúng, giải thích thế kia cũng đúng. Vì vậy Kinh Dịch rất linh hoạt, nói thế nào cũng đúng, nói thế nào cũng không đúng; trong cái đúng có một số không đúng, trong cái không đúng có một số đúng. Đạo lý là sống động, Kinh Dịch nói về đạo lý.

Điểm này ảnh hưởng quá lớn đến người Trung Quốc, mọi người thật sự nên dành chút tâm tư để suy nghĩ. Người phương Tây nói right is right, wrong is wrong (đúng là đúng, sai là sai), không thể nói trong đúng có sai, trong sai có đúng. Bởi vì phương Tây nói về phân chia, đúng, sai là phân chia. Người Trung Quốc không vậy, chúng ta biết phần tuyệt đối đúng quá ít, thánh nhân đôi khi cũng phạm sai, thần tiên đánh trống đôi khi cũng đánh sai; người tuyệt đối sai quá ít, cuối cùng cũng có một số đạo lý. Vì vậy thanh quan khó đoán việc nhà, anh đánh em, ai đúng ai sai thực sự không rõ, bởi vì một bàn tay không làm nên tiếng vỗ, làm sao nói ai đúng ai sai? Và chính vì không rõ, nên chúng ta mới phải cẩn thận phán đoán phải trái. Phải trái cần cẩn thận phán đoán, chứ không phải minh đoán. Chúng ta ngày nay rất thích dùng minh đoán phải trái, điều đó rất khó.

Về duy tâm, duy vật, người Trung Quốc chúng ta sẽ không tranh cãi, chúng ta sẽ cho rằng cả hai đều có đạo lý. Nhưng người phương Tây sẽ tranh cãi, có người nước ngoài hỏi tôi: "Các người chủ trương gì?" Tôi nói với họ: "Chúng tôi rất ít suy ngẫm về mặt này, bởi vì đây đều là học vấn do các người phương Tây tạo ra, nếu bắt chúng tôi nói, người Trung Quốc chỉ có một luận, gọi là duy đạo luận. Trong duy đạo có duy tâm, cũng có duy vật, chỉ là nặng nhẹ khác nhau."

Thứ ba, còn tuyệt vời hơn, gọi là tính lưu bạch. Bạn thấy người phương Tây vẽ tranh, họ nhất định phải tô đầy cả trang, nếu không sẽ là tác phẩm chưa hoàn thành. Người Trung Quốc đâu có vậy? Người Trung Quốc trên một tờ giấy, chỗ này vẽ một con chim, chỗ kia vẽ một đóa hoa, bên cạnh điểm vài chấm, chính là mưa rơi. Rồi đóng dấu, ký tên, để lại rất nhiều khoảng trống. Chúng ta có nghĩ người Trung Quốc làm vậy là lười không? Không, chúng ta cảm thấy như vậy mới có không gian tưởng tượng, nếu tất cả đều phủ kín, thì chúng ta còn nghĩ gì nữa? Vậy thì chỉ là xem thôi.

Một bức tranh có khoảng trống, người phương Tây cho rằng chưa vẽ xong, cần phải bổ sung cho đầy đủ. Chúng ta lại cho rằng họa sĩ này tôn trọng người xem, vì vậy một bức quốc họa có ý cảnh như thế nào, mười người đến xem, sẽ có mười loại ý cảnh, đây mới là phù hợp với tự nhiên.

Như vậy, chúng ta dần dần hiểu sâu hơn về Kinh Dịch, và ảnh hưởng của nó đối với người Trung Quốc chúng ta. Tuy nhiên, bộ học vấn này từ rất lâu rất lâu trước đây, khi dân trí chưa mở mang, kiến thức chưa phổ cập, nếu nói như thế này, ai hiểu được? Vì vậy bản thân Kinh Dịch cũng có vận mệnh rất trắc trở. Điều này cũng giống như trong Kinh Dịch nói, tất cả sự vật trong quá trình biến hóa đều sẽ không ngừng xuất hiện hiểm trở, gian nan, là cùng một đạo lý. Gian nan hiểm trở, không thì rất gian nan thì cũng rất nguy hiểm, thường xuyên bị cản trở, như vậy tốt hay không? Nhìn thì không tốt, thực tế như vậy mới là tốt, bởi vì như vậy con người mới có thể học hỏi, mới có thể rèn luyện, mới có thể nâng cao bản thân. Một người từ nhỏ đến chết đều rất thuận lợi, thì tương đương với sống uổng, họ đến một chuyến này, chỉ học được bốn chữ: "ăn uống chơi bời", những thứ khác không có gì, thế này tính là cuộc đời gì? Cuộc đời trải qua nhiều rèn luyện hơn, mới trở nên trưởng thành hơn. Bản thân Kinh Dịch cũng trải qua rèn luyện.

Kinh Dịch có tổng cộng 64 quẻ, đại diện cho 64 loại tình cảnh trong vũ trụ, xem quẻ thực ra là một phương tiện để định vị, vậy chúng ta nên hiểu quẻ tượng như thế nào, hiểu đạo lý trong đó ra sao? Chúng ta sẽ nói trong phần tiếp theo: Giải mã bói toán.

Chương 4: Giải mã bói toán

> Kinh Dịch với tư cách là khởi nguồn của các kinh trong văn hóa Trung Hoa, một mặt từ góc độ triết học chỉ đạo nền văn minh Trung Hoa phát triển mấy nghìn năm; mặt khác, chức năng bói toán của Kinh Dịch luôn thần thần bí bí, mập mờ ẩn ẩn. Vậy độ chính xác trong việc bói toán của Kinh Dịch đến đâu? Khổng Tử đánh giá chức năng bói toán của Kinh Dịch như thế nào? Chúng ta phải làm sao để xem được quẻ thuộc về mình?

Chức năng bói toán của Kinh Dịch từ ngày nó ra đời đã thần thần bí bí, mập mờ ẩn ẩn, nếu trong cuộc sống chúng ta gặp một người nào đó nói anh ta biết xem quẻ, thì chúng ta sẽ không tự chủ được mà cảm thấy người này đột nhiên trở nên thần bí. Là bậc chí thánh tiên sư, Khổng Tử vì thích Kinh Dịch mà "vi biên tam tuyệt" (ba lần đứt lề sách), nhưng ông lại khuyên người đời: "bất chiêm nhi dĩ hĩ". Đã là chức năng bói toán là một trong những chức năng của Kinh Dịch, tại sao Khổng Tử lại khuyên chúng ta đừng xem bói?

Khổng Tử nói không nên xem bói, có ba hàm ý.

Thứ nhất, không thể hoàn toàn tin vào kết quả bói toán. Khổng Tử nói đừng xem bói, nhưng bản thân ông biết xem bói, và cũng thường xem bói, nếu không với tính cách của ông, những việc bản thân ông không biết, tuyệt đối ông sẽ không phản đối.

Người quen thuộc với việc xem quẻ từ đầu đã biết giữa hào đầu tiên đến hào cuối cùng có bao nhiêu biến hóa. Bạn nhờ người khác giúp xem một việc, nếu người đó khi xem quẻ lại luôn nghĩ lần này chắc không thành công, liệu có ảnh hưởng đến kết quả của bạn không? Đương nhiên sẽ ảnh hưởng. Hơn nữa có người thậm chí còn làm giả, nếu phía sau có người cho họ tiền, mua chuộc họ, khống chế họ, rõ ràng là dương họ có thể nói với bạn là âm, vậy bạn chẳng phải càng bị hại sao? Đây là điểm thứ nhất.

Điểm thứ hai, nếu xem ra kết quả là đại hung, bất lợi, chúng ta có nên làm không? Có người nói dù thế nào cũng phải làm, tuy nhiên, kết quả xem quẻ vẫn sẽ ảnh hưởng đến bạn, bạn sẽ cảm thấy tồi tệ, việc này làm không tốt, vậy cần gì phải xem? Đã quyết định phải làm, thì đừng xem nữa.

Điểm thứ ba, tại sao việc xem bói luôn bị người ta coi là mê tín? Chính là vì nó chỉ có một số ít người biết, đa số người nhìn vào đều cảm thấy nó rất huyền diệu, không hiểu được, mà người xem bói thường chỉ có thể nói cho chúng ta kết quả, không thể nói cho chúng ta đạo lý, chỉ là trực đoán - quẻ nói thế này thì là thế này. Như vậy chúng ta hoàn toàn không thể tìm ra cách ứng biến từ trong đó.

Chúng ta nên xem quẻ rồi dùng làm tham khảo, **việc cần làm vẫn phải làm, nhưng phải biết tìm từ trong đó cách uyển chuyển**, có thể "thú cát tỵ hung" (hướng tới điều tốt, tránh xa điều xấu), có thể giảm thiểu tổn hại đến mức thấp nhất để làm, đây mới là ý nghĩa của việc xem bói.

Vì vậy, ngày nay chúng ta không vi phạm chủ trương của Khổng Tử, hoàn toàn không khuyến khích việc phải đi xem bói, tuyệt đối không. Chúng ta chỉ nói phải tự mình xem, tự mình giải quẻ, rồi mỗi lần xem sẽ có những quẻ khác nhau xuất hiện, từ đó hiểu một quẻ, nhận biết đạo lý của quẻ này, điều quan trọng là thông qua việc xem quẻ để lý giải mạch suy nghĩ của mình. Bởi vì tất cả mọi việc trong xã hội Trung Quốc, chỉ tóm lại trong bốn chữ: "hợp lý là được". Vì vậy chỉ cần hợp lý thì cứ làm đi.

> Hóa ra Khổng Tử biết xem bói, và thường xuyên xem bói, ông nói "bất chiêm nhi dĩ hĩ", mục đích là để chúng ta đừng hoàn toàn tin vào kết quả bói toán, tránh mất đi tính tự chủ. Vậy mục đích chúng ta bốc phệ rốt cuộc là gì?

Chúng ta bốc phệ là để tìm định vị cho bản thân mình hiện tại. Kinh Dịch chia không gian 360 độ thành 64 tình huống khác nhau (Hình 4-1).

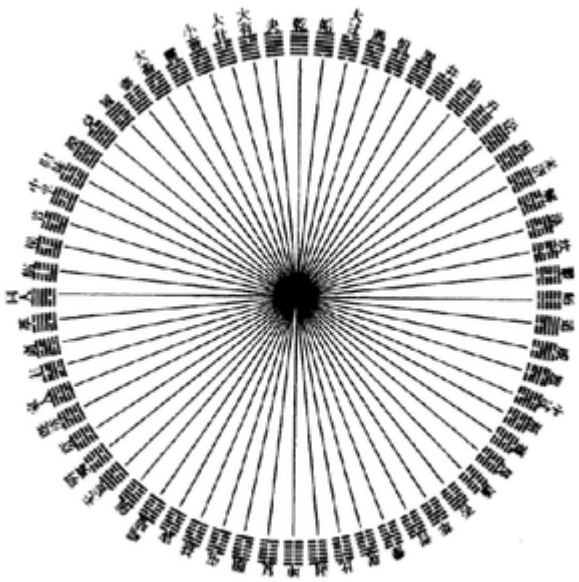

圖 4 -1

Ngày nay chúng ta thường nói tình cảnh, là dịch từ tiếng Anh, gọi là situation, situation chính là hoàn cảnh, chính là tình cảnh. Chúng ta hiện nay chỉ hiểu tiếng Anh, không biết người Trung Quốc nói thế nào, nhìn thấy Kinh Dịch lại không biết người nước ngoài nói thế nào, nên mãi không tương tác được với nhau. **Mỗi người cần phải rõ mình đang ở trong tình huống nào, nên làm ra hành vi gì mới hợp lý, đây gọi là đạo đức tu dưỡng**. Tám nhân tám thành 64 quẻ, cũng chính là 64 tình cảnh, vừa hay phân bố trong không gian 360 độ, nhưng chúng ta làm sao biết được mình hiện đang ở vị trí quẻ nào? Nếu chúng ta không biết mình đang ở vị trí quẻ nào, cũng chính là không hiểu tình huống của mình rốt cuộc như thế nào, chỉ có thể dựa vào cảm giác mà thôi, còn về thực tế có phải như vậy không, không biết được.

Người phương Tây hiện nay cũng nói định vị, gọi là positioning. Chúng ta chính là vì không tìm được định vị của mình, thường rơi vào các loại lo lắng: Tôi nói thế này có nghĩa là đánh người ta, vậy người ta có kiện tôi

không? Tôi ra ngoài thế này có thị trường không? Tôi như thế này sau này có gặp phiền phức gì không? Người trên toàn thế giới đều biết positioning gọi là định vị, nhưng không biết Kinh Dịch chính là để cho chúng ta tìm định vị.

Nếu chúng ta hiểu rõ điểm này, khi đi kiện tụng với người ta, chúng ta sẽ biết đi tra Kinh Dịch, trong Kinh Dịch có một quẻ Tụng, chính là nói về tình huống kiện tụng, từ đó tìm ra phải dùng trí tuệ gì để hóa giải khó khăn hiện tại, như vậy là đúng.

Mỗi người, đều phải có phương pháp để hiểu bản thân. Bởi vì hiểu người khác rất dễ, hiểu bản thân rất khó. Biết người đã đủ khó rồi, biết mình càng không dễ dàng gì. Chúng ta nhìn người khác đều rất rõ ràng, nói rất có đầu có đuôi, bởi vì người ngoài cuộc thì sáng suốt, nhưng việc của bản thân thường là mù mờ không rõ, gọi là người trong cuộc thì mê. Người trong cuộc tại sao lại mê? Bởi vì chúng ta thực sự không nhìn rõ bản thân. Tại sao không nhìn rõ bản thân? Bởi vì mắt hướng ra ngoài. Vì vậy bây giờ chúng ta rất thông minh, đem hoàn cảnh của mình treo lên, đặt ở phía trước, làm thành một tấm gương, đây gọi là quẻ. Đem tình trạng của mình, hoàn cảnh của mình, tất cả mọi thứ hiện tại của mình dùng quẻ treo trước mắt, chúng ta liền biến thành người ngoài cuộc sáng suốt, sẽ biết nên ứng phó thế nào, nên xử lý ra sao. Điều này có lợi cho mọi người.

> **Hóa ra xem bói chính là đem hoàn cảnh của mình treo lên, đặt trước mặt làm tấm gương, nhìn mình trong gương giống như nhìn việc của người khác vậy,** mới có thể làm được người ngoài cuộc sáng suốt. Nhưng Kinh Dịch tổng cộng chỉ có 64 quẻ, những người khác nhau xem bói chắc chắn sẽ được những quẻ khác nhau, kết quả này làm sao có thể áp dụng cho từng người cụ thể được?

Bốc phệ có chuẩn không? Nói thật, một việc mười người đến xem, sẽ xem ra những quẻ khác nhau, thậm chí sẽ xem ra mười quẻ khác nhau, điều này cho thấy mặc dù mỗi người xem quẻ dùng cùng một công cụ, tra cùng một cuốn Kinh Dịch, nội dung bên trong hoàn toàn giống nhau, nhưng vì phẩm đức tu dưỡng của mỗi người không giống nhau, nên quẻ xem ra cũng khác nhau.

Trước đây nếu trời lâu không mưa, hạn hán, dân chúng khổ sở, các đại thần sẽ đề nghị Hoàng Đế đi cầu mưa. Nếu bạn là Hoàng Đế, khi đại thần của bạn thỉnh cầu bạn đích thân đi cầu mưa, bạn sẽ cảm thấy thế nào? Bạn sẽ cảm thấy rất hoảng sợ, rất lo lắng. Bởi vì toàn bộ danh tiếng của bạn chỉ xem vào lần này, nếu cầu không được mưa thì sao? Cầu không được mưa, thiên hạ sẽ biết phẩm đức của vị Hoàng Đế này có vấn đề, nếu không tại sao người khác đến cầu thì được, bạn cầu lại không được. Vì vậy, Hoàng Đế trước khi cầu mưa đều phải ăn chay, phải tắm gội, phải đàng hoàng nghiêm chỉnh, không dám nghĩ bậy nghĩ bạ, phải thành tâm thành ý mà cầu.

Người Trung Quốc tại sao lại nghĩ như vậy? Chính là do chúng ta nhận được từ sự gợi mở của Kinh Dịch: Đức tính của con người có thể cảm động trời đất. Tôi nghĩ câu này tin hay không cũng là do mỗi người tự

chọn lựa. Nếu bạn nói không có chuyện này, thì chúng ta cũng không có gì để nói. Nhưng vậy làm sao giải thích cùng đi cầu mưa, có người đi cầu thì mưa to, có người đi cầu thì mưa nhỏ, còn có người đi cầu thì không có mưa?

Vì vậy, không phải ai cũng có thể đi cầu mưa được. Và sau khi cầu được mưa, chúng ta phải tốt phản tỉnh bản thân - dù cầu được mưa rồi, cũng không nên quá vui mừng, mà phải càng quý trọng hơn - đã khó khăn lắm trời mới đoái hoài đến ta, về sau ta càng phải tu dưỡng bản thân, nếu không lần sau lại cầu không được. Nếu cầu được mưa nhỏ, tôi về ít nhất phải kiểm điểm ba ngày, nghĩ xem đây là chuyện gì, vấn đề ở đâu, rồi đi bù đắp, có gì không đúng thì sửa đổi.

Lịch sử cho chúng ta biết, một người vận may hay vận rủi, thực ra quyết định bởi phẩm tính của cá nhân. Các vị thường nghe một câu gọi là "tà bất thắng chính", tà không thắng được chính, chỉ cần phẩm tính của một người tốt, tâm chính, thì cái tà không thể xâm nhập được, đây gọi là chính khí, "hạo nhiên chi khí" (khí hùng vĩ, mạnh mẽ, đầy chính nghĩa). Nếu một người sắp đi đánh trận, chưa đánh đã nghĩ: "Tệ quá, lần này đi chắc là không sống nổi rồi, kết quả có lẽ cũng sẽ chết thôi", bởi vì khí thế của anh ta ngay từ đầu đã không mạnh, thấy địch là sợ, rồi muốn chạy trốn, vậy còn đánh gì nữa? "Hạo nhiên chi khí", không phải nói ta giỏi hơn hắn, mà là chính nghĩa ở phía ta, nên ta nhất định đánh thắng, như vậy mới đúng. Có phải người võ nghệ cao cường nhất định đánh thắng không? Chưa chắc; có phải người được trang bị tốt làm ra sản phẩm nhất định tốt không? Chưa chắc; có phải thuốc tốt uống vào bệnh nhất định khỏi không? Chưa chắc, cùng một bác sĩ, cùng một toa thuốc, có người uống khỏi, có người uống lại xấu đi.

Người Trung Quốc chúng ta có câu: "Thầy có tài, bệnh nhân có phúc". "Thầy" ở đây chỉ thầy thuốc, tài năng của thầy thuốc rất quan trọng. Nhưng "bệnh nhân có phúc" - việc bệnh nhân có phúc hay không còn quan trọng hơn. Cùng một bệnh, có thể chữa khỏi hay không là do ở bệnh nhân quyết định, không phải do thầy thuốc. Tất nhiên, nếu gặp thầy thuốc kém thì đó là tự mình chuốc họa. Nếu gặp được thầy thuốc giỏi, chúng ta còn phải nghĩ xem mình đã làm những việc xấu gì, điều chỉnh lại, sau đó uống thuốc mới có tác dụng. Điều này không liên quan gì đến mê tín. Đạo đức là niềm tin cao nhất, không phải nói suông, ngày nay chúng ta quá coi nhẹ điểm này, chỉ coi trọng những thứ khách quan, thực ra chủ quan và khách quan có tương tác với nhau. Kinh Dịch ngoài việc làm rõ tượng vị còn cung cấp cho chúng ta một thông tin rất tốt, đó là xây dựng phẩm đức của bản thân.

> Hóa ra việc bói toán còn có mối quan hệ lớn với việc tu dưỡng phẩm đức của mỗi người, khó trách khi đối mặt với cùng một sự việc, những người khác nhau bói toán sẽ có kết quả khác nhau. Vậy việc bói toán huyền bí này có những khái niệm cơ bản nào?

Ngày nay chúng ta học được rất nhiều từ phương Tây, trong đó có một thứ gọi là trò chơi, động một tí là nói chúng ta hãy chơi một trò chơi gì đó. Thực ra, việc bói quẻ cũng là một loại trò chơi, tên của trò chơi này là từ một, hai, ba, bốn suy ra sáu, bảy, tám, chín, nghe có vẻ thú vị, làm cũng rất đơn giản. Chúng ta nhìn

một đồng xu, nó có hai mặt, chúng ta giả định một mặt là mặt chính, một mặt là mặt phụ, tùy ý giả định mặt nào là mặt chính, mặt nào là mặt phụ đều được, đó là một âm một dương. Một đồng xu có hai mặt chính phụ, giờ chúng ta dùng ba đồng xu, cùng lúc tung lên, sau đó sẽ có thể xuất hiện bốn kết quả, và chỉ có bốn kết quả.

Một đồng xu là một, có mặt chính phụ là hai, ba đồng xu là ba, bốn kết quả là bốn, nên một, hai, ba, bốn đã xuất hiện.

Chúng ta giả định một đồng xu mặt chính đại diện cho ba, mặt phụ đại diện cho hai, vậy ba đồng xu tung lên sẽ có bốn kết quả gì? Ba mặt đều là mặt chính, sẽ là 3+3+3=9; hai mặt chính, một mặt phụ, sẽ là 3+3+2=8; một mặt chính, hai mặt phụ, sẽ là 3+2+2=7; ba mặt đều là mặt phụ, sẽ là 2+2+2=6. Vậy chỉ có sáu, bảy, tám, chín là bốn kết quả biến đổi. Nói một cách đơn giản, một đồng xu, mỗi đồng xu có hai mặt, ba đồng xu cùng tung, sau đó sẽ cho ra bốn kết quả khác nhau, bốn kết quả khác nhau đó là sáu, bảy, tám, chín.

Trong Kinh Dịch, âm dương có phân biệt già trẻ, chúng ta gọi sáu là thái âm, gọi bảy là thiếu dương, gọi tám là thiếu âm, gọi chín là thái dương. Dương, từ thiếu dương dần dần lớn lên, đến thái dương mới có thể biến âm, vì dương cực mới có thể biến âm, còn âm mới xuất hiện gọi là thiếu âm, thiếu âm sau khi trưởng thành biến thành thái âm, thái âm lại biến thành thiếu dương.

Âm cực thành dương, dương cực sinh âm, âm dương sẽ biến hóa, điều này chúng ta có thể thấy từ quá trình một ngày. Sáng sớm mặt trời mới mọc, chúng ta gọi là “sơ dương”, “sơ dương” thực ra là “thiếu dương”; đến trưa, mặt trời rất gắt, gọi là “thái dương” (hoặc lão dương); đến hoàng hôn, dương khí dần dần suy yếu, mặt đất cũng dần mát mẻ, đó gọi là “thiếu âm”; đến nửa đêm rất lạnh, phải đắp chăn, đó gọi là “thái âm” (hay lão âm); sau đó trời sáng lại đến “thiếu dương”, trưa “thái dương”, hoàng hôn “thiếu âm”, nửa đêm “thái âm”, đây là một chu kỳ.

Bây giờ chúng ta dùng con số để đại diện, nửa đêm là sáu, sáng sớm là bảy, trưa là chín, hoàng hôn là tám. Chúng ta thấy nó không theo thứ tự sáu, bảy, tám, chín, mà là sáu, bảy, nhưng dưới là chín và tám, đây là vì từ thiếu dương đến thái dương là từ bảy đến chín, còn âm rất kỳ lạ, âm là co lại, nên từ thiếu âm đến thái âm là từ tám đến sáu. Do đó có thể thấy, quy luật biến hóa âm dương là âm từ tám dần co lại thành sáu, dương từ bảy dần phóng đại thành chín (hình 4-2). Vì vậy, câu nói thường gặp "bảy lên tám xuống" là từ đây mà ra.

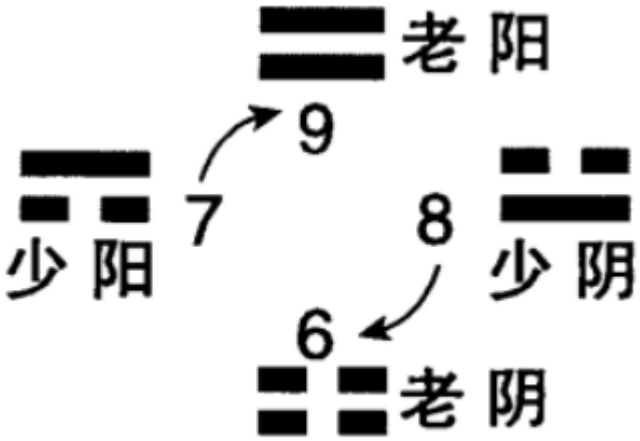

图 4 –2

Tại sao dùng sáu và chín để đại diện cho âm và dương, mà không nói bảy và tám? Điều này trong Kinh Dịch thực ra rất rõ ràng. Dương chín âm sáu là ký hiệu cố định trong Kinh Dịch, trong 64 quẻ, nếu là hào dương chúng ta đều gọi là "cửu" (chín), nếu là hào âm, chúng ta đều gọi là "lục" (sáu).

Tại sao âm dùng lục, dương dùng cửu?

Một cách giải thích là trong tám quẻ có một quẻ thuần âm, chính là quẻ Khôn, quẻ tượng của nó là ba đường thẳng đứt đoạn, cộng lại tổng cộng là sáu đoạn, nên âm gọi là sáu (hình 4-3). Còn quẻ thuần dương Kiền quẻ tượng là ba đường thẳng liên tục, theo lý thuyết dương nên dùng ba để biểu thị, sao lại dùng chín?



图 4 –3

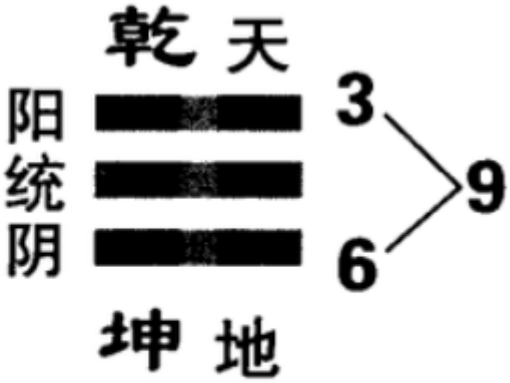

图 4 –4

Chúng ta đều biết, dương thống âm, nói đến trời thì tuyệt đối không thể quên đất, vì chỉ có trời không có đất, trời sẽ không có tác dụng, nên dương không thể tách rời âm. Ba nét của dương cộng với sáu nét vô hình của âm, ba cộng sáu là chín, nên dương gọi là cửu (chín) (hình 4-4).

Còn một cách giải thích khác, khi chúng ta biểu thị một, hai, ba, bốn, năm thường dùng ngón tay, một bàn tay có năm ngón, vượt quá năm thì sáu, bảy, tám, chín, mười phải làm sao? Vậy chỉ còn cách dùng ngón tay của bàn tay kia để đếm. Vì vậy, một, hai, ba, bốn, năm gọi là số sinh, sáu, bảy, tám, chín, mười gọi là số thành, số thành là số được ghép thành.

Một, hai, ba, bốn, năm, theo cách viết của người xưa khá khó phân biệt, trước kia số một vẽ một nét ngang, hai vẽ hai nét ngang, ba vẽ ba nét ngang, bốn vẽ bốn nét ngang, chỉ có số năm hơi có chút thay đổi (hình 4-5).

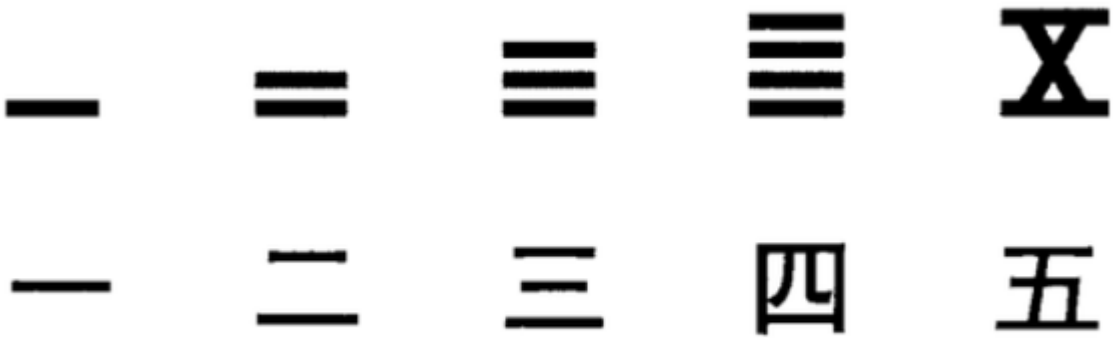

图 4－5

Như vậy, một, hai còn được, ba, bốn khá khó phân biệt, nên chúng ta dùng thành số sáu, bảy, tám, chín để đại diện cho âm dương. Trong bốn số này, sáu và tám là số chẵn, số chẵn là âm, bảy và chín là số lẻ, số lẻ là dương.

Sáu và tám cái nào lớn hơn? Theo đặc tính của âm, âm là co lại, nên tám nhỏ hơn sáu; dương là mở rộng, nên chín lớn hơn bảy, đây là vì tính chất của chúng khác nhau.

Từ bây giờ, chúng ta nhất định phải hiểu, tính chất của Kinh Dịch là phải xem tình hình đương thời đương địa để quyết định nên có biểu hiện gì, chứ không phải nói tất cả đều giống nhau, phàm là mở rộng đều tốt, phàm là co lại đều không tốt. Khi nên co lại nhất định phải co lại, khi nên mở rộng nhất định phải mở rộng, mới gọi là phù hợp, mới gọi là thích nghi, mới gọi là ứng biến thích nghi.

Số là thay đổi theo không gian thời gian, là không nhất định, nên chúng ta nói số là sống. Bây giờ chúng ta biến nó thành toán học, thì thành chết rồi, nhà toán học từng có tham vọng lớn, muốn dùng vài công thức đơn giản để đưa tất cả mọi thứ trên thế giới vào trong đó, nhưng làm không được, chính là vì toán học quá cứng nhắc, không có tính đàn hồi, mà vũ trụ vạn vật đều có tính đàn hồi. Bạn xem có hai cây nào hoàn toàn

giống nhau không? Chó có hai con nào hoàn toàn giống nhau không? Vạn vật trong vũ trụ chỉ có thể rất gần giống, chỉ có thể gần như vậy, chỉ có thể đại khái như thế, muốn giống 100% là không thể.

> Thiếu dương, thiếu âm, thái dương, thái âm, những từ ngữ thường ngày rất xa lạ huyền bí này trong lời giảng của giáo sư Tăng Sĩ Cường lại đơn giản rõ ràng như vậy, chỉ dùng sáu, bảy, tám, chín bốn con số đã biểu thị rõ ràng. Vậy mỗi quẻ được cấu thành từ bao nhiêu "sáu, bảy, tám, chín"? Những "sáu, bảy, tám, chín" này phản ánh những ảnh hưởng nào của Kinh Dịch đối với cuộc sống hàng ngày của chúng ta?

Chúng ta dùng thời, vị, tính chất; ba yếu tố này để đại diện cho mỗi hào, thời là thời gian, vị là không gian, tính chất là sự khác biệt giữa âm và dương. Mọi người có thể lấy bất kỳ quẻ nào, chúng ta có thể thấy trong đó có sơ lục hoặc sơ cửu, lục nhị hoặc cửu nhị, lục tam hoặc cửu tam, lục tứ hoặc cửu tứ, thượng lục hoặc thượng cửu các con số, có người không hiểu rõ, không biết những con số này để làm gì, có vẻ rất huyền bí.

Thực ra điều này không huyền bí: từ hào thứ nhất đến hào thứ sáu đều có "thời" riêng của nó, tức **sơ, nhị, tam, tứ, ngũ, mạt** (hình 4-6), cũng đều có "vị" riêng của nó, chính là **hạ, nhị, tam, tứ, ngũ, thượng** (hình 4-7), và mỗi hào đều có tính chất hoặc âm hoặc dương, tức là **lục hoặc cửu** (hình 4-8). Mỗi hào Kinh Dịch đều dùng hai phương diện để đại diện cho ba phương diện, dùng hai đại diện ba, đây là trí tuệ của Kinh Dịch.



图 4 – 6



图 4 – 7



图 4 – 8

Ví dụ quẻ Thái (hình 4-9), hào đầu tiên của quẻ Thái, vị trí là hạ, thời gian là sơ, tính chất là dương, ký hiệu là sơ cửu; hào thứ hai, vị trí là nhị, thời gian là nhị, tính chất là dương, nên gọi là cửu nhị; cửu tam, biểu thị vị trí là tam, thời gian là tam, tính chất là dương.



图 4 –9

Như vậy từ dưới lên trên, hình thành một nội quái. **Từ dưới lên trên, nói nội quái trước, sau đó mới nói ngoại quái,** đây là một quy luật bất biến của Kinh Dịch. Ba hào tiếp theo là ngoại quái, hào thứ tư vị trí là "tứ", thời gian là "tứ", tính chất là âm, nên là "lục tứ"; "lục ngũ", biểu thị vị trí là "ngũ", thời gian là "ngũ", tính chất là âm; hào thứ sáu, vị trí là "thượng", thời gian là "mạt", tính chất là âm, gọi là "thượng lục", ba hào âm này cấu thành ngoại quái của quẻ Thái.

Kinh Dịch vừa mở ra là quẻ Kiền Khôn. Quẻ Kiền sáu hào biểu thị thế nào? Nó nhất định bắt đầu từ sơ cửu, sau đó cửu nhị, cửu tam, cửu tứ, cửu ngũ, thượng cửu, bởi vì từ dưới lên trên mỗi hào đều là đường thẳng liên tục không đứt đoạn, đều là hào dương. Sơ cửu, sơ đại diện thời, cửu đại diện tính chất là hào dương; cửu nhị, cửu đại diện hào dương, nhị đại diện thứ tự của nó, vị trí của nó, không gian nó chiếm giữ. Thượng cửu, thượng đại diện vị trí, cửu đại diện hào dương (hình 4-10).



图 4 –10

Vậy mọi người chắc sẽ hỏi, tại sao “sơ cửu” phải đặt “sơ” ở trước, mà không gọi là “cửu sơ”? Tại sao hào đầu tiên phải dùng thời gian và tính chất, mà không dùng "vị" để biểu thị? Tại sao cửu nhị, cửu tam, lục tứ, lục ngũ lại phải đặt cửu hoặc lục ở trước, tại sao không gọi là nhị cửu hay tứ lục? Tôi nghĩ điều này cũng dễ hiểu - **bất kỳ việc gì khi mới bắt đầu, thời gian quan trọng hơn, không gian tương đối không quan trọng, còn tính chất thì từ đầu đến cuối đều tương đối quan trọng.**

Một đứa trẻ sinh ra, chúng ta không nói hai lời, vội vàng ghi lại mấy giờ mấy phút, thời sinh đó rất quan trọng. Một người chết đi, không ai nói vội vàng ghi lại mấy giờ mấy phút chết, nếu không người ta sẽ thấy người này quá vô tình, lúc này một người chết quan trọng hơn, mấy giờ mấy phút tính là gì?

Tại sao lúc sinh chúng ta rất coi trọng thời gian, lúc chết không coi trọng thời gian? Bởi vì lúc chết chúng ta tương đối coi trọng thành tựu cả đời của người này là gì, địa vị của họ là gì. Là "một người tốt đã mất" hay "người xấu này cuối cùng cũng chết" - đây mới là cảm nhận của chúng ta. Còn mấy giờ mấy phút chết, không quan trọng như vậy.

Một cửa hàng khai trương cũng vậy, khai trương phải tính ngày, phải chọn ngày tốt, phải đốt pháo, cầu may mắn. Công ty phá sản có cần như vậy không? Công ty phá sản cũng nhờ người tính ngày, vậy không phải là bị thần kinh sao? Từ những việc này có thể biết, chúng ta chịu ảnh hưởng của Kinh Dịch thực sự quá lớn, bởi vì nó rất có đạo lý. Bất kỳ việc gì khi mới bắt đầu, "thời" rất quan trọng, có thời cơ tốt hay không rất then chốt, còn chiếm bao nhiêu không gian không sao cả, chỉ cần có đất cắm dùi, là có thể dần dần mở rộng, đến khi kinh doanh ổn định. Điều này khi chúng ta nói đến quẻ Truân, quẻ thứ ba của Kinh Dịch, sẽ nói rất rõ ràng. Mới bắt đầu đã muốn làm lớn làm mạnh, đó là vi phạm đạo lý, trước tiên phải chiếm được địa bàn tốt, đứng vững hai chân, sau đó tăng cường thực lực, rồi mới mở rộng thị trường, đây mới là đúng đắn.

> Bảy và chín đại diện dương, sáu và tám đại diện âm, mỗi quẻ trong Kinh Dịch được cấu thành từ sáu hào có tính chất khác nhau, những khái niệm cơ bản của Kinh Dịch này chúng ta đều đã hiểu, vậy làm thế nào để bói được quẻ tương ứng?

Bây giờ chúng ta lấy ba đồng xu, mỗi lần tung có thể được một nhóm số, cộng lại không là sáu thì là bảy, hoặc tám, hoặc chín. Mỗi lần tung ra một nhóm số, sẽ được một hào, hào này có thể là âm cũng có thể là dương, nếu là sáu hoặc tám, thì là âm; nếu là bảy hoặc chín, thì là dương, sau đó từ dưới lên trên ghi lại.

Chúng ta thử giả định, tôi tung sáu lần, số của nó từ lần thứ nhất đến lần thứ sáu, từ dưới lên trên, lần lượt là chín, bảy, chín, tám, tám, sáu, vậy chúng ta có thể vẽ ra quẻ tượng của quẻ này: chín, hào dương; bảy, hào dương; chín, hào dương; tám, hào âm; tám, hào âm; sáu, hào âm, đây thành một quẻ sáu hào, tra trong Kinh Dịch, sẽ biết quẻ tượng này là quẻ thứ 11, gọi là quẻ Thái (hình 4-11). Vì vậy bói quẻ rất đơn giản, ba đồng xu một nhóm, tung sáu lần, mỗi lần một hào, tích hào thành quẻ, từ dưới lên trên, xem sáu hào như một thể thống nhất thì được một quẻ.

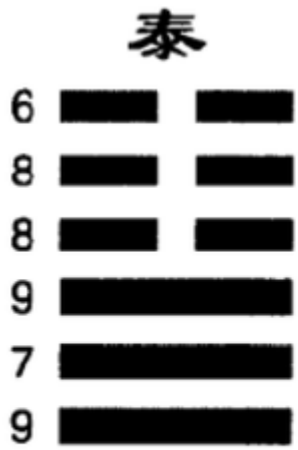

图 4 – 11



图 4 – 12

Tất nhiên, mỗi lần tung ra kết quả có thể đều khác nhau, nếu ba đồng xu tung ra kết quả là tám, sáu, sáu, chín, bảy, bảy, chúng ta có thể vẽ ra quẻ tượng này: tám, sáu, sáu, ba hào đều là hào âm, chín, bảy, bảy ba hào đều là hào dương, quẻ này là quẻ thứ 12 trong Kinh Dịch gọi là quẻ Bĩ (hình 4-12). Vừa hay ngược lại với quẻ Thái vừa nãy, một là Địa Thiên Thái, hai là Thiên Địa Bĩ.

Học được phương pháp này rồi, chúng ta có thể bói ra một quẻ bất cứ lúc nào.

> Giáo sư Tăng Sĩ Cường không chủ trương chúng ta học thuộc 64 quẻ, bởi vì Kinh Dịch với tư cách là một bộ bảo điển của nhân sinh, giống như từ điển Tân Hoa là để tra cứu, nếu không nhớ sai càng không phiền phức hơn sao? Hiểu được kỹ thuật cơ bản của bốc phệ, mỗi lần bói được một quẻ chúng ta đi tra tìm quái từ và hào từ tương ứng, để giải quyết những nghi hoặc trong lòng, học tập thực hành đạo lý nhân sinh trong đó, đây chẳng phải là trí tuệ thực sự mà Kinh Dịch đem lại cho chúng ta sao?

Có những cơ sở này, chúng ta có thể bắt đầu phân tích từng quẻ một xem nó đang nói đạo lý gì. Nói chung mọi người đều cho rằng quẻ Kiền là quẻ đầu tiên của Kinh Dịch, thực ra chúng ta nên xem quẻ Kiền và quẻ Khôn cùng với nhau, bởi vì trời không thể rời khỏi đất, đất không thể rời khỏi trời. Nhưng vẫn phải có thứ tự, nên đặt Kiền ở quẻ thứ nhất, đặt Khôn ở quẻ thứ hai, nhưng như vậy không có nghĩa là nói cái nào quan trọng, cái nào không quan trọng, cả hai đều rất quan trọng. Vì vậy, tập tiếp theo chúng ta sẽ bắt đầu nghiên cứu từ Kiền Khôn song song, có trời có đất, con người mới sống tốt được.

Chương 5: Kiền Khôn là cửa ngõ của Dịch

> Phục Hy nhất hoạch khai thiên, đại biểu khai thiên lập địa, sau đó vạn vật bắt đầu sinh ra, mà người là linh của vạn vật. Trí tuệ tiền nhân của dân tộc Trung Hoa ngước quan sát trời cúi quan sát đất, lại tự nhiên suy diễn việc người, sáng tạo ra học vấn của trời đất - Kinh Dịch, giải thích đạo sống thiên nhân hợp nhất, phúc trạch con cháu. Thánh nhân Khổng Tử từng nói: "Kiền tri đại thủy, Khôn tác thành vật." Trời đất là nền tảng của vũ trụ, mà trong Kinh Dịch quẻ Kiền Khôn cũng là hai cánh cửa lớn khai thiên lập địa. Vậy, trong Kinh Dịch rốt cuộc có học vấn huyền diệu gì của Kiền Khôn? Mượn quẻ Kiền Khôn, chúng ta lại có thể thấu hiểu đạo nhân sinh như thế nào?

Chúng ta vừa mở Kinh Dịch, đã thấy hai quẻ đầu tiên, một gọi là quẻ Kiền (hình 5-1), sáu hào đều là dương, từ dưới lên trên sáu hào có ký hiệu là: sơ cửu, cửu nhị, cửu tam, cửu tứ, cửu ngũ, thượng cửu.

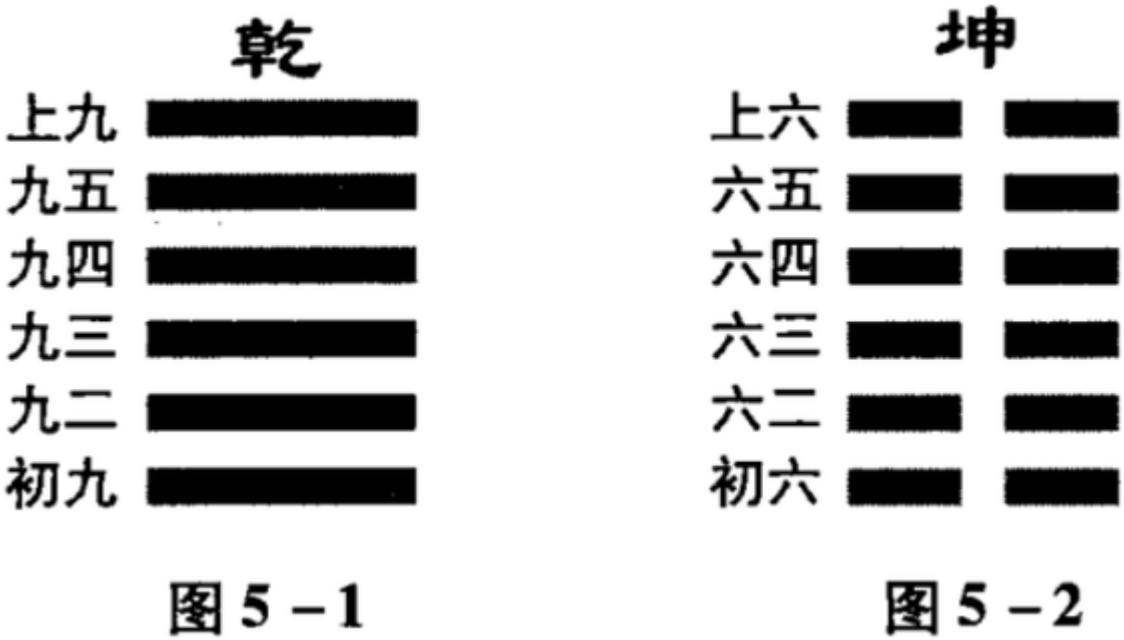

图 5 –1　　图 5 –2

Quẻ kia gọi là quẻ Khôn (hình 5-2), khi sáu hào dương của quẻ Kiền, một lúc toàn bộ biến thành hào âm, thành quẻ Khôn. Ký hiệu của quẻ Khôn, lập tức từ sơ cửu biến thành sơ lục, cửu nhị biến thành lục nhị, cửu tam biến thành lục tam, cửu tứ biến thành lục tứ, cửu ngũ biến thành lục ngũ, thượng cửu cũng biến thành thượng lục.

Như quẻ Kiền Khôn này, sáu hào âm dương hoàn toàn tương phản của nhau, trong Kinh Dịch gọi là "thác quái". Quẻ Kiền Khôn tương thác với nhau, là sáu hào dương toàn bộ biến thành sáu hào âm, hiện tượng này chỉ có một kiểu (hình 5-3). Còn có một số quẻ là có hào dương biến hào âm, có hào âm biến hào dương, sau đó khi xếp hai quẻ cùng nhau, chúng ta có thể thấy chúng tương thác.

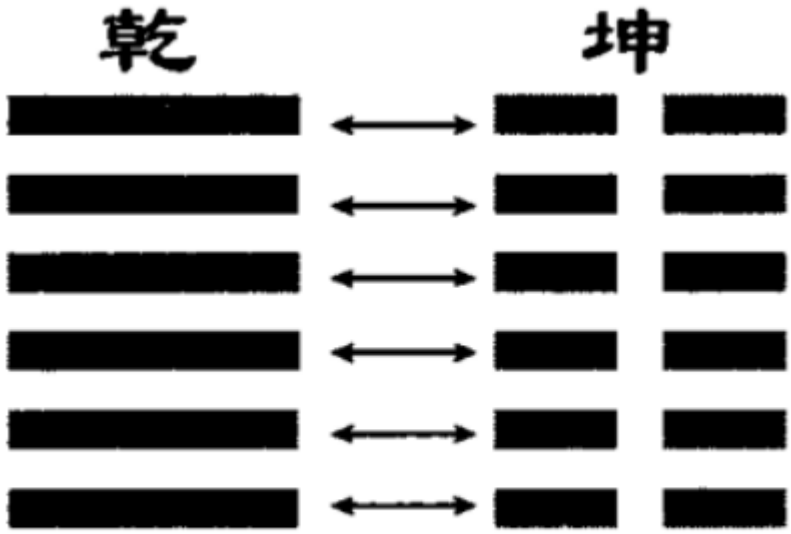

图 5 – 3

Kiền Khôn xuất hiện đồng thời, chúng ta gọi đây là khai thiên lập địa, có trời thì nhất định có đất, có đất chúng ta mới nhìn thấy được trời. Khoa học hiện đại cho rằng Trái Đất vốn là một khối năng lượng, trời đất không phân, chính là điều chúng ta gọi là hỗn độn, vô cực, sau đó trải qua một lần bùng nổ lớn, chúng ta dùng từ "bùng nổ" thực sự không đủ để mô tả tình trạng lúc đó, bởi vì trong đầu chúng ta, bùng nổ chỉ là một tiếng "bùng", nhưng sự bùng nổ lúc đó là đồng thời, hơn nữa rất dữ dội, một lần bùng nổ lớn chưa từng có và sẽ không có lần thứ hai, các nhà khoa học đặt cho nó một tên gọi chuyên môn là vụ nổ lớn, tiếng Anh gọi là Big bang. Sau vụ nổ lớn, vạn vật bắt đầu xuất hiện.

Khai thiên lập địa có hai loại lực lượng, một gọi là sáng tạo, một gọi là diễn hóa, diễn hóa phải căn cứ vào sáng tạo để phối hợp đầy đủ. Vì vậy, chúng ta dùng quẻ Kiền để đại diện cho lực lượng sáng tạo đó, và dùng quẻ Khôn để đại diện cho lực lượng giúp sáng tạo thực hiện, thích ứng, và không ngừng diễn hóa. Đây chính là điều chúng ta thường nói về Kiền Khôn phối, nó có thể ứng dụng vào nhiều nơi.

Người Trung Quốc nói không có ba thì không thành lễ, vì vậy chúng ta có thể nói 64 quẻ chỉ có ba loại, một loại là thuần dương, gọi là quẻ Kiền; loại hai là thuần âm, gọi là quẻ Khôn; loại còn lại là có âm có dương, chính là 62 quẻ khác. Chúng ta có thể hiểu, về số lượng mà nói, Kiền chỉ có một quẻ, Khôn chỉ có một quẻ, có âm có dương của Kiền Khôn phối sẽ sinh ra 62 quẻ; nhưng về giá trị mà nói, ba loại này mỗi loại chiếm một phần ba, có thể thấy quẻ Kiền Khôn đã chiếm hai phần ba. Vì vậy, chúng ta mới nói Kiền Khôn là cửa ngõ của Dịch. Mà cửa của Dịch học thực sự quá lớn, nên có hai cánh, một cánh gọi là Kiền, một cánh gọi là Khôn, hai cánh cửa lớn đồng thời mở ra, bên trong 62 quẻ toàn bộ hiện ra, rõ ràng minh bạch, đó chính là vạn tượng của vũ trụ.

> 64 quẻ của Kinh Dịch nhìn có vẻ phức tạp khó phân biệt, thực ra rất đơn giản, 62 quẻ trong cửa ngõ Kiền Khôn chính là những biến hóa và tổ hợp khác nhau của Kiền Khôn. Vì vậy, muốn thấu hiểu Kinh Dịch, trước tiên phải hiểu rõ quẻ Kiền và quẻ Khôn đại diện cho cửa ngõ của Dịch. 64 quẻ là do Bát Quái chồng lên nhau tổ hợp thành, vì vậy giáo sư Tăng Sĩ Cường nói với chúng ta, 64 quẻ chính là Bát Quái, Bát Quái chính là 64 quẻ, vì vậy muốn mở cửa Kiền Khôn, chúng ta còn phải bắt đầu từ 8 quẻ đơn căn bản. Vậy trong 8 quẻ đơn căn bản, quẻ Kiền Khôn đại diện cho trời đất có mối quan hệ như thế nào với sáu quẻ Tốn, Ly, Đoài, Chấn, Khảm, Cấn ?

Trong tất cả nhân loại, dân tộc có quan niệm gia đình đậm đặc nhất chính là dân tộc Trung Hoa chúng ta. Người Trung Quốc tại sao đặc biệt coi trọng gia đình? Bởi vì Kinh Dịch nói với chúng ta, Bát Quái là một đại gia đình, trong đó quẻ Kiền là cha, quẻ Khôn là mẹ, những quẻ liên quan đến quẻ Kiền là quẻ Tốn, quẻ Ly, quẻ Đoài đều là con gái, những quẻ liên quan đến quẻ Khôn là quẻ Chấn, quẻ Khảm, quẻ Cấn ngược lại đều là con trai (hình 5-4).



图 5 –4

Có thể có người sẽ thấy rất kỳ lạ, thực ra điều này không có gì kỳ lạ cả, chúng ta đi xem thực tế đi, con trai phần nhiều giống mẹ, con gái phần nhiều giống cha. Nếu con gái giống mẹ, con trai giống cha, thì nam nữ sẽ phân thành hai loại: một loại càng ngày càng nam tính hóa, gọi là loài đàn ông; một loại càng ngày càng nữ tính hóa, gọi là loài đàn bà. Vì vậy 62 quẻ do Kiền Khôn sinh ra đều là có âm có dương, âm dương xen kẽ.

Ba hào của quẻ Kiền, đều là dương cương, từ dưới cùng lên trên, gọi là hạ, trung, thượng, khi hào dưới cùng của quẻ Kiền biến thành hào âm, nó chính là quẻ Tốn, chính là gió, đại diện cho trưởng nữ.

Một gia đình nếu sinh con gái đầu tiên, gia đình này sẽ có một điều tốt, đó là mọi người tương đối hòa thuận. Bởi vì con gái rất đáng yêu, cha mẹ rất thích nó, mọi người đều thích nó, nó sẽ mang lại không khí hòa thuận. Vì vậy, một gia đình nếu chỉ sinh một đứa con, thì con trai hay con gái đều tốt như nhau, nếu sinh hai đứa trở lên, thì mọi người đều khá thích con cả là con gái.

Trong ba hào dương của quẻ Kiền khi một hào biến thành âm thì gọi là trung nữ, chính là người con gái thứ hai, đó là quẻ Ly, quẻ Ly sẽ mang lại cảnh tượng rất đẹp đẽ. Con cả sinh ra gọi là thiên kim, con thứ hai sinh ra, lại thêm một tiên nữ nữa, nó sẽ làm cho một gia đình nhỏ có ba người phụ nữ xinh đẹp: mẹ, con gái cả, con gái thứ. Nhưng quẻ Ly này cũng đem lại cho chúng ta một số vấn đề, đó là trong nhà bắt đầu có ý kiến bất đồng.

Đến khi người con gái thứ ba xuất hiện, chính là hào trên cùng của quẻ Kiền, biến thành hào âm, đó là thiếu nữ, chúng ta gọi nó là quẻ Đoài. Quẻ Đoài nói rằng bạn đừng không vui, bạn phải rất hân hoan, thêm một con gái có sao đâu? Thực tế mọi người đều biết, lúc này đã có rất nhiều vấn đề trong lòng rồi. Tôi đã từng thấy một người, anh ta nhất định phải sinh một con trai, liên tiếp sinh năm con gái, anh ta nghĩ đứa thứ sáu chắc là con trai rồi, sinh đứa thứ sáu, vẫn là con gái, mọi người an ủi anh ta, cũng không tệ đâu, lục tiên nữ, anh ta nghĩ lục tiên nữ rồi thì sau đó chắc sẽ đến con trai, sinh thêm một đứa nữa, thất tiên nữ. Chúng ta không tán thành có cảm giác phân biệt nam nữ như vậy.

> Khổng Tử nói: "Sinh sinh chi vị dịch." Sự tương tác biến hóa của âm dương, sinh ra vạn sự vạn vật, sự biến hóa âm dương của các hào trong Kinh Dịch đến từ quy luật tự nhiên, cũng chứa đựng đạo lý sinh động và kinh điển. Đã vậy quẻ Kiền vì sự thay đổi của ba hào dương, mà sinh ra ba quẻ có ý nghĩa khác nhau, đại diện cho ba người con gái trong gia đình, vậy quẻ Khôn vì sự thay đổi của hào âm, lại sẽ dẫn sinh ra ý nhị sinh động như thế nào?

Trong xã hội Trung Quốc, một gia đình luôn cảm thấy nếu có một con trai, sẽ mang lại một phen chấn động. Trong ba hào âm của quẻ Khôn, hào dưới cùng biến thành dương, chính là quẻ Chấn, chính là trưởng nam. Vì vậy, nếu một người họ Vương, tên gọi là Vương Chấn, chúng ta biết anh ta là con trai trưởng trong dòng họ, nếu không sẽ không đặt tên này, tên đơn chữ là Chấn, ví dụ Lý Chấn, Khổng Chấn, Trình Chấn, đều là con trưởng. Sự ra đời của con trưởng thường mang lại một phen chấn động cho gia đình - cuối cùng cũng có người thừa kế, cuối cùng tổ tiên cũng có người thờ cúng. Vì vậy, đừng nghĩ đến việc trọng nam khinh nữ, con gái có ưu điểm của con gái, nó sẽ mang lại nhiều khí hòa thuận, con gái từ nhỏ còn giúp việc nhà; còn con trai thì phải phấn đấu nỗ lực, phải có một phen thể hiện, bởi vì mọi hy vọng đều đặt trên vai nó, làm sao không chấn động?

Hào giữa của quẻ Khôn từ âm biến thành dương, là trung nam, đó là quẻ Khảm. Tại sao là quẻ Khảm? Chúng ta đều biết, người thứ hai và người anh cả, thường có ý kiến không giống nhau, người thứ hai không phục người anh cả, còn người anh cả cũng nhiều điều không hài lòng với người thứ hai. Càng là gia đình giàu có quyền thế, con trai cả với con trai thứ, càng không xử tốt với nhau. Một người đến mang lại một

phen chấn động, một người đến thì nói với mọi người phải hòa thuận, nếu không gia đình bất hòa, anh em tranh chấp, tương lai sẽ rắc rối.

Ấu tử là gì? Chính là hào trên cùng của quẻ Khôn từ âm biến dương, gọi là quẻ Cấn. Quẻ Cấn có mấy ý nghĩa: một là nói, một gia đình có ba người con trai, là đủ rồi, đừng sinh nữa; thứ hai là nói, nếu bây giờ muốn dừng lại, gia đình này phải làm một phen quy hoạch, xem làm sao để biến nó thành một tập thể, mà không phải là một trở ngại. Có thể thấy, một sự biến động nhỏ, ảnh hưởng đến người Trung Quốc chúng ta thực sự rất lớn.

> Với tư cách là hai cánh cửa của Kinh Dịch, quẻ Kiền và quẻ Khôn, trong sự đóng mở của chúng, dẫn sinh ra 62 loại quẻ tượng, như trời đất giao hợp, âm dương hỗ biến, sinh ra vạn vật. Và chính trong sự biến hóa vi diệu của âm dương như vậy, lại chứa đựng đạo lý bất biến qua các thời đại. Vậy, từ sự biến hóa của hai quẻ Kiền Khôn, tiền nhân đã giải thích đạo lý vĩnh hằng như thế nào? Chúng ta lại nên tuân theo quy luật của trời đất mà làm như thế nào?

Kiền Khôn tương thác, hiện tượng sáu hào cực kỳ mãnh liệt toàn bộ phát sinh biến hóa này, trong Kinh Dịch rất hiếm thấy, điều này nói với chúng ta: việc biến đổi trong thế gian rốt cuộc là thiểu số, không biến đổi vẫn là đa số, nếu không ngày ngày biến, việc việc biến, người người biến, chúng ta không chịu nổi.

Câu nói này đối với những người hiện đại rất thích cầu mới cầu biến, là điều nên suy nghĩ kỹ. Quẻ đơn trong Kinh Dịch đại diện cho thiên, nhân, địa tam tài. Vậy quẻ lục hào thì sao? Nhất âm nhất dương chi vị đạo, chúng ta biết, trời có âm dương, người có âm dương, đất cũng có âm dương. Vì vậy, chúng ta gọi hai hào dưới cùng là địa đạo, hai hào giữa là nhân đạo, hai hào trên cùng là thiên đạo, thiên đạo nói về âm dương, nhân đạo nói về nhân nghĩa, địa đạo nói về cương nhu (hình 5-5).



图 5 –5

Mọi người có thể xem kỹ, địa đạo của cương nhu, "cương" ở hào đầu tiên, "nhu" ở hào thứ hai, đây là bởi vì bề mặt đất tương đối mềm, chúng ta dùng cuốc là có thể đào được, còn càng xuống dưới càng cứng, nếu không nếu trên cứng, dưới càng ngày càng mềm, thì quá nguy hiểm, xây nhà cao tầng sẽ sụp đổ ngay, chúng ta xây nhà cao tầng, móng phải đào rất sâu mới có thể vững chắc, vì vậy địa đạo hào đầu là cương, hào thứ hai mới là nhu.

Vậy nhân đạo thì sao? Con người là nói nghĩa trước hay nói nhân trước? Con người phải lấy nghĩa làm nền tảng, nói chuyện hợp lý, làm việc hợp lý, ngôn hành đều hợp lý chính là hợp nghĩa. Phù hợp với yêu cầu của nghĩa, mới có thể chứng minh tâm người là có nhân từ, có nhân ái.

Thiên đạo nói về âm dương, hào trên cùng là âm, còn hào thứ hai là dương. Người Trung Quốc chỉ nói âm dương, chưa từng có ai nói dương âm, đây là đạo lý gì? Bởi vì khí âm là đi xuống, bạn xem máy điều hòa của chúng ta phần nhiều treo trên cao, khí lạnh mới thổi xuống được, nếu không nếu máy điều hòa đặt dưới đất, thì khí lạnh chỉ chui xuống đất, phía trên vẫn nóng. Còn khí nóng thì bốc lên. Vì vậy, âm đi xuống, dương đi lên, âm dương mới có thể giao lưu.

Đầu người chỉ có một cái, là số lẻ, nên nó là dương. Chân người có hai cái, là số chẵn, nên nó là âm. Nhưng, tuy đầu là dương, khí của nó phải âm một chút, tức là đầu óc phải lạnh một chút, đừng quá nóng. Còn chân cần nóng, người này mới khỏe mạnh. Đây cũng là nhất âm nhất dương chi vị đạo.

> Vạn vật trong thiên hạ đều là âm dương, đây là quy luật căn bản của vạn sự vạn vật. Đối với loài người chúng ta mà nói, càng phải hiểu đạo âm dương của bản thân sinh tồn. Khổng Tử nói: "Dịch dữ thiên địa chuẩn, cố năng di luân thiên địa chi đạo." Là nói đạo âm dương của Kinh Dịch là lý của trời đất, nắm được đạo lý này là nắm được quy luật căn bản của thiên hạ. Vậy, trong cuộc sống thực tế, chúng ta làm thế nào để có thể thuận theo quy luật mà làm? Lại làm thế nào đối đãi với các loại tình huống đa biến?

Chúng ta có thể chia một quẻ lục hào thành hai đoạn, bởi vì nó vốn đã phân thành hai đoạn. Bất kỳ một quẻ trọng nào đều là đem hai quẻ đơn chồng lên nhau, mới từ quẻ ba vạch biến thành quẻ lục hào. Ngoại quái đại diện cho vật chất, nội quái đại diện cho năng lượng (hình 5-6). Do đó chúng ta có thể thấy một con người, nửa thân trên là năng lượng, nửa thân dưới là vật chất.



图 5 –6

Quẻ có sáu hào, đại diện cho sáu vị trí, trong một khoảng thời gian, chúng ta chia nó thành sáu giai đoạn, cho nó sáu vị thứ khác nhau, mỗi vị thứ gọi là một hào. Hào một, ba, năm, là số lẻ, dương thì tốt hơn, mới gọi là đắc chính. Vì vậy, chúng ta đi xem quẻ, phát hiện phàm là hào thứ nhất là cửu, gọi là sơ cửu, hào thứ ba là cửu, gọi là cửu tam, hào thứ năm gọi là cửu ngũ, hào từ của nó đều tương đối làm người yên tâm. Hai, bốn, thượng, thượng tức là sáu, ba hào này nó là vị âm, vị âm nếu dùng hào dương gọi là bất chính (hình 5-7).

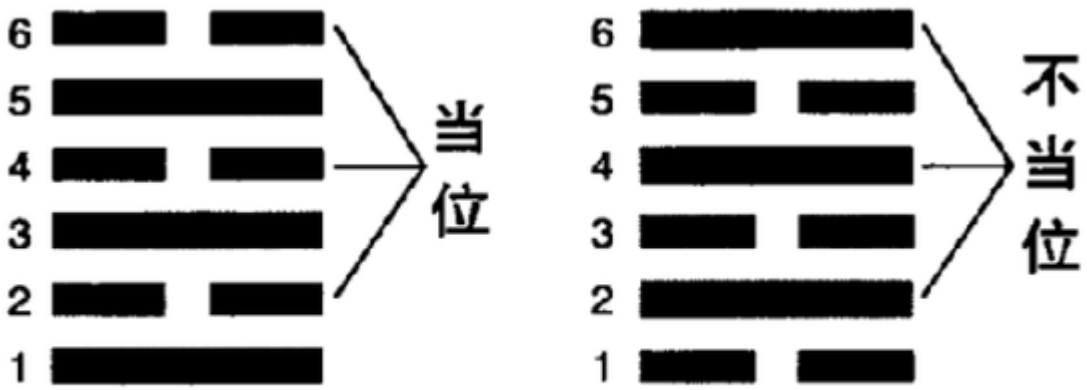

图 5 –7

Chúng ta nói rõ hơn một chút, ở vị trí hào một, ba, năm, nếu là hào dương thì đắc chính, nếu là hào âm thì bất chính. Ở vị trí hào hai, bốn, sáu, nếu là hào âm thì gọi là đắc chính, nếu là hào dương thì gọi là bất chính.

Bây giờ chúng ta đã rõ, trong 64 quẻ, sáu hào toàn bộ đắc chính chỉ có một quẻ, gọi là quẻ Ký Tế (hình 5-8). Quẻ Ký Tế là quẻ thứ 63 trong Kinh Dịch, nó là sơ cửu đắc chính, lục nhị đắc chính, cửu tam đắc chính, lục tứ đắc chính, cửu ngũ đắc chính, thượng lục cũng đắc chính, sáu hào đều đắc chính, gọi là việc đã hoàn thành - Ký Tế. Cũng có một quẻ là hoàn toàn bất chính, chính là quẻ cuối cùng của Kinh Dịch, gọi là quẻ Vị Tế. Vị Tế nghĩa là còn chưa hoàn thành.

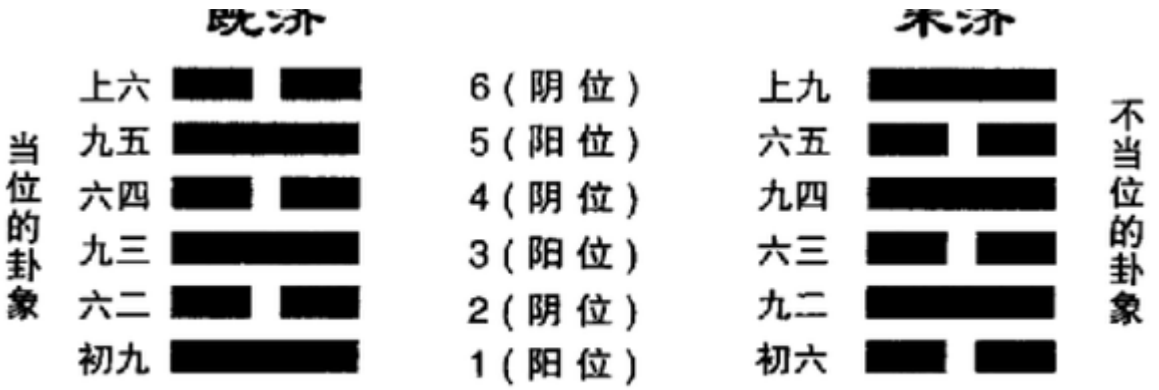

图 5－8　　图 5－9

Quẻ Vị Tế hào thứ nhất, vốn nên là dương, nó lại âm; hào thứ hai vốn nên là âm, nó lại dương; hào thứ ba vốn nên là dương, nó lại âm; hào thứ tư vốn nên âm, nó lại thiên về dương; hào thứ năm là âm cư dương vị; vị thượng nên là âm, nó xuất hiện hào dương. Không có một hào nào đắc chính, nên gọi là Vị Tế.

Chúng ta quay lại nhìn quẻ Kiền, tuy quẻ Kiền là quẻ đầu tiên của Kinh Dịch, nhưng quẻ Kiền từ đầu đến cuối đều là dương cương, chúng ta lập tức biết có ba hào là bất chính, chỉ có ba hào là đắc chính (hình 5-10). Bất chính chính là vị trí đó với thân phận không phù hợp, với tính chất cũng không phù hợp. Một người có năng lực làm một việc, làm tốt thì biểu thị là đắc chính; một người không có năng lực đó, lại chiếm giữ vị trí đó, đương nhiên làm không tốt, chính là bất chính.

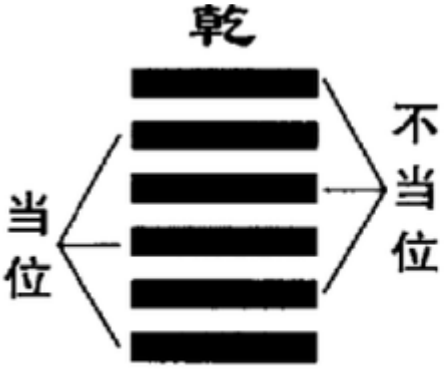

图 5－10

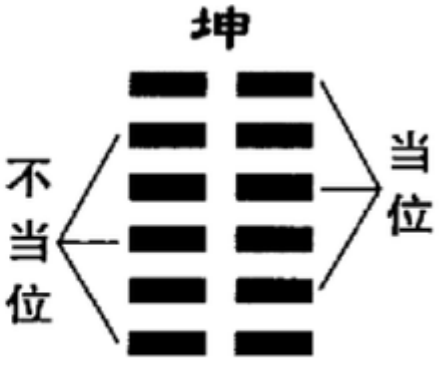

图 5－11

Quẻ Khôn cũng có ba hào bất chính (hình 5-11), nếu quẻ Kiền, quẻ Khôn đều đắc chính, thì chúng đều yên ổn tĩnh lặng, đều làm việc của mình, sẽ không sinh ra tương thác.

Vì vậy đọc đến đây mọi người nên rất rõ, trong Kinh Dịch không có tốt xấu, tốt sẽ biến thành xấu, xấu sẽ biến thành tốt, cũng chính là nói tốt chính là xấu, xấu chính là tốt, bởi vì trong cái tốt cũng có nhiều yếu tố xấu bất cứ lúc nào cũng có thể sinh ra, trong cái xấu nó cũng có nhiều yếu tố tốt, bất cứ lúc nào cũng có thể lật ngược lại, sau đó thay thế toàn bộ thành phần xấu, thì biến thành tốt. Những lời như thế này, phải rất cẩn thận khi giải thích, nếu không sẽ biến thành không có phải trái.

Sự trao đổi chất trong cơ thể con người, giống như sự biến hóa của quẻ vậy. Cứ bảy ngày tế bào phần lớn đều thay đổi. Vì vậy, chúng ta bất cứ lúc nào cũng có thể làm một con người mới. Sự khải thị mà Kinh Dịch đem lại cho chúng ta chính là, chúng ta đừng chỉ nhìn trước mắt, phải biết những biến hóa trong tương lai. Cho dù tình trạng hiện tại của chúng ta không tốt lắm, điều này đã là định rồi, vậy chúng ta than phiền cũng vô ích, phải nghĩ cách làm cho nó chuyển biến tốt, mới là việc cấp bách.

> Tượng và số nhỏ bé, bao hàm vạn tượng, chứa đựng trời đất. Trí tuệ của Kinh Dịch, tồn tại giữa trời đất, ẩn sâu trong sự biến hóa âm dương của lục hào. Từ dưới lên trên, lần lượt sắp xếp sáu hào, hoặc âm hoặc dương, trong đó lại chứa đựng ý nghĩa độc đáo và mối quan hệ vi diệu. Vậy, sáu hào lần lượt đại diện cho cái gì? Chúng ta lại có thể từ đó thấu hiểu đạo lý phải trái như thế nào?

Mỗi một quẻ có sáu hào, chính là trong một khoảng thời gian, chúng ta cho nó sáu vị thứ, biểu thị sự biến hóa của các giai đoạn khác nhau. Chúng ta trước tiên nói về thông lệ của hào trong 64 quẻ, điều này áp dụng cho mỗi quẻ.

Hào sơ và hào thượng đối ứng với nhau, gọi là hữu thủy hữu chung, một câu, **“sơ nan tri”, “thượng dị tri”.** Hào thứ nhất nó đại diện cho cái gì, rất khó rõ ràng, bởi vì sự việc mới bắt đầu, ai cũng không thấy rõ tương lai sẽ có những biến hóa gì. Nhưng “thượng dị tri”, bởi vì phát triển đến giai đoạn cuối cùng, mọi hình thái đều đã rất rõ rệt, và mọi người đều nhìn thấy rất rõ ràng, đương nhiên rất dễ hiểu. Đối với trẻ nhỏ, chúng ta đừng liếc một cái mà đoán định nó vô dụng, bởi vì nó còn phát triển, và thường là “tiểu thời liễu liễu, đại vị tất giai”, lúc nhỏ không có gì đặc biệt, sau này càng ngày càng giỏi, có thể thấy nó là sẽ biến hóa.

Hào hai với hào năm, lại là tương đối. **“Nhị đa dự, ngũ đa công”.** Mọi người có phát hiện không, người Trung Quốc chúng ta vừa họp đã nói việc này là nhờ chỉ thị rõ ràng của cấp trên, lãnh đạo có phương pháp, chúng ta mới có thể làm tốt như vậy, chính là chúng ta rất quen với việc đem tất cả công lao quy về cấp trên lãnh đạo. Người Trung Quốc sẽ không đi tranh công với lãnh đạo cấp trên, bởi vì tranh cũng tranh không lại, một người muốn tranh công lao của lãnh đạo, thì họ nhất định xui xẻo, chúng ta chỉ có thể là làm công đức cho lãnh đạo, sau đó được một số lời khen ngợi.

Một ông chủ sẽ rất yên tâm đi khen ngợi người quản lý công trường, hoặc là một số tổ trưởng sản xuất lâu năm, anh ta có lẽ không dễ dàng đi khen ngợi một giám đốc, một trưởng phòng. Chúng ta ở đây là muốn nhắc nhở mọi người, vấn đề lớn nhất của chúng ta hiện nay, chính là tiêu chuẩn phải trái của chúng ta đã rối loạn mất rồi, chúng ta đem cái đúng xem thành sai, cứ mắng, cứ cười, chúng ta đem cái sai ngược lại xem thành đúng, điều này rất tệ hại.

Bạn xem, ngày nay chỉ cần có một người đứng lên nói, việc này nhờ ơn chỉ thị của cấp trên lãnh đạo, mọi người liền cười anh ta nịnh bợ. Có gì là nịnh bợ đâu? Không có cấp trên lãnh đạo, chúng ta có bản lĩnh trời cho cũng vô dụng. Chúng ta phải đem công lao cho lãnh đạo, để lãnh đạo biết "trong lòng tôi có anh", lãnh đạo cảm nhận được trong lòng cấp dưới có mình, mới yên tâm khen ngợi cấp dưới. Nếu cấp dưới cho rằng việc này là năng lực của mình, bản sự của mình, tâm tư mình bỏ ra thành quả của mình, thì lãnh đạo sẽ nghĩ: lần sau tôi không cho anh làm, lần này tôi cũng không khen ngợi anh tán dương anh. Những ví dụ như thế này mọi người thấy khắp nơi.

Tam với tứ là rắc rối nhất, **“tam đa hung, tứ đa cụ”**. Tam, nó không lên không xuống; tứ cũng vậy, tứ tuy là thuộc ngoại quái nhưng nó rất gần với nội quái. Tam phải cẩn thận, bởi vì từ nội quái mà nói, tam đã phát triển đến đỉnh cao của một quẻ rồi, phải đề phòng “vật cực tất phản”, phòng ngừa rất nhanh sinh ra biến hóa lớn. Còn tứ thì sao, là mới bắt đầu ngoại quái, lúc này căn bản không biết biến đổi này có thể biến đổi thuận lợi không.

“Sơ nan tri, nhị đa dự, tam đa hung, tứ đa cụ, ngũ đa công, thượng dị tri” (hình 5-12) (Hào một khó biết, hào hai nhiều lời khen, hào ba nhiều hiểm nguy, hào bốn nhiều sợ hãi, hào năm nhiều công trạng, hào sáu dễ biết).



图 5－12

Chúng ta đem điều này đối chiếu với hào từ của quẻ Kiền, quẻ Khôn hoặc 62 quẻ khác, tám chín phần không sai. Nhưng, còn phải nhớ một câu: nhất định có ngoại lệ, Kinh Dịch nếu không có ngoại lệ thì không gọi là Kinh Dịch. Vì vậy, hiện nay rất nhiều người nói "chính là như vậy", "nhất định là như vậy", quyết đoán ngay, là vi phạm tinh thần của Kinh Dịch.

Quẻ Kiền là quẻ đầu tiên của Kinh Dịch, chúng ta gọi nó là “thiên hạ đệ nhất quái”, trong đó có quá nhiều thứ ảnh hưởng rất phổ biến đến người Trung Quốc ngày nay, vì vậy chúng ta phải phân tích kỹ sáu hào của nó, tập sau chúng ta sẽ bàn về: Kiền quái lục long.

Chương 6: Quẻ 1: Bát Thuần Kiền - Kiền quái lục long

> Từ xưa đến nay, rồng là biểu tượng của dân tộc Trung Hoa, được người Trung Quốc tôn sùng, người Trung Quốc cũng tự xưng là con cháu của rồng. Trong Kinh Dịch được tôn là "đứng đầu các kinh, là nguồn gốc của các học phái", quẻ đầu tiên chính là quẻ Kiền, lấy rồng làm đại diện: quẻ Kiền lấy sáu hào dương làm tượng, biểu thị sự mênh mông và không ngừng xuất hiện của vũ trụ. Vậy, tại sao dân tộc Trung Hoa chúng ta lại tự xưng là con cháu của rồng? Và sáu hào dương của quẻ đầu tiên trong Kinh Dịch lại hàm chứa đạo lý nhân sinh như thế nào?

Người Trung Quốc chúng ta tại sao gọi mình là con cháu rồng? Đặc biệt là khi chúng ta giao lưu nhiều với người phương Tây, chúng ta càng đầy hoài nghi, bởi vì người Âu Mỹ có cảm nhận không tốt về rồng, phần nhiều cho rằng rồng rất tà ác. Nhưng chúng ta ở bất kỳ nơi nào cũng muốn thể hiện hình tượng rồng, thậm chí coi con cái mình như long tử long nữ. Người Trung Quốc thích rồng như vậy, là vì chúng ta biết rồng ít nhất có ba đặc tính: Thứ nhất, biến hóa đa đoan, rồng là loài biến hóa nhất, lúc thế này lúc thế khác, không có loài động vật nào có nhiều biến hóa như nó; Thứ hai, nó rất khó nắm bắt, con người không nắm bắt được nó; Thứ ba, nó thể hiện thần thông quảng đại, khó khăn nào cũng không làm khó được nó.

Ba đặc tính của rồng khiến chúng ta có hai cách suy nghĩ: Cách thứ nhất là đã rồng thần thông quảng đại, khó nắm bắt, biến hóa đa đoan như vậy, nếu chúng ta đối đầu với nó, sẽ khổ cả đời, bởi vì chúng ta đấu không lại nó, không bằng ôm lấy rồng, hợp nhất với nó, sau đó mượn lực dùng lực, theo nó lật xoay, ngược lại thuận tiện hơn cũng an toàn hơn.

Cách thứ hai là chúng ta rất ngưỡng mộ rồng. Chúng ta đều biết cuộc đời phải đối mặt với rất nhiều khổ cực, gian nan, trở ngại, nếu chúng ta được như rồng thì tốt biết mấy. Rồng trên đất có thể sống, trên không có thể bay, ở giữa cũng có thể an thân. Còn người Trung Quốc thích nhất là bản thân có thể như rồng vậy, thần thông quảng đại, tùy thời ứng biến, không đâu không thông. Vì vậy chúng ta dùng quẻ Kiền, quẻ có đầy đủ năng lượng sáng tạo này, dùng sáu hào dương của quẻ để mô phỏng.

Đại tượng của quẻ Kiền là: “Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức.”

(Trời cao mạnh mẽ xoay vần. Nên người quân tử quyết tâm tự cường [noi theo tính chất cương kiện của trời]. Không hề ngưng nghỉ triển dương)

Trời chủ yếu nhất là “vân hành vũ thí” (Mây di chuyển, mưa rơi). Trời không có gì cả, nên gọi là không, nếu trên trời có vật chất, sẽ rơi xuống. Nhưng, trên trời có mây có mưa, mây mưa phải động, cũng chính là trời phải vận hành, nếu không không khí không lưu thông, thời tiết đông cứng, cỏ cây cũng khó sinh trưởng. Vì vậy, mây trên trời phải vận hành, mưa phải rơi xuống, nên gọi là “thiên hành”. “Kiện” không chỉ là cương mà thôi, còn phải bền bỉ, mới gọi là “kiện”. Một người rất cương, rất dễ bị gãy, vì thế bền bỉ vận hành mới gọi là

“thiên hành kiện”. Chúng ta thấy mặt trời bền bỉ, không ngừng Đông lên Tây lặn, không khí không ngừng lưu động, có lúc có mây, có lúc có sương mù, có lúc mưa xuống, chưa từng dừng lại. Chúng ta liền giác ngộ ra, muốn làm một quân tử, thì nên học tập tinh thần “tự cường bất tức” của trời.

> Trời trong lòng người Trung Quốc có địa vị tối cao vô thượng, quẻ Kiền trong Kinh Dịch, chính là hàm ý vạn vật trong vũ trụ tự nhiên thống thuộc về trời, thể hiện ý chí của trời. Vậy, sáu hào dương của quẻ Kiền rốt cuộc hàm ý gì? Từ dưới lên trên, hào đầu của quẻ Kiền lại có ý nghĩa gì?

Chúng ta thấy quẻ Kiền có sáu đường thẳng liên tục không đứt đoạn, đều là hào dương, chúng ta có thể tưởng tượng, đứng trong tình trạng như vậy, nên từng bước từng bước đi ra con đường của mình như thế nào. Chúng ta chia thành hai phương diện, một phương diện là nguyên tắc cơ bản làm người, phương diện thứ hai là nguyên tắc cơ bản làm việc. Bởi vì một người không ngoài chuyện làm người, làm việc. Mọi người từ góc độ làm người để xem quẻ Kiền, từ lập trường làm việc để xem quẻ Kiền, sẽ có thể thấy rất rõ ràng.

Trọng điểm của quẻ Kiền tổng cộng chỉ có sáu chữ, từ dưới lên trên, sơ cửu là "tiềm", cửu nhị là "hiện", trong Kinh Dịch chữ "kiến" này đọc là "hiện", cửu tam là "dịch", cửu tứ là "dược", cửu ngũ là "phi", thượng cửu phải cẩn thận, là "kháng" cao tới cực điểm (hình 6-1).



图 6－1

Hào đầu gọi là tiềm long, chữ "tiềm" này chính là điều Kinh Dịch 64 quẻ hào thông lệ nói là "sơ nan tri". “Sơ nan tri” có ba phương diện ý nghĩa: một phương diện là vừa mới xuất hiện, tương lai rốt cuộc sẽ thế nào, ai cũng không đoán được; thứ hai, người vừa mới xuất hiện này cũng tốt, việc cũng tốt, bản thân cũng không nắm chắc tương lai sẽ thế nào; thứ ba, toàn bộ môi trường đối với họ có phù hợp hay không tạm thời còn

chưa biết. “Tiềm long”, hiện nay chúng ta gọi nó là năng lượng tiềm ẩn, là nói người này rất có tiềm lực. Hào từ của sơ cửu (hình 6-2) là: “Tiềm long vật dụng.”

(Rồng còn ẩn náu, chưa (đem tài ra) dùng được.)



图 6 –2

Rất nhiều người vừa thấy "tiềm long vật dụng" liền nổi giận: Có năng lực mà không dùng, vậy có năng lực để làm gì? Rất nhiều người không hiểu, cái "vật dụng" này không phải là không dùng, "vật dung" chính là phải dùng. Nhưng tại sao không nói phải dùng, mà nói “vật dụng”? Chính là vì không thể dùng, vì vậy mọi người có thể thấy người Trung Quốc có "bất dụng", "bất khả dụng", "yếu dụng", "bất yếu dụng", trong đó có sự khác biệt rất tinh tế.

> Hào đầu của quẻ Kiền là “tiềm long”, và hào từ của tiềm long là “tiềm long vật dụng”. Nhìn từ chữ nghĩa, “vật dụng” chính là không nên dùng, nhưng giáo sư Tăng Sĩ Cường lại nói đây là hiểu sai. Vậy, ý nghĩa thực sự của “tiềm long vật dụng” là gì? Trong cuộc sống thực tế, chúng ta lại làm thế nào để khéo léo thực hiện “tiềm long vật dụng”?

Một người nếu không có năng lực thì không đủ tư cách gọi là rồng. Muốn coi mình là con cháu của rồng, thứ nhất, phải tự hỏi mình có đủ tư cách làm con cháu của rồng không; thứ hai, đã muốn làm con cháu của rồng, thì phải bồi dưỡng bản thân, nâng cao bản thân, để bản thân có tư cách trở thành một phần tử của dân tộc Trung Hoa. Hiện nay có rất nhiều người nhìn qua là người Trung Quốc, thực tế là không đủ tư cách

làm người Trung Quốc, bởi vì không có tiềm lực, không có long đức. Long đức chính là chỉ “nguyên, hanh, lợi, trinh”.

Trong Kinh Dịch thoán từ của quẻ Kiền rất đơn giản, chính là bốn chữ "nguyên, hanh, lợi, trinh", bốn chữ này chính là bốn đức tính mà làm rồng phải có. Có người nói, đã vậy quẻ Kiền có đầy đủ mỹ đức “nguyên, hanh, lợi, trinh”, sao còn phải “vật dụng”? Không phải rất kỳ lạ sao? Câu trả lời quá đơn giản, bạn vừa đến một nơi đã bắt đầu phát biểu rất nhiều ý kiến, người bản địa vừa nghe đã biết bạn là người mới đến, bạn hoàn toàn không hiểu gì về địa phương, vậy hoàn cảnh của bạn không phải rất nguy hiểm sao? Một người đến một nơi mới, nhất định phải bình tâm tĩnh khí, tìm hiểu thật nhiều, gọi là “nhập hương vấn tục” (Khi đến vùng đất mới, nên hỏi về phong tục địa phương), trước tiên làm rõ tình hình, có ý kiến rồi nói cũng không muộn.

Khổng Tử là chuyên gia về lễ, hiểu lễ nhất, ông bỏ công sức nhiều nhất vào Chu lễ, và cũng có tâm đắc nhất, ông có quyền uy nhất để nói về Chu lễ, nhưng "Tử nhập thái miếu mỗi sự vấn" (Khổng Tử vào thái miếu việc gì cũng hỏi). Khổng Tử đi qua thái miếu thấy rất nhiều lễ khí, cứ hỏi cái này dùng làm gì, cái kia dùng làm gì, ông hỏi như vậy không phải vì ông không hiểu mà phải thỉnh giáo người khác, ông muốn biết người khác hiểu về lễ khí đến mức độ nào, bản thân lại có thể phối hợp với họ đến mức độ nào, hơn nữa lễ khí có thay đổi theo thời gian không, Khổng Tử luôn muốn hiểu rõ, để tiến bộ cùng thời đại.

“Tiềm long vật dụng”, là hào đầu tiên của quẻ Kiền, quẻ đầu tiên trong 64 quẻ của Kinh Dịch, tức là hào đầu thiên hạ. “Nhập hương vấn tục” chính là “tiềm long vật dụng”. Một người không có năng lực, không có tư cách nói “tiềm long vật dụng”, bởi vì căn bản không tính là rồng, không có gì để nói về “tiềm long”, cũng không thể dùng. “Tiềm long vật dụng” chính là một người có năng lực tiềm ẩn, và có thể bồi dưỡng bản thân, chuẩn bị sẵn sàng sau đó, vốn có thể dùng, nhưng vì sự an toàn của toàn thể, tạm thời không thể hiện ra. Có quá nhiều người mù quáng tiến vào, sau đó làm rối loạn cả cục diện, mọi người liền mắng họ là mạo muội, lỗ mãng.

“Tiềm long vật dụng” ảnh hưởng rất sâu đến người Trung Quốc, nhưng sau này người đọc sách chỉ biết đọc văn tự, liền giải thích tiềm long vật dụng là tiềm long không nên dùng. Thực ra không phải, người Trung Quốc nói “vật dụng”, nói bằng lời hiện đại, chính là đứng ở lập trường không dùng để dùng, chứ không phải không dùng, không dùng thì là vô dụng.

“Tiềm long vật dụng”, có lời tạm thời không nói, trước hãy nghe người khác nói, nếu mình vừa nói ra, người ta lập tức làm khó mình, hoặc sau khi mình nói xong người khác nói đều cao minh hơn mình, thế không phải phiền phức sao? Bản thân không có chỗ dung thân. Vì vậy người Trung Quốc thường nói "tôi không có ý kiến, tôi không có ý kiến", nghe đi nghe lại thấy ý kiến của mọi người đều tốt hơn mình, rất mừng - may mà mình không nói. Nếu nghe đi nghe lại thấy ý kiến mọi người đều không bằng mình, vậy có nên nói không? Cũng không nhất định, tại sao? Bởi vì không nhất định phải công khai nói ngay bây giờ, có thể sau đó lén nói với lãnh đạo. Những điều này đều là ứng dụng linh hoạt của “tiềm long vật dụng” trong cuộc

sống hàng ngày của chúng ta. Nhưng cứ “vật dụng” mãi, cứ tiềm ẩn mãi bên trong, có cần hiện ra không? Có cần thể hiện ra không? Câu trả lời rất đơn giản: khi nên thể hiện mới nên thể hiện, nếu lúc không nên thể hiện thì vẫn không nên thể hiện.

> Nếu trong cuộc sống chúng ta có thể làm được “tiềm long vật dụng”, thể hiện tài năng của mình vào thời điểm thích hợp nhất, thì theo quẻ Kiền, chúng ta đã lên đến cảnh giới “hiện long” của hào thứ hai. Vậy, chúng ta nên vận dụng “tiềm long vật dụng” đến mức tột cùng như thế nào? Khi đạt đến “hiện long”, lại nên hiểu hoàn cảnh hiện tại như thế nào?

Người thành công nhất trong lịch sử về việc vận dụng “tiềm long vật dụng” chính là Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng tự xưng là Ngọa Long - ta là rồng, nhưng ta nằm ở đây, ta không vội, các người đến cầu ta, ta còn phải cân nhắc cân nhắc, suy ngẫm, bảo ta đi cầu người, ta không làm. Gia Cát Lượng rất phi thường, tiềm ẩn suốt 27 năm. Người ta nói Tào Tháo rất tốt, bảo ông đi theo Tào Tháo, ông không đi; Tôn Quyền không tồi, đi theo Tôn Quyền, ông cũng không đi. Ông đang đợi ai? Ông đang đợi Lưu Bị, Lưu Bị ba lần đến lều tranh, chính là do ông tiềm ẩn mà ra. Ba lần đến lều tranh (Tam cố thảo lư), Gia Cát Lượng đã cho Lưu Bị thấy toàn bộ viễn cảnh tương lai, nói cho ông biết việc thiên hạ là như thế nào. Lưu Bị nghe xong thực sự khâm phục vô cùng, sau đó mời Gia Cát Lượng xuống núi giúp đỡ. Gia Cát Lượng vẫn không đồng ý, ông bảo Lưu Bị mời người tài giỏi khác. Đây là thử thách cuối cùng, ông muốn xem Lưu Bị nói thế nào, nếu Lưu Bị nói "ngài không xuống núi tôi biết làm sao đây", vậy Gia Cát Lượng tuyệt đối sẽ không xuống núi - ngài làm sao là việc của ngài, tôi có nợ gì ngài đâu. Lưu Bị cũng rất phi thường, ông quỳ xuống nói: "Ngài không xuống núi, bách tính thiên hạ làm sao đây? Ta Lưu Bị không sao cả, không thành thì thôi, nhưng dân chúng thiên hạ thật đáng thương." Gia Cát Lượng chính là vì câu nói này mới đồng ý, không phải Lưu Bị đến thăm ba lần là ông xuống núi.

Gia Cát Lượng vừa xuống núi, ông đã biết mình nhất định phải hiện, không thể không hiện, không hiện thì Quan Công và Trương Phi sẽ coi thường ông, hơn nữa bản thân đã chuẩn bị 27 năm chính là để thể hiện thật tốt, không thể hiện một chút, ông xuống núi cũng bằng không xuống núi, vì vậy trận đánh đầu tiên, đã khiến quân Tào chịu thiệt hại rất lớn. Một người lần đầu làm không tốt, người ta sẽ không còn tin tưởng vào bạn nữa.

Vì vậy hào từ của cửu nhị (hình 6-3) viết rất rõ ràng: “Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân.”

(rồng đã hiện ở cánh đồng, ra mắt đại nhân thì lợi.)

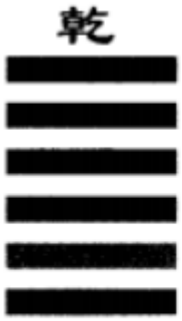

九二，见龙在田，利见大人。

图 6 –3

Tiềm ẩn rất lâu, vừa ra đã là dáng vẻ của bậc đại nhân, không phải nói "xin lỗi xin lỗi, tôi mới xuống núi, để tôi rèn luyện vài năm...", như vậy người ta mời bạn làm gì? Một người không thể hiện thì thôi, một khi thể hiện phải chuẩn bị tâm lý, bởi vì những đòn tấn công từ bốn phương tám hướng đều đến. Nói thật, bạn thể hiện không tốt, không ai tấn công bạn; nhưng bạn thể hiện tốt, tất cả mọi người đều không vui, bởi vì bạn đã cướp mất ánh hào quang của họ - cơ hội tương lai đều bị bạn độc quyền mất rồi, trái tim của ông chủ cũng bị bạn nắm giữ rồi, chúng tôi còn là gì? Tôi nghĩ đây là tình người thường tình, khi một người thể hiện càng ngày càng tốt, bạn phải biết bản thân đã bước vào giai đoạn thứ ba rồi, gọi là "thận trọng như rồng".

Hào từ của cửu tam (hình 6-4): “Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược. Lệ, vô cữu.”

(Người quân tử mỗi ngày hăng hái tự cường, đến tối vẫn còn thận trọng như lo sợ. Nguy hiểm, nhưng không tôi lỗi.)

Chính là nhắc nhở chúng ta, lúc này ẩn chứa nguy cơ, phòng không hết, nhất định phải hết sức cảnh giác.

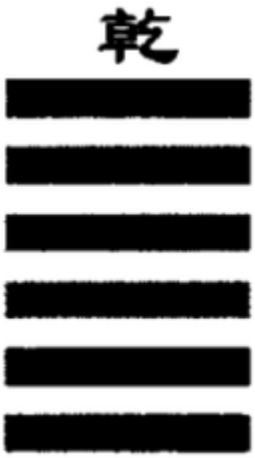

九三，君子终日乾乾，夕惕若厉，无咎。

图 6 –4

> Trong Kinh Dịch, hào từ của hào thứ ba quẻ Kiền là: "Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược lệ, vô cữu". Ý chính của nó có thể tóm tắt trong bốn chữ - ý thức ưu hoạn. Vậy, khi chúng ta đạt đến cảnh giới "dịch long" của hào thứ ba quẻ Kiền, chúng ta nên hành sự như thế nào? Từ Gia Cát Lượng, chúng ta lại có thể được khải phát như thế nào?

Gia Cát Lượng sau khi làm quân Tào đại bại lần đầu tiên, Tào Tháo đã coi ông là đối tượng chính, bắt đầu nghiên cứu ông, khiến ông đứng ở chỗ sáng. Một người đứng ở chỗ sáng là rất nguy hiểm, bởi vì điều người ta sợ nhất chính là tình trạng của mình kẻ địch biết rõ như lòng bàn tay, còn kẻ địch ở đâu mình lại không biết. Thực ra biết kẻ địch ở đâu cũng không cần sợ, dù sao mình cũng mặt đối mặt với họ, tình hình của họ mình cũng rất rõ, biết làm sao để phòng bị. Nhưng nếu không biết kẻ địch ở đâu, còn huênh hoang nói: "Tôi không cần cảnh giác đâu, làm người thoải mái một chút, cảnh giác làm gì?" Thực ra loại người này gọi là không ai coi họ là đối thủ. Một người, nếu không ai coi họ là đối thủ, người này còn có giá trị gì? Vì vậy rất nhiều người nói người Trung Quốc nhỏ nhen, thấy người khác tốt không được, vừa tốt một chút đã đố kỵ, đã tấn công người ta, thực ra chính vì như vậy, chúng ta mới rèn luyện rồi lại rèn luyện, nâng cao rồi lại nâng cao, một chút cũng không dám buông lỏng bản thân, nếu không sau khi đến cửu nhị liền bắt đầu buông thả, liền tự cho mình là giỏi, thế là xong, người này đã phế bỏ sớm rồi. Người không có danh, không kiếm được tiền, cơ hội tự phế bỏ tương đối nhỏ, sau khi có danh có tiền có thế, phải biết mình sắp tự bùng nổ rồi.

Vì vậy Kinh Dịch nói với chúng ta, khi bạn có danh, có thế, có lợi, thể hiện rất tốt, bạn phải nhắc nhở bản thân đã bước vào giai đoạn "dịch long" rồi. Hào thứ ba đã bỏ chữ "long" đi, không phải là rồng nữa, ở giai đoạn này bạn đã cực kỳ nguy hiểm rồi, cho dù là rồng cũng vô dụng. Ban ngày phải cảnh giác, ban đêm cũng phải cảnh giác, giống như bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra tai họa vậy, đây là điều tuyệt vời nhất trong văn hóa Trung Hoa, gọi là "ý thức ưu hoạn". "Ý thức ưu hoạn" không phải nói sợ Đông sợ Tây, trước cũng sợ sau cũng sợ, mà là nói khi chúng ta có một chút thành tựu nhỏ, bản thân phải trân trọng, đừng tự mình hủy hoại nó, chúng ta gọi đó là "ái tích vũ mao" (quý trọng lông cánh), phải quý trọng danh tiếng có được không dễ dàng, đừng để nó bị hủy hoại trong một sớm một chiều.

Nếu có người từ bốn phương tám hướng tấn công bạn, bạn nên nghĩ thế này: May mà có người bôi nhọ tôi, may mà có người tấn công tôi, may mà có người tra xét tám đời tổ tiên của tôi rõ ràng minh bạch, tôi mới có cơ hội chứng minh tôi trong sạch. Vì vậy khi nhiều người mắng những kẻ mách lẻo lên cấp trên là tiểu nhân, tôi đều khuyên họ: "Người đó mới là ân nhân của anh đấy. Bởi vì anh ta đi mách lẻo, cấp trên của anh mới đến điều tra anh, điều tra đến cuối cùng mới biết anh không như vậy, người đó nói bậy, vậy anh không được thêm một lớp bảo đảm sao? Nếu bình thường anh đi nói với cấp trên, tổ tiên tám đời của tôi thế nào, tôi tốt thế nào, anh càng nói họ càng nghi ngờ anh. Mà có người đi mách lẻo, lãnh đạo đến điều tra, họ sẽ tự minh oan cho anh, anh có được cơ hội tốt để lãnh đạo hiểu mình như vậy một cách không dễ dàng, anh còn mắng người ta?" Đây chính là "nhất âm nhất dương chi vị đạo", chính là một việc có thể nghĩ từ hai phương diện.

Rất không may, trong xã hội hiện đại chúng ta, người đọc sách càng nhiều, càng có những suy nghĩ tiêu cực, cho rằng những kẻ mách lẻo đó đáng ghét. Thực ra không ngại đổi góc độ mà nghĩ: May mà có người mách lẻo về tôi, may mà có người ra sức bôi nhọ tôi, lãnh đạo mới minh oan cho tôi.

Một người cảnh giác với mục đích hy vọng tiến thêm một bước, nhưng tôi không khuyến khích mọi người đều phải tiến thêm một bước, bởi vì quẻ Kiền chia thành hạ kiền và thượng kiền, mọi người nếu tự được vui vẻ, làm tốt hạ kiền, thì an tâm như vậy cũng rất tốt rồi, còn về việc có cần thiết lên thêm một tầng hay không, mỗi người phải tự cân nhắc kỹ (hình 6-5).



图 6 –5

Nếu muốn, thì phải chuẩn bị tâm lý, chuẩn bị đón nhận thử thách nghiêm khắc hơn, đó chính là đến cửu tứ của quẻ Kiền, gọi là "dược" (nhảy). Và lần nhảy này khác với việc “tiềm long” hiện ra ban đầu. Ban đầu “tiềm long” tiềm ẩn cho đến khi quen thuộc với môi trường, có nắm chắc có thể thể hiện, thì “hiện long tại điền”, đây là điều tất yếu. Nhưng, khi bạn muốn lên cao hơn nữa thì phải cẩn thận, bởi vì "cao xứ bất thắng hàn" (chỗ cao không thắng được cái lạnh), càng lên cao càng cô đơn. Tháp mà người Trung Quốc xây phần nhiều càng lên cao thân tháp càng nhỏ, điều này nói với chúng ta càng dưới thấp không gian càng lớn, càng lên cao không gian càng nhỏ hẹp, có nên chen lên trên không, mỗi người phải tự suy nghĩ kỹ.

> Trong cuộc đời, không phải ai cũng có thể trải nghiệm cảnh giới của sáu hào như quẻ Kiền đã nói. Khi đời người đạt đến độ cao mà hào thứ tư của quẻ Kiền đã nói, rủi ro của đời người cũng tăng lên. Hào từ của hào thứ tư là: “Hoặc dược tại uyên, vô cữu”. Điều này thể hiện, nếu muốn nhảy, sẽ có hai kết quả, hoặc bay cao lên trời, hoặc rơi xuống vực sâu. Nếu có thể vượt qua cảnh giới này, đời người có thể đến hào thứ năm của quẻ Kiền: “Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân”. Vậy, độ cao của đời người mà hào bốn và hào năm của quẻ Kiền nói đến rốt cuộc là hoàn cảnh như thế nào? Kinh Dịch đối với điều này lại có những nhắc nhở và khải thị gì?

Đến cửu tứ (hình 6-6), thì có cơ hội nhảy. Hào từ của cửu tứ: "Hoặc dược, tại uyên, vô cữu."

(như con rồng có khi bay nhảy, có khi nằm trong vực (biết tùy thời như thế thì) không lầm lỗi.)

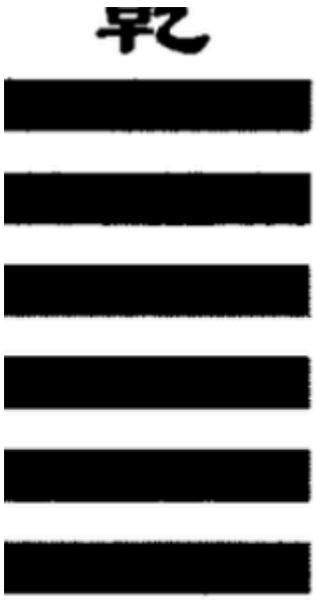

九四，或跃在渊，无咎。

图 6 -6

Một bước nhảy này, hoặc là "phi long tại thiên", hoặc là rơi xuống vực sâu, rơi xuống vực sâu có thể sẽ rơi xuống tận hào đầu. Có người muốn tranh thủ hướng lên, muốn nhảy, kết quả nhảy không lên một cái, bị đánh rơi xuống, công lao trước đó đều mất hết. Tôi không ngăn cản ai đi nhảy, bởi vì chí hướng mỗi người khác nhau, nhưng tôi cũng không khuyến khích ai, bởi vì điều này cực kỳ nguy hiểm. Hiện nay rất nhiều người mù quáng thăng tiến lên, cho rằng đó là vinh quang, thực ra là không hiểu thực tế.

Một người có muốn tiến lên cao hay không tốt nhất nên tự quyết định, đừng để người khác sắp đặt, người đẩy bạn lên phần nhiều là vì lợi ích của họ, họ đẩy bạn lên, cho bạn ngồi trên kiệu, họ khiêng kiệu cho bạn, bạn phải nghe họ sắp đặt, nếu bạn đồng ý như vậy, tôi không có gì để nói. Nhưng nếu bạn cho rằng ngồi kiệu có thể muốn làm gì thì làm, thì bạn đã hỏng rồi, họ khiêng bạn đến đâu bạn đều không biết. Vì vậy, người trẻ có thể lập định chí hướng, nói bản thân ít nhất phải làm đến quản lý, điều này tôi không phản đối, nhưng khi bạn đã làm quản lý rồi, lại yêu cầu bản thân trong vòng năm năm phải làm đến tổng giám đốc, tôi khuyên bạn không cần thiết, bởi vì một công ty tổng giám đốc rốt cuộc chỉ có một người, phó tổng có thể có bảy tám người, cuối cùng có thể bảy tám người này không một ai lên được tổng giám đốc. Nhảy là có thể, nhưng bạn phải chấp nhận kết quả có thể xảy ra, bay lên được đương nhiên tốt, rơi xuống thì sao? Có người nói rơi xuống cũng cam tâm tình nguyện, vậy đương nhiên có thể nhảy.

Cửu tứ nhảy lên thành cửu ngũ (hình 6-7), hào từ của cửu ngũ: "Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân."

(Rồng bay trên trời, ra mắt kẻ đại nhân thì lợi.)

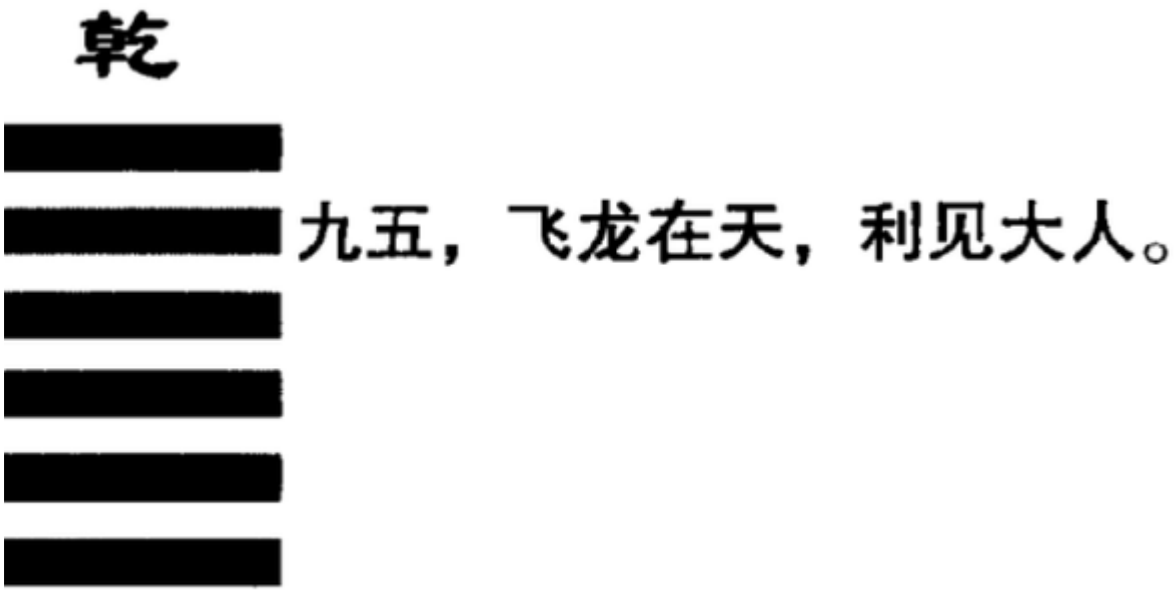

Có thể "phi long tại thiên", như ý mong muốn, tự do bay lượn, đương nhiên là điều mọi người mơ ước, phi long tại thiên có thể nói là cảnh giới cao nhất của đời người. Nhưng nói tự do bay lượn đều là tự lừa mình. Làm một lãnh đạo, dưới có rất nhiều người, rốt cuộc là họ đang nâng đỡ bạn, hay bạn đang chỉ đạo họ? Thực ra đây là hai mặt, "thủy năng tải châu, thủy diệc năng phúc châu" (Nước có thể chở thuyền, nước cũng có thể lật thuyền), đây là một câu chúng ta rất quen thuộc. Hôm nay nâng đỡ bạn, khiêng kiệu cho bạn, ngày mai không vui liền ném bạn từ trên kiệu xuống, vậy bạn chỉ còn cách tự bò đi thôi.

"Phi long" phải hết sức chú ý, tầm nhìn phải bắt đầu nhìn xuống dưới, quan tâm đến người dưới, trong những lúc then chốt người dưới mới một lòng một dạ làm việc cho bạn, như vậy mọi người mới biết lãnh đạo thường phải thỉnh thoảng quan tâm đến người dưới, chăm sóc họ, là có đạo lý. Nếu không, chỉ cho rằng mình cao cao tại thượng, có thể muốn làm gì thì làm, ngày nào đó từ trong kiệu ngã xuống, không ai sẽ thông cảm cho bạn, cho dù có thông cảm cũng vô dụng, bởi vì cứu không được. Leo càng cao ngã càng đau, đây là sự thật, là hiện tượng vật lý.

Một người đến được "phi long" sau phải nhớ kỹ, thích đáng mà thôi, độ lượng phải lớn, đừng còn đẩy mình lên cao như thượng cửu của quẻ Kiền (hình 6-8) là "kháng". "Kháng" theo cách nói ngày nay chính là "thoát ly quần chúng" (rời xa, mất liên hệ với nhân dân).

Hào từ nói : "Kháng long hữu hối" (Rồng lên cao quá, có hối hận).

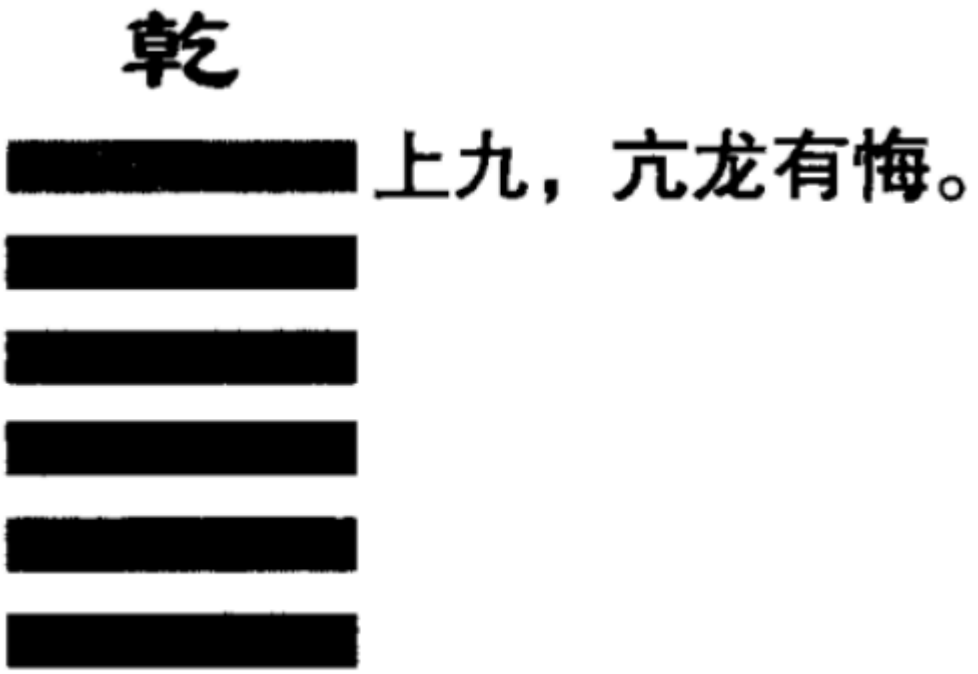

图 6 -8

Một người một khi thoát ly quần chúng, họ giống như diều đứt dây vậy, diều thả có cao đến đâu, vẫn cần có sợi dây mới thu về được, dây đứt rồi, cao mà không có vị trí. Một người mất đi cơ sở quần chúng, nói chuyện cũng không ai để ý, lúc đó thực sự rất phiền phức. Bởi vì “vật cực tất phản”, khi một vật ném lên, ném đến điểm cao nhất của đường parabol, sau nhất định nhanh chóng rơi xuống, và khi một người chạy đến điểm cao nhất thì sau đó thế nào, trong lòng mọi người đã rất rõ rồi. Vì vậy “kháng long hữu hối”, đây là điều mọi người đều rất rõ.

Trong lịch sử, người chứng minh rõ nhất "kháng long hữu hối" chính là Tần Thủy Hoàng. Tần Thủy Hoàng thống nhất lục quốc, tập trung quyền thế thiên hạ vào một thân, đây là chưa từng có. Vì vậy ông được tính là kháng đến cực điểm, nhưng ông có điều gì tốt? Tôi thấy điều xấu còn nhiều hơn điều tốt. Điểm quan trọng nhất là không ai dám nói thật với ông, bởi vì ông đặt vị trí của mình quá cao, người ta đối với ông biểu thị tôn kính còn không kịp, đâu dám nói lời thực với ông? Khi ông công thành danh toại, quan lại của ông nói với ông: Trong lịch sử Trung Quốc những người lãnh đạo hoặc gọi là hoàng, hoặc gọi là đế, ngài thực sự phi thường, nên chúng tôi tôn xưng ngài là Hoàng Đế. Nhưng Tần Thủy Hoàng vẫn không hài lòng, nói Hoàng Đế không được, phía trên phải thêm chữ "thủy", gọi là thủy Hoàng Đế, bởi vì mình là Hoàng Đế đầu tiên khai sáng, hơn nữa ngôi vị Hoàng Đế phải truyền đến muôn đời, đời đời con cháu. Không ai dám nói gì, kết quả không may là đúng, ông rất nhanh đã trở thành Hoàng Đế "tử" (chết), chữ "tử" này đồng âm với chữ "thủy" kia. Bất kỳ việc gì bắt đầu một đường đi xuống, cuối cùng đều là con đường chết. Một người

sinh ra, cuối cùng đều sẽ chết, một việc xuất hiện, đến cuối cùng là không còn, hoàn thành rồi. Một công ty khai trương, nhiều nhất một hai trăm năm, nhất định là phá sản. Tần Thủy Hoàng người thông minh như vậy, ông muốn lập con trai ông mà lập không thành, có hai người, một người là Lý Tư, người kia là Triệu Cao, cứng rắn đổi đi di chí của ông, với quyền thế và uy lực của Tần Thủy Hoàng, vốn không có khả năng này, nhưng chính vì ông đặt mình cao cao tại thượng, cuối cùng cô lập không có viện trợ. Có thể thấy dựa vào sức mạnh đơn độc của một người là cực kỳ nguy hiểm. Ngay cả Tần Thủy Hoàng còn kháng long hữu hối, huống chi những người khác?

Vì vậy chúng ta nói "thượng dị tri", chính là khi một người đến một địa vị nhất định, tiếp theo sẽ thế nào, thực ra mọi người đều thấy rất rõ, không có gì thay đổi nữa. Vì vậy một người đến bảy tám mươi tuổi còn đi xem mệnh, đi tính bát tự, thì hoàn toàn là chuyện cười, bởi vì đến lúc này, cuối cùng sẽ thế nào đã rất rõ ràng rồi, không cần tính nữa.

> Kinh Dịch là kết tinh trí tuệ của người xưa, thay vì xem đó là môn học tiên tri có thể phân tích tương lai, thì nên xem là kho tàng minh triết thông thái nhắc nhở và khai sáng người ta trong cách ứng xử. Vậy, thông qua việc học quẻ Kiền trong Kinh Dịch, chúng ta nên có tâm thái như thế nào để xử thế và nâng cao tu dưỡng của mình?

Toàn bộ tình trạng phát triển của lục long trong quẻ Kiền, mọi người có thể thấy được bất cứ lúc nào trong xã hội, mới bắt đầu làm việc phải hiểu rõ tình hình hiện tại, chính là tiềm long vật dụng. Tiềm long vật dụng không phải bảo chúng ta đừng làm việc, mà bảo chúng ta đừng một mực cầu thể hiện. Người hiện đại một mực cầu thể hiện, chỉ cần ở nơi công cộng, mời họ lên đài nói vài câu, họ cầm micro phần nhiều không chịu xuống đài, cho dù rung chuông nói hết giờ rồi, họ cũng không để ý. Kỳ diệu hơn là người trước kéo dài thời gian, người thứ hai đứng lên nói, anh ta vượt quá năm phút, kết quả bản thân lại kéo dài mười lăm phút vẫn không xuống.

Người không hiểu được chính mình, không hiểu rằng mình thể hiện trước người khác một bộ dạng xấu xí đến thế. Những lời chỉ trích người khác cuối cùng phản ánh ngược lại bản chất người nói, hiển lộ sự kém cỏi của bản thân. Biểu lộ hoàn toàn vẻ xấu xí của mình ra, chính là ngay cả quẻ đầu tiên cũng chưa học được, ngay cả quẻ đầu tiên trong sáu mươi tư quẻ của Kinh Dịch cũng không vượt qua được.

Một người đến một nơi, trước tiên yên lặng xuống, hiểu rõ tình hình địa phương cũng như tính cách của lãnh đạo, sau đó làm quen với môi trường, giao tiếp với người khác, một câu nói xong rồi, đợi đến khi mọi người đều ủng hộ bạn, bạn yên tâm thể hiện, đó chính là hiện long tại điền. Nếu bạn không nắm chắc mọi người sẽ ủng hộ bạn, tốt nhất đừng thể hiện, bạn không thể hiện mới không xấu hổ, bạn vừa thể hiện, nhất định xấu hổ. Tất cả mọi người đều trải qua tình trạng như vậy, nhưng đa số người cứ mắng người khác nhỏ nhen, đố kỵ, thấy người khác tốt không được, mà không biết kiểm điểm bản thân.

Người Trung Quốc không nói năng lực, người phương Tây chuyên nói về năng lực. Xã hội phương Tây là chỉ cần bạn có năng lực là có thể thể hiện. Người Trung Quốc không nói năng lực, không phải không coi trọng năng lực, mà là người Trung Quốc nói một thứ sâu hơn năng lực một tầng, gọi là “bản sự” (本事, bản lĩnh? tài năng?). Chúng ta thường nói "người này thực có bản sự", thế nào gọi là “bản sự”? Chính là cho dù một người có năng lực, còn phải thể hiện sao cho người ta rất hoan nghênh, rất tiếp nhận, tâm phục khẩu phục, mới gọi là có “bản sự”.

Có năng lực để làm gì? Người có năng lực đều chết nhanh đặc biệt. Rất nhiều người nghe câu này liền rất tức giận, nói ở Mỹ người thích thể hiện sẽ đi lên, còn trong xã hội Trung Quốc, vừa thể hiện đã bị đè nén, đã bị đánh chết. Đừng nghĩ như vậy, chúng ta có hàm ý sâu hơn một tầng - một người phải thể hiện sao cho mọi người đều hoan nghênh, mới là quan trọng nhất. Chúng ta tuyệt đối hoan nghênh người có năng lực thể hiện, nhưng người này bản thân phải sống được. Hiện nay có quá nhiều người có năng lực mà không có “bản sự”, suốt ngày than phiền, cảm thấy xã hội không công bằng, cảm thấy văn hóa truyền thống Trung Quốc này khiến người ta không thể ngóc đầu lên được, thực ra đều là bản thân không hiểu.

Chúng ta dùng thái độ này để hiểu Kinh Dịch, hiểu thông suốt đạo lý của 64 quẻ, thì không cần dùng bói toán để hiểu bản thân đang ở quẻ nào, bởi vì vừa nghĩ là có thể biết bản thân đang ở quẻ nào hào nào, đây mới là công năng thực sự của Kinh Dịch. Để khiến mọi người hiểu sâu hơn về quẻ Kiền, thấu hiểu tại sao Khổng Tử đặc biệt viết Văn ngôn cho quẻ Kiền, dùng nhiều chữ như vậy để giải thích, tập sau chúng ta sẽ nghiên cứu: Lục long ngự thiên.

Chương 7: Lục Long Ngự Thiên

> Trong 64 quẻ của Kinh Dịch, quẻ đầu tiên là quẻ Kiền có 6 hào dương, giống như 6 con rồng. Từ góc độ lớn, 6 rồng của quẻ Kiền đại diện cho quy luật biến hóa của vạn vật trong trời đất; từ góc độ nhỏ, 6 hào đại diện cho 6 giai đoạn phát triển của đời người. Vậy chúng ta đang ở giai đoạn nào? Hiện tại chúng ta nên biết đủ an phận, hay nên mạnh dạn tiến lên? Sau một thời gian phấn đấu, cuối cùng làm thế nào để "công thành thân thoái" 成身退呢 (sau khi hoàn thành công việc/sự nghiệp thì rút lui)?



图 7－1

Chúng ta đều biết học vấn của Kinh Dịch được phát sinh từ tự nhiên, tự nhiên là sống động, nên học vấn của Kinh Dịch cũng sống động, có tính linh hoạt, không thể giải thích theo nghĩa đen. "Lục Long Ngự Thiên" không thể giải thích là có 6 con rồng kiểm soát toàn bộ bầu trời, điều đó là không phù hợp. "Thiên" không hoàn toàn chỉ bầu trời, mà đại diện cho toàn bộ thiên nhiên vũ trụ và các trạng thái biến hóa, là điều chúng ta không thể nắm bắt hết được. Mọi việc đều biến hóa vạn thiên, hoàn cảnh sống của chúng ta gần như thay đổi từng khoảnh khắc, đầy những biến đổi khó lường trước. "Long" là quá trình biến hóa, không nhất thiết chỉ một loài động vật. "Lục" cũng không nhất thiết chỉ số 6, nó đại diện cho lĩnh vực khó nắm bắt được. Khi nói về số 5, chúng ta có cảm giác về đội ngũ, vì một bàn tay có 5 ngón, phần có thể nắm bắt được gọi là "ngũ", còn khi nói đến số 6, có một ngón tay ở ngoài, không thể nắm bắt được, vượt ra khỏi phạm vi có thể kiểm soát gọi là "lục", nên chúng ta chỉ nói "đội ngũ" chứ không nói "đội lục".

> 6 rồng trong quẻ Kiền đại diện cho quy luật biến hóa của thiên nhiên vũ trụ, để dễ hiểu, chúng ta có thể xem 6 hào của quẻ Kiền như 6 giai đoạn phát triển của đời người. Mỗi giai đoạn đều có những biến hóa và đặc điểm riêng, chỉ cần chúng ta nắm được quy luật và vận dụng hợp lý, sẽ có thể bay cao như rồng. Vậy giai đoạn đầu tiên của đời người là gì?

Hào Sơ Cửu là giai đoạn đầu tiên, từ Sơ Cửu đến Thượng Cửu được xem như các giai đoạn trưởng thành khác nhau của một người. Giai đoạn từ khi sinh ra đến trước khi ra đời gọi là Sơ Cửu, hào từ của Sơ Cửu là "Tiềm long vật dụng", vì lúc này còn đang trong giai đoạn học tập, chỉ có thể đi làm thêm, học được chút kinh nghiệm nhỏ mà thôi. Tiềm càng lâu, thành tựu tương lai càng lớn, cũng như ta nói "đại khí vãn thành" (người tài lớn phải trưởng thành muộn). Tiềm quá ngắn nghĩa là kỹ năng cơ bản chưa luyện tốt, năng lực chưa đủ đầy đặn mà đã bước vào xã hội. Thật lòng mà nói, đây cũng là do hoàn cảnh của mỗi người quyết

định, chúng ta không thể nói tốt hay không tốt. Có người nhà nghèo, cần phải đi kiếm tiền phụ giúp gia đình, buộc phải sớm bước vào giang hồ, đây là số mệnh khác nhau của mỗi người. Tiềm lâu cũng chưa chắc công phu đã đủ, nếu tiềm lâu mà không chịu khó học hỏi, không học được gì, thì gọi là "hoa trong nhà kính".

Hào Sơ Cửu, hào dương ở vị trí dương, gọi là "đắc chính". Trong 64 quẻ, hào 1,3,5 nếu là hào dương thì gọi là đắc chính, hào 2,4,6 nếu là hào âm cũng gọi là đắc chính. Như vậy chúng ta biết, trong quẻ đầu tiên là quẻ Kiền có một nửa số hào là bất đắc chính. Vì thế nếu một người cứ chính trực, cứ nói về tín nghĩa, cả đời sẽ phải chịu khổ sở, bởi vì chính trực, tín nghĩa ở giai đoạn này thì phù hợp, nhưng đến giai đoạn sau chưa chắc đã phù hợp. Do đó những người càng thành thực lúc đầu càng trở nên giả dối về sau, đó là vì họ không chịu nổi thử thách, mất niềm tin vào sự thành thực, cảm thấy người thật thà thiệt thòi, người nghiêm túc không có ích gì, như vậy chẳng phải là tệ sao?

Người hiện đại học hành càng ngày càng lâu, người bình thường học đến tiến sĩ đã 27-28 tuổi. Ngày xưa khi tôi đọc Tam Quốc Diễn Nghĩa, thấy Khổng Minh ẩn cư 27 năm cảm thấy người này phi thường, nhưng giờ nhìn lại, sau này sẽ càng nhiều người 30 tuổi vẫn chưa đi làm, điều này nói lên điều gì? Nói lên xã hội ngày càng không phải là thứ chúng ta có thể nắm bắt, chúng ta phải tiềm ẩn lâu dài. Nhưng tiềm không phải là không làm gì cả, tiềm là phải thâm nhập vào xã hội nhưng phải đứng ngoài cuộc mới có thể khách quan mà hiểu nó. Đồng thời, chúng ta phải có một quan niệm - những gì mình học có thể sau này không dùng được, nên chúng ta phải tăng cường trí tuệ chứ không phải tích lũy kiến thức.

64 quẻ là từ 8 quẻ chồng lên nhau mà ra, nên một quẻ có thể chia thành nội ngoại quái, quẻ Kiền chia thành hạ Càn thượng Càn, tại sao chúng ta không nói thượng Càn hạ Càn? Vì hạ Càn là nền tảng, sau đó mới có thể thiết lập thượng Càn. Có người cả đời chỉ lăn lộn trong hạ Càn, chưa từng đến thượng Càn, có người rất nhanh đã vào thượng Càn, đây cũng là số mệnh khác nhau của mỗi người. Phải nhớ rằng: quẻ là sống động, sẽ có các biến hóa khác nhau.

Trong Kinh Dịch, mỗi quẻ trong 64 quẻ, Ngoại quái và Nội quái đều có quá trình biến đổi của nội quái, ngoại quái, là bắt đầu, mạnh mẽ, và kết thúc (hình 7-2).



图 7 – 2

Bất cứ việc gì cũng có khởi đầu, rồi phát triển, trưởng thành mạnh mẽ, sau đó có kết quả, nếu bạn hài lòng với kết quả đó thì lại bắt đầu lại, rồi lại "bắt đầu, phát triển, hoàn thành" như vậy.

Có người cả đời chỉ có một chu kỳ "bắt đầu, phát triển, hoàn thành", có người có hai chu kỳ, có người ba chu kỳ, có người bốn chu kỳ, đều có thể tiếp tục liên tục. Trong 64 quẻ, hào đầu của Nội quái và hào đầu của Ngoại quái (tức hào 4) có mối quan hệ mật thiết, hào 2 và hào 5 có mối quan hệ mật thiết, hào 3 và hào thượng có mối quan hệ mật thiết. Nếu hào 1 và hào 4, hào 2 và hào 5, hào 3 và hào thượng là một âm một dương thì quan hệ rất tốt, vì âm dương hỗ tương, đây gọi là tương ứng (hình 7-3).

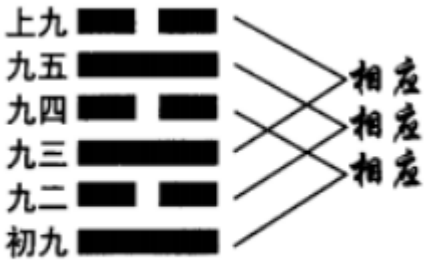

图 7 – 3

Nhưng trong quẻ Kiền, mỗi hào đều là cương, đều là dương, đồng tính thì xung khắc, hào sơ và hào tứ hoàn toàn không tương ứng, hào nhị và hào ngũ cũng cứng rắn đối đầu nhau, không tương ứng, hào tam và hào thượng đều là dương cương, anh không coi trọng tôi, tôi không coi trọng anh, cũng không tương ứng, nên trong quẻ Kiền không có hào nào tương ứng (hình 7-4).

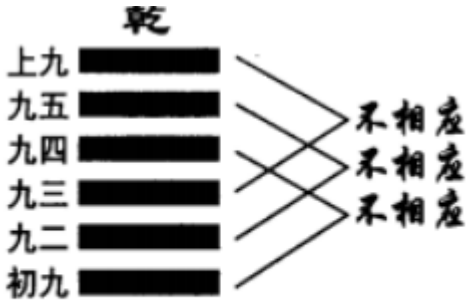

图 7－4

Điều này cho chúng ta biết, một người cứng rắn thì cả đời sẽ gặp xui xẻo, người ta sẽ không đánh giá cao họ, cũng không thăng chức cho họ, họ chỉ có thể chiến đấu đơn độc. Như vậy chúng ta hoàn toàn hiểu được, rất nhiều việc thực ra đều cần tự phản tỉnh, tự hiểu mình, tự kiểm điểm, tự cải thiện, mới có thể thấu hiểu đạo lý "không oán trời không trách người" của Khổng Tử.

> Hào đầu của quẻ Kiền: "Tiềm long vật dụng", chỉ giai đoạn đầu tiên của đời người - tiềm ẩn, nghĩa là: trong giai đoạn đầu của đời người, không nên vội vàng thể hiện, mà nên hạ thấp tư thế, nỗ lực tích lũy năng lượng, đợi cơ hội thích hợp rồi mới hoàn toàn thể hiện, như vậy mới có thể bước vào giai đoạn thứ hai của đời người - hiện. Vậy chúng ta nên chọn thời điểm nào để thể hiện bản thân? Khi thể hiện bản thân, cần chú ý những vấn đề gì?

Một người cứ tiềm ẩn, tiềm ẩn đến khi cơ hội đến thì phải nắm bắt cơ hội, đây là thử thách lớn. Có người cả đời không có cơ hội, ngược lại an toàn hơn, nhiều lắm cũng chỉ là tầm thường vô danh, không làm được việc gì lớn, nhưng cũng không làm điều xấu gì, bình an cả đời. Nhưng một khi có cơ hội, có người nắm bắt được, cơ hội này có âm có dương, lúc đó là nắm bắt cơ hội để làm việc tốt, hay nắm bắt cơ hội để làm việc xấu? Là nắm bắt cơ hội thể hiện rất tốt, hay nắm bắt cơ hội thể hiện khiến người ta cười chê? Có thể thấy hào Cửu nhị khá phiền phức. Hào từ sau "Hiện long tại điền" đặc biệt thêm bốn chữ, gọi là "Lợi kiến đại nhân", toàn bộ quẻ Kiền hào hai và hào năm đều có "Lợi kiến đại nhân". Nghĩa là một người trẻ tiềm ẩn đủ lâu, thời cơ đến, được thăng chức, thi đỗ, được tuyển dụng, làm quản lý, mọi người đều xem người này thể hiện thế nào.

Thực ra thể hiện tốt hay xấu là ai quyết định? Rất rõ ràng mọi người đều biết, chính là hào Cửu ngũ quyết định, cấp trên thấy anh thuận mắt thì anh thể hiện tốt, cấp trên thấy anh không thuận mắt thì dù thể hiện thế nào cũng không được. Vì thế người Trung Quốc cuối cùng ngộ ra: "Triều trung vô nhân mạc tố quan" (trong triều không có người thân thì đừng làm quan). Trên không có người ủng hộ, bạn làm sao thể hiện, làm sao biết nên làm thế nào? Đây là điều rất rõ ràng.

Gia Cát Lượng tiềm ẩn 27 năm, Lưu Bị ba lần đến thăm, ông mới ra sơn, vậy ông thể hiện có "Lợi kiến đại nhân" không? Có, ông như một bậc đại nhân, mọi việc đâu ra đấy, ngay cả Quan Công, Trương Phi vốn không phục ông cũng phải tâm phục khẩu phục, Lưu Bị càng không có gì để nói. "Lợi kiến đại nhân" của Gia

Cát Lượng là được Lưu Bị coi trọng, nhưng ông cũng gieo mầm họa sau này. Cả đời Gia Cát Lượng chính là ở hào Cửu nhị không nắm bắt tốt "Lợi kiến đại nhân", thể hiện quá mức, lúc đầu Lưu Bị thực sự rất vui, nhưng sau đó nghĩ lại: thế này không được! Cứ thế này thì thiên hạ cuối cùng là của ngươi hay của ta? Người ta sẽ nhìn ta thế nào? Nên ông bắt đầu kiềm chế Gia Cát Lượng - việc này ta có nguyên tắc, ta không nghe ngươi, ngươi khuyên ta lấy Kinh Châu ta nhất định không lấy, ngươi khuyên ta không nên đem dân chúng di cư, ta nhất định phải đem đi. Đây đều là phiền phức do chính Gia Cát Lượng tự chuốc lấy. Cho nên khi chúng ta có cơ hội, được cấp trên đề bạt, được nhiều người coi trọng, phải đặc biệt cẩn thận, không thể thể hiện quá mức, nếu không sau này cuộc sống sẽ rất khó khăn.

> Từ ví dụ Gia Cát Lượng trong Tam Quốc Diễn Nghĩa có thể thấy, giai đoạn thứ hai của đời người - "hiện", không chỉ phải nắm bắt tốt thời cơ thể hiện, mà còn phải nắm được mức độ thể hiện, nếu không quá đáng sẽ không hay. Sau đó, là giai đoạn thứ ba của đời người - dịch. Vậy trong giai đoạn này chúng ta cần chú ý những gì?

Gia Cát Lượng đến hào Cửu tam bắt đầu rất vất vả, hào thứ ba thậm chí không còn được gọi là long nữa, mà gọi là quân tử. Hào thứ ba và hào thứ tư không có "long", trong 6 hào chỉ có 4 long, ở thiên đạo, địa đạo gọi là long, ở nhân đạo không gọi là long. Nhiều người nói lòng người quá xấu, thực ra không phải lòng người quá xấu, mà là bản tính con người vốn như vậy. Nhiều người quá lý tưởng hóa, cho rằng chỉ cần mình chính trực, trung thực, mọi việc đều theo quy tắc, người ta sẽ ngưỡng mộ, có công lao người ta sẽ không quên, thực ra những người này nhìn đời quá đơn giản, chưa từng trải qua rèn luyện, nhiều lắm cũng chỉ là người bình thường.

Chúng ta phải biết, Gia Cát Lượng từ hào Cửu tam đã không còn là long nữa. Trước khi chưa xuống núi, ông là Ngọa Long, tiếng tăm vang xa; ở giai đoạn hiện long, ngay cả Trương Phi cũng phục tùng ông. Nhưng đến hào thứ ba ông không còn là long nữa, là quân tử, vì ông có thể bày tỏ tính cách rồi - anh thích nghe lời tôi thì nghe, không nghe tôi sẽ về nhà, tôi bảo anh lấy Kinh Châu anh không lấy, vậy tôi về nhà, anh tự làm đi. Nhưng ông không làm vậy. Gia Cát Lượng đến hào Cửu tam là "Quân tử chung nhật kiền kiền, tịch dịch nhược lệ", mỗi ngày như thể sắp có nguy hiểm, cảnh giác cao độ, một lúc người này đến, ông phải hết sức suy nghĩ tại sao họ đến, mình phải ứng phó thế nào, ngay cả khi anh trai mình đến cũng vậy. Đây gọi là "chung nhật kiền kiền", ngay cả ban đêm cũng không dám lơ là, duy trì cảnh giác cao độ, không dám có chút sai sót.

Hào từ của hào Cửu tam cuối cùng nói với chúng ta: "Vô cữu", vô cữu là không có di chứng, Gia Cát Lượng không có di chứng, ông rất vất vả chính là để không có di chứng. "Vô cữu" trong Kinh Dịch là điều phi thường nhất, nó cho chúng ta biết, con người hàng ngày đều có khó khăn trắc trở, đó mới gọi là nhân sinh. Chúng ta xu nịnh để ứng phó chưa chắc đã tốt, vì kết cục sau này thế nào rất khó đoán trước, nên hào Cửu tam bảo chúng ta, con người phải nghĩ xa một chút, đừng chỉ nhìn trước mắt, trước mắt tốt, ngày mai đã

xấu, ngày kia đã xấu, năm năm tốt, mười năm đã tệ, nên người Trung Quốc tại sao nghĩ rất xa, chính là đạo lý này. Chúng ta phải hiểu rất sâu sắc những điều này, mới coi như tạm qua được nội quái Càn.

Chúng ta có thể nói, một ông chủ nhỏ cả đời chỉ ở nội quái Càn, vất vả lắm mới phát hiện một số thị trường, tìm được một số sản phẩm, có được một số nhân viên, rồi "hiện long tại điền", làm ăn càng ngày càng tốt, cứ thế qua một đời, tốt không? Đương nhiên tốt, có gì không tốt? Bởi vì mỗi người đều có phận của mình, có người sinh ra đã là để làm ông chủ nhỏ, bổn phận của bạn là vậy, cần gì phải tiến lên nữa? Nếu ai cũng muốn tiến lên, vậy việc bên dưới, ai làm? Có người khi bán hàng rong rất hăng hái, đầy nhiệt huyết, người nhà đều rất hòa thuận, một khi muốn mở cửa hàng, muốn vào ngoại quái Càn thì xong, đó là không cam tâm với phận mình. Vừa mở cửa hàng là xong, dù mở cửa hàng rất thành công, sau đó lại muốn mở rộng, muốn làm chuỗi cửa hàng, cuối cùng thất bại thảm hại, đây gọi là không giữ phận. **Điều khó nhất trong đời người là biết phận của mình ở đâu, đọc Kinh Dịch chính là nói cho chúng ta biết phận ở đâu, đây gọi là định vị, tiếng Anh gọi là positioning.**

> Quẻ Kiền có 6 hào, để dễ hiểu, chúng ta có thể chia 6 hào này thành hai phần ngoại quái Càn (thượng) và nội quái Càn (hạ). Đời người trải qua ba giai đoạn của hạ Càn, coi như đã có chút thành tựu, lúc này người khôn ngoan cần học cách suy nghĩ vị trí của mình thực sự ở đâu, là biết đủ an phận, hay mạnh dạn tiến lên? Nếu tiếp tục tiến lên, sẽ bước vào tầng thứ cao hơn, tức là từ hạ vào thượng. Vậy trong ba giai đoạn của thượng Càn, con người sẽ đối mặt với những vấn đề gì, và nên ứng phó thế nào?

Từ hào Cửu tam lên đến hào Cửu tứ, hào Cửu tứ là bắt đầu của Ngoại quái, vạn sự khởi đầu nan, lại là một phen khó khăn, bởi vì chúng ta ở hào Cửu tứ gặp những người không giống những người gặp trước đây, những người trước đây có vẻ dễ thương lượng, còn những người bây giờ thì không dễ thương lượng, ở hào Cửu tứ gặp những vấn đề cũng không giống những vấn đề trước đây, vậy phải làm sao? Chỉ có thể "hoặc dược tại uyên", nghĩa là đã tự mình lên đây rồi, không thể từ bỏ, không thể nửa đường mà phế, không nhảy sẽ hối hận, nên chuẩn bị để nhảy, nếu có thể "phi long tại thiên", mọi khổ nạn chúng ta đều cam chịu, nhưng cũng phải xem xét, nếu bay không lên mà rơi xuống thì sao. Nên chúng ta bắt đầu nghĩ: cuối cùng là nên tiến hay nên thoái? Tiếp tục đi lên, đi đến đâu? Quay về chỗ cũ có phải tốt hơn không? Có thể thấy chữ "hoặc" trong "hoặc dược tại uyên" thực ra có liên quan đến nghi hoặc.

Nhiều người chính vì cảm thấy mất mặt nên không thể quay về chỗ cũ, bị thể diện hại chết. Nếu có thể bỏ qua thể diện, suy nghĩ kỹ càng, thì quay về chỗ cũ, sau này không cần phải băn khoăn về những chuyện này nữa, đời này rất vui vẻ, nếu cho rằng mình nhất định phải nhảy, thì cứ nhảy, cũng có thể "vô cữu".

Đời người nỗ lực đến cuối cùng chính là từ hào Cửu tứ đến hào Cửu ngũ, điều này Khổng Tử nói rất rõ ràng, nếu một người đến 40-50 tuổi mà vẫn không nhảy lên được, đời này đừng nhảy nữa. Từ hào Cửu tứ nhảy lên hào Cửu ngũ chính là "phi long tại thiên", "phi long tại thiên" lại xuất hiện một "lợi kiến đại nhân", "lợi kiến đại nhân" này là nói lúc này phải nhanh chóng tìm hào Cửu nhị, ở dưới xây dựng đội ngũ cốt cán, phải có một số người trung thành tận tụy và có thể nói thật với bạn, lúc này bản thân phải tai nghe rõ ràng một

chút, phải có thể nghe lời người khác, chứ không phải "trung ngôn nghịch nhĩ" (lời nói thật thường trái tai). Phàm là "trung ngôn nghịch nhĩ" thì không phải "lợi kiến đại nhân", người như vậy thường bay không lâu, rất nhanh sẽ ngã xuống. "Phi long tại thiên" phần nhiều là dựa vào miệng lưỡi, đã không còn tay chân nữa, nếu bên dưới không có người chống đỡ, "phi long tại thiên" có ích gì? Hào Cửu nhị là phải dựa vào thực lực mà làm, nhưng trên phải có người coi trọng, nên hào Cửu ngũ và hào Cửu nhị là tương ứng, nhưng hai hào này đều là dương, không phải một âm một dương, nên đồng tính tương khắc, có thể thấy quẻ Kiền hoàn toàn dựa vào bản thân, chỉ cần đi sai một bước, sẽ thân bại danh liệt. Đến hào Cửu ngũ chúng ta phải biết những gì mình có thể nắm bắt đã hết, tiếp tục đi lên đã vượt ra khỏi phạm vi mình có thể kiểm soát, hào thứ sáu chỉ có thể nhìn ngắm, cầu được thiện chung, đừng cầu phát triển gì nữa. “Người vĩ đại đến đâu cũng sẽ già”, câu này nhắc nhở chúng ta phải thích hợp mà dừng lại, đừng nên tiếp tục liều mạng nữa.

Vì vậy hiện nay chúng ta có chế độ nhiệm kỳ, chính là không để chúng ta quá mệt mỏi, vạn nhất đến tuổi già, thể lực không còn, tinh thần cũng không đủ, sẽ bị người dưới bao vây. Lịch đại đế vương đến cuối cùng, càng về già càng hồ đồ, đó chính là "thượng cửu, kháng long hữu hối" của hào Thượng Cửu.

Mọi việc cũng phát triển từng bước một như vậy, giống như đạo lý làm người, và toàn bộ tổ chức, toàn bộ tập thể, lý niệm, mỗi tầng lớp đều là một con rồng. Mỗi người đều cảm thấy mình rất chính trực, rất có nhiệt huyết, rất tích cực, nhưng đều là người tốt tại sao vẫn làm cho mọi thứ rối loạn? Chính là vì chúng ta chưa thông hiểu quẻ Kiền, một người quá cương thì trên dưới đều không xử lý tốt. Vì vậy trong cương phải có nhu, trong quẻ Kiền thấy được 6 hào đều là hào dương, nhưng chúng ta phải nắm bắt phần khoảng trống không nhìn thấy, đó đều là hào âm.

> Quẻ Kiền là quẻ duy nhất trong 64 quẻ của Kinh Dịch không có hào âm, toàn là hào dương. Nếu chúng ta chỉ nhìn bề ngoài của quẻ này mà cố chấp làm theo, cuối cùng nhất định là "kháng long hữu hối". Nhưng thực tế, tư duy của Kinh Dịch là tư duy biện chứng âm dương, gọi là dương trung hữu âm, âm trung hữu dương, nghĩa là nhìn sự vật không thể chỉ nhìn một mặt mà phải nhìn tổng hợp. Đối với quẻ Kiền, chúng ta không thể để ánh mắt chỉ dừng lại ở 6 hào dương này, mà phải nhìn thấy phần âm. Vậy chúng ta phải làm thế nào từ phần nhìn thấy được để phát hiện những thứ không nhìn thấy, từ đó điều chỉnh bản thân?

Nếu biến hào Cửu nhị, Cửu tứ, Thượng Cửu từ dương thành âm, chúng ta sẽ thấy quẻ Kiền biến thành quẻ Ký Tế (hình 7-5).

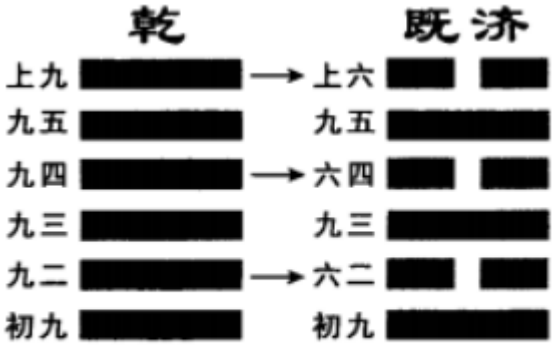

图 7－5

Đáng tiếc nhiều người điều chỉnh không được, ở hào Cửu nhị đã gặp sự cố, cho rằng mình được coi trọng, thể hiện tốt, đã có cơ hội, nhưng thường từ đó không còn tương lai nữa, đây là "vật cực tất phản". Vì vậy con người nhất định nhớ phải thích hợp mà dừng, phải giữ phận, nắm bắt phận ấy gọi là độ. Nếu không nắm bắt tốt "nguyên, hanh, lợi, trinh", dù tốt đến đâu cũng sẽ xảy ra chuyện, dù tập thể tốt đến đâu cuối cùng đều thất bại thảm hại.

Thế nào gọi là "nguyên"? Nói theo cách hiện đại gọi là "thận thủy" (cẩn thận lúc bắt đầu). Năm đầu tiên của một triều đại gọi là nguyên niên, ngày đầu năm gọi là nguyên đán, ngôi chùa đầu tiên của một nơi gọi là Khai Nguyên Tự. Nguyên là bắt đầu, nên người Trung Quốc tạo ra vị thần cổ xưa nhất gọi là Nguyên Thủy Thiên Tôn. Nguyên bảo chúng ta đừng tùy tiện bắt đầu làm bất cứ việc gì, phải tính toán trước, chúng ta đều biết khởi đầu tốt là thành công một nửa, nhưng chúng ta không biết mưu định rồi mới hành động, nếu chưa mưu định đã hành động, làm sao có thể là khởi đầu tốt? Nhiều người quá vội vàng, nói chỉ cần bắt đầu là tốt, làm gì có chuyện đó? Trước khi bắt đầu phải có thời gian chuẩn bị, rất quan trọng, phải tìm người phù hợp, mọi người tính toán, lên kế hoạch, đi thử nghiệm, mới có thể bắt đầu.

Hiện nay nhiều cửa hàng sơn còn chưa khô đã bắt đầu kinh doanh, như vậy có hợp pháp không? Đương nhiên không hợp pháp, vì kiểm tra an toàn chắc chắn không qua được, nhưng họ vẫn khai trương, nói chỉ là bán thử, chưa chính thức bán, đây chính là không hiểu thế nào là nguyên, sau đó khách vào một lần, lần thứ hai không đến nữa, đây gọi là "dục tốc bất đạt", quá nóng vội. Nhiều người thuộc lòng Kinh Dịch nhưng không biết vận dụng. "Nguyên", chính là yêu cầu chúng ta chuẩn bị kỹ. Chúng ta bây giờ học tiếng Anh đều học rất tốt, "Are you ready?" Bên dưới có người yeah, đó đều là miệng "yeah" thôi, người như vậy là không có tiền đồ. Nghe "Are you ready", phải suy nghĩ một chút, kiểm tra một chút, làm sao có thể tùy tiện "yeah" được?

"Hanh" là gì? Chúng ta chuẩn bị kỹ, có nền tảng tốt, chọn thời cơ thích hợp, bắt đầu làm, tự nhiên sẽ hanh thông thuận lợi. Hanh là từ nguyên mà đến, không thận thủy làm sao có thể thông đạt? Tùy tiện bắt đầu, cuối cùng chắc chắn là một mớ hỗn độn. Nguyên có thể hanh hay không, then chốt xem chúng ta làm nguyên có tốt không, nguyên làm tốt, hanh là chuyện tự nhiên.

Sau khi hanh thông sẽ được lợi, lợi này không phải lợi ích, không phải lợi nhuận, cũng không phải là điều tốt. Lợi, nói theo cách hiện đại gọi là hài hòa, hài hòa từ đâu mà đến? Chính là lợi ích phải được chia sẻ công bằng, tự nhiên sẽ hài hòa. Hiện nay nhiều người nói hài hòa, nhưng không nghĩ đến lợi, không có lợi làm sao có thể hài hòa? Mọi người không có cơm ăn, không thể sống, không có điều tốt, không thể nào hài hòa được. Quẻ Kiền có đức tính này, chúng ta từ vận hành của trời có thể cảm nhận được, bốn chữ nói hết, gọi là "đại công vô tư" (công bằng, không thiên vị), "lợi" chính là "đại công vô tư", nhưng không phải là không cần lợi ích. Tại sao không cần lợi ích? Chúng ta trồng lúa chính là để có cơm ăn, làm việc chính là để có thu nhập.

Nhiều người nói Nho gia phản đối "lợi", tôi thấy rất lạ, chẳng lẽ Khổng Tử không cần ăn cơm? Lợi là "nghĩa chi hòa", chính là hợp lý, mọi người cùng chia sẻ ngọt bùi, mọi người đều cảm thấy rất hợp lý, rất công bằng. Hiện nay người ta toàn nghĩ đến công bằng, nhiều người nói "trời ơi, ngươi thật không có mắt, ngươi thật không công bằng, đối với người khác tốt như vậy, đối với ta tệ như vậy", rồi đau khổ vô cùng. Thực ra trời là công chính, không phải công bằng, và hoàn toàn không thể công bằng được. Làm sao công bằng? Toàn địa cầu đều mưa được không? Đâu có nhiều nước như vậy? Bên này mưa bên kia nhất định phải hạn hán, mới điều chỉnh được, nếu toàn địa cầu đều mưa, đất liền sẽ ngập lụt, người cũng chết hết. Chỉ có thể công chính không thể công bằng, chúng ta theo đuổi là sự không công bằng hợp lý, chứ không phải sự công bằng không hợp lý, điểm này người hiện đại rất khó hiểu. Chúng ta hiện nay đều mù quáng theo đuổi sự công bằng không hợp lý, gần như hại chết tất cả mọi người. Kinh Dịch nói với chúng ta, chúng ta là sự không công bằng hợp lý, bởi vì vốn dĩ không thể công bằng.

Mọi người giữ phận mình, mình nên được gì thì được đó, người khác thế nào không phải việc của tôi, như vậy là hài hòa. Nếu nói người người đều nghĩ anh có tiền, tôi phải có nhiều tiền hơn anh, ít nhất phải bằng anh, làm sao có thể hài hòa? Đó là không thể hài hòa được, vì không thể nào mỗi người đều kiếm được lương như nhau, dù kiếm được lương như nhau cũng không thể đều thành phú ông. Thực ra đôi khi trời cũng cười nhân loại: các ngươi nói ta không công bằng phải không? Được, bây giờ ta thu hết tiền của các ngươi lại, để các ngươi đều không có tiền, rồi các ngươi lại bắt đầu đi kiếm... Kết quả sẽ thế nào? Năm năm sau, người có tiền lại có rất nhiều tiền, người không có tiền vẫn không có tiền. Chúng ta thấy lịch sử đều như vậy, vốn đều không có tiền, sao không đến mười năm đã có người rất giàu còn có người vẫn không có tiền? Chúng ta phải từ đây mà hiểu, trời rất công chính, nhưng không công bằng, có thể hiểu điều này thì cũng có thể hài hòa, nếu không, luôn luôn tức giận làm sao có thể hài hòa?

> Muốn làm được "Lục Long Ngự Thiên", trước tiên phải hiểu bốn chữ "nguyên, hanh, lợi, trinh" trong thoán từ của quẻ Kiền. Chữ "Nguyên" nhắc nhở chúng ta phải cẩn trọng khi bắt đầu; "Hanh" chỉ ra rằng khởi đầu cẩn thận mới có thể hanh thông; còn "Lợi" dạy chúng ta rằng lợi ích đạt được phải chính đáng, hợp lý. Vậy, chữ cuối cùng "Trinh" có nghĩa là gì?

Trinh là then chốt của tất cả. Trong quá trình "bắt đầu - phát triển - hoàn thành", trời đang kiểm tra chúng ta trinh hay không trinh, trinh thì sẽ trinh hạ khởi nguyên, có một khởi đầu tốt hơn, từ đó tiến vào Ngoại quái; không trinh, Nội quái đã xong, đã chết, hoặc đã vào tù. Có người phát đạt chỉ đến hào Cửu nhị, hào Cửu tam không làm tốt đã vào tù, hoàn toàn không có cơ hội đi đến Ngoại quái.

Trinh trước đây chính là "trinh thao" (trinh tiết), hiện nay nhiều người nghe đến "trinh thao" liền sợ, nói đó là truyền thống, tôi thấy rất buồn cười. Thế nào gọi là "trinh thao"? "Trinh thao" chính là thao thủ (thái độ, phẩm hạnh) cố chính, cố là rất vững chắc, mãi mãi một dạng, không phải lúc thế này lúc thế kia, nhưng lại rất chính, điều này có gì không tốt? "Trinh thao" là nam người nữ người đều phải giữ, nam người và nữ người thể hiện "trinh thao" theo cách khác nhau, đây gọi là "nam nữ hữu biệt", điểm này khi chúng ta nói đến quẻ Kiền Khôn sẽ nghiên cứu sâu, vì điều này đối với xã hội nhân loại, đặc biệt là đối với tương lai của người hiện đại có ảnh hưởng then chốt.

Vì vậy bốn chữ "nguyên, hanh, lợi, trinh" rất dễ hiểu, nguyên chính là động cơ phải thuần chính, bất kể làm người làm việc, động cơ không thuần chính là không nguyên. "Hanh" chính là xử sự phải cẩn thận, có người thường cơ hội rất tốt nhưng chưa chắc làm tốt, chính là quá đại ý, quan hệ rất tốt bị bạn làm hỏng, thương hiệu rất tốt bị bạn phá hủy, chỉ cần giữa chừng xảy ra một lần sự cố là phá hỏng, xảy ra hai lần sự cố người ta không tin tưởng nữa, làm sao có thể hanh? "Lợi" là thử thách lớn nhất. Làm sao chia sẻ, làm sao khiến mọi người bình tâm hòa khí, then chốt chính là ở chữ trinh này. "Trinh" mới là then chốt. Trinh, thì có thể trinh hạ khởi nguyên, sau đó lại có một sự phát triển mới, còn tốt hơn trước (hình 7-6).

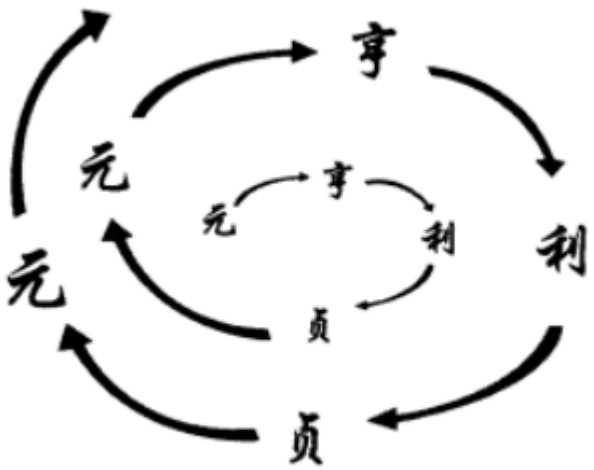

图 7 – 6

Không trinh, thì không thể nguyên nữa, không thể đứng dậy được nữa. Công ty là như vậy, cá nhân cũng như vậy, và sự việc càng đúng như thế. Một khi hướng đi sai, thì tất cả đều không cần bàn, chỉ là bận rộn một cách vô ích.

Có được đức tính nguyên, hanh, lợi, trinh, mới gọi là quẻ Kiền. “Nguyên, hanh, lợi” là tự nhiên ban cho, chỉ có “trinh” là do con người, con người khác với động vật chính là ở trinh với không trinh, động vật không có trinh. Khổng Tử đặc biệt coi trọng quẻ Kiền, bởi vì chỉ cần chúng ta hiểu rõ hai quẻ Kiền Khôn, 62 quẻ còn lại đều có thể được hiểu qua sự liên hệ và tương đồng, nên Khổng Tử đặc biệt thêm Văn Ngôn cho hai quẻ Kiền Khôn. Nội dung Văn Ngôn của quẻ Kiền đặc biệt phong phú, chúng ta muốn hiểu thêm về nội hàm của quẻ Kiền, phải xem qua Văn Ngôn của quẻ Kiền. Vì vậy tập sau chúng ta sẽ bàn về: Văn Ngôn của Khổng Tử.

Chương 8: Văn Ngôn của Khổng Tử

> Khổng Tử đọc Kinh Dịch đến nỗi dây buộc sách đứt ba lần. Ông chú giải tỉ mỉ thoán từ của hai quẻ Kiền Khôn, để lại Văn Ngôn bàng thông tứ đạt. Trong Văn Ngôn chứa đựng triết lý sâu sắc gì mà được học giả đời sau tôn làm "thiên cổ văn chương chi tổ"? "Nguyên, hanh, lợi, trinh" chứa đựng bí mật của vũ trụ nhân sinh và nhân, nghĩa, lễ, trí, tín của Nho gia có mối liên hệ bên trong như thế nào?

Kinh Dịch do ai sáng tạo? Nó hoàn thành vào thời điểm nào? Chúng ta có thể khái quát bằng hai câu: “nhân cánh tam thánh, thế lịch tam cổ”.

Nhân cánh tam thánh chỉ: Phục Hy, Chu Văn Vương, Khổng Tử. Nhưng thật sự là ba người họ hoàn thành sáng tạo vĩ đại này sao? Tôi nghĩ không thể. Tam thánh chỉ là một đại danh, là đại diện của một nhóm người, nên "nhân cánh tam thánh" nói với chúng ta, Kinh Dịch là sáng tác tập thể, không phải sáng kiến của cá nhân. Mỗi thời đại có rất nhiều người nghiên cứu Kinh Dịch, sau đó tập trung tất cả công lao vào Phục Hy, Văn Vương, Khổng Tử, đây là phong cách của người Trung Quốc. Phục Hy ở thượng cổ, Văn Vương ở trung cổ, Khổng Tử ở cận cổ, nên gọi là "thế lịch tam cổ" (hình 8-1), nói với chúng ta, Kinh Dịch trải qua thời gian rất dài, dần dần hình thành, quan trọng nhất là nó chịu được sự kiểm nghiệm của thời gian dài.



图 8－1

Kinh Dịch chia thành hai phần lớn là "kinh" và "truyện" (hình 8-2): "Kinh" tương đối đơn giản, chính là tượng quái, quái danh, cùng với thoán từ và hào từ do Chu Văn Vương viết. "Truyện" phong phú hơn, chúng ta gọi nó là “Thập Dực”. Dực là cánh, chính là cho Kinh Dịch thêm mười cánh, khiến nó càng có giá trị, càng có nội hàm.

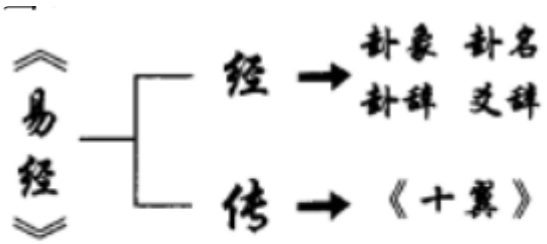

图 8 – 2

Thập Dực (hình 8-3) thực tế chỉ có 7 loại, nhưng trong đó có 3 loại chia thượng hạ hai phần nên gọi là Thập Dực.

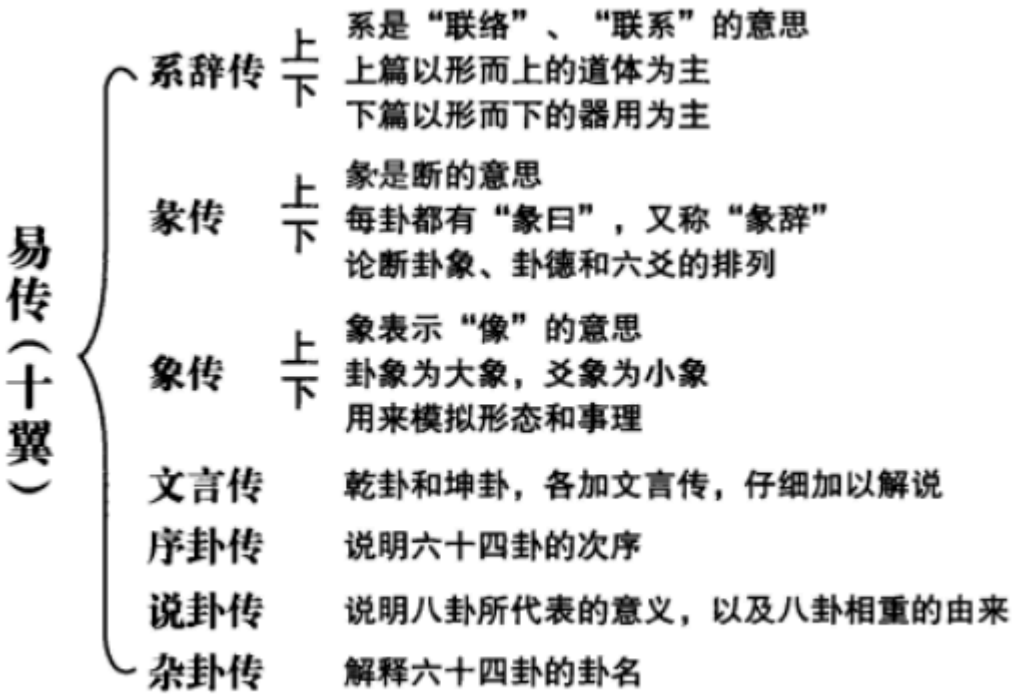

图 8 – 3

Đầu tiên là Hệ Từ Truyện, hệ chính là liên kết Kinh Dịch lại với nhau, Hệ Từ Truyện do Khổng Tử viết, là đại yếu toàn bộ Kinh Dịch, cũng chính là cái mà ngày nay chúng ta gọi là đại cương hay đạo luận, vì "kinh" chia thượng kinh, hạ kinh, nên Hệ Từ Truyện phối hợp với "kinh" chia thành thượng, hạ, tức Hệ Từ Thượng Truyện và Hệ Từ Hạ Truyện. Sau đó có Thoán Truyện, thoán từ là giải thích thoán từ, giải thích đại yếu toàn quẻ, thượng, hạ kinh đều có thoán nên cũng chia thành thượng, hạ. Tiếp đến là Tượng Truyện, chia thành Đại tượng và Tiểu tượng, giải thích tượng của toàn quẻ gọi là Đại tượng, giải thích tượng của mỗi hào gọi là Tiểu tượng. Ba loại trên mỗi loại chia thượng hạ, thành sáu phần của Thập Dực.

Ngoài ra còn có:

Thuyết Quái Truyện, chuyên giải thích ý nghĩa thực sự của 8 quẻ cơ bản;

Tự Quái Truyện, dùng để giải thích tại sao 64 quẻ bắt đầu từ Kiền, Khôn, cuối cùng kết thúc ở Ký Tế, Vị Tế, thứ tự của nó rất có đạo lý, mạch lạc cũng rất rõ ràng;

Tạp Quái Truyện, đối với 64 quẻ không theo cách sắp xếp của cổ kinh, tự tạo ra một cách sắp xếp.

Cuối cùng chính là Văn Ngôn Truyện mà chúng ta sẽ giới thiệu. Văn Ngôn Truyện là do Khổng Tử thấy thoán từ Chu Văn Vương viết rất tinh luyện, sợ nhiều người không hiểu rõ lắm, nên đặc biệt giải thích thêm, chỉ có ở hai quẻ Kiền Khôn.

Trong Văn Ngôn, Khổng Tử giải thích bốn đức “nguyên, hanh, lợi, trinh” của hai quẻ Kiền Khôn: “nguyên giả, thiện chi trưởng dã; hanh giả, gia chi hội dã; lợi giả, nghĩa chi hòa dã; trinh giả, sự chi can dã.”

"Nguyên giả, thiện chi trưởng dã". Thiện chi trưởng nghĩa là gì? Chính là chỉ nguyên khí của con người, nguyên là bắt đầu, khí chính là không khí chúng ta thường hít thở. Tại sao nguyên khí quan trọng? Bởi vì khi con người là thai nhi, trong tử cung là nhờ rốn để thở, chỉ có thể hấp thu khí trong cơ thể mẹ, không thể hấp thu không khí bên ngoài. Nhưng khi sinh ra, dây rốn bị cắt đứt, trẻ sơ sinh không thể thở được nữa, nên khóc, bắt đầu luyện tập dùng miệng để hít thở không khí. Có thể thấy con người vừa sinh ra đã đối mặt với thời khắc sinh tử, nhiều trẻ sơ sinh không lâu sau khi sinh đã chết, chứng tỏ không qua được cửa ải này, hơi thở không lên được, có tài năng lớn đến đâu cũng vô dụng.

Nguyên là nguyên thủy, nguyên khí chính là hơi thở đầu tiên khi sinh ra, và nguyên khí rất quan trọng, nên chúng ta vừa gặp nhau đã nói "khí sắc của anh không tệ", "anh rất có nguyên khí". Thiện lớn nhất của trời chính là nó cho chúng ta đủ khí, nếu khí không đủ, sẽ rất tệ. Chúng ta phải biết quý trọng không khí, đừng đi ô nhiễm nó, đây là cách làm căn bản nhất để bảo vệ môi trường. Nguyên và nhân không thể tách rời, chính là người ta bắt đầu phải theo lương tâm, mới gọi là nguyên. Mình hít thở không khí, còn phải nghĩ đến người khác cũng cần không khí, không thể một mình hút hết không khí, cũng không thể nói nơi mình không cần thì làm ô nhiễm nó, đây gọi là nguyên.

Nên "nguyên giả, thiện chi trưởng dã", nghĩa là mỗi người chúng ta đều phải làm cho mình thành một người đàng hoàng chính đáng, như vậy mới xứng đáng với hơi thở mà trời ban cho chúng ta.

> Hai quẻ Kiền Khôn có một điểm chung quan trọng, đó là trong thoán từ đều bao hàm bốn đức "nguyên, hanh, lợi, trinh". Nếu nói nguyên là ý nghĩa bắt đầu, vậy hanh đại diện cho điều gì? Kinh Dịch lại gợi ý chúng ta nên xử lý quan hệ xã hội, sống một cuộc sống hợp lý hơn như thế nào?

"Hanh giả, gia chi hội dã". Hanh là gì? Chính là mọi người ở cùng nhau chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ lẫn nhau, tôn trọng lẫn nhau, tự nhiên sẽ hanh thông, sẽ không có trở ngại. Trở ngại tự nhiên đã đủ nhiều rồi, hiện nay giữa người với người còn đặt ra đủ loại trở ngại, đây là cách làm rất không khôn ngoan.

“Gia” là nghĩa là đẹp. Hội là tụ tập, người với người tụ tập lại, động vật với động vật tụ tập lại, thực vật với thực vật tụ tập lại. Vạn vật tụ tập lại với nhau, mới có thể sống cuộc sống tốt đẹp, thực vật có cuộc sống của thực vật, động vật có cuộc sống của động vật, con người có cuộc sống của con người, mọi người dung hòa lẫn nhau, chăm sóc lẫn nhau, không xâm hại người khác, đây gọi là "gia chi hội dã". Chúng ta làm ăn chính là đưa cái có ở đây đến nơi không có, đem cái chúng ta không có từ nơi khác đến, điều này cũng gọi là "gia chi hội dã". Thiên hạ có đủ loại thứ, chúng ta trao đổi có không, bảo tồn môi trường sinh tồn nguyên bản của chúng, mới có thể sống lâu dài. "Hanh giả, gia chi hội dã" nói với chúng ta, mỗi người phải tận dụng khả năng của mình, lại lấy theo nhu cầu của mình, không thể vì mình có tiền mà không làm gì cả, còn chuyên đi mua đồ của người khác, thậm chí đầu cơ tích trữ, điều đó là không đúng.

> “Thiên hạ hỷ hỷ, giai vị lợi lai; thiên hạ nhương nhương, giai vị lợi vãng” (thiên hạ nhộn nhịp, đều vì lợi mà đến; thiên hạ xô đẩy, đều vì lợi mà đi). Sau khi trao đổi có không, "lợi" trở thành thử thách to lớn trong đời người. Nếu nói kiếm tiền là nhờ cơ hội, vậy tiêu tiền phải dựa vào trí tuệ. Vậy những người giàu có nên tiêu tiền thế nào? Tại sao nói sống xa hoa lãng phí là một tội lỗi?

"Lợi giả, nghĩa chi hòa dã". Nghĩa có nghĩa là thích hợp hay không thích hợp, nên hay không nên, hợp lý hay không hợp lý. Nghĩa có thể rất hợp lý, mọi người sẽ tương đối hài hòa, đặc biệt là người Trung Quốc, hợp lý thì tâm phục khẩu phục; không hợp lý, bề ngoài có thể không dám, không tiện hoặc không muốn nói gì, nhưng trong lòng hiểu rõ, đến lúc sẽ tìm anh gây rắc rối. Bởi vì nghĩa là điều chúng ta rất coi trọng.

Lợi là thử thách lớn nhất của trời đối với chúng ta, trời cho chúng ta lợi chính là đang thử thách chúng ta. Kiếm tiền không đáng xấu hổ, kiếm tiền thực ra là đáng yêu, vì nó có đóng góp tích cực cho cuộc sống nhân loại, nhưng làm thế nào để dùng tiền, đây mới là trí tuệ. Kiếm tiền dựa vào cái gì? Có người nói dựa vào năng lực, tôi không cho rằng có năng lực là có thể kiếm được tiền, **kiếm tiền thực ra là dựa vào cơ hội.** Cơ hội đến, tiền đến như thế nào mình cũng không biết, nhưng tiêu tiền phải dựa vào trí tuệ, nên **một người trước khi kiếm tiền, tốt nhất hãy học cách tiêu tiền,** học cách dùng tiền. Thực ra Kinh Dịch nói cho chúng ta biết cách dùng tiền, tám chữ là đủ: “đương dụng bất tỉnh, đương tỉnh bất dụng” (nên dùng thì đừng tiết kiệm, nên tiết kiệm thì đừng dùng).

Cái nên dùng, dù không có tiền cũng phải nghĩ cách dùng. Thật lòng mà nói, một người hoặc là không kết hôn, những đã kết hôn, làm người đứng đầu gia đình, thì phải gánh vác trách nhiệm của mình, phải cho cả nhà ít nhất có thể sống cuộc sống ấm no, nếu không người đứng đầu gia đình đó không làm tròn trách nhiệm. Nhưng chúng ta cũng không cần làm cho cuộc sống quá xa hoa, quá lãng phí, như vậy ngược lại là tội lỗi, là lãng phí tài nguyên. Tài nguyên có hạn, địa cầu hiện nay hơn 6 tỷ người, mọi người đều phải sống,

một người thu gom tài nguyên về nhà mình, lợi sẽ không thể hòa, mọi người sẽ không thể hài hòa. Một xã hội khoảng cách giàu nghèo càng lớn, xã hội đó càng không ổn định, càng không an toàn, nhưng chúng ta không thể miễn cưỡng khiến toàn dân đều như nhau, vì điều đó không phù hợp với tự nhiên. Nhưng người có tiền nhất định phải nghĩ cách chia sẻ với mọi người, chăm sóc những người nghèo khó hơn, như vậy là đúng. Nhưng lại có người nghĩ sai, nghĩ mình trước kiếm một số tiền mờ ám, rồi đi làm việc thiện, điều này được không? Không được, vì công quả không bù trừ được nhau, một người đã làm điều xấu thì là làm điều xấu, muốn dùng cái này để bù đắp cái kia, là không thể được.

Hiện nay nhiều người kiếm được tiền, vội đi thắp hương lễ Phật, cầu thần phù hộ, điều này không hợp lý, vì nếu làm vậy được thì thần không công chính, không công chính thì không gọi là thần, mà gọi là ma.

> "Lợi quan" không phá được, thì được mất sẽ làm kinh hoàng. Muốn trải qua được cửa ải lợi, danh trùng trùng thử thách, giữ được sự chính trực lâu dài, trinh trở thành một đức quan trọng. Tại sao nói hiểu chính trực là giữ quy tắc, là sự hiểu lầm của chúng ta về nguyên điển? Kinh Dịch nói quanh co uyển chuyển ngược lại là con đường hiệu quả nhất để thành công, đây là chuyện gì?

Giữa Ngoại quái và Nội quái có một ranh giới, ranh giới này là đường cong, không phải đường thẳng. Vấn đề lớn nhất của người phương Tây là coi đường ngang là thẳng, thực tế đường ngang là hình cung, cũng là lên xuống. Trong thế gian không có vật thẳng, đường thẳng giữa hai điểm ngắn nhất, nhưng không bao giờ đạt được. Người Trung Quốc vừa nghe lời thẳng thắn, là nổi giận, là không nghe vào, bởi vì đường Thái Cực uốn lượn, nên chúng ta không ngại hơi uyển chuyển một chút, đối phương sẽ nghe vào được, sẽ hiệu quả, sẽ an toàn. Vì vậy Kinh Dịch khiến cuộc sống chúng ta càng an toàn, hiệu quả, thuận tiện.

Nhưng hiện nay chúng ta đều cho rằng có lời phải nói thẳng, không nên quanh co, cũng không quan tâm người ta có phản ứng gì, mà không biết đó chính là coi thường người khác. Một người có chính trực hay không với những gì chúng ta tưởng tượng có khoảng cách rất lớn, Khổng Tử hết sức giải thích, nhưng chúng ta chưa cảm nhận được ý nghĩa thực sự của trinh. Chúng ta muốn hiệu quả, muốn mọi người có thể làm theo, thì phải dùng cách uyển chuyển, nếu không sẽ không đạt được nguyện vọng.

Trinh chính là dù mình rất chính trực, nhưng cũng nghĩ cho người khác, sẽ ngoài tròn trong vuông. Như vậy mọi người mới biết tròn chính là vuông, vuông chính là tròn, càng nhỏ càng vuông, càng lớn càng tròn, cùng một vật, nhỏ nhất định là vuông, mà đến khi rất lớn thì tròn. Vì thế khi chúng ta nói "làm người phải đại phương (phương = vuông, phóng khoáng, rộng rãi) một chút", người Trung Quốc đã hiểu - làm người phải viên thông (viên = tròn và thông suốt) một chút. Quan niệm của người Trung Quốc là: phương (vuông) chính là viên (tròn), nên nói một người rất “viên thông”, chính là anh ta rất “đại phương”.

> “Trí viên hành phương, khúc trung cầu trực” (tư duy linh hoạt nhưng hành động có nguyên tắc, biết cách tìm sự chính trực trong hoàn cảnh phức tạp), trí tuệ của Kinh Dịch lấy sự thông đạt và biến hóa làm điều quý báu. Vậy nhân sinh sự việc làm thế nào để

> qua lại biến hóa giữa “nguyên, hanh, lợi, trinh”? “Nguyên, hanh, lợi, trinh” và nhân, nghĩa, lễ, trí, tín của Nho gia lại có mối liên hệ như thế nào?

Mùa xuân, vạn vật bắt đầu nảy mầm, là nguyên. Đến mùa hè, vạn vật sẽ phát triển, sẽ tươi tốt, gọi là hanh. Mùa thu bắt đầu có thu hoạch, gọi là lợi. Chữ "lợi" 利 giống như một con dao 刂 đang cắt lúa chín 禾. Mùa đông phải cất giữ những thứ thu hoạch được, năm sau mới có hạt giống mới. Nếu mùa đông ăn hết những thứ thu về, cả hạt giống cũng không còn, mùa xuân năm sau dựa vào gì để gieo trồng? Từ đây chúng ta có thể biết, nguyên, hanh, lợi là tương đối tự nhiên.

Con người chỉ cần thận trọng lúc bắt đầu, đại khái sẽ tương đối viên mãn. Viên mãn chính là “vô cữu”, chính là không có di chứng, chính là quan tâm đến góc độ và lập trường của mọi người. Làm người phải chu đáo mọi mặt, mà mỗi người đứng ở phương hướng, lập trường, vị trí khác nhau, đây là yếu tố quan trọng khiến làm người trong xã hội Trung Quốc đặc biệt vất vả, đặc biệt khó khăn. Hai chữ viên mãn, là điều người Trung Quốc đặc biệt phải cẩn thận, người phương Tây chỉ có phải trái, không có viên mãn. Người Trung Quốc không phải không có phải trái, người Trung Quốc rất ghét người không có phải trái, nhưng người Trung Quốc nói với bạn, phải trái phải phân chia rất viên mãn, chỉ cần phân chia không viên mãn, còn không bằng không phân phải trái. Người thường không có khái niệm này, một mực kiên trì đúng là đúng, sai là sai, nên cuối cùng đều không viên mãn.

Nguyên chính là nhân, nhân chính là nguyên, hạt giống tốt thì cây mọc lên sẽ tốt, hạt giống không được, dù có cố gắng cày bừa, tưới nước, chăm sóc thế nào cũng không được, nên chọn giống rất quan trọng. Ngày nay ai cũng thích làm trưởng một phương, hiệu trưởng, nhà máy trưởng, phòng trưởng, thủ trưởng, bất kể là trưởng gì, ít nhất cũng làm người đứng đầu gia đình, nhưng phải nhớ kỹ, phải thận trọng lúc bắt đầu, ngay từ đầu phải coi trọng cái nguyên đó, nguyên chính là nhân tâm. Một người, nếu không có nhân tâm, làm trưởng gì cuối cùng cũng là hại người, hại mình.

Có nhân tâm, mới sẽ đi chăm sóc quan tâm người khác, sau đó làm việc sẽ rất thuận lợi, rất hanh thông. Nên chúng ta phát hiện một người chỉ cần nhân chính ái dân, tự nhiên sẽ quan vận hanh thông. Nhưng chỗ có "lợi" phải cẩn thận, và lợi càng lớn càng phải cẩn thận, phải có thể chịu được sự cám dỗ của lợi ích. Nên khi thương nhân tặng một quan chức một trăm vạn, vị quan chức này phải nhớ mình không phải lấy một trăm vạn, ít nhất tính vào đầu mình là hai trăm vạn, vì thương nhân nếu bản thân không lấy một trăm vạn, sẽ không cho anh một trăm vạn, rất có thể là thương nhân lấy một nghìn vạn mới cho anh một trăm vạn, cuối cùng bắt anh gánh một gánh nặng rất lớn, đây gọi là lợi.

“Trinh” chính là một người công chính chăm sóc tất cả bách tính, như vậy, trong lòng trinh hay không trinh được chứng minh, thấy lợi quên nghĩa chính là không trinh.

Vì vậy chúng ta có thể thấy, Nho gia phát triển nguyên, hanh, lợi, trinh thành năm chữ, gọi là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nhân chính là nguyên, nghĩa và lễ chính là "hanh". Một người có lễ có tiết, mọi việc đều hợp lý, sẽ rất hanh thông. Lễ là điều người thường có thể nhìn thấy, làm người phải có lễ phép, làm việc phải coi trọng lễ tiết, lễ phải có tiết chế, còn nghĩa tức hợp lý hay không hợp lý, chỉ có thể trong lòng hiểu rõ, bên ngoài không nhìn thấy. Khổng Tử nói: "bất tri lễ, vô dĩ lập" (không biết lễ, không thể đứng vững). Một người chỉ cần không học lễ, sẽ không thể đứng vững trong xã hội, việc gì cũng không làm thông.

Mà "trí" chính là lợi, khi đối mặt với lợi ích, chúng ta phải dùng lý trí để phán đoán nên lấy hay không nên lấy, có thể lấy hay không thể lấy, lấy rồi có thể vô cữu không. Nếu không thể phán đoán bằng lý trí, lấy vào lúc không nên lấy, bản thân tâm sẽ bắt đầu không yên, ban đêm ngủ không ngon, ban ngày sắc mặt không đúng, mắt cũng không có ánh sáng, thấy người như sợ người ta nhìn thấy, liền cúi đầu, có thể thấy kiểu "lấy" này cuối cùng đều là hối hận. "Trinh" là gì? Chính là tín, người ta tin tưởng anh hay không chính là xem anh chính trực hay không, anh chính trực, dù họ cảm thấy không công bằng, cũng thấy anh có đạo lý của anh, vẫn sẽ ủng hộ anh; anh không chính trực, dù anh đối với người ta tốt đến đâu, người ta đều sẽ nghi ngờ anh có phải lại muốn lợi dụng họ làm gì không, họ sẽ sợ, sẽ tránh xa. Nên tín chính là ấn tượng chính trực hay không chính trực mà chúng ta cho người khác.

Nguy cơ lớn nhất của người hiện đại thực ra là khủng hoảng tin tưởng lẫn nhau, chính là giữa người với người không thể tin tưởng nhau, cha sợ con, cấp trên sợ cấp dưới, hàng xóm láng giềng đều đề phòng nhau, lên xuống lầu đều lo lắng bất an, đi mua thuốc, lo là thuốc giả... Chúng ta không còn tin tưởng lẫn nhau, đây đều là con người tự chuốc lấy phiền não, mà bản thân lại rất khó giải quyết.

Chúng ta nhất định phải từ đạo lý của Kinh Dịch, từ quẻ Kiền bắt đầu, trước hết phải yêu cầu bản thân, đừng luôn yêu cầu người khác, **làm tốt bản thân rồi, người khác tự nhiên sẽ chịu ảnh hưởng.** Điều phi thường nhất của một người không phải là kiểm soát người khác, không phải dạy bảo người khác, không phải ra lệnh cho người khác, mà là phát huy ảnh hưởng của mình. Và **sự phát huy ảnh hưởng không phân biệt thân phận địa vị.** Bất kỳ ai, chỉ cần làm đúng, chỉ cần được mọi người tin tưởng, đều có thể phát huy ảnh hưởng tương đương. Dù chỉ là một công nhân xây dựng, chỉ cần mọi người thấy anh ta và nói "nhà anh xây chắc chắn không có vấn đề gì", là đủ rồi. Bất kỳ một nhân viên bán hàng nào, chúng ta thấy họ liền nói "đồ anh bán cho tôi, tôi không cần lo lắng", là đủ rồi. Có thể thấy tín rất quan trọng.

> Người quân tử luôn rộng rãi, thẳng thắn và dùng chính khí của mình để ảnh hưởng đến những người xung quanh. Trong mỗi giai đoạn của cuộc đời, người quân tử biết điều chỉnh hợp lý, không làm mọi việc đến mức thái quá. Để ứng phó linh hoạt trong cuộc sống, mỗi người cần có "hai ngón nghề". "hai ngón nghề" là gì? Câu nói cát tường "Lục lục đại thuận" (mọi sự suôn sẻ) lại tiềm ẩn nguy cơ gì?

"Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín", chính là "nguyên, hanh, lợi, trinh", chính là chính khí của trời đất, gọi là Càn nguyên. Càn nguyên chính là tiên thiên nhất khí, là thứ vô tư nhất giữa trời đất. Ví như không khí, không phải vì ai là

người tốt mới cho, ai là người xấu thì không cho, cũng không vì ai đối với nó tốt mới cho người đó hít, ai đối với nó không tốt thì không cho người đó hít, nhưng nó không phải là không phân biệt phải trái, nó đang bảo chúng ta, phải quý trọng bản thân, phải tu dưỡng bản thân, nếu không đến lúc một hơi thở không đến, oán nó cũng vô ích.

Trong Văn Ngôn đặc biệt nhắc đến một câu: "Kiền nguyên dụng cửu, nãi kiến thiên tắc".

Thế nào gọi là Kiền? Tại sao có thể “tự cường bất tức”? Chính là vì nó biết “dụng cửu”. “Dụng cửu” nói theo cách hiện đại gọi là điều chỉnh theo giai đoạn. Một người không thể nguyên một cách làm, vì điều phù hợp ở giai đoạn này có thể sẽ gặp nhiều khó khăn ở giai đoạn tiếp theo. Như vậy mọi người mới biết tại sao chúng ta người Trung Quốc khen ngợi người đều nói "người này giỏi lắm, có hai ngón nghề" 这个人了不起，有两把刷子 (Người này thật lợi hại, có bản lĩnh đặc biệt), chúng ta không bao giờ nói "người này giỏi lắm, có một ngón nghề" (这个人了不起，有一把刷子 (Người này thật lợi hại, có tay nghề giỏi.). Một ngón nghề có ích gì? Một người ít nhất phải có âm dương hai ngón nghề, có thể cương thì cương, nên nhu thì nhu, có thể cao thì cao, nên thấp thì thấp, đây gọi là “năng khuất năng thân”.

Điều phi thường nhất của người Trung Quốc chính là “năng khuất năng thân” (có thể khom mình có thể vươn lên), “cương nhu tịnh tế” (cứng mềm kết hợp), “ân oai tịnh thi” (ân huệ và uy nghiêm cùng thi hành), “nội phương ngoại viên” (trong vuông ngoài tròn), chúng ta luôn là âm dương phối hợp. Bởi vì quẻ Kiền bảo chúng ta: “kháng long hữu hối” (rồng kiêu ngạo sẽ có hối hận). Dương cương quá thịnh, lập tức thành âm. Dương cực thành âm, chính là khi một người không coi ai ra gì, rất tự đắc, đột nhiên ngã xuống, sẽ thê thảm. Nên đến hào cửu ngũ chúng ta còn có thể nắm bắt được, hào thượng cửu tốt nhất là thôi đi, đừng tham lam vô độ. Phải nhớ kỹ, những thứ có thể nắm bắt được thì nắm bắt là được rồi, những thứ nắm bắt không được thì tốt nhất đừng nắm. Đừng quá tin tưởng vào "lục lục đại thuận" (mọi sự suôn sẻ), chính vì lục không thuận mới gọi là lục lục đại thuận. Đạo lý của Kinh Dịch là như vậy, khi chúng ta rất thuận lợi nó liền bảo chúng ta phải cẩn thận, sau các sự thuận lợi này sẽ có hậu quả, chúng ta phải theo đuổi trạng thái không gặp rủi ro, không có hậu quả gì.

Mỗi quẻ trong Kinh Dịch đều có điều kiện, cũng đều cung cấp một hy vọng, con người sống trong hy vọng chứ không sống trong mộng tưởng, có hy vọng phải dựa vào chính mình để thực hiện, nên có “tự cường bất tức” của quẻ Kiền, thì phải có “hậu đức tải vật” của quẻ Khôn, Càn ở trước sáng tạo, Khôn ở sau thực hiện phối hợp, nên dương cực thành âm là có đạo lý, tập sau chúng ta sẽ bàn về: Dương cực thành âm.

Chương 9: Dương Cực Thành Âm

> Thái cực động nhi sinh dương, động cực nhi tĩnh, tĩnh nhi sinh âm (Thái cực động sinh ra dương, động đến cực điểm thì tĩnh, tĩnh sinh ra âm). Quẻ Kiền và quẻ Khôn tượng trưng cho hai cực động tĩnh có một điểm tương thông quan trọng, đó là đều bao hàm bốn đức "nguyên, hanh, lợi, trinh". Càn đạo tự cường bất tức, Khôn đạo hậu đức tải vật. Giữa Càn Khôn rốt cuộc chuyển hóa lẫn nhau như thế nào? Quan niệm triết học động tĩnh hữu thường, cương nhu tịnh tế, đối với việc làm người xử thế của chúng ta lại có sự gợi mở sâu sắc như thế nào?

quẻ Kiền sáu hào đều là hào dương, là thuần dương quẻ. Nếu sáu hào dương một lúc đều biến thành hào âm, sẽ biến thành quẻ thuần âm, quẻ Khôn (hình 9-1).

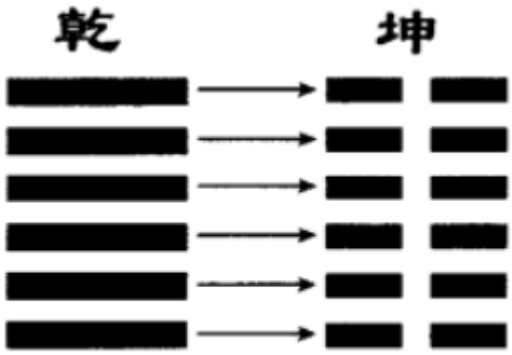

图 9－1

“Kiền sai Khôn”, chính là giữa hai quẻ Kiền Khôn dương biến âm, âm biến dương, hai quẻ có quan hệ tương thác. Thoán từ của quẻ Kiền là: “nguyên, hanh, lợi, trinh”. Thoán từ của quẻ Khôn là: “Khôn. Nguyên hanh. Lợi tẫn mã chi trinh. Quân tử hữu du vãng, tiên mê, hậu đắc chủ, lợi. Tây nam đắc bằng, đông bắc táng bằng. An trinh cát.”

(Khôn có đức đầu tiên và lớn, hanh thông, thích đáng, đức chính và bền của con ngựa cái. Người quân tử có việc làm mà thủ xướng thì lầm, để người khác thủ xướng mà mình theo sau thì được. chỉ cốt lợi ích cho vạn vật. đi về phía tây nam thì được bạn, về phía đông bắc thì mất bạn. An lòng giữ đức bền vững, tốt.)

Quẻ Kiền chỉ có “nguyên, hanh, lợi, trinh”, quẻ Khôn thêm một chút điều kiện "lợi tẫn mã chi trinh", thêm mấy chữ này, chính là hạn chế của nó.

Kiền là sáng tạo, nên làm thế nào thì làm thế ấy. Còn Khôn là phối hợp, phải có phương hướng, có dẫn dắt, có phương pháp đúng đắn. Nên, "lợi tẫn mã chi trinh", chính là nói trinh của người, phải như con ngựa cái. Ngựa cái có một đặc tính, chính là mãi mãi đi theo ngựa đực, ngựa đực chạy đâu, nó theo đó, ngựa đực chạy nhanh bao nhiêu nó theo nhanh bấy nhiêu, không cho ngựa đực một chút gánh nặng nào, không trở thành gánh nặng của ngựa đực, ngược lại sẽ trở thành bạn đồng hành của ngựa đực. Đây gọi là “phu xướng

phụ tùy” (chồng hát, vợ theo). Nhưng ngày nay có nhiều người nghe đến “phu xướng phụ tùy” liền nổi giận, nói “phụ xướng phu tùy” không được sao? Đương nhiên được, dù sao đây là chuyện giữa vợ chồng, vợ chồng tự thương lượng. Chỉ là xã hội có một giá trị chủ lưu, bạn có tự do kiên trì “phụ xướng phu tùy”, nhưng bạn không thể khoe khoang mình, cũng không thể phủ định người khác, nói thời đại khác rồi, bây giờ không thể “phu xướng phụ tùy” nữa, phải “phụ xướng phu tùy”, như vậy không đúng, bởi vì thoán từ của quẻ Khôn "nguyên hanh, lợi tẫn mã chi trinh" nói với chúng ta, tinh thần chủ yếu của Khôn vẫn là ở phối hợp.

Kiền là trời, rồng mới có thể bay lên trời, nên Kiền dùng rồng. Khôn là đất, dùng ngựa, vì ngựa chạy rất nhanh trên mặt đất, chỉ chịu một hạn chế, đó là rồng đi đâu, nó theo đó, như vậy gọi là long mã tinh thần. Và rồng cũng có trách nhiệm, phải đi đúng phương hướng, nếu dẫn sai, tương lai sẽ cùng ngựa đồng quy vu tận. Vì vậy, long mã tinh thần, chính là yêu cầu người dẫn đầu phải đúng phương hướng, phải giữ tốc độ phù hợp, đồng thời phải xem trái phải có chướng ngại gì, và sớm loại bỏ chúng, như vậy tẫn mã (ngựa cái) mới có thể một mạch theo sau.

> Thường nói "phủ thủ cam vi nhu tử ngưu" (cúi đầu làm trâu cho trẻ nhỏ cưỡi). Trong quan niệm của người Trung Quốc, trâu đáng lẽ phải hơn ngựa về khả năng chịu khổ chịu nhọc, càng thêm thuần phục. Đã nói quẻ Khôn giảng về an thuận thủ chính, vậy tại sao thoán từ của nó dùng ngựa mà không dùng trâu? Phía sau thoán từ "lợi tẫn mã chi trinh" của quẻ Khôn, lại bao hàm những hàm ý triết học sâu sắc nào?

Kinh Dịch nói với chúng ta, bất cứ việc gì đều có điều kiện, không phải tuyệt đối. Thoán từ quẻ Khôn tại sao không nói "lợi tẫn ngưu chi trinh"? Ngựa và trâu có gì khác nhau? Trong ấn tượng của mọi người, trâu chịu gánh nặng nhiều hơn, bắt trâu theo sát có lẽ hơi khó khăn, còn ngựa thì nhẹ nhàng nhanh nhẹn hơn. Hơn nữa dù trâu thuần phục, ngựa cũng thuần phục, nhưng trâu, bạn bảo nó làm gì nó cũng thuần phục, đây là phục tùng mù quáng; ngựa khác, tuy ngựa trung trinh bất nhị, nhưng sẽ giữ nguyên tắc, nên theo mới theo, không nên theo vẫn không theo.

Vì vậy chúng ta dùng ngựa không dùng trâu là có ý nghĩa sâu sắc. Làm vợ không thể chồng bảo làm gì là làm nấy, chỉ khi yêu cầu của chồng chính đáng mới có thể toàn lực phối hợp; nếu yêu cầu của chồng không hợp lý, thì kiên quyết không thể theo, như vậy mới gọi là “lợi tẫn mã chi trinh”.

Khôn có một mỹ đức, gọi là “thành toàn” (tạo điều kiện), hiện nay rất ít người hiểu được thế nào là “thành toàn”. Vợ tuy không nhất định năng lực yếu hơn chồng, nhưng vì cả gia đình, để tập trung sức lực, nên vợ phải khiến chồng không có hậu hoạn, tạo điều kiện cho chồng, đây mới là điều vĩ đại hơn cả sáng tạo, gọi là phụ đức. Nhưng vì hiện nay mọi người chỉ tính toán công lao, những việc không thấy được công lao đều không muốn làm, đương nhiên không thể nói đến thành toàn.

Quẻ Kiền nói về Càn nguyên, quẻ Khôn nói về Khôn nguyên. Chỉ có Càn nguyên, sẽ chỉ có lý tưởng, mà mãi mãi không thể thực hiện được; chỉ có Khôn nguyên, tuy có thể chịu khổ chịu nhọc, nhưng lại không có lý tưởng. Vì vậy, Càn nguyên và Khôn nguyên phối hợp, mới có thể khiến lý tưởng thực hiện được. Phía trước có người dẫn dắt, phía sau có người có thể làm tốt công việc, đây gọi là Càn Khôn phối.

Chủ trương của Lão Tử mọi người đều rất rõ, gọi là “bất cảm vi thiên hạ tiên” (không dám đứng đầu thiên hạ). “Bất cảm vi thiên hạ tiên”, chính là nói về quẻ Khôn. Bởi vì quẻ Khôn nhất định phải theo sau quẻ Kiền, nếu không, có khi sẽ đạt được kết quả ngược lại, càng nỗ lực, sự việc càng tệ hại, đây gọi là giúp thành chuyện xấu. Thật lòng mà nói, người thực sự hiểu văn hóa Trung Hoa đều biết Lão Tử nói "bất cảm vi thiên hạ tiên" chính là muốn "vị thiên hạ tiên" (đứng đầu thiên hạ), hai câu này là một, đây mới gọi là nhất âm nhất dương chi vị đạo.

> Lão Tử trong Đạo Đức Kinh viết: “nhất viết từ, nhị viết kiệm, tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên”. Đây là ba pháp bảo của ông. Tại sao theo đạo lý của Kinh Dịch, “bất cảm vi” với muốn “vị thiên hạ tiên”, ngược lại thành một? Chúng ta nên hiểu thế nào về những chiến lược nhân sinh có vẻ đối lập như tiến với thoái, nhập thế với xuất thế?

Lão Tử nói vô vi, Khổng Tử không nói vô vi sao? Vô vi chẳng phải là hữu vi sao? Những điều này thực ra đều rất dễ hiểu, chỉ là nhiều năm qua, chúng ta không theo tư duy của Kinh Dịch để xử lý, mới sinh ra nhiều méo mó và hiểu lầm. Kinh Dịch nói với chúng ta, nhất âm nhất dương đồng thời tồn tại, vật dụng chính là yếu dụng, chính là đứng ở lập trường không dùng để thích hợp mà vận dụng.

“Bất cảm vi thiên hạ tiên”, chính là muốn “vị thiên hạ tiên”. Trước hết cân nhắc tình hình, không nên dẫn đầu thì đừng dẫn đầu, nhường cho người hợp lý hơn, đây gọi là “lễ nhượng vi tiên”. Nhưng nếu nhường đi nhường lại phát hiện mình dẫn đầu là hợp lý nhất, người khác dẫn đầu có thể làm hỏng việc, thì đương nhiên bất nhượng. Nên người Trung Quốc nhường qua nhường lại, cuối cùng đương nhiên bất nhượng, chính là vì chịu ảnh hưởng của quẻ Khôn.

“Phu xướng phụ tùy”, nếu giữa đường chồng bị bệnh thì sao? Vợ cũng không thể ra ngoài sao? Đương nhiên phải ra. Ở nhà nửa đêm có người gõ cửa, chồng bảo vợ "em ra mở cửa", đó là chồng sao? Nhưng nếu chồng bệnh nặng, không thể cử động được, có khi là bác sĩ đến gõ cửa, vợ cũng nói "anh ra mở cửa", vậy chẳng phải làm chết chồng sao? Có thể thấy phu xướng phụ tùy hay phụ xướng phu tùy, đây là biến động, không phải cố định, mới gọi là Kinh Dịch.

Chúng ta phải nhận được chỉ dẫn của Càn nguyên, mới có thể toàn lực tiến lên. Nếu không nhận được chỉ dẫn của Càn nguyên, “bất vi thiên hạ tiên” là an toàn hơn.

"nguyên hanh, lợi tẫn mã chi trinh", phía sau là: "quân tử hữu du vãng". “Hữu du vãng” chính là có chỗ để đi. Khi một quân tử định đi đến đâu, phải nhớ, “tiên mê, hậu đắc chủ, lợi”.

Một người đi trước, giả sử là Khôn nguyên thì có thể lạc mất phương hướng. Nhưng nếu có thể tìm được Càn nguyên, và phát hiện Càn nguyên này đáng tin cậy, thì theo nó, ngược lại là có lợi. Thực ra hiện nay mọi người có thể thấy rất rõ, một người phụ nữ muốn đi đâu, lên xe là chạy luôn, dễ lạc đường hơn, vì cảm giác phương hướng của cô ấy không tốt. Nam giới có cảm giác phương hướng tốt hơn phụ nữ nhiều. Nên phụ nữ không thể nóng vội, phải để nam giới nói cho bạn rõ trái rõ phải, và phải để anh ta nói trước, đừng đợi đến chỗ rõ mới nói, lúc đó không rõ được đâu, phải đặt trách nhiệm cho anh ấy. Đây gọi là "tiên mê, hậu đắc chủ", mới có lợi cho Khôn nguyên.

> Đức tính của quẻ Khôn khoan hậu có thể chở được vạn vật, đức tính khoan hậu có thể lâu dài vô cương. Tuy nhiên tại sao Chu Văn Vương khi vẽ Bát Quái lại cố ý thay đổi phương hướng của quẻ Khôn trong Bát Quái Phục Hy? Tại sao nói trong thoán từ "tây nam đắc bằng, đông bắc táng bằng" tràn ngập khói lửa chiến đấu chống Thương Trụ của lịch sử?

Thoán từ của quẻ Khôn tiếp theo nói: "tây nam đắc bằng, đông bắc táng bằng, an trinh cát". Tây Nam Đông Bắc nói ở đây là theo Văn Vương Bát Quái. Chúng ta đều biết ban đầu Chu Văn Vương viết Kinh Dịch, ý nghĩ lớn nhất của ông là muốn phát huy chức năng chính trị của nó. Bởi vì ông muốn chống lại Thương Trụ, muốn lật đổ triều Thương, xây dựng triều đại của mình, đương nhiên không phải vì cá nhân, mà vì bách tính thiên hạ. Vì vậy, ông đã thay đổi một chút Bát Quái của Phục Hy.

Chúng ta đều biết lãnh thổ của Chu Văn Vương ở phía Tây của toàn bộ Trung Quốc, nên hậu thiên Bát Quái tức Văn Vương Bát Quái đã dời Càn Khôn sang phía Tây. Tây Bắc gọi là Càn, Tây Nam gọi là Khôn. Sau khi dời Kiền Khôn đi thì Bắc Nam làm sao? Rất đơn giản, Bắc tương đối lạnh nên dùng nước, dùng quẻ Khảm; Nam tương đối nóng nên dùng lửa, dùng quẻ Ly. Và còn có điều tinh tế hơn, vì Thương Trụ Vương ở phía Đông, nên ông bảo dân chúng, nếu đi về phía Đông sẽ bị chấn động, nếu đến phía Tây của chúng ta sẽ rất vui vẻ.

Vì vậy, quẻ Chấn ở phía Đông, quẻ Đoái đặt ở phía Tây (hình 9-2). Như vậy, toàn bộ vị trí Bát Quái đã khác với tiên thiên Bát Quái.

置就跟先天八卦不一样了。

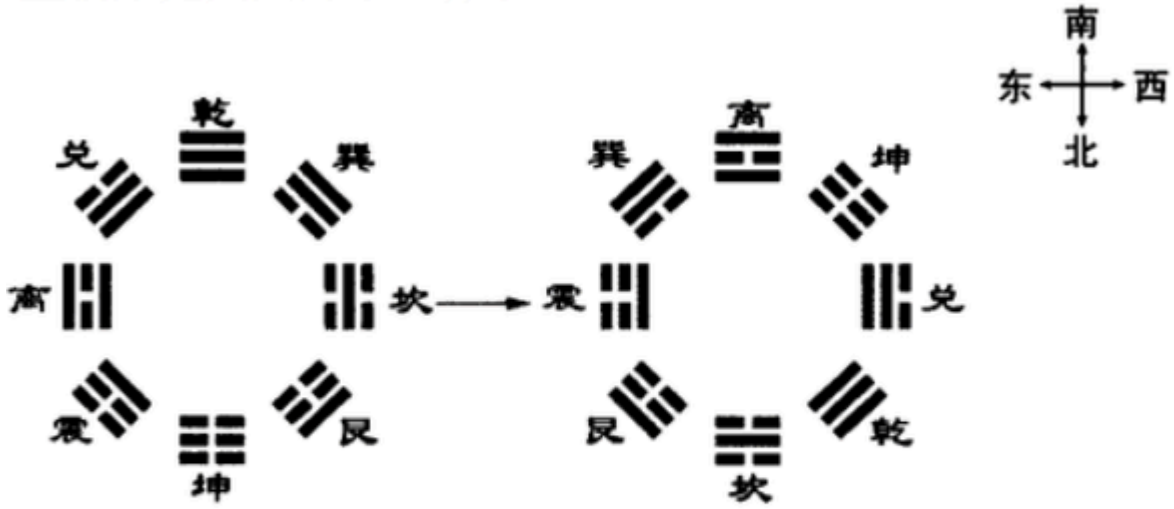

伏羲先天八卦图　　文王后天八卦图

图 9－2

Thực ra, nếu chúng ta từ góc độ này để giải thích hậu thiên Bát Quái, sẽ biết Văn Vương lúc đó muốn làm gì. Và thoán từ của quẻ Khôn rất rõ ràng nói với chúng ta, đến Tây Nam sẽ được gặp đồng chí, còn nếu đi về đông bắc, sẽ gặp chướng ngại, vì Đông Bắc là quẻ Cấn. Văn Vương vô hình chung hy vọng dân chúng có thể tin lời ông, sau đó đều đến theo ông, tăng cường thế lực của ông, ông mới có nắm chắc tiêu diệt Thương Trụ.

Chúng ta lại nhìn từ đại gia đình Kinh Dịch, có thể thấy phía Tây quẻ Đoái là thiếu nữ, phía Nam quẻ Ly là trung nữ, Đông Nam quẻ Tốn là trưởng nữ. Những quẻ này giống với quẻ Khôn, đều là quẻ âm, thuộc cùng loại, nên Tây Nam thì đắc bằng. Ngược lại, những quẻ khác thuộc quẻ dương, không hợp với Khôn, nên sẽ táng bằng.

Nếu nhìn từ góc độ này, chúng ta có thể thấy rất rõ lúc đó Văn Vương Bát Quái đại diện cho lời kêu gọi chính trị. Nên quẻ Khôn đại diện cho một người phải tìm bạn đồng chí đồng đạo. Nhưng, có người đồng chí đồng đạo, thì nhất định có người phản đối bạn, bạn hãy giữ khoảng cách an toàn với họ.

“An trinh cát”, chính là chúng ta phải phản tỉnh bản thân có đủ nhu thuận không. Nếu bản thân là Khôn, lại không đủ nhu thuận, còn muốn mạnh mẽ nổi trội, thì sớm muộn sẽ đuổi Càn khí đi. Một người nếu đủ nhu thuận, đối với bản thân là có lợi, không nhu thuận, không có bạn bè, ngược lại có lợi. Vợ chồng cãi nhau, không có bạn bè ở đó cứ cãi cho đã, khi có bạn bè ở đó mà vợ chồng còn cãi nhau là rất bất lợi. Nên từ góc độ này, chúng ta cũng có thể biết nhu thuận mà quẻ Khôn nói cũng là một kiểu phối hợp nên có của Càn Khôn.

> Khôn đạo giảng về phối hợp và thực hiện, nhưng sự phục tùng này có phải là vô điều kiện không? Nếu Càn đạo chỉ sai hướng thì nên thực hiện Khôn đạo thế nào? Theo trí tuệ của Kinh Dịch, thiếu nữ chưa lấy chồng nên chọn người chồng tương lai của mình như thế nào?

Nói thật lòng, Kiền đôi khi cũng không đúng, nên Khôn hoàn toàn thuận theo là không tốt. Nhưng khi Khôn muốn phát huy tác dụng, nhất định phải lo lắng, nhất định phải hiểu môi trường này và bản thân có thể phát huy đến mức nào. Đại tượng của quẻ Kiền là điều chúng ta rất quen thuộc, gọi là "thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức".

Trời, quan trọng nhất là trống rỗng không có gì, nhưng nó có mây có mưa. Mây mưa phải động, nếu không thời tiết đứng yên ở đó, cỏ cây rất khó lớn, nên mây phải vận hành, mưa phải rơi. Nên trời trọng hành, nếu trời không vận hành, không khí không lưu thông sẽ tệ.

Kiện không chỉ là cương mà thôi, còn phải bền bỉ. Bền bỉ vận hành mới gọi là “thiên hành kiện”. Chúng ta thấy mặt trời bền bỉ, không ngừng Đông lên Tây lặn, không khí không ngừng lưu động, có lúc có mây, có lúc có sương mù, có lúc mưa, chưa từng dừng lại. Chúng ta liền ngộ ra, muốn làm một quân tử, nên học theo trời tự cường bất tức.

Người Trung Quốc rất cần cù, chính là học theo trời “tự cường bất tức”. Còn đất thì sao? Đất có “hành” không? Đất không thể hành được, đất khi hành là động đất. “Địa thế Khôn” đất hoàn toàn dựa vào thế mà tồn tại. Có núi cao, có đồi gò, có rặng núi hiểm trở, cao thấp không đồng đều. Vì vậy, trời coi trọng "hành" (sự vận động), còn đất coi trọng "thế" (thế đất, địa thế).

Người Trung Quốc thường nói, hình thế mạnh hơn người. Nhiều người cho rằng mình rất tài giỏi, có nhiều phương pháp, đã đóng góp rất nhiều, nhưng thực ra, tất cả đều nhờ vào thời thế hỗ trợ. Do đó, việc người Trung Quốc tạ ơn trời đất là có lý do. “Địa thế Khôn” nghĩa là thế đất luôn thay đổi cao thấp khác nhau, nên khi nghiên cứu địa lý, chúng ta phải xem xét thế đất.

Quân tử thấy “địa thế khôn”, giống như thấy “thiên hành kiện” vậy, phải học theo đất “hậu đức tải vật”. Đất rất đáng quý, nó bao dung và vô tư nâng đỡ muôn loài. Con người tùy ý đào bới, đất vẫn để họ đào. Người ta chôn chất độc xuống, đất cũng không một lời oán trách. Trên mặt đất có cây cối, núi non, cao ốc, mọi thứ đều có, nhưng đất chưa bao giờ lên tiếng.

Thế nhưng, con người không thể mãi lấn át đất, nếu không, sẽ có núi lở, đất rung. Bạn thấy đấy, phụ nữ vốn rất hiền hòa, rất mềm mỏng, nhưng nếu chọc giận họ, họ sẽ bùng nổ như núi lở đất rung – lúc đó thì không thể xem thường. Mềm quá hóa cứng, cứng quá hóa mềm, đạo lý về sự chuyển hóa giữa hai quẻ Càn và Khôn, chúng ta thực sự nên suy ngẫm sâu sắc.

Con người phải thuận theo tự nhiên, nhưng không thể nghe theo tự nhiên, nghe theo tự nhiên thì không cần làm gì nữa, nhưng thuận theo tự nhiên, chính là an trinh cát. Làm việc, khi nên cương mới cương, khi nên nhu nhất định phải nhu, chỉ có nhu mới có thể giải quyết thì nhu, nhất định phải cương thì cương, khả cương khả nhu, cương nhu tịnh tế, nội ngoại phối hợp, mới có thể nắm được yếu chỉ của chữ "trinh".

Trinh trước đây gọi là trinh tiết, gọi là thao thủ, hoặc gọi là trinh thao. Trinh thao của nam nhân chính là trách nhiệm. Nhiều cô gái không biết chọn chồng thế nào, thực ra có gì để chọn? Chỉ cần xem người này đáng tin cậy không, có trách nhiệm không. Làm sao biết có trách nhiệm không? Đến nhà anh ta xem cha anh ta là biết ngay, nếu cha anh ta suốt ngày không có nhà, không lo cho con cái, việc nhà đều do mẹ lo toan, thì biết kiểu người này sớm muộn cũng giống như cha anh ta vậy. Nam nhân phải đáng tin cậy, phải có trách nhiệm, đã cưới người phụ nữ này, "thê bần chi phối bất khả khí" (vợ nghèo không thể bỏ), lúc khổ cực nàng ở bên cạnh anh, bây giờ anh có tiền lại chê nàng già, anh xứng đáng làm bậc đứng đầu, dẫn dắt mọi người sao?

> "Thiên địa hữu đại mỹ nhi bất ngôn" (Trời đất có vẻ đẹp lớn mà không nói). Mỹ đức của trời là: "thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức". Còn mỹ đức của đất là: "địa thế khôn, quân tử dĩ hậu đức tải vật". Vậy mỹ đức "khả tiến tài tiến, đương thoái tắc thoái" (có thể tiến mới tiến, nên lui thì lui) của trời đất, lại cho người đời nay những gợi ý gì?

Trinh thao của nữ tính theo Khôn nguyên là gì? Chính là trung trinh bất nhị. Điều nam nhân không thể chịu đựng nhất là vợ mình có quan hệ tình dục với người đàn ông khác. Phụ nữ khác có quan hệ tình dục với người khác, anh ta không quan tâm, ngược lại còn cho rằng, có gì đâu? Kỹ tính thế làm gì, thời đại khác rồi. Phàm là nói những lời như vậy, một khi phát hiện vợ mình có quan hệ tình dục với người khác, anh ta chắc chắn sẽ cầm dao lên. Chúng ta từ góc độ này có thể biết nam nữ hữu biệt. Đối với quan niệm trinh thao, chúng ta yêu cầu đồng thời, vì nhất âm nhất dương đồng thời tồn tại. Sau này dần dần biến thành chỉ yêu cầu phụ nữ, không yêu cầu nam giới, điều này vi phạm đạo lý của Kinh Dịch.

Quân tử thấy trời, liền nghĩ đến sự lạc thiện háo thí của trời: mưa không keo kiệt, thấm nhuần vạn vật; gió không keo kiệt, thổi khắp nơi. Vì vậy, thấy sự công chính vô tư của trời, quân tử nên nghĩ rằng, bản thân nên độ lượng rộng rãi, có thể giúp người khác, cố gắng đừng tính toán. Thấy hậu đức tải vật của đất, nên nghĩ rằng bản thân có trách nhiệm khiến mọi thứ đều an vị, nên khi chúng ta muốn địa bàn, còn phải nghĩ đến người khác cũng cần có địa bàn, cố gắng mở rộng địa bàn của mình đồng thời, còn phải nghĩ đến cảm nhận của người khác.

Như vậy, chúng ta sẽ có mỹ đức của trời đất, thời khắc đều biết khả tiến tài tiến, đương thoái tắc thoái, sẽ được mọi người hoan nghênh. Hiện nay nhiều người coi những đạo lý này như gió thoảng bên tai, luôn lấy "bây giờ thời đại khác rồi" làm cớ, cho rằng nên thể hiện thì phải thể hiện, điều này vi phạm hào đầu của quẻ Kiền. Thật lòng mà nói, sáu hào dương của quẻ Kiền mỗi hào đều có thể biến thành hào âm bất cứ lúc

nào. Càn nguyên dụng cửu, đã báo trước dương cực thành âm. Sơ cửu bất cứ lúc nào cũng có thể biến thành sơ lục, chỉ cần không làm theo quy định của sơ cửu, sẽ biến thành sơ lục.

Quẻ Kiền, nếu sơ cửu biến thành sơ lục, thì sẽ biến thành một hào âm ở dưới, năm hào dương ở trên, gọi là quẻ Cấu (hình 9-3).

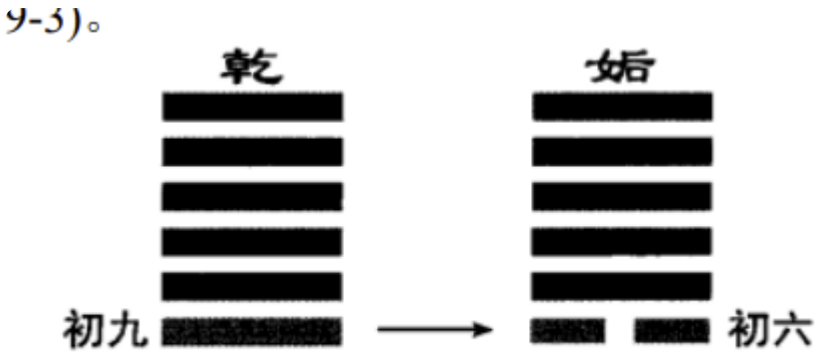

图 9 -3

Ý nghĩa của quẻ Cấu là một cô gái đồng thời cặp kè với năm bạn trai, không làm được "tiềm long vật dụng", chưa chuẩn bị sẵn sàng đã đi hẹn hò với người ta, không biết trời cao đất dày. Quẻ Cấu nói với chúng ta cô gái này không thể cưới. Đây chính là điều bây giờ gọi là tình một đêm. Cô gái tình một đêm, ai dám cưới? Bởi vì cô ấy với bạn là tình cờ gặp gỡ, bạn hoàn toàn không hiểu cô ấy, đã cùng cô ấy du hí, nhất định sẽ bị sỉ nhục.

> Trong một quẻ, âm dương bất cứ lúc nào cũng có thể chuyển hóa, cũng chính là điều chúng ta thường nói là "biến quẻ". Trong sáu hào, lẻ là dương, chẵn là âm, nếu hào 1,3,5 là hào dương, hào 2,4,6 là hào âm, thì gọi là đắc chính; nhưng nếu ngược lại, thì gọi là bất chính. Quẻ Kiền sáu hào đều là hào dương, có thể thấy trong đó ba hào bất chính. Vậy khi gặp bất đắc chính, trong xử lý vấn đề cần chú ý điều gì?

Hào thứ hai của quẻ Kiền là cửu nhị. Nhưng cửu nhị bất đắc chính, ngược lại lục nhị mới đắc chính. Chúng ta hãy mô phỏng, giả sử hào hai của quẻ Kiền từ dương chuyển âm, sẽ biến thành quẻ Đồng Nhân (hình 9-4).

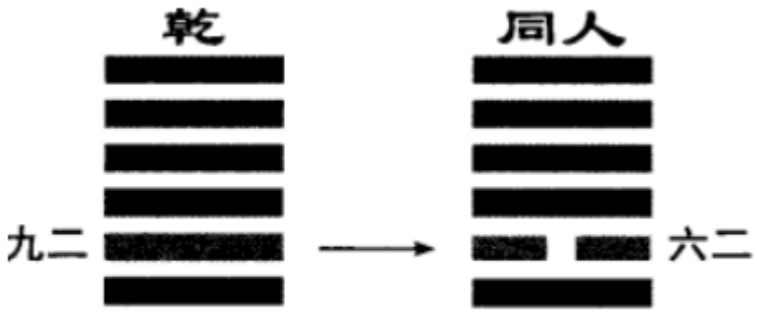

图 9 –4

Ý nghĩa của quẻ Đồng Nhân là dù bạn có công lao, dù bạn thể hiện rất tốt, nhưng đồng nghiệp không ghen tị với bạn, mà đều rất ngưỡng mộ bạn. Cửu nhị bất đắc chính, có lúc sẽ lộ đầu quá mức, phong thái quá mạnh, nên phải thích hợp mà dừng lại, phải nhu một chút, tư thế hơi hạ thấp xuống một chút. Người ta khen bạn giỏi, bạn nói đều là nhờ mọi người giúp đỡ; người ta nói bạn có năng lực, bạn nói may mắn, vừa hay gặp được cơ hội này...

Có thể thấy chúng ta có được một khái niệm rõ ràng, đó là khi đắc chính, theo nó làm như vậy sẽ rất tốt, nếu bất đắc chính, thì hơi điều chỉnh về phía nhu một chút, sẽ rất tốt. Cửu tam đắc chính, nhưng chúng ta phải cảnh giác, ngay cả ban đêm cũng không thể đại ý, mới không có chuyện, nếu không sẽ từ cửu tam biến thành lục tam. Nếu cửu tam của quẻ Kiền biến thành lục tam sẽ thành quẻ Lý (hình 9-5).

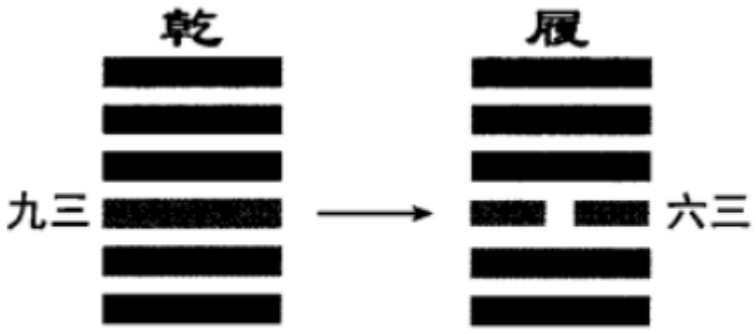

图 9 –5

Quẻ Lý nghĩa là thực hiện khế ước. Chúng ta chỉ biết người với người, người với công ty phải có khế ước, thực ra người với trời cũng phải có khế ước - trời cho chúng ta làm người chúng ta phải làm người cho tốt; trời cho chúng ta hình dáng người, chúng ta phải giống hình dáng người. Nên ý nghĩa của Lý chính là thực hiện thiên đạo, làm theo thiên đạo, chúng ta mới có thể hơi dịu bớt một chút, không cần lo lắng. Nhưng, chúng ta không có bản lĩnh lớn như vậy một lúc đã có thể thực hiện thiên đạo, nên vẫn phải cẩn thận. Cẩn thận đến khi nào? Cẩn thận đến khi thực sự thực hiện thiên đạo mới thôi. Có thể thấy âm dương là phối hợp.

Chúng ta lại xem hào thứ tư, cửu tứ, vẫn là bất đắc chính, vì hào thứ tư nên là âm, bây giờ dương chiếm ở đó, tức dương cư âm vị (hào dương nằm ở vị trí của hào âm). Thấy sắp đến cửu ngũ rồi, một lòng muốn leo lên, đó là tự chuốc khổ. Đến hào thứ tư thì nên biết phía trên chính là cửu ngũ. Người Trung Quốc thường nói kết bạn với vua giống như kết bạn với hổ, ở cạnh đại nhân, tuy rất đắc ý, rất được sủng ái, có cơ hội, nhưng cũng là nguy hiểm cao độ, vì đại nhân giống như hổ vậy, bất cứ lúc nào cũng có thể cắn người. Nên một người gần gũi với sếp, phải đặc biệt cẩn thận, việc anh làm không tốt, ông ta thấy trước, người dưới làm không tốt, ông ta chưa chắc đã thấy được. Hơn nữa tất cả mọi người đều đến tìm anh, đều nhờ vả anh, anh chỉ cần động lòng, sếp sẽ nghi ngờ anh.

Thượng cửu không cần nói nữa, hào từ là "kháng long hữu hối". Chính là nói nên lui mà không lui, lui rồi còn muốn quản việc, đó là tự chuốc phiền phức. Nếu thượng cửu biến thành thượng lục, thì là quẻ Quải (hình 9-6), tình hình sẽ lạc quan hơn nhiều.

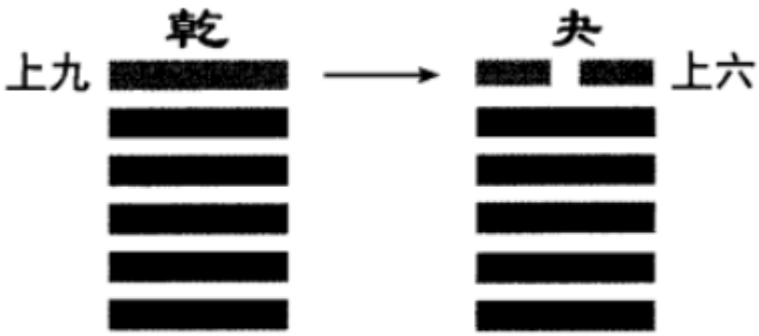

图 9 –6

Nên, mỗi hào phát sinh biến hóa, dương biến âm, âm biến dương, toàn bộ quẻ sẽ biến thành khác. Khi chúng ta xem một quẻ, phải đồng thời xem những quẻ biến đổi qua lại này, mới có thể hiểu được ý nghĩa của toàn quẻ.

Trời là thiên đạo, trọng hành, nên một người nếu không động, sẽ có vấn đề. Địa đạo là nhu cương, không phải hoàn toàn nhu thuận, khôn nguyên nhu đến cuối cùng rất cương. Nên, chúng ta thường nói hiếu thuận, thực ra hai chữ này cũng rất có vấn đề, chúng ta từ lâu có nhiều quan niệm cứ sai mãi. Lời cha mẹ không đúng, bạn cũng phải thuận theo, đó cũng là bất hiếu, nhưng cha mẹ không đúng, bạn đi nói thẳng mặt, thì lại càng bất hiếu. Hiếu kính cha mẹ, không nhất thiết phải thuận theo. Những đạo lý như thế này, trong sách vở hiện nay gần như không có. Nên, chúng ta lần này muốn nói Kinh Dịch từ đầu, chính là muốn từ những việc chúng ta thường gặp, mượn quẻ để tìm ra một con đường khả thi. Tập sau chúng ta sẽ bàn về: Địa đạo nhu cương.

Chương 10: Quẻ 2: Bát Thuần Khôn - Địa Đạo Nhu Cương

> Tự nhiên có sự biến đổi của âm dương, đạo người lấy trung hòa làm thường, khi xử thế chúng ta cũng nên học cách cương nhu đều vận dụng. Vậy sau khi đã hiểu được đạo lý dương cực sinh âm, chúng ta có thể rút ra được những gợi ý gì từ sự tiến triển của sáu hào âm trong quẻ Khôn? Và làm thế nào để vận dụng trí tuệ của quẻ Kiền Khôn để xây dựng cuộc sống hạnh phúc?

Mỗi lần xem quẻ chúng ta đều có thể thấy bảng kiểm tra của chúng, nhưng tại sao mỗi lần nội dung bảng kiểm tra lại khác nhau? Bởi vì cần cung cấp cho mọi người nhiều cách nhìn khác nhau. Khi nghiên cứu quẻ Khôn, trọng điểm là nhắc nhở mọi người, sáu hào âm của quẻ Khôn đều không tương ứng với nhau: Sơ Lục và Lục Tứ đều là âm, cùng tính chất nên đẩy nhau, không phải là sự hút nhau giữa âm và dương, vì vậy chúng không tương ứng; Lục nhị và Lục ngũ cũng không tương ứng; Lục tam và Thượng lục đều là âm tính, cũng tương đẩy (hình 10-1).

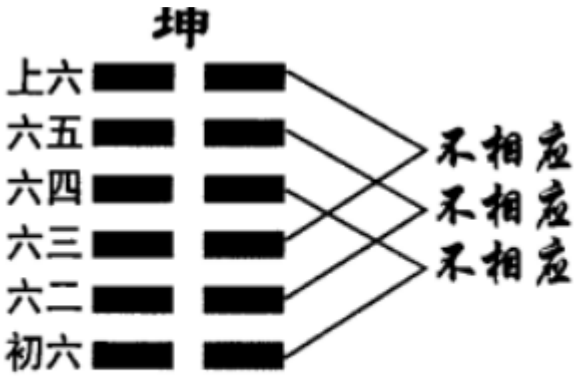

图 10－1

Chúng ta đều cho rằng quẻ Kiền và quẻ Khôn là quẻ tốt, thực ra không có gì tốt xấu. Nhìn quẻ Khôn từ dưới lên trên, sáu chữ: “động, nhập, thâm, hiển, tĩnh, đại” (hình 10-2).



图 10－2

Hào sơ nói về gì? Là động. Bất kỳ sự việc gì khi không động, chúng ta không dễ bị nó thu hút, chỉ khi động chúng ta mới chú ý đến. Hào hai là nhập, việc gì cũng vậy, động chỉ là bắt đầu, bắt đầu chỉ là biểu tượng bên ngoài, sau khi động sẽ đi vào sâu hơn, vì vậy tại sao thông thường hào giữa của nội quái đều tương đối tốt, cũng tương đối quan trọng, bởi vì nó đã đi vào sâu. Thực lòng mà nói, một người học một môn học, chỉ dựa vào một cuốn sách thì chỉ là động một chút thôi, chưa tính là đi sâu, đến khi đọc hàng chục cuốn sách, trải qua hơn mười năm thực hành, trải nghiệm, đã đến được hào giữa của nội quái, đó mới là con người. Sau khi đi vào còn phải đào sâu thêm một tầng, đào xem ý nghĩa thực sự bên trong là gì, hào ba chính là thâm (sâu). Vì vậy, toàn bộ quá trình của nội quái trong quẻ Khôn có thể diễn tả như sau: chúng ta thấy một cái hang, muốn đi sâu vào để hiểu bên trong có gì, sau khi nhìn thấy thì theo đó đi vào thêm một chút, chúng ta mới có thể dần dần tiếp cận được sự thật, nếu không sẽ thường bị đôi mắt của mình đánh lừa. Ba hào của nội quái, ngày xưa gọi là "thủy, tráng, cứu" (khởi đầu, trưởng thành, kết thúc), bây giờ chúng ta gọi là "động, nhập, thâm" (chuyển động, tiếp cận, sâu sắc), nhưng lý do thì vẫn như nhau (hình 10-3).

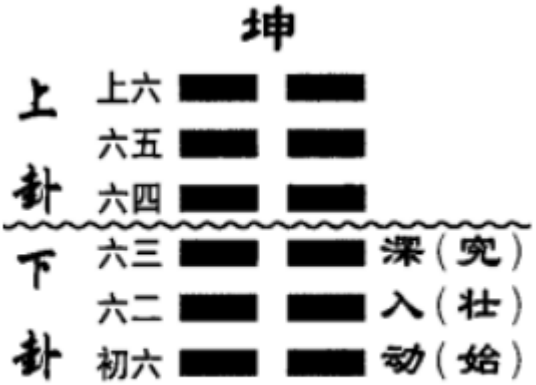

图 10－3

Nội ngoại quái dù sao cũng có chút khác biệt, đến ngoại quái, động đã rõ ràng hơn, chúng ta cũng có thể nhìn thấy rõ ràng hơn, vì vậy hào tư là hiển. Đến hào ngũ thì bắt đầu từ động chuyển sang tĩnh, cứ động

mãi thì tiêu hao quá nhanh, không thể duy trì được, nên sẽ dần dần tĩnh lại, hào ngũ chính là tĩnh. Người ngày nay phổ biến mắc một căn bệnh, đó là có thể động không thể tĩnh, nên thường rất khó đi từ hào đầu đến hào năm. Đến Thượng lục là đại, nghĩa là chuẩn bị cho sự thay thế và tuần hoàn mới, bởi vì khi mọi thứ phát triển gần xong, lúc đó là thời điểm nghỉ ngơi, là lúc cần phải thay người khác tiếp tục. Chúng ta không nên làm hết mọi việc, để lại một số việc cho con cháu đời sau làm, đó mới gọi là công đức. Nếu không, nếu chúng ta đời này khai thác hết than đá, thì con cháu đời sau dựa vào gì?

Nhìn lại sáu hào của quẻ Khôn, hai hào trên cùng là thiên đạo, hai hào giữa là nhân đạo, hai hào dưới cùng là địa đạo (hình 10-4). Tiếp theo chúng ta sẽ phân tích từng hào từ của quẻ Khôn.

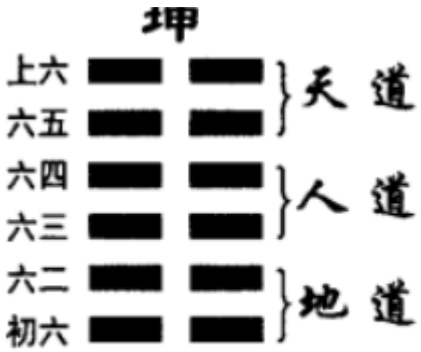

图 10－4

> 64 quẻ 384 hào của Kinh Dịch tượng trưng cho tất cả sự biến hóa của vạn vật trong vũ trụ. Chu kỳ động, nhập, thâm, hiển, tĩnh, đại của quẻ Khôn diễn tả quy luật phát triển từ ồn ào náo nhiệt trở về với tĩnh lặng thanh tịnh. Vậy sáu hào từ của quẻ Khôn chứa đựng những trí tuệ gì? Làm thế nào chúng ta có thể nắm bắt thước đo của đạo Khôn một cách linh hoạt?

Hào từ của Sơ lục (hình 10-5) mọi người rất quen thuộc, gọi là "Lý sương kiên băng chí" (Khi giẫm lên sương thì biết băng dày sắp đến).



图 10－5

Mọi người thử nghĩ xem, nếu chân mình giẫm phải sương, sẽ có cảm giác gì? Chúng ta biết sương nếu không dọn sạch, sớm muộn sẽ đông thành băng. Khi có sương, mỗi con đường đều phải có xe dọn sương tuyết, bởi vì chỉ cần không dọn sạch, nó sẽ đông thành băng, một khi đông thành băng, xe cộ sẽ trượt, có thể đâm vào nhau, đường cao tốc cũng không thông được, vì vậy ngày có tuyết đường bộ sẽ thông báo "Lý sương kiên băng chí", chúng ta phải sớm dọn sạch nó, giữ cho đường thông thoáng.

Thấy trẻ nhỏ có một chút thói quen xấu, chúng ta phải nghĩ đến "Lý sương kiên băng chí", thói quen xấu nếu không sửa sớm, sẽ càng ngày càng nghiêm trọng, đến cuối cùng muốn sửa cũng không sửa được. Hiện nay trẻ em thích chơi game điện tử, phải đề phòng khi chúng lớn lên có thể sẽ giết người bừa bãi không, bởi vì game điện tử chỉ có một nguyên tắc - giết, thấy ai giết người đó, xem ai giết nhanh hơn, xem ai giết được nhiều hơn. Những đứa trẻ như vậy lớn lên cũng sẽ cầm súng "bắn bắn bắn" khắp nơi, quá nhiều vụ học sinh trung học ở Mỹ giết người đã chứng minh điều này, đó chính là không hiểu đạo lý "Lý sương kiên băng chí", đến lúc đó con cái bị bắt đi kết án, hối hận cũng không kịp nữa.

Quẻ Khôn đã nói rất rõ với chúng ta, khi sự việc mới bắt đầu động, phải chú ý nó sau này sẽ ra sao. Một người phải có tính cảnh giác cao độ, người Trung Quốc vì có Kinh Dịch, nên tính đa nghi rất nặng. Một người nếu nói "người Trung Quốc có tính cảnh giác cao" thì thể hiện họ có tình đồng bào, họ kính trọng văn hóa Trung Hoa; một người nếu nói "người Trung Quốc đa nghi nặng" thì người đó là người nước ngoài, không có chút tình đồng bào nào, chỉ nhìn khuyết điểm của người Trung Quốc. Thực ra có khuyết điểm gì đâu? Tính cảnh giác cao chính là đa nghi nặng, đa nghi nặng cũng chỉ là tính cảnh giác cao, hai câu này hoàn toàn giống nhau.

Khi phát hiện một tiểu nhân nảy sinh ác niệm, chúng ta kịp thời đề phòng, sẽ có thể kịp thời tránh được, sẽ không có chuyện gì. Ngược lại nếu coi thường, không coi là việc gì, kết quả đại họa ập đến, đó là tự làm tự chịu, không thể trách ai.

"Lý sương kiên băng chí", vừa thấy sương phải nghĩ đến việc dọn sạch nó. Muốn dọn sạch sương rất dễ, chỉ cần một chút hơi nóng nó sẽ biến mất, âm sẽ biến thành dương, vì vậy Sơ lục của quẻ Khôn nếu biến thành Sơ cửu, sẽ biến thành quẻ Phục (hình 10-6), gọi là "nhất dương lai phục" (một dương trở lại), toàn bộ tình trạng sẽ khác hẳn. Cho nên làm bất cứ việc gì nhất định phải sớm kịp thời phòng ngừa, đừng đợi đến lúc đó mới hối hận, đây là gợi ý mà hào đầu của quẻ Khôn đem lại cho chúng ta.

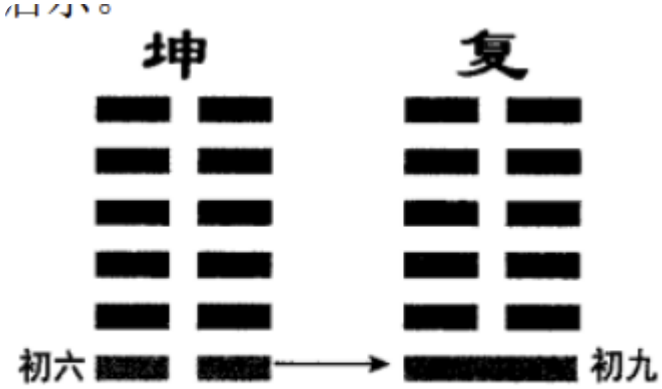

图 10 –6

> Hào đầu là nơi sắp động, lúc vạn vật chưa sinh. Hào đầu của quẻ Khôn chính là nhắc nhở chúng ta phải phòng ngừa từ trước. Tuy nhiên khi sự việc đã lộ ra đầu mối đi vào hào hai, chúng ta nên đối phó thế nào? Nếu nói đào tạo lễ nghi theo tiêu chuẩn đã làm mất đi tình cảm chân thành giữa người với người, vậy thì thế nào mới là đối xử với nhau bằng lễ nghi đúng nghĩa?

Hào từ của Lục nhị (hình 10-7) gọi là "Trực phương đại, bất tập, vô bất lợi"

(thẳng, vuông, lớn, không cần phải nỗ lực nhiều lần, nhưng không làm gì là không thành công)

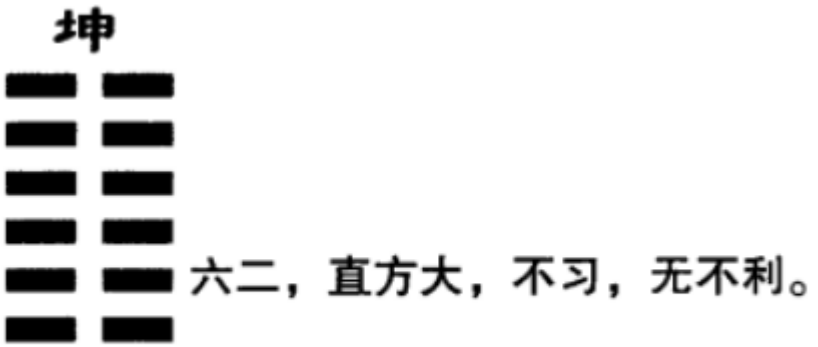

图 10 –7

Bản tính của đất là rộng lớn vô biên. Chúng ta hiện nay nhìn trời có thể thấy trời là tròn, nhưng nhìn đất có thể thấy đất tròn không? Trừ phi chúng ta đứng rất cao mới có thể thấy đất là tròn, còn người bình thường đứng rất thấp, nhìn đất đều là phẳng, có giới hạn, và đều là vuông. Vì vậy “trực” (thẳng), “phương” (vuông), “đại” (lớn) là khái niệm trực quan mà đất đem lại cho chúng ta.

"Bất tập" có nghĩa là sự “trực, phương, đại” của đất là tự nhiên như vậy, không qua sự tác động của con người, cho nên quan hệ giữa người với người phải xuất phát từ tự nhiên, phải xuất phát từ sự chân thành trong tâm, chứ không phải học một bộ lễ nghi, cúi chào bao nhiêu độ, tay dẫn đường thế nào, thấy người ta thì lấy ghế cho họ, đó đều là hình thức. Lễ phép là phát xuất từ trong tâm, không thể giả tạo, nếu một người

thấy ai cũng cười, thì ai thấy người đó cũng sợ, đó chính là giả dối. Chúng ta phải thấy người này cười, thấy người kia không cười, thấy người này mỉm cười, thấy người kia cười rất thân thiết, nhất định phải có sự khác biệt, bởi vì quan hệ giữa người với người không giống nhau, cảm giác không giống nhau, đương nhiên phải có biểu hiện không giống nhau.

Địa đạo và thiên đạo có gì khác? Thiên đạo là minh (sáng), địa đạo là quang (ánh sáng). Chúng ta thường nói quang minh, thực ra quang và minh có chút khác nhau. Trên trời có một vật phát sáng gọi là mặt trời, trên đất không có vật phát sáng, nếu đất cũng phát sáng thì ban đêm chúng ta không cần ngủ nữa. Đất không phát sáng được, nhưng nó có thể phản chiếu: mặt trời chiếu xuống, đại địa liền sáng sủa; địa cầu chuyển động, mặt trời không thấy nữa, đại địa liền một màu đen tối. Địa đạo quang (ánh sáng), thiên đạo minh (sáng), quang có nghĩa là nói tôi vốn là như vậy, tôi trần trụi hiển lộ bản tính của mình, đó mới là mỹ đức chân chính.

> Nhận biết tâm thấy tính, mới có thể hiển lộ chân tình của mình. Nguyên tố của quẻ Khôn quý ở tĩnh, càng quý ở chân thật. Vậy theo gợi ý của hào ba quẻ Khôn, quân tử nên chọn giao tiếp với người như thế nào? Khi phát hiện mệnh lệnh của cấp trên không hợp lý, cấp dưới nên làm thế nào để thoát khỏi tình thế khó xử?

Hào từ của Lục tam quẻ Khôn (hình 10-8): "Hàm chương khả trinh, hoặc tòng vương sự, vô thành hữu chung"

(Ngậm chứa (đừng để lộ ra) đức tốt mà giữ vững được, có khi theo người trên mà làm việc nước, đừng chiếm lấy sự thành công thì sau cùng sẽ có kết quả.).

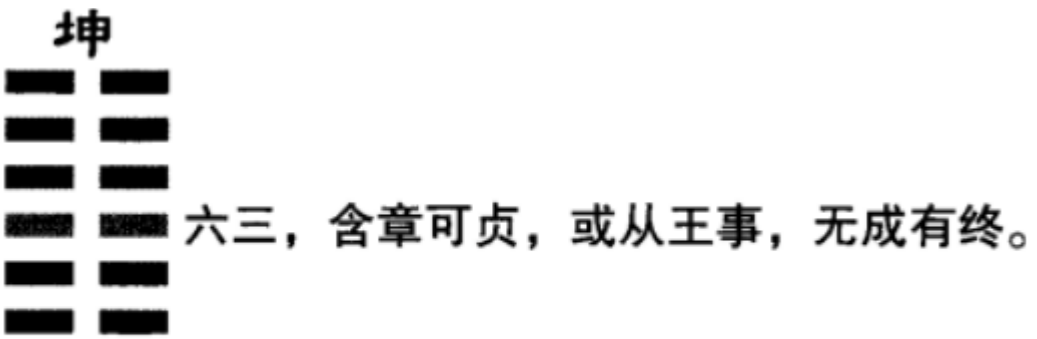

图 10 -8

"Hàm" giống như cảm giác chúng ta ngậm kẹo trong miệng. Ăn kẹo chắc không ai nuốt từng viên một, cũng không nhanh chóng nhai vụn kẹo để ăn. Ăn kẹo là phải ngậm, từ từ ngậm, từ từ thưởng thức cảm nhận, quá trình đó gọi là “hàm” (ngậm).

"Hàm" chủ yếu là không vội vàng nói ra, không vội vàng biểu hiện, phải giữ lại tất cả nội hàm, tất cả những điều tốt đẹp một cách hàm súc, người khác tự nhiên sẽ cảm kích. Nội hàm của một người quan trọng hơn vẻ bề ngoài, đừng để lộ hết nội hàm của mình. Có người thoạt nhìn thấy ghê gớm lắm, nhìn kỹ thì chẳng có gì, càng nhìn càng chán ghét, những người này là không hiểu thế nào là "hàm chương khả trinh". Có người ban đầu nhìn thế nào cũng không thấy có gì, nhưng ở cùng lâu rồi, lại thấy họ như một kho báu vậy, đào mãi không hết. Mọi người thích ở cùng với loại người nào, bản thân phải cân nhắc kỹ lưỡng.

Lục tam bất chính, hơn nữa trên dưới đều là hào âm, trong tình huống này, nó sẽ tiến thoái lưỡng nan. Sếp giao việc, chúng ta thường cố gắng làm, nhưng lần này mệnh lệnh của ông ấy có vẻ hơi không hợp lý, vậy chúng ta phải làm sao? Lúc này phải tìm hiểu kỹ lại một lần nữa, và tìm cơ hội thích hợp để báo cáo với sếp, nếu sếp vẫn nhất định bắt chúng ta làm như vậy, chúng ta chỉ nên làm trong phạm vi hợp pháp, đó mới gọi là "hàm chương khả trinh". Những người như vậy là có nội hàm, không phải để lập công, không phải để được sự tin tưởng của sếp mà bất chấp hợp lý hay không, mù quáng tuân theo.

Chúng ta nhất định phải nhớ, khi chúng ta "tòng vương sự" (theo việc của vua) nhất định phải mang theo một sự nghi hoặc, nghi hoặc không phải nghi ngờ làm được hay không, mà là chất vấn làm như vậy có hợp lý không, bởi vì người ra lệnh không nhất định việc gì cũng đúng. Nếu một người cho rằng người ra lệnh nhất định việc gì cũng đúng, thì người đó chính là mù quáng tuân theo, và sự tuân thủ mù quáng là vô trách nhiệm nhất.

Tại sao chúng ta không dùng trâu mà dùng ngựa để đại diện cho đức Khôn? Chính là vì trâu là tuân theo mù quáng, bảo nó làm gì nó làm nấy; ngựa khác, ngựa sẽ nhìn chủ nhân, chủ nhân tốt, nó sẽ liều mạng vì người đó, chủ nhân không tốt, không biết lúc nào nó sẽ hất người đó xuống, tức là ngựa có một sự nghi hoặc. Chữ "hoặc" trong "hoặc tòng vương sự", chính là nghĩa nghi hoặc, điều này nhắc nhở chúng ta khi bộ hạ phối hợp làm việc với sếp, phải có sự nghi hoặc: bình thường đều rất hợp lý, lần này không hợp lý, là nguyên nhân gì? Như vậy mới gọi là tuân theo một cách hợp lý, gọi là "lợi tẫn mã chi trinh" (lợi ở sự chính bền của con ngựa cái).

Điều quan trọng hơn là "vô thành hữu chung" (không thành có kết). Chúng ta chỉ là từ đầu đến cuối làm tốt việc sếp giao, bản thân không có chút cảm giác thành tựu nào. Người trẻ bây giờ động một tí là nói về cảm giác thành tựu, tuổi còn trẻ đã có cảm giác thành tựu, điều đó thể hiện cả đời này chỉ có thể làm việc nhỏ. Mỗi lần tôi thấy có người lên sân khấu nhận giải thưởng mà kiêu ngạo không chịu nổi, tôi biết người này chỉ đến đây là hết, một giải thưởng nhỏ mà đã làm cho anh ta như vậy rồi, thì còn có tiền đồ gì nữa? Những người này chính là không hiểu thế nào là "hàm chương khả trinh". Chúng ta phải xem lần thưởng này như một khởi đầu mới, nhắc nhở bản thân sau này sẽ có nhiều cơ hội hơn, thì sẽ không hào hứng như vậy nữa. Khi sếp khen ngợi chúng ta, đừng lập tức như bay lên trời vậy, nếu không sếp sẽ bắt đầu cảm thấy người

này không thể nâng đỡ, nâng một chút đã không được rồi, sau đó sẽ nguội lạnh đi, tạt chút nước lạnh, điều này cũng phải tự làm tự chịu.

Sau khi một việc từ đầu đến cuối, công lao phải để cho sếp, để cho cấp trên, như vậy là đúng.

> Đạo Khôn tịnh lặng tột cùng thì mới có đức, tuy nhiên, đây là sự tuân theo trên cơ sở tư duy độc lập, nên chúng ta nói địa đạo nhu cương. Vậy theo gợi ý của hào tư quẻ Khôn, khi nào nên cương, khi nào nên nhu? Khi vì công lao mà được cấp trên trọng dụng, điểm nào là điều phải chú ý?

Lục tứ là hào đắc chính, hào từ của nó (hình 10-9) là: "Quát nang, vô cữu vô dự"

(như cái túi thắt miệng lại, (kín đáo giữ gìn) thì khỏi tội lỗi mà cũng không danh dự.).

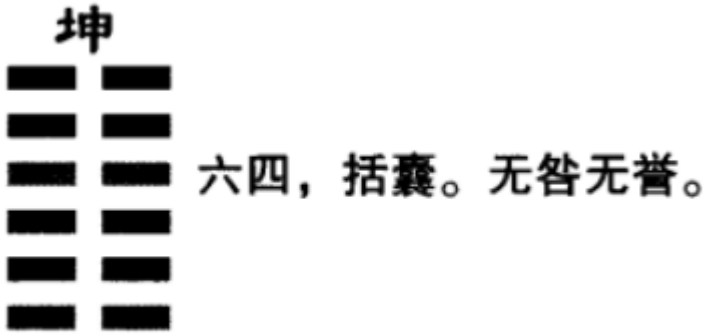

图 10－9

Lục tứ và Lục ngũ rất gần nhau, giống như Cửu tứ và Cửu ngũ của quẻ Kiền rất gần nhau vậy, nên câu nói đó chúng ta vẫn phải để trong đầu - "bạn quân như bạn hổ" (gần vua như gần cọp), bởi vì ở đây cũng là tình huống tương tự. Lục tứ và Lục ngũ rất gần nhau, Lục ngũ có nhiều lời không nói với người khác, sẽ nói với Lục tứ, có nhiều việc không tiện để người khác làm, sẽ giao cho Lục tứ làm, vậy Lục tứ nên làm thế nào?

Lục tứ phải nghĩ, túi của chúng ta đều là miệng nhỏ hơn, còn phần dưới đựng đồ thì lớn hơn, như vậy đồ vật mới không rơi ra ngoài, nếu miệng túi to, bên trong nhỏ, đựng thứ gì cũng rơi hết. Vì vậy Lục tứ phải hiểu rằng nếu lời sếp nói với mình rất nhanh truyền ra ngoài, việc sếp bảo mình làm ai cũng biết, sếp sau này sẽ không dám bảo anh ta làm việc nữa.

Lục tam không có công lao, cũng không có lời khen ngợi. Còn Lục tứ thì sao? Lục tứ tương đối dễ được cấp trên trọng dụng, và điều quan trọng hơn là không có hậu quả, còn đúng sai tốt xấu, đều chỉ là quá trình mà thôi. Điều sếp yêu cầu ở Lục tứ là cuối cùng không có hậu quả, nếu không dù Lục tứ rất nghe lời, nhưng cuối cùng có nhiều vấn đề nảy sinh, vẫn sẽ bị mắng.

Hơn nữa khó khăn lớn nhất của Lục tứ là gì? Chính là người khác sẽ đến nhờ vả Lục tứ, bởi vì họ không dám nói trực tiếp với sếp, nhất định phải tìm Lục tứ, họ cho rằng Lục tứ gần sếp, có thể giúp đỡ họ. Vì vậy một người đến vị trí Lục tứ sẽ biết phiền phức đến rồi, bốn phương tám hướng, những lời nhờ vả hợp pháp và không hợp pháp đều đến; những việc sếp giao, hợp pháp và không hợp pháp cũng đến, điều này đều phải để Lục tứ tự mình xem xét mà làm. Làm thế nào? Chính là có nhiều lời không thể nói, nhiều việc không thể để người khác biết, còn về việc nên làm hay không đều phải suy nghĩ dài hạn một chút, suy nghĩ đến cuối cùng không có hậu quả, nếu không, chỉ cần phía sau có hậu quả, sẽ gánh không hết. Chỉ là việc đơn giản như vậy, nhưng nói thì dễ, muốn làm được là vô cùng khó khăn, làm tốt không ai khen ngợi, nhưng chỉ cần có sai sót, tất cả hậu quả đều phải chịu trách nhiệm, mà quyền lực của bạn lại rất hạn chế, đây chính là hào Lục tứ.

Trong nhà, mẹ già dần không quản việc nữa, con dâu làm chủ, chúng ta có thể tưởng tượng ra tình huống đó. Làm chủ ba năm đến cả con chó cũng ghét, chúng ta biết con người ta thế nào rồi. Vì vậy khi nhiều con dâu ở cùng nhau, có một con dâu đặc biệt được mẹ chồng yêu quý, mọi người liền hỏi lý do, lúc này cô ấy phải nhanh chóng xem hào Lục tứ này: “quát nang” (buộc túi lại), nhiều lời không thể nói thì không nói, nhưng cũng không thể để người ta thấy cô ấy cố tình không nói, nếu không sẽ đắc tội với người ta, nhưng cô ấy nói ra thì lại đắc tội với mẹ chồng. Vì vậy trong tình huống này, chúng ta nhất định phải nhớ, chúng ta phải dùng các phương pháp để khiến mình có thể "vô cữu" (không có lỗi), phải chu đáo mọi mặt, phải nhìn trước ngó sau, đầu đuôi mọi việc đều phải nắm rõ.

Lục tứ bình thường phải rất dụng tâm, vừa hiểu ý của cấp trên, vừa biết nỗi vất vả của cấp dưới, làm sao để chăm sóc chu đáo cả hai bên, điều này phải để Lục tứ tự mình lĩnh hội.

Điều quan trọng nhất của Lục tứ là “cẩn ngôn thận hành” ("thận trọng trong lời nói, cẩn thận trong hành động), ít gây chuyện, nhưng phải thêm vào không né tránh trách nhiệm, đừng để mọi người nghĩ rằng bạn suốt ngày tạo ra vấn đề, suốt ngày quấy rầy người khác, nhưng lại phải để mọi người cảm thấy bạn sẽ chăm sóc tốt cho họ, điều này thực ra chúng ta có thể thể nghiệm từ nhiều mặt thực tế. Qua các thời đại không thiếu những nhân vật làm rất tốt ở mặt này, chúng ta có thể lấy làm tham khảo.

> Động đến cực điểm thì tĩnh, tĩnh sinh âm, cảnh giới nhân sinh cũng dần dần nâng cao theo đó, vào lúc này, phải ít gây chuyện, nhưng cũng đừng tránh trách nhiệm. Nhìn thấy ảnh hưởng dần dần mở rộng, công cao sắp làm rung động vua, vậy hào năm của quẻ Khôn lại đem đến cho chúng ta những gợi ý quan trọng nào?

Hào từ của Lục ngũ (hình 10-10) là "Hoàng thường nguyên cát"

(như cái xiêm màu vàng, lớn, tốt (rất tốt)).

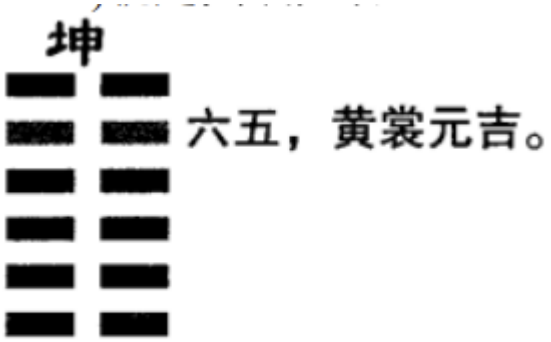

图 10－10

Mọi người có thể thấy rõ, Gia Cát Lượng cuối cùng không đi đến vị trí Cửu ngũ, tuy rằng Lưu Bị nói với ông ấy "Nếu con nối nghiệp có thể phò tá được thì phò tá. Nếu không thể phò tá được, ông có thể tự lấy", để ông ấy làm Cửu ngũ, nhưng Gia Cát Lượng nghĩ trong lòng: “Nếu tự lấy, công sức cả đời của ta, chẳng phải hoàn toàn phá sản rồi sao?” Vì vậy ông ấy nhiều lần nói, mình sẽ phò tá A Đẩu thật tốt. Cho nên A Đẩu là người ở ngôi Cửu ngũ, ông ấy biến thành Lục ngũ, thực tế ông ấy chính là một lãnh tụ, nhưng việc gì cũng tôn trọng A Đẩu, đây chính là điều mà Lục ngũ của quẻ Khôn cần chú ý.

Cửu ngũ là rồng, có thể "phi long tại thiên" (rồng bay trên trời), Lục ngũ không phải rồng, mà phải biến thành người giỏi điều hòa. "Hoàng thường nguyên cát", tại sao dùng màu vàng? Bởi vì màu vàng rất dễ phối hợp với mọi màu sắc, không như đen và trắng đối lập mạnh mẽ, không như có những màu sắc đặt cạnh nhau rất không hợp, màu vàng trong ngũ sắc đại diện cho màu đất. Vì vậy tại sao chúng ta gọi là “hoàng chủng nhân” (người da vàng), tại sao là “trung thổ” (中土 đất trung tâm, vùng đất Trung Hoa), thực ra đều có liên quan đến điều này. Hào Lục ngũ nói với chúng ta phải giỏi điều hòa với người bốn phương tám hướng, tìm ra một điểm hợp lý chung, sau đó cùng tồn tại hòa bình, giúp đỡ lẫn nhau.

"Hoàng thường nguyên cát", điều quan trọng nhất là đối với trên phải trung thành, không thể để cấp trên nghi ngờ, và phải giỏi điều hòa, nếu không Cửu ngũ sẽ cho rằng Lục ngũ lập bè phái, sẽ bắt đầu thanh trừ Lục ngũ, bởi vì tất cả những người ở ngôi Cửu ngũ đều có suy nghĩ như vậy: tại sao Lục ngũ lại có quan hệ tốt với mọi người như vậy? Anh có ý đồ gì, muốn đe dọa ta sao? Nói một câu là xong, Lục ngũ phải để Cửu ngũ cảm thấy trong lòng anh có ông ta, ngươi là vì ông ta tốt, như vậy Lục ngũ càng giỏi điều hòa Cửu ngũ càng yên tâm; nếu Lục ngũ để Cửu ngũ cảm thấy trong lòng anh không có ông ta, ông ta sẽ bắt đầu nghi ngờ, và ông ta sẽ nhanh chóng ra tay sửa lý anh.

> Khi đại diện của đạo Kiền là Kháng Long và đại diện của đạo Khôn là Khôn Long giao chiến, chắc chắn sẽ là một cảnh tượng thảm khốc. Sương giá lúc này đã tích tụ thành băng cứng, âm cực dần dần chuyển sang dương. Quẻ Khôn lấy ngựa làm đại diện, tại sao đến hào cuối cùng là Thượng lục, trong tượng quẻ đột nhiên xuất hiện rồng? Chúng ta lại nên nắm bắt đạo Kiền Khôn của nhân sinh như thế nào để tìm lại hạnh phúc thực sự của cuộc sống?

Sơ lục báo cho chúng ta biết trên đất có sương rồi, sương sẽ càng ngày càng dày đặc, càng ngày càng lạnh giá, và đến khi Thượng lục, đã đông kết thành băng rồi, rất kiên cố. Thượng lục gần như giống với Kháng Long vậy, nên toàn bộ năm hào đầu của quẻ Khôn đều nói về "ngựa", chỉ đến Thượng lục (hình 10-11), đột nhiên xuất hiện một con "rồng", gọi là "long chiến vu dã, kỳ huyết huyền hoàng"

(Như rồng đánh nhau ở đồng nội, đổ máu đen máu vàng).

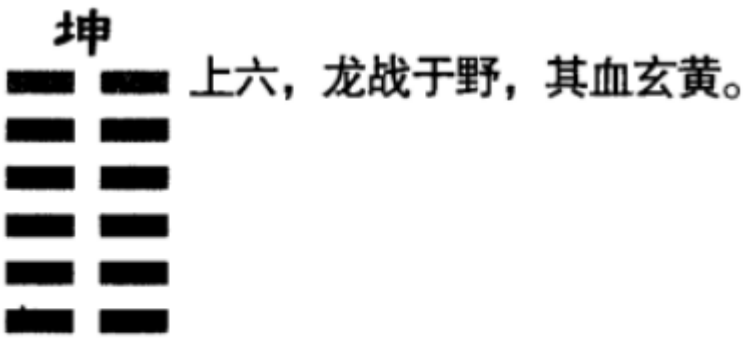

图 10－11

Huyền hoàng là hai màu sắc: một là màu máu của “Kháng Long”; hai là màu máu của “Khôn Long”, thiên long địa long, một khi giao chiến rất kịch liệt, thảm không nỡ nhìn, cả hai đều bị thương. Giống như một thủ trưởng với tham mưu trưởng bên cạnh mình, hai người bình thường phối hợp rất tốt, nhưng dần dần có hiểu lầm, càng ngày càng sâu, giống như sương dần dần biến thành băng cứng rồi, nhất định sẽ đoạn tuyệt. Khi đoạn tuyệt đều không đẹp mắt, có khi thủ trưởng sẽ rất tàn nhẫn đuổi tham mưu trưởng đến cùng, chính là vì bí mật của ông ta tham mưu trưởng đều biết, ông ta suốt ngày lo lắng tham mưu trưởng truyền ra ngoài, vậy còn làm việc yên tâm thế nào được? Tại sao các Hoàng Đế ngày xưa thường tru di cửu tộc? Chính là vì chỉ cần để lại một người sống, sẽ vĩnh viễn không được yên ổn.

Vì vậy khi một người phối hợp với người khác, phối hợp đến mức việc lớn việc nhỏ đều biết, biết càng nhiều bí mật, càng phải cẩn thận, phải nhắc nhở bản thân đời này nhiều nhất chỉ đến "hoàng thường nguyên cát", thì phải dừng lại rồi, vào thời điểm thích hợp phải cáo lão hồi hương, và cáo lão hồi hương cũng không thể để cấp trên nghi ngờ.

Do đó, chúng ta mới biết, **một người cầu tiến là đúng đắn, nhưng cầu tiến an toàn nhất là tu dưỡng phẩm đức của mình,** chứ không phải nói nhất định phải thăng tiến từng bậc một, việc gì cũng phải làm cho thật lớn, thế lực phải thật mạnh. Bởi vì phẩm đức không tốt, thế lực càng lớn càng xui xẻo, của cải càng nhiều càng nguy hiểm, địa vị càng cao, ngã càng đau.

"Long" ở Thượng lục giống như Kháng Long của quẻ Kiền, chỉ cần bay lên rồi thì phải chuẩn bị rơi xuống, ngựa cũng vậy. Ngựa phải đuổi theo rất nhanh, nhưng phải cẩn thận đừng ngã xuống vực sâu, nên làm việc

gì cũng phải chú ý vừa đủ thì dừng, lượng sức mà làm. Chúng ta phải hết lòng hết sức, không sai, nhưng chúng ta nhất định phải nhớ, sức lực của chúng ta dù sao cũng có hạn, hai bên phải phối hợp cho phù hợp. Sếp phải biết nhân viên này có thể gánh được bao nhiêu việc, cho họ nhiều hơn một chút gọi là có thách thức, điều này còn chấp nhận được, nhưng nếu quá nhiều, sớm muộn sẽ đè chết họ.

Đọc xong quẻ Kiền quẻ Khôn rồi, chúng ta biết thế nào là "thiên trường địa cửu, địa cửu thiên trường" (vĩnh cửu, trường tồn như trời đất). **Bất kỳ việc gì, làm mạnh, làm lớn không bằng làm lâu dài.** Nếu không mạnh một lúc, không còn nữa; lớn một lúc, sụp đổ rồi, có ích gì? Muốn làm lâu dài phải biết phối hợp, nên Kiền Khôn làm sao phối hợp mới có thể "thiên trường địa cửu", chúng ta xem xong hai quẻ Kiền Khôn này, có thể đúc kết một chút, và thực sự áp dụng vào cuộc sống của chúng ta.

Việc vận dụng hai quẻ Kiền Khôn trong cuộc sống, chúng ta bắt đầu nói từ đâu? Bắt đầu nói từ nam nữ. Kiền đại diện cho nam tính, Khôn đại diện cho nữ tính, tiếp theo nhìn từ phu phụ (vợ chồng), Kiền đại diện cho phu, Khôn đại diện cho phụ, có phu phụ mới có phụ tử (cha con), có phụ tử mới có quân thần (vua tôi), sau đó mới có bằng hữu (bạn bè), mới có huynh đệ (anh em). Vì vậy, chúng ta từ hai quẻ Kiền Khôn để xem xét quan hệ nam nữ, từ hai quẻ Kiền Khôn để hiểu quan hệ vợ chồng, sau đó có thể mở rộng đến cha con, vua tôi, bạn bè, anh em, như vậy toàn bộ đạo lý Nho gia từ đây tìm được nguồn gốc. Có người nghi ngờ: Khổng Tử nói rất nhiều thứ, rốt cuộc có thực hiện được không? Chỉ cần đọc xong Kinh Dịch, chúng ta biết chủ trương của Khổng Tử không thể không thực hiện, không có con đường nào khác để đi. Vì vậy, để cứu vãn cuộc sống của chúng ta, quay về với hạnh phúc của chúng ta, tập tiếp theo chúng ta sẽ nói về: đạo Kiền Khôn.

Chương 11: Đạo Kiền Khôn

> Quẻ Kiền thuần dương, quẻ Khôn thuần âm, Kiền Khôn là cặp quẻ đặc biệt nhất trong 64 quẻ của Kinh Dịch. Như Khổng Tử đã nói: "Một âm một dương gọi là đạo". Vì vậy, hai quẻ Kiền Khôn còn được gọi là cửa ngõ của Kinh Dịch. Trong đó không chỉ bao hàm đạo vận hành của trời đất, mà còn bao gồm đạo trị nước, đạo nam nữ. Vậy trong Kinh Dịch, hai quẻ Kiền Khôn nói lên điều gì? Trong đó, về đạo nam nữ có những diễn giải như thế nào? Đạo Kiền Khôn có ý nghĩa chỉ đạo gì đối với cách ứng xử của nam nữ hiện đại?

Kinh Dịch dạy chúng ta rằng, trong tạo hóa của trời đất, một âm một dương riêng lẻ không thể tạo thành khí hậu, không có tác dụng, gọi là "cô âm bất sinh, độc dương bất trưởng", nên nhất định phải có sự giao dịch. Khi nói về Kinh Dịch, phần lớn chúng ta nói về biến dịch, bất dịch, thực ra còn một điều rất quan trọng gọi là giao dịch. Giao dịch chính là sự giao thoa, quẻ Kiền thuần dương, quẻ Khôn thuần âm, âm dương một khi giao thoa sẽ sinh ra 62 quẻ khác. Bất kỳ một hào nào giao thoa đều sẽ sinh ra một quẻ khác, đó chính là điều chúng ta thường nói "động một sợi tóc ắt động toàn thân".

Như vậy chúng ta có thể hiểu tại sao gọi Kiền Khôn là cửa ngõ của Dịch. Chỉ cần hiểu rõ hai quẻ Kiền Khôn, chúng ta sẽ dễ dàng đi vào Dịch học, ngược lại nếu chỉ xem mỗi quẻ như một quẻ riêng lẻ, rất khó thấy được mối liên hệ và mạch lạc tổng thể, chúng ta cũng chỉ có thể thấy được một điểm, không thể nhìn thấy toàn diện các tình huống có thể xảy ra của một quẻ.

64 quẻ trong Kinh Dịch, mỗi quẻ đều có quẻ giao thoa, nên có 32 cặp quẻ giao thoa (hình 11-1).

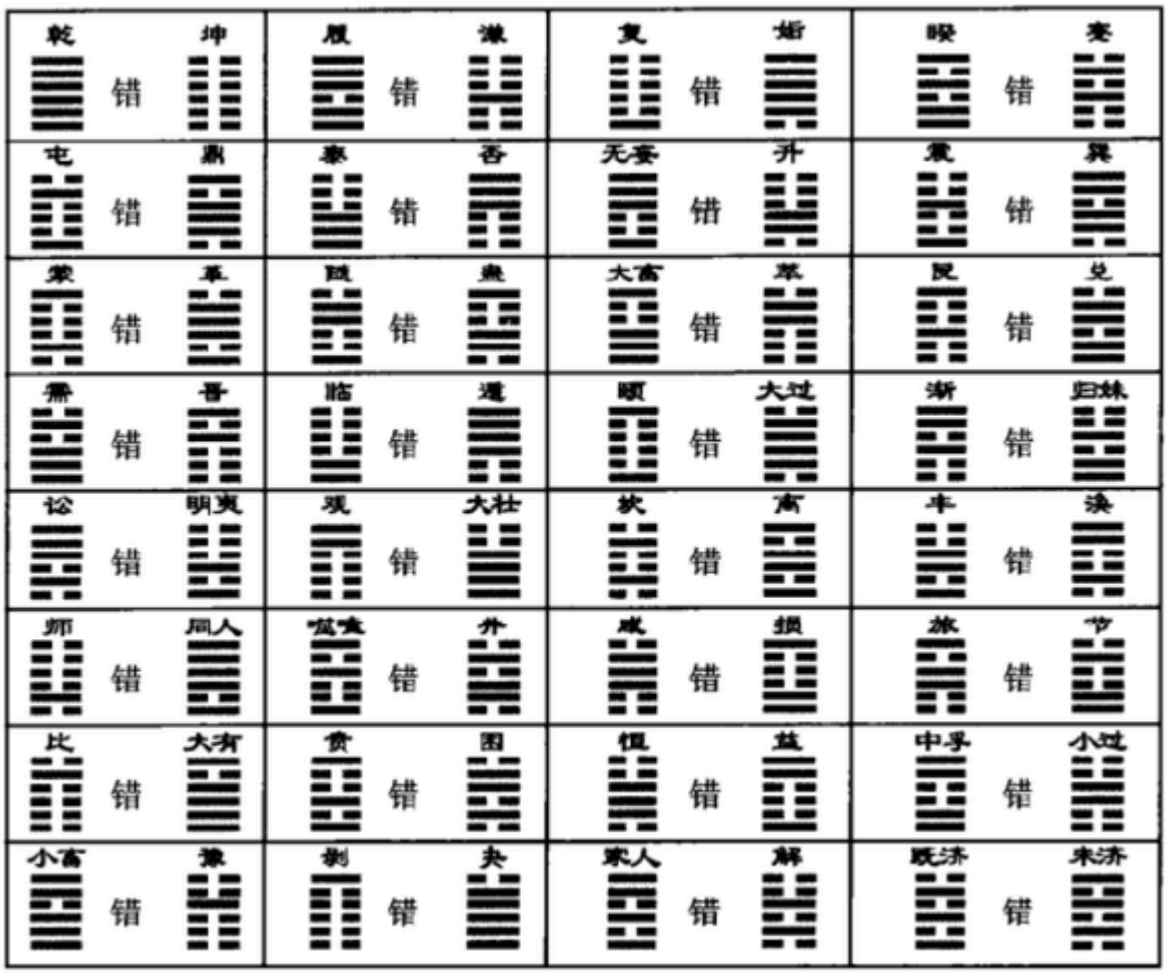

图 11－1

Từ bảng này chúng ta có thể thấy, Kiền với Khôn là giao thoa, quẻ Cấu với quẻ Phục là giao thoa, quẻ Độn với quẻ Lâm cũng là giao thoa. Quẻ chúng ta quen thuộc nhất là quẻ Bĩ, quẻ Thái vừa hay là bạn là âm tôi là dương, bạn là dương tôi là âm, cũng là giao thoa. Vì vậy chúng ta phải xem quẻ theo từng cặp, chứ không phải nghiên cứu từng quẻ một.

Bảng này giúp mọi người có một ấn tượng đại khái, đến khi mọi người đã hiểu sơ bộ đạo lý của 64 quẻ rồi, thấy một quẻ, sẽ rất dễ nghĩ ngay đến quẻ giao thoa của nó. Ngoài quẻ giao thoa còn có quẻ tổng hợp, quẻ tổng hợp chỉ mối quan hệ đảo ngược giữa hai quẻ, khi gặp chúng ta sẽ giải thích sau. Vì vậy chúng ta phát hiện một quẻ có thể sinh ra nhiều quẻ khác, đồng thời trong quẻ còn có quẻ, dần dần chúng ta sẽ hiểu, đạo lý không đơn giản như vậy. Thông thường người ta nói đạo lý chỉ nói đến những thứ rất bề mặt, nhưng không biết rằng, đi sâu hơn nữa, sẽ phát hiện bốn chữ, gọi là "diệu bất khả ngôn" (vi diệu không thể nói hết).

Khi chúng ta suy nghĩ về quẻ Kiền và quẻ Khôn cùng lúc, sẽ phát hiện hai quẻ này nhìn thì hoàn toàn trái ngược, nhưng không thể tách rời nhau. Chúng ta xem hào sơ và hào nhị của cả hai quẻ, quẻ Kiền bảo chúng

ta "tiềm long vật dụng", quẻ Khôn bảo chúng ta "lý sương kiên băng chí", đều nhắc nhở chúng ta dù âm hay dương, lúc này địa vị rất thấp, nói không ai nghe, thân phận nhỏ lời nói nhẹ, đừng nói nhiều, hãy dùng tai để thu nạp kinh nghiệm bù đắp cho sự thiếu sót của mình.

Nói theo cách hiện đại, quẻ Kiền tốt nhất đại diện cho nam giới, quẻ Khôn tốt nhất đại diện cho nữ giới, bởi vì có nam có nữ loài người mới trường tồn, mới “sinh sinh bất tức”. Toàn bộ đều là nam, hết, thế hệ này qua đi là không còn; toàn bộ đều là nữ, cũng hết; có nam có nữ nhưng không giao dịch cũng hết. Chỉ cần phụ nữ toàn thế giới cùng phát động một hoạt động gọi là không sinh con, loài người sẽ tuyệt chủng. Thiên chức của phụ nữ là sinh con, nhưng phụ nữ muốn sinh con không có đàn ông thì sinh ra được không? Không Sinh được. Như vậy mọi người đã biết, chỉ có nam, dù giỏi đến mấy cũng chỉ là một thời gian rồi không còn, chỉ có nữ, dù muốn sinh cũng không sinh được.

> Quẻ Kiền và quẻ Khôn là quẻ giao thoa của nhau, hoàn toàn trái ngược, nhưng lại không thể tách rời nhau, bởi vì theo đạo lý của Kinh Dịch, “cô âm bất sinh, độc dương bất trưởng” (Âm đơn độc không sinh sôi, dương đơn độc không phát triển). Dương đại diện cho trời, cũng đại diện cho đàn ông; âm đại diện cho đất, cũng đại diện cho phụ nữ. Kinh Dịch nói "thiên tôn địa ti", vậy tư tưởng nam tôn nữ ti từng có trong xã hội truyền thống Trung Quốc có phải bắt nguồn từ đây không?

Có người nghe đến "thiên tôn địa ti" liền nghĩ: thì ra trời là tôn quý, đất là ti tiện, những người này gọi là học vẹt - bạn có chịu cho tôi mảnh đất ti tiện của nhà bạn không? Chắc chắn không chịu. Có thể thấy đất rất tôn quý, tấc đất tấc vàng, sao lại ti tiện? Chúng ta đọc đến "quân quân thần thần, phụ phụ tử tử", liền giải thích là cha phải có dáng vẻ của người cha, con phải có dáng vẻ của người con; vua phải rất uy nghiêm, quan lại phải rất phục tùng, thực ra điều này không hoàn toàn đúng. Khổng Tử nói "quân quân thần thần" là nói làm vua phải tận trách nhiệm làm vua, làm quan lại phải giữ vững vị trí làm quan lại, gọi là mỗi người giữ phận mình, mỗi người nhận trách nhiệm của mình.

Khổng Tử trong Thiên Lễ Vận - Đại Đồng nói rất rõ: "nam hữu phận, nữ hữu quy". Một xã hội muốn hài hòa, con người muốn hạnh phúc, hai câu này rất quan trọng. "Nam hữu phận, nữ hữu quy", có thể thấy yêu cầu đối với nam nữ không hoàn toàn giống nhau. "Nam hữu phận", nghĩa là đàn ông phải nhận trách nhiệm của người chủ gia đình, "gia trưởng" (đứng đầu gia đình) là một hư danh không có thù lao. Hiện nay tại sao gia đình không tốt? Tại sao vợ chồng phải ly hôn? Chính là vì người phụ nữ trong nhà ngay cả cái hư danh đứng đầu gia đình cũng không chịu cho người đàn ông, đàn ông không có phận.

Khi một người phụ nữ làm hết tất cả mọi việc trong nhà, người đàn ông của cô ấy không còn phận nữa, anh ta không cảm thấy đây là nhà của mình nữa - con trai là do em sinh, trong nhà là do em sắp xếp, đồ đạc là do em bày biện, anh không biết gì cả, ngay cả kéo ở đâu cũng phải hỏi, anh không còn phận với ngôi nhà này nữa. Có những người cha thậm chí không về ăn tối, chính là vì về nhà cảm thấy không có phận. Vì vậy phụ nữ không thể quá giỏi, nếu không cuối cùng sẽ đẩy chồng đi mất.

Tôi từng thấy một người vợ, trèo cao lên thay bóng đèn, tôi hỏi cô ấy tại sao phải tự thay bóng đèn, cô ấy nói những việc nhỏ này mình làm được, trong lòng tôi nghĩ: ai chẳng làm được? Cô muốn làm thì cứ làm, chính là đang nói với chồng cô rằng về nhà không có việc gì để làm, ngôi nhà này không có phận của anh ấy, thế thì anh ấy coi ngôi nhà này như khách sạn thôi. Nếu tôi là người vợ, dù biết thay bóng đèn, tôi cũng không thay, để chồng thay, vì như vậy mới giúp anh ấy hiểu mình là thành viên của gia đình, phải có một phần trách nhiệm, từ đó giữ được trái tim anh ấy. Anh ấy mới cảm thấy hóa ra ngoài việc đi làm có ích ra, về nhà vẫn còn chút tác dụng, như vậy mới gọi là “nam hữu phận” (đàn ông có vị trí/phận sự riêng. Ndlr: thường đi cùng với "nữ hữu quy" (女有归) – nghĩa là "phụ nữ có chốn về").

Tại sao đàn ông phải kết hôn? Nói không hay ho thì là muốn làm người đứng đầu gia đình, chức vị gì cũng không làm được, ít nhất làm được người đứng đầu gia đình, đàn ông làm người đứng đầu gia đình rồi thì mãn nguyện. Những người không làm được chức vị gì, chỉ muốn làm người đứng đầu gia đình, đã đủ không có tiền đồ rồi, vợ còn không cho anh ta làm người đứng đầu gia đình, thế thì anh ta không còn gì cả, giống như ăn mày vậy, chỉ có thể ra ngoài lang thang.

Nhưng hiện nay nhiều đàn ông ủng hộ làm người chồng ở nhà nội trợ, để vợ đi kiếm tiền. Câu nói đó rất khó nghe, chính là loại đàn ông này sống dựa vào phụ nữ. Từ xưa đến nay phàm là đàn ông sống dựa vào phụ nữ đều hoàn toàn không có khí tiết, nhưng hiện nay có người lại thấy như vậy rất vinh dự: vợ tôi giỏi hơn tôi, cô ấy đi kiếm tiền. Đây chính là người đàn ông không còn phận nữa.

> Kinh Dịch dạy chúng ta, đàn ông phải đi đạo Kiền, phụ nữ phải đi đạo Khôn, chỉ khi mỗi người tận trách nhiệm của mình, gia đình mới có thể hài hòa. Vậy theo đạo Kiền Khôn, đàn ông làm sao để "hữu phận", phụ nữ làm sao để "hữu quy"?

Một người đàn ông phải lĩnh hội thế nào là đạo Kiền; một người phụ nữ phải lĩnh hội thế nào là đạo Khôn. Đạo Kiền là gì? Chính là trách nhiệm mà đàn ông phải tận tụy. Đạo Khôn là gì? Chính là trách nhiệm mà phụ nữ phải tận tụy.

Vì vậy, đối với đàn ông, từ nhỏ phải dạy dỗ họ: tương lai con phải gánh vác trách nhiệm nuôi sống gia đình, không thể sống qua ngày một cách hí hửng. Hơn nữa việc rèn luyện, giáo dục nam nữ từ nhỏ phải tách biệt, giáo trình phải khác nhau, nhưng hiện nay nam nữ học cùng một thứ. Đối với phụ nữ, phải dạy họ cách nấu nướng. Nhưng chúng ta sẽ phát hiện đầu bếp giỏi đều là đàn ông, đây gọi là "nhất âm nhất dương chi vị đạo". Phụ nữ giỏi nhất về may vá làm quần áo, nhưng thợ may giỏi nhất vẫn là đàn ông, điều đó có nghĩa gì? Nghĩa là đối với nam sinh, chúng ta sẽ nói với họ, họ có thể học thử nghề may, rất hứng thú thì tiếp tục học, không hứng thú thì dừng lại, tự biết khâu cúc áo là được. Nhưng nữ sinh khác, nữ sinh không thể chỉ dựa vào thích hay không thích, phải có hứng thú, biết nấu các món ăn thông thường.

Mọi người có cảm thấy chúng ta dường như lại đang trọng nam khinh nữ không? Tôi thấy không phải vậy, sai lầm lớn nhất của chúng ta chính là ở câu nam nữ bình đẳng, bởi vì đó vốn là chuyện đùa. Chúng ta nhìn tự nhiên, cái gì bình đẳng với cái gì? Mèo với chó bình đẳng sao? Có vẻ không hẳn, cùng là mèo thì bình đẳng sao? Con mèo này được người ta bế ấm áp lắm, con mèo kia ở đó tội nghiệp. Cỏ với cỏ bình đẳng sao? Đâu đâu cũng là trâu bò, cỏ đó tội nghiệp lắm, cỏ trong sân nhà người giàu trông rất oai phong. Dĩ nhiên thực ra cũng tội nghiệp, tại sao? Vì nó vừa dài một chút đã bị cắt trụi lủi. Nhưng vẫn không bình đẳng, một bên ít nhất được trâu bò ăn, có cống hiến; một bên bị người ta dùng máy cắt đi, đau đớn không chịu nổi, hoàn toàn vô ích, chỉ thỏa mãn cái tâm hư vinh rất vô nghĩa của con người mà thôi. Tôi không hiểu tại sao con người lại phải cắt cỏ trong sân nhà cho ngay ngắn như vậy, cỏ sinh trưởng mới có sinh khí, khi chúng ta cắt nó, oán khí sẽ bốc lên, cả nhà đều xui xẻo.

Chúng ta phải hiểu rằng, trời sinh ra nam nữ là để họ có những chức năng khác nhau, có những cống hiến khác nhau, phải gánh vác những trách nhiệm khác nhau. Trách nhiệm của đàn ông là gì? Chúng ta đừng dùng từ đàn ông, dùng nam giới rộng hơn một chút, trách nhiệm của nam giới chính là “dụng cửu” (hình 11-2), “dụng cửu” chính là "kiến quần long vô thủ, cát".



图 11 –2

“Quần long vô thủ”, nghĩa là nói dù bạn là đàn ông, bạn ở những hoàn cảnh khác nhau, thời đại khác nhau, sẽ ở những địa vị khác nhau, thì phải có những biểu hiện khác nhau.

Điều đầu tiên người đàn ông phải giác ngộ trong xã hội chính là, tôi là đàn ông, anh ta cũng là đàn ông, địa vị của tôi tuy khác với anh ta, nhưng giá trị của tôi không thấp hơn anh ta, tôi chỉ cần làm tốt công việc bổn phận, tôi đã có giá trị, chứ không phải nói vấn đề lãnh bao nhiêu tiền. Tuy anh ta lãnh nhiều tiền, nhưng anh ta hoang phí bên ngoài, đều không nuôi gia đình, hành vi này rất ti tiện; tiền tôi kiếm tuy rất ít, nhưng tôi không hoang phí, từng đồng từng xu đều cống hiến cho gia đình, tôi vĩ đại hơn anh ta. Như vậy mới gọi là nhận phận, mới gọi là giữ phận, mới gọi là bổn phận.

Đại trượng phu phải có thể co, có thể duỗi, vì gia đình, cái gì nên nhẫn nhịn nhất định phải nhẫn nhịn. Một người đàn ông hoàn toàn không có tính linh hoạt, thì không còn trách nhiệm của người đàn ông nữa. Nói thật, điều vĩ đại nhất của một người đàn ông chính là năm ngón tay khép lại, lòng bàn tay úp xuống - đập bàn: Tôi không làm nữa! Nhìn quả thật là đại trượng phu nam nhi, nhưng không có trách nhiệm, bởi vì trong nhà đang chờ anh nuôi sống, anh không thể về nói với vợ: Em ơi, anh không làm nữa, anh chịu không nổi nữa, đổi em đi kiếm tiền, anh ở nhà trông con. Kiếm tiền nuôi gia đình là trách nhiệm một người đàn ông phải tận tụy. Nhưng hiện nay có những cặp vợ chồng, hai người kết hôn là kết hôn, chồng kiếm được tiền tự quản, vợ kiếm được tiền tự quản, chồng một xu cũng không cho vợ, thì người đàn ông đó đương nhiên không có tư cách làm người đứng đầu gia đình, hai người chỉ có vẻ như sống chung, hoàn toàn không có tình nghĩa vợ chồng, mỗi người lo cuộc sống của mình, đây chính là phận của người đàn ông không còn nữa.

> Xã hội hiện đại thường dùng nghề nghiệp, thu nhập của một người đàn ông để đánh giá anh ta có thành công hay không, có quan trọng hay không. Tuy nhiên đa số người đều chỉ là người bình thường, sống cuộc sống bình thường. Vậy, làm một người đàn ông bình thường, giá trị của anh ta thể hiện ở đâu? Đạo Kiền Khôn trong Kinh Dịch thể hiện quan điểm giá trị như thế nào?
>
> Trong một trường học, hiệu trưởng phụ trách việc điều hành toàn trường quan trọng, hay người bảo vệ quét dọn quan trọng?

Có một câu chuyện như thế này: Một trường học gần núi có một con sói, một ngày nọ con sói xuống bắt mất người bảo vệ trường, chưa đầy một giờ cả trường đều biết: không hay rồi, bảo vệ trường bị sói bắt mất rồi. Vài tuần sau, con sói bắt mất trưởng phòng giáo vụ, một tuần sau mọi người mới biết, hóa ra trưởng phòng giáo vụ bị sói bắt. Lại một thời gian sau, con sói xuống bắt mất hiệu trưởng, cả tháng trời mọi người vẫn không biết hiệu trưởng bị sói bắt, tưởng ông ấy đi họp, đi công tác, hoặc bị bệnh không đến.

Trường học một tháng không có hiệu trưởng vẫn hoạt động bình thường, trường học chỉ cần một ngày không có bảo vệ, rác thải sẽ chất đống như núi, mùi không thể chịu nổi, học sinh không thể học được. Hiệu trưởng lãnh lương cao, nhưng có khi lại là người vô dụng nhất, bảo vệ lãnh lương thấp nhất, nhưng trường học muốn môi trường tốt, anh ta lại trở thành người quan trọng nhất.

Nếu chúng ta nhìn từ góc độ này, sẽ hiểu thế nào là "kiến quần long vô thủ, cát" - dù ở địa vị nào, chỉ cần làm tốt công việc bổn phận, đều có thể thực hiện giá trị của bản thân. Con người sinh ra, có sự khác biệt, có người thể lực rất tốt, trí lực không được, dù tìm bác sĩ mổ não thay não cũng vô ích; có người rất giỏi suy nghĩ, nhưng thể lực kém, mười mấy tuổi đã như người già, người như vậy dù rất giỏi suy nghĩ thì sao? Có thể thấy mỗi người đều có khuyết điểm, mỗi người đều có điểm yếu. Thực ra phân tích sâu hơn một tầng có thể biết, ưu điểm của một người chính là khuyết điểm của họ, khuyết điểm của một người chính là ưu điểm của họ, đây lại là trí tuệ của Kinh Dịch: nhìn gộp lại, chứ không phải nhìn tách rời. Người bây giờ đều nhìn tách rời, đánh giá một người thường nói người này ưu điểm là gì, khuyết điểm là gì, không có chuyện đó đâu, bởi vì ưu điểm chính là khuyết điểm, khuyết điểm chính là ưu điểm.

Một người làm tổng giám đốc được mười mấy năm rồi, một ngày nọ anh ta gọi giám đốc của mình đến, nói: "Giám đốc Lý này, chúng ta ở với nhau mười mấy năm rồi, anh nói xem tôi có ưu điểm gì?" Giám đốc Lý nói: "Ưu điểm của anh quá nhiều." Tổng giám đốc nói: "Thôi đi, một cái thôi." Giám đốc Lý liền nói: "Nếu nói một cái thì đó là anh rất nghiêm túc." Tổng giám đốc nói: "Cần gì phải nói? Bây giờ không nghiêm túc thì sống không nổi, ưu điểm này tôi chấp nhận. Vậy tôi có khuyết điểm gì?" Giám đốc Lý nói: "Anh không có khuyết điểm." Tổng giám đốc lại nói: "Đừng thế, chắc chắn có, nói một cái thôi." Giám đốc Lý khó xử nói: "Thực sự phải nói một cái, thì đó là anh quá nghiêm túc." Nghiêm túc một mặt là ưu điểm, một mặt vốn là khuyết điểm, lúc không nên nghiêm túc mà nghiêm túc, đó là khắc nghiệt, là nghiệt ngã, là cố tình gây khó dễ cho người ta, là cố ý làm người ta khó xử.

> Như Kinh Dịch đã nói, đạo Kiền Khôn chính là mỗi người phải tận trách nhiệm của mình. Quẻ Kiền nói lên phận của đàn ông, quẻ Khôn nói về cách hành xử của phụ nữ, những tiêu chuẩn này đối với phụ nữ hiện đại vẫn có một số ý nghĩa chỉ đạo. Vậy đạo Khôn mà Kinh Dịch nói là gì? Làm sao để làm một phụ nữ hiện đại coi trọng đạo Khôn?

Trách nhiệm của phụ nữ chính là “dụng lục” (hình 11-3): “lợi vĩnh trinh”.



图 11 – 3

Nghĩa là phụ nữ phải nhớ cả đời chỉ lấy một người chồng, đã theo người đàn ông này, thì phải theo anh ấy cả đời, không thể tùy tiện có quan hệ tình dục với đàn ông khác, vì vậy trước khi kết hôn phải cẩn trọng, xem đi xem lại, chọn đi chọn lại. Nhưng hiện nay là hợp thì ở cùng nhau, không hợp thì thôi, mọi người coi trọng ấn tượng đầu tiên, coi trọng nhìn thuận mắt, nói theo từ thời thượng nhất, gọi là có cảm giác, nam nữ một khi có cảm giác, rất nhanh không là nam bị điện chết, thì là nữ bị điện chết, rồi ly hôn. Sau khi kết hôn phụ nữ mới biết hóa ra anh chàng này nghèo hung ác cực, vậy xin hỏi trước khi kết hôn mắt chị mọc ở đâu vậy? Câu trả lời chính là người phụ nữ này định cả đời lấy mấy người chồng, mới có thể tùy tiện như vậy.

Tôi dạy học ở đại học, có lần một nữ sinh nói với tôi: "Thầy ơi, bạn trai em nói em nhất định phải thân mật với anh ấy, nếu em không thân mật với anh ấy, anh ấy sẽ yêu người khác. Em nên đồng ý hay từ chối?" Tôi

nói: "Em đương nhiên phải từ chối." Cô ấy nói: "Làm sao từ chối? Vừa từ chối anh ấy sẽ bỏ đi." Tôi nói: "Em từ chối mà anh ấy không bỏ đi, mới là người chồng thật sự của em, nhưng em phải biết cách nói..." Tôi còn dạy cô ấy cách nói như thế nào.

Nữ sinh phải ghi nhớ, khi bạn trai nói với em rằng em phải thân mật với anh ấy, nếu không thì có nghĩa là em không yêu anh ấy, em có thể hỏi anh ấy: Anh là người nước ngoài hay người Trung Quốc? Bởi vì người nước ngoài đều là, nói tiếng Anh là wonder, tò mò; chỉ có đàn ông Trung Quốc, nói tiếng Anh là concern, quan tâm, lo lắng. Em hỏi bạn trai em, anh ấy là tò mò về em hay quan tâm đến em, nếu là tò mò, em nói với anh ấy tất cả phụ nữ đều giống nhau, không có gì đáng tò mò; nếu là quan tâm, anh ấy phải đợi đến ngày cưới mới được nghĩ đến chuyện này, nếu không thì thôi. Con gái biết nói những lời này mới thắng được sự tôn trọng của bạn trai dành cho mình. Con gái trước hôn nhân nhất định phải rất kín đáo, không thể tùy tiện, em một tùy tiện, tất cả mọi người đều sợ em, bởi vì anh ấy biết em tùy tiện với anh ấy, cũng tùy tiện với người khác.

Đất có đức tính tốt đẹp dung nạp vạn vật, nhưng cũng là đất, đều là dung nạp vạn vật, tại sao có nơi gọi là phong thủy bảo địa? Cũng vậy là con gái, đều là mảnh đất, nhưng không phải ai cũng có thể đến gieo trồng, phải như vậy mới đúng. Nam sinh phải "tự cường bất tức", nữ sinh phải "hậu đức tải vật", phải "lợi vĩnh trinh", nghĩa là nói nữ sinh chỉ định kết hôn một lần trong đời, nhất định phải theo người đàn ông đáng tin cậy, có thể sống cùng nhau trọn đời.

Những người độ tuổi chúng tôi ngày xưa ngày cưới thực sự vất vả, tôi bình thường đều có cơm ăn, chỉ có ngày cưới không có cơm ăn, vì cha mẹ đều bận chiêu đãi khách. Sau khi cưới tôi nói với cha: "Hôm đó mọi thứ đều tốt, chỉ là con đói muốn chết." Cha tôi nói: "Đó là cố ý bắt con đói." Tôi nói: "Tại sao?" Ông nói: "Như vậy con mới biết kết hôn vất vả như thế, cả đời một lần là đủ rồi, đừng nghĩ đến lần sau." Bây giờ kết hôn thật dễ dàng và thoải mái, nếu cưới lại một lần nữa cũng không tệ. Người thời nay không đến mức ngốc nghếch như vậy.

> Kiền Khôn tức là âm dương, cũng là gốc rễ của Kinh Dịch. Nó không chỉ bao hàm đạo vận hành của trời đất, mà còn bao gồm đạo của người quân tử, đạo trị nước, đạo nam nữ. Tóm lại, ở vị trí khác nhau, phải gánh vác trách nhiệm tương ứng, chỉ có như vậy mới có thể âm dương tương sinh, sinh sinh bất tức. Vậy sau Kiền Khôn, Kinh Dịch sẽ nói cho chúng ta điều gì?

Kiền là nam, Khôn là nữ, Kiền Khôn có một trách nhiệm chung là phải sinh con cái. Nói thật, nhà không có con cái thì không gọi là nhà, thực ra người phương Tây cũng rất kiên trì điểm này, không sinh con thì không đủ tư cách gọi là Family, chỉ là Couple, chỉ gọi là một cặp vợ chồng mà thôi, bởi vì không sinh con, không có thành quả. Bắt đầu có con mới gọi là nhà, bởi vì lúc đó mới có hơi ấm của gia đình, mới có hy vọng của gia đình.

Nhưng sinh con chỉ là sự khởi đầu của gia đình, sau khi đọc hai quẻ Kiền Khôn, chúng ta biết cha mẹ đã xuất hiện, tổ chức gia đình đã thành lập, tiếp theo sẽ bắt đầu có một chuỗi quá trình, vì vậy Kinh Dịch sau hai quẻ Kiền Khôn xuất hiện quẻ Truân, quẻ Mông, quẻ Nhu, quẻ Tụng...

Truân là gì? Truân chính là sự vất vả khi sinh con, thai nghén mười tháng, và trước đó còn có vấn đề có thể thụ thai hay không. Quẻ Truân nói với chúng ta, thai kỳ rất khó, phải thai giáo, phải chăm sóc thai nhi thật tốt, sau đó sinh ra an toàn thuận lợi mới coi là hoàn thành quẻ Truân.

Nhưng khi đứa trẻ sinh ra vấn đề lại đến, nó mông muội ngây thơ, chúng ta có thể chịu nhìn nó lớn lên vẫn như vậy không? Trẻ con ngây thơ rất đáng yêu, lớn đến bảy tám tuổi, mười mấy tuổi mà vẫn ngây thơ, rất nhanh sẽ bị người ta lừa mất, hơn nữa bị người ta coi là trò cười - có phải đần độn không? Vì vậy chúng ta phải giáo dục nó. Nhưng sinh con dễ, nuôi dạy khó. Kinh Dịch dạy chúng ta phải dạy dỗ con cái thật tốt, bởi vì khi trẻ hiểu biết sẽ sinh ra nhu cầu, khi trẻ mông muội còn không có nhu cầu, chúng ta cho gì nó cũng thấy tốt, nhưng khi trẻ có kiến thức rồi sẽ biết lựa chọn, sẽ có nhu cầu, đó đều là do chúng ta dạy ra.

Con người không có kiến thức còn dễ làm người tốt hơn, dễ giữ phận hơn, có kiến thức rồi thì bắt đầu tham lam vô độ, nên có cũng đòi, không nên có cũng đòi, sinh ra đủ loại nhu cầu kỳ quặc. Nhu cầu là không thể thỏa mãn được, bởi vì tài nguyên có hạn, cơ hội có hạn. Chúng ta đối mặt với thực trạng tài nguyên có hạn, cơ hội có hạn, nhưng nhu cầu của chúng ta lại không ngừng tăng lên, thế là bắt đầu có tranh giành, bắt đầu giành giật, tranh đến cuối cùng thì ra tòa, đó gọi là quẻ Tụng.

Con người khi chưa sinh ra luôn mong nhanh chóng được sinh ra, một khi sinh ra, vấn đề lại đến liên tiếp, và không thể tránh khỏi. Hoàn toàn không sinh, loài người tuyệt chủng; muốn sinh, thì phải đối mặt với tất cả khó khăn, đây mới gọi là nhân sinh. Nhân sinh là đến để rèn luyện, nhân sinh là đến để hoàn thành trách nhiệm.

Khi chúng ta gặp khó khăn, phải có sự chuẩn bị trong lòng, vì vậy nhất định phải hiểu thấu đáo đạo lý của Kinh Dịch và để trong tâm, binh đến tướng chặn, nước đến đất ngăn, đối mặt với các loại thăng trầm khác nhau, chúng ta đều có thể vượt qua thuận lợi, đó chính là Quan Công, Quan Công vượt năm ải chém sáu tướng, thực ra ai không phải vượt năm ải chém sáu tướng? Ai ai cũng là Quan Công, vì vậy bây giờ đâu đâu cũng thờ Quan Công, chỉ là đạo lý này mà thôi.

Chưsau chúng ta sẽ bắt đầu từ quẻ Truân, bởi vì vạn sự khởi đầu nan, không có sinh thì không có tồn tại, phải sinh trước mới có thể tồn tại, không có một xu làm sao đi gửi tiết kiệm? Kiếm được chút tiền đã, gọi là sinh tài có đạo, sau đó mới có thể gửi tiền sinh lãi. Quẻ Truân là sự bắt đầu của tất cả, sự biến hóa của trời đất bắt đầu phải đối mặt với "sinh" của “sinh sinh bất tức”. Vì vậy, tập sau chúng ta sẽ bàn về: Sự khó khăn của khởi đầu.

Chương 12: Quẻ 3 : Thủy Lôi Truân : Khó khăn khi mới bắt đầu

> Bạn từng nuôi hoài bão lớn, khát khao thành công; bạn có niềm tin kiên định, dám nghĩ dám làm. Tuy nhiên tại sao khi bạn bước những bước đầu tiên lại gặp nhiều khó khăn, bước đi khó khăn? Là tiến, là lùi? Là cơ hội hay thách thức? Đối mặt với gian khổ và khó khăn, cũng như những yếu tố không chắc chắn phía trước, bạn sẽ đưa ra quyết định thế nào?

Sau khi khai thiên lập địa, vạn vật sinh ra, vạn vật từ đâu mà có? Kinh Dịch cho chúng ta biết, vạn vật đều được sinh ra, sinh ra như thế nào? Được sinh ra từ những hoàn cảnh rất gian nan.

Quẻ Truân, nội quái là Chấn (sấm), có nghĩa là chấn động, ngoại quái là Khảm là nước, Khảm là nguy hiểm (hình 12-1).

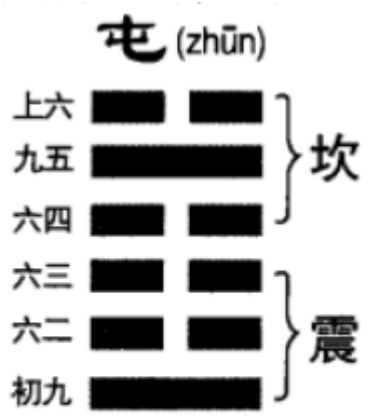

图 12 – 1

Vì vậy một khi động thì đầy nguy hiểm, nhưng không động thì không sinh ra được, do đó chúng ta phải động, và phải có thể đối mặt với nguy hiểm để sinh sản thuận lợi. Chúng ta cảm thấy vạn sự khởi đầu nan, biết rằng việc bắt đầu sinh ra không hề dễ dàng, đều là những gợi ý từ quẻ Truân.

Thoán từ của quẻ Truân (hình 12-2) rất thú vị: “Nguyên, hanh, lợi, trinh, vật dụng hữu du vãng, lợi kiến hầu.”

(Gặp lúc gian truân, có thể hanh thông lắm (nguyên hanh), nếu giữ vững điều chính và đừng tiến vội, mà tìm vùng đất có lợi)



卦辞

元、亨、利、贞，勿用有攸往，利建侯。

图 12 –2

Chúng ta thấy quẻ Kiền cũng có "Nguyên, hanh, lợi, trinh", quẻ Khôn là "Nguyên hanh, lợi tẫn mã chi trinh..." thêm một chút điều kiện, nhưng vì quẻ Truân là quẻ đầu tiên sinh ra từ sự giao hợp của hai quẻ Kiền Khôn, nên nó có đủ bốn đức tốt là “nguyên, hanh, lợi, trinh”, nhưng phía dưới có điều kiện: “vật dụng hữu du vãng”. “Hữu du vãng” nghĩa là có nơi để đi, “vật dụng hữu du vãng” nghĩa là tạm thời đừng nên di chuyển lung tung, đừng chạy qua chạy lại, vì nền tảng chưa vững, vừa sinh ra đã muốn di chuyển lung tung rất nguy hiểm. Tại sao không nên di chuyển lung tung? Vì phải “lợi kiến hầu”. “Lợi kiến hầu” nghĩa là tìm được một vùng đất có lợi. Làm bất cứ việc gì nếu không có chỗ đứng chân, không có một vùng đất nhỏ nào, làm sao có thể tồn tại phát triển? Đứng vững ở vùng đất, không di chuyển lung tung, đây là nguyên tắc cần giữ khi mới bắt đầu bất kỳ việc gì.

Chúng ta hãy xem tượng của quẻ Truân, từ dưới lên trên có các hào: sơ cửu, lục nhị, lục tam, lục tứ, cửu ngũ, thượng lục. Chúng ta thấy, ngoài lục tam bất chính, năm hào còn lại đều đắc chính. Có thể thấy, dù sự sinh ra của vạn vật rất gian nan, nhưng trời có đức hiếu sinh, đã sắp đặt cho nó một môi trường sinh thái tốt, chúng ta thấy sơ cửu và cửu ngũ tạo thành một khuôn khổ, chúng ta gọi khuôn khổ đó là môi trường sinh thái tốt để sinh trưởng.

Vạn vật sinh ra thế nào? Chúng ta hãy xem từ con người trước. Từ sơ cửu đến cửu ngũ, cái khuôn khổ đó chính là tử cung của mẹ, sơ cửu chính là tinh trùng của bố, sơ cửu là dương, nó phải tự cường không ngừng, phải tiến vào cơ thể mẹ, kết hợp với trứng mẹ đã thải ra. Mặc dù tinh trùng có rất nhiều, và đều tự cường không ngừng, nhưng trứng có đức tốt của “lục lợi vĩnh trinh”, nó chỉ chọn một cái, nó chọn tinh trùng đó vào rồi đóng cửa lại. Bất kể có bao nhiêu tinh trùng, trứng chỉ tiếp nhận một tinh trùng rồi đóng cửa, đóng cửa xong thì thành trứng thụ tinh. Trứng thụ tinh phải tìm được một vị trí ổn định trong tử cung, gọi là làm tổ, nếu không bám được rất có thể sẽ sảy thai.

Vì vậy đừng tưởng có trứng thụ tinh rồi thì như có thai rồi, rất yên tâm, thực ra không hẳn vậy. Mới mang thai rất không ổn định, lúc này chúng ta phải đặc biệt chú ý đến hoạt động của người mẹ, ví dụ không được nâng đồ nặng, không được chạy lung tung, rất nhiều điều cần lưu ý, chính là để chăm sóc phôi thai mới, để nó có thể ổn định.

Sau đó trải qua giai đoạn lục nhị, lục tam, đến lục tứ đại khái sắp thành hình một em bé đáng yêu rồi, lúc này phải đối mặt với việc sinh nở sau mười tháng thai nghén. Lúc sinh nở thì cửa sinh chính là cửu ngũ, nếu cửu ngũ yếu ớt thì đứa trẻ có thể sinh ra bất cứ lúc nào, như vậy thì không được! Cửu ngũ phải trải qua một phen phấn đấu mới có thể đột phá được. Mẹ thường nói "sắp sinh rồi, sắp sinh rồi", nhưng không sinh ra được, phải trải qua từng cơn đau khó nhọc mới đột phá được cửu ngũ để sinh ra.

Thượng lục giống như đôi mắt của mẹ, đầy nước mắt, vì sau khi trải qua cơn đau, đứa trẻ đã sinh ra, cô ấy rất vui mừng, vui mừng đến rơi lệ. Chúng ta có thể thấy toàn bộ quá trình sinh nở được vẽ rõ ràng trong tượng của quẻ Truân: từ khi thụ tinh bắt đầu, đến thành hình, đến sinh nở thuận lợi là sáu hào này, mỗi hào một giai đoạn, rất hình tượng.

> Sự vất vả của người mẹ qua mười tháng thai nghén một sớm sinh nở đã chứng minh việc sinh ra sự sống không dễ dàng. Và đạo lý trong Kinh Dịch được suy diễn từ hiện tượng tự nhiên đến xã hội loài người, vậy quẻ Truân dựa vào điều gì để thể hiện sự khó khăn khi vạn vật sinh ra?

Quẻ Truân lấy hình tượng từ sự sinh trưởng của cỏ. Chúng ta thường nghĩ xuân về, cỏ tự nhiên xanh tốt, nảy mầm, sinh trưởng lên, rất dễ dàng, nhưng làm gì có dễ dàng như vậy?

Chúng ta thấy có những nơi mùa đông băng tuyết phủ đầy, không một ngọn cỏ, lá cây cũng không thấy, nhưng khi xuân về, một dương sinh lại, đại địa hồi xuân, đó là sơ cửu xuất hiện. Sơ cửu chính là hạt giống, tất cả hạt giống đều có một đặc tính là chui xuống đất. Sau khi quả thối rữa, hạt của nó sẽ là hạt giống tương lai, nếu hạt giống chỉ bay theo gió, có thể sẽ bay đi mất, theo nước chảy sẽ trôi mất, nhưng khi hạt giống rơi xuống đất, nó biết đây là vùng đất bảo tồn sự sống của mình, nó liền cố gắng chui xuống đất, chui vào đất, trở thành sơ cửu.

Xuân về, khi dương bắt đầu động, sau đó đến lục nhị, trải qua lục tam rồi đến lục tứ. Chúng ta phát hiện cỏ không thể mọc lên ngay lập tức, như vậy rễ sẽ quá yếu, khả năng hấp thụ dinh dưỡng và nước sẽ rất hạn chế. Vì vậy nếu có hứng thú, mọi người có thể nhổ cỏ lên xem, sẽ thấy rễ của nó đều quấn quanh co. Hạt giống phải tìm đến cửu ngũ để đột phá, cửu ngũ chính là điểm đột phá của nó, chính là nơi tốt nhất để nó nảy mầm, theo quan điểm của con người, đó gọi là phong thủy bảo địa.

Thượng lục chính là hai mầm non mơn mởn, xanh tươi, đáng yêu. Có thể thấy, sự sinh ra của cỏ không phải "bùm" một cái là mọc lên ngay, mà phải trải qua một quá trình gian nan như vậy mới mọc lên được. Người

cần có nhau thai, cỏ cần có một mảnh đất nhỏ, dù rất nhỏ, đó cũng là nền tảng để sinh trưởng, vạn vật hầu như đều như vậy. Bất kỳ sự việc nào sinh ra, bất kỳ sự vật nào ra đời đều vừa khó vừa nguy hiểm, không dễ dàng như vậy, nó phải tập trung sức mạnh, phải thận trọng hành sự, đồng thời phương hướng phải đúng đắn, phương thức phải hợp lý, thêm vào đó phương pháp phải chính đáng, như vậy mới có thể nguyên, hanh, lợi, trinh.

> Bất kể là con người mang thai sinh con, hay cây cỏ sinh trưởng phá đất mà ra, tất cả sinh mệnh, khi mới bắt đầu sinh ra đều tràn đầy gian nan, và trong cuộc sống thực tế, mọi sự việc cũng đều là vạn sự khởi đầu nan. Điều này lại là vì sao? Chúng ta nên đối mặt với những khó khăn này như thế nào?

Khi sơ cửu - một luồng khí dương cương này tiến vào thể âm nhu, lúc này âm dương hai khí bắt đầu hình thành tương tác, lúc này tất cả đều xa lạ, mà những thứ xa lạ muốn giao dịch, muốn mài giũa đều gặp nhiều khó khăn, có rất nhiều chướng ngại.

Nhìn về sự nghiệp, chúng ta có thể xem sáu hào của quẻ Truân như toàn bộ quá trình khởi nghiệp, sơ cửu chính là động lực khởi nghiệp mạnh mẽ. Chúng ta muốn khởi nghiệp, trước tiên cần xem xét có nên tìm người hợp tác không, chọn ngành nghề nào, thị trường ở đâu, những cân nhắc này gọi là khí dương cương. Nhưng cho dù chúng ta có nhiều ý tưởng, nếu không có môi trường sinh thái phù hợp cũng bằng không, nghĩ nửa ngày vẫn là không, vì vậy hào sơ cửu dương đó nói với chúng ta, bước đầu tiên phải bước ra, chỉ cần bước đầu tiên không bước ra, tất cả đều là không tưởng. Sau khi bước ra bước đầu tiên, chúng ta sẽ phát hiện đối mặt với nhiều khó khăn hơn: thị trường không chắc chắn, nhân sự không ổn định, sản phẩm chưa chín muồi, không biết định giá thế nào, ý kiến khách hàng quá nhiều. Lúc này, chúng ta phải từ từ điều chỉnh, từ từ thích ứng, đến khi đến cửu ngũ, mới có thể thở phào, cuối cùng có thể ổn định. Lúc này đồng nghiệp đã mài giũa với nhau gần như ổn, với khách hàng cũng dần quen thuộc, đây gọi là lợi kiến hầu. Lợi kiến hầu nghĩa là cuối cùng phát hiện mình có một nền tảng nhỏ, có thể yên tâm kinh doanh ở đó.

Vì vậy từ sự sinh ra của con người, sự sinh trưởng của cây cỏ, sự bắt đầu của sự nghiệp, chúng ta đều có thể thấy, mỗi lời nhắc nhở của quẻ Truân đều rất quan trọng: chúng ta phải làm từng bước một, đừng nghĩ đến việc một bước lên trời, điều đó tuyệt đối không thể; phải cần cù, giữ chính đạo, bất kỳ việc gì cũng phải làm từng chút một, chỉ cần có một việc làm không chính đáng, sẽ di họa vô cùng. Mặc dù tượng của quẻ Truân phía dưới là động, phía trên là hiểm, nói với chúng ta mỗi động tác đều đối mặt với nguy hiểm lớn, nhưng thoán từ "nguyên, hanh, lợi, trinh" vẫn nói với chúng ta, chỉ cần nguồn gốc làm tốt, sẽ hanh thông.

> Do sự vật trong giai đoạn mới sinh ra, đối với môi trường xung quanh chưa biết và sức mạnh bản thân còn yếu ớt, định mệnh đã thiếu sự ổn định, vì vậy phải nghĩ cách thích ứng nhanh với môi trường, và phát triển lớn mạnh từng bước. Tuy nhiên quá trình này khá dài, vì vậy chúng ta thường cảm thấy "vạn sự khởi đầu nan". Vậy trong Kinh Dịch, quẻ Truân cho chúng ta những gợi ý gì? Khi đưa ra quyết định chúng ta cần chú ý những điều gì?

Khi vạn vật sinh ra, đã xảy ra một hiện tượng không tốt, đó là mọi thứ đều tranh nhau sinh ra. Hiện nay dân số trên Trái Đất đã tăng lên hơn sáu tỷ người, vượt xa sức chịu đựng của Trái Đất, giờ Trái Đất đang thở dài: sinh nhiều như vậy để làm gì? Tuy ta cho các ngươi môi trường tốt, nhưng các ngươi sinh sản quá nhiều, ta không gánh nổi. Chúng ta nên biết, cây cối quá nhiều quá dày, kết quả là đều không phát triển tốt được.

Các nhà khoa học từng làm một thí nghiệm: nuôi vài chục con cừu trên một hòn đảo nhỏ, cừu phát triển rất tốt, nhưng khi tăng lên vài trăm con thì bắt đầu chật chội, đàn cừu bắt đầu bất an, khi tăng lên càng nhiều hơn, đàn cừu bắt đầu bệnh tật, bắt đầu chết hàng loạt, vì trong môi trường sinh tồn chật chội như vậy, chúng không thể sống nổi.

Như vậy mọi người mới biết tại sao nhà chúng ta ở phải xây cao, có người rất nghi ngờ: người chỉ cao như vậy, nhà chỉ cần xây thấp thấp là được, xây cao như vậy để làm gì? Nhà quá thấp có hại cho sức khỏe, ngày nay chúng ta gọi là cảm giác áp lực. Nhà thấp, cảm giác áp lực đó quá lớn, người ở trong đó suốt ngày, không chịu nổi.

Mật độ dân số quá cao, vấn đề chồng chất; nhưng mật độ quá thấp, hầu như không có người, thì cũng tệ, rộng người thưa, không phát triển nổi. Vì vậy, chúng ta phải điều chỉnh mật độ dân số, nơi này người quá ít, di chuyển một số từ nơi khác đến; nơi kia người quá đông, kéo một số ra. Như vậy chúng ta mới biết, tại sao mỗi quốc gia đều phải kiểm soát di dân, phải theo thủ tục chính đáng, nếu không thì không cho vào. Bởi vì nếu không có kiểm soát di dân, mọi người thấy một nơi tốt, tất cả đều chen chúc vào, người quá đông, trật tự xã hội không tốt, môi trường sinh thái rất tệ, không khí cũng ô nhiễm, anh chen tôi, tôi chen anh, kết quả chen chúc nhau đều không sống nổi.

Tất cả chính sách dân số đều phải đáp ứng mật độ dân số địa phương để lập kế hoạch, đây cũng là gợi ý từ quẻ Truân.

Đại Tượng Truyện viết: "Vân lôi. Truân. Quân tử dĩ kinh luân".

"Vân lôi", tức ngoại quái là mây, nội quái là sấm. Sau khi sấm động, vạn vật nắm bắt cơ hội, liền sinh trưởng. Quân tử thấy hiện tượng tự nhiên này, liền biết: hoặc là không làm bất kỳ sự nghiệp nào, nhàn rỗi, miễn sao qua ngày, người khác cũng không có cách nào; nhưng nếu muốn xây dựng sự nghiệp, sẽ phải đối mặt với quẻ Truân, phải tìm một chỗ đứng chân, bước đầu tiên là "kinh luân". "Kinh luân" chính là điều mà hiện đại gọi là quản lý kinh doanh, bất kể mở cửa hàng gì, đều phải quản lý kinh doanh cho tốt trước, dù là sự nghiệp nhỏ nhất cũng phải đặt nền móng vững chắc, sau đó mới có thể từ từ phát triển, và phải thận trọng lại thận trọng.

Chúng ta đi tìm việc, nên tìm một nơi ổn định trước, để có thể an định học tập, như vậy mới biết hứng thú của mình ở đâu, khi có cơ hội mới động. Có người nhìn Đông nhìn Tây, cao không thành, thấp không thành,

vĩnh viễn không có cái "một" đó, sơ cửu vĩnh viễn không xuất hiện được, như vậy năm này qua năm khác, rồi cảm thấy bản thân hoàn toàn không có hy vọng, đến lúc đó mới cảm thấy tệ, giống như cả đời này cũng không tìm được ông chủ. Có nhiều người không tìm được ông chủ, đành phải tự mở cửa hàng nhỏ làm ông chủ, vì vậy một người không tìm được ông chủ cũng là việc đau khổ, một người quá trẻ đã ra ngoài làm ông chủ cũng là việc đau khổ.

Chúng ta đều biết thời thời đang biến, không thể luôn dùng kinh nghiệm quá khứ, kinh nghiệm quá khứ tuy quý giá, nhưng mỗi lần đều là một khởi đầu mới, đều phải thận trọng từ đầu, không thể nhắm mắt làm theo. Quẻ Truân đối với mỗi người mà nói, chỉ cần chúng ta muốn làm người mới thì phải xem quẻ Truân, chỉ cần chúng ta muốn bắt đầu một công việc mới, phải xem quẻ Truân, quan trọng hơn, mỗi lần bắt đầu đều nhớ lại đạo lý của quẻ Truân, sẽ an toàn và có lợi hơn.

> Các quẻ trong Kinh Dịch biến hóa vô cùng, có thể lấy tượng vạn vật ví von với việc người. Thoán từ của quẻ Truân nói với chúng ta: vạn sự khởi đầu nan. Từ đó chúng ta được gợi ý: thuận thì thận trọng mà làm, nghịch thì tràn đầy tự tin vượt qua gian khó. Vậy hào từ của mỗi hào trong quẻ Truân, đối với cuộc sống thực tế của chúng ta có ý nghĩa chỉ đạo gì?

Chúng ta xem hào đầu tiên của quẻ Truân gọi là sơ cửu (hình 12-3), vì nó là hào dương ở vị trí đầu.

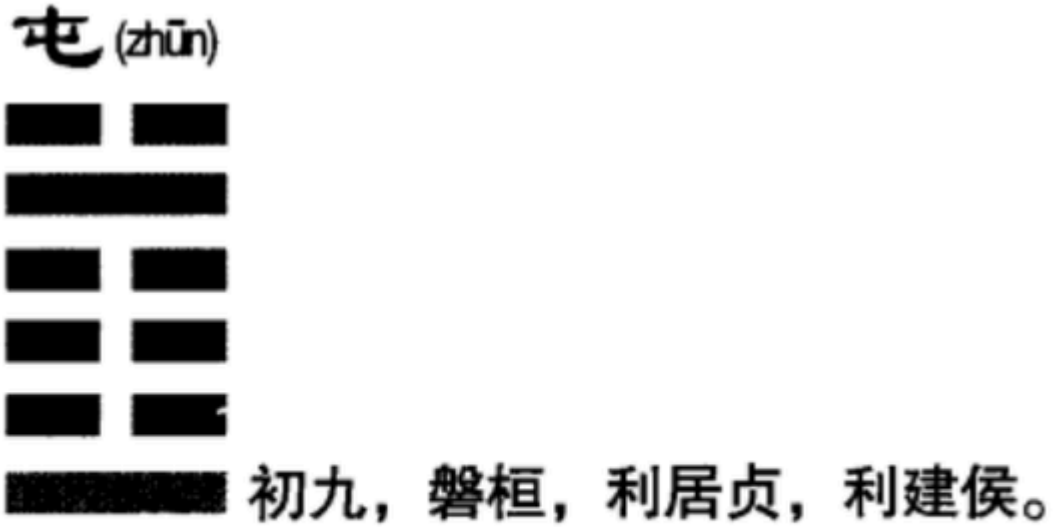

图 12－3

Sơ cửu nói với chúng ta nó có khí dương cương nhưng địa vị quá thấp, có khí dương cương cũng không phát tán ra được. Sơ cửu thường cảm thấy bất lực, giống như một người rất có học vấn, rất có trí tuệ, nhưng mới ra đời, nói chuyện không ai nghe, có ý kiến không ai tiếp nhận, đây chính là trạng thái của sơ cửu.

Hào từ sơ cửu: "Bàn hoàn, lợi cư trinh, lợi kiến hầu".

(còn dùng dằng, tìm được chỗ đứng tốt nhất rồi thì mới có lợi để an ổn)

Xuân về, sấm cũng động, hạt giống cũng bắt đầu khởi động, nhưng khi khởi động không được thuận lợi, nên gọi là “bàn hoàn, lợi cư trinh, lợi kiến hầu”. “Bàn hoàn” nghĩa là không thể một lúc động được thuận lợi, phải đi tìm điểm đứng chân tốt nhất. Cẩn thận chọn điểm đứng là nguyên tắc đầu tiên khi bắt đầu làm bất kỳ việc gì. Chúng ta phải đặt nền móng tốt. Nhà càng cao, nền móng phải đào càng sâu, chỉ cần nền móng không đặt tốt, nhà càng cao, tương lai càng nguy hiểm. “Lợi cư trinh”, nghĩa là tìm được chỗ đứng tốt nhất rồi thì an ổn vững vàng, đúng quy củ, giữ nó lại, như vậy mới có lợi cho việc “kiến hầu”, “kiến hầu” là từ đây phát triển thành căn cứ.

Nền tảng đã vững, đến hào hai, hào hai là lục nhị. Lục nhị giống như sơ cửu, đều đắc chính. Hào từ lục nhị (hình 12-4): "Truân như chuyên như, thừa mã ban như. Phỉ khấu, hôn cấu, nữ tử trinh bất tự, thập niên nãi tự".

(Khốn đốn khó khăn như người cưỡi ngựa còn dùng dằng lẫn quẩn, không phải là kẻ cướp, chỉ là muốn cầu hôn với mình thôi. Mình cứ giữ vững chí, đừng chịu, mười năm nữa sẽ kết hôn (với hào 5).)

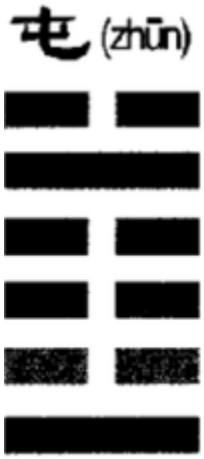

六二，屯如邅如，乘马班如。匪寇，婚媾。
女子贞不字，十年乃字。

图 12－4

Nghĩa là gì? Là nói với chúng ta, sơ cửu đang dừng lại không tiến, vì âm dương tương tác, sơ cửu thấy lục nhị, cảm thấy nơi này tốt, sẽ dừng lại ở nơi này, không tiến về phía trước nữa. Thực ra sơ cửu phải tiến lên tìm lục tứ, đó mới là tương ứng với nó, nhưng sơ cửu ở gần thấy lục nhị, liền quên mất mình với lục tứ mới là tương ứng, vì vậy dừng lại không tiến, vừa muốn tiến lên vừa gặp khó khăn, do dự không quyết. Tình hình này là gì? “Phỉ khấu”. “Phỉ” nghĩa là chẳng phải, trong Kinh Dịch chữ “phỉ” thường giải thích là chẳng phải, ý nói nó không phải kẻ cướp, không phải người xấu, mà là đến cầu hôn với lục nhị, là “hôn cấu”, nó quên mất đối tượng tương ứng với nó là lục tứ, vừa thấy lục nhị liền theo đuổi lục nhị ngay.

Tiếp theo: “nữ tử trinh bất tự, thập niên nãi tự”. “Thập niên” là thời gian rất lâu, “tự” là đồng ý kết hôn. Lục nhị không đồng ý với sơ cửu, vì trong lòng có cửu ngũ, sơ cửu có theo đuổi thế nào, không thể đồng ý thì là không thể đồng ý. Vì lục nhị là âm, phải “lợi tẫn mã chi trinh”, phải “lợi vĩnh trinh”, nên lục nhị chỉ có thể một lòng một dạ với cửu ngũ, không thể thấy sơ cửu đến theo đuổi mình mà động lòng, vì vậy dù sơ cửu thể hiện ân cần với lục nhị, lục nhị không để ý đến, kiên trì như vậy trong một thời gian khá dài. Điều này nói với chúng ta, không phải chỉ cần sơ cửu động, là có thể thuận lợi bám rễ phát triển, thường sẽ gặp nhiều trở ngại, lục nhị chính là nói với sơ cửu chỗ này không thông, chỗ kia cũng không thông. Nhưng sơ cửu, tức là hạt giống, có thể nửa đường từ bỏ không? Đương nhiên không thể, phải tiếp tục chạy đến lục tam.

Lục tam là tình huống gì? Lục tam lấy việc đi săn làm ví dụ, săn gì? Săn hươu. Một người vào rừng săn hươu làm sao dễ dàng? Thứ nhất, hươu chạy rất nhanh, thứ hai, người không quen thuộc trong rừng. Làm sao? Hào từ lục tam (hình 12-5) nói: "Tức lộc vô ngu, duy nhập vu lâm trung. Quân tử cơ, bất như xả, vãng lận.”

(đuổi hươu mà không có thợ săn dẫn đường thì chỉ vô sâu trong rừng thôi (không bắt được). Người quân tử hiểu cơ sự ấy thì bỏ đi còn hơn, cứ tiếp tục tiến nữa thì sẽ hối hận.)

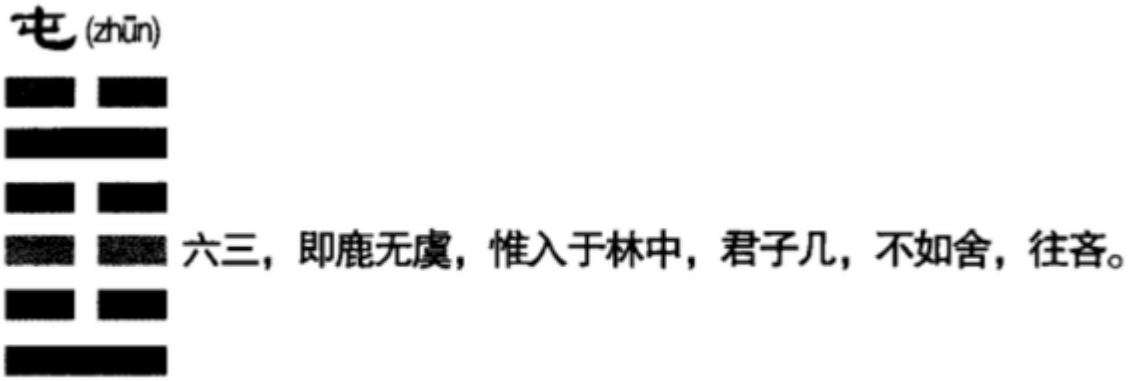

图 12－5

"Ngu" là người dẫn đường, là một người khoác da thú, để thú trong rừng tưởng người đó là đồng loại, sẽ ở bên chỉ dẫn, sau đó sẽ biết hươu ở đâu. Một người vào rừng đi săn, trước hết phải quen đường, nhưng quen đường rất khó, vì không phải ngày nào cũng săn ở đây, nên phần lớn sẽ tìm người dẫn đường.

Hiện nay đoàn thám hiểm vào núi, đều nhất định phải có người địa phương, có người quen thuộc địa hình địa vật của nơi đó làm người dẫn đường, đó gọi là ngu. Nếu một người muốn đi săn hươu, lại không tìm được người dẫn đường, thì sẽ thế nào? “Duy nhập vu lâm trung”, nghĩa là chỉ vào trong rừng nhìn, trống không, toàn là cây cối, một con hươu cũng không thấy. Điều này tượng trưng cho dinh dưỡng chúng ta muốn không nhất định liên tục cung cấp cho chúng ta, nơi chúng ta muốn đi qua không nhất định sẽ thuận lợi cho chúng ta đi qua. Lúc này phải “quân tử cơ”, cơ là thấy cơ hội mà hành động, ý nói quân tử gặp tình huống này, địa hình không quen, không thấy hươu, sợ rằng lần này là tay không về, nhưng nếu tiếp tục, trời

tối càng tệ, nói không chừng lạc đường chết cóng, vì vậy quân tử thấy tình huống này phải thấy cơ hội mà hành động. "Bất như xả", thà từ bỏ, giống như cỏ sinh trưởng tìm điểm đột phá, chỗ này không thông, thì chui sang chỗ khác. "Vãng lận", nếu nhất định kiên trì phải hướng này, dù khó cũng phải đột phá, tuy dũng khí đáng khen, nhưng cuối cùng là đáng tiếc.

Khó khăn vượt qua trùng trùng, đến được lục tứ, mọi người lập tức có thể thấy lục tứ và sơ cửu là âm dương tương hấp, nếu nói về hôn nhân, sơ cửu cầu hôn đối tượng nên là lục tứ, chứ không phải lục nhị.

Hào từ lục tứ (hình 12-6) chúng ta hãy xem: "Thừa mã ban như. Cầu hôn cấu, vãng cát, vô bất lợi."

(cưỡi ngựa mà dùng dằng. Cầu bạn trăm năm (hay đồng tâm) ở dưới (ở xa) thì không gì là không tốt.)

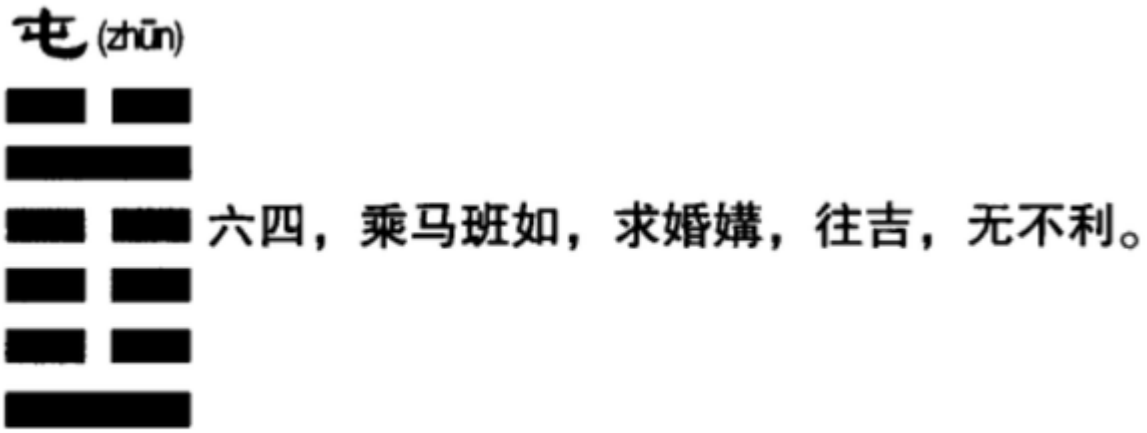

图 12 –6

Nghĩa là cưỡi ngựa, muốn đi lại như không muốn đi, đang do dự có nên đi cầu hôn không. Tôi không biết lục tứ xuống dưới, hay sơ cửu lên trên, cái nào thích hợp hơn, nhưng trong lúc truân nan này, nó khuyên lục tứ "vãng cát", lục tứ xuống dưới tìm sơ cửu sẽ cát tường. Từ đó sơ cửu với lục tứ tương ứng, lục nhị với cửu ngũ tương ứng, đều thành việc tốt đẹp.

Vì vậy trong tình huống này, lục tứ phải "vãng cát" mới "vô bất lợi", điều này sau được dẫn phát thành lễ hiền hạ sĩ. Tuy địa vị của lục tứ cao hơn, nhưng nếu có người có ích cho bạn, hiện tại địa vị của họ thấp hơn, lục tứ phải lễ hiền hạ sĩ, như vậy đối với mọi người đều tốt.

Lục tứ với sơ cửu có sự kết hợp, biểu thị rễ của hạt giống qua nhiều gian nan, cuối cùng tìm được lục tứ - khối đất tốt có thể cho nó sinh trưởng thuận lợi, lục tứ chính là phong thủy bảo địa của nó.

Bám rễ phát triển đến cửu ngũ, cửu ngũ biểu thị rễ đã đạt đến mức rễ sâu bén chặt, rễ sâu bén chặt rồi thì chuẩn bị nảy mầm, chuẩn bị vươn lên khỏi mặt đất. Vì vậy cửu ngũ lại bắt đầu có khí chất dương cương, sẽ một lúc vọt ra. Hào từ cửu ngũ (hình 12-7) là: "Truân kì cao; tiểu trinh cát, đại trinh hung"

(Khắc phục gian nan lúc mới bắt đầu do được ban nhiều ân huệ, kiên trì tiến hành những việc nhỏ thì gặp may mắn, nếu cố gắng làm những việc đại sự thì sẽ gặp nguy hiểm)

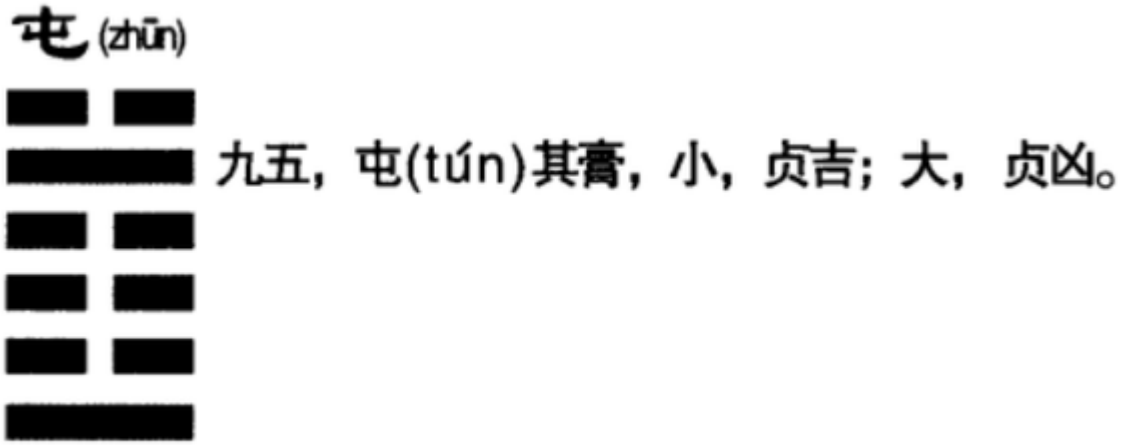

图 12 –7

Từ “truân” này không đọc là “zhun” (一声, âm một), phải đọc là “tun” (二声, âm hai; ndlr: Tiếng Trung có bốn thanh điệu chính, giống như các dấu tiếng Việt à, á, ạ, ã, ả…).

Hào từ cửu ngũ nghĩa là gì? Là nói khi truân nan thì tài nguyên có hạn, rễ rất nhỏ, chỉ có thể hấp thụ dinh dưỡng có hạn, nguồn năng lượng của hạt giống rất nhanh cạn kiệt, vì vậy lúc này muốn vọt ra, cửu ngũ nhắc nhở nói hạt giống nảy mầm phải giống như bóp kem đánh răng, phải tiết kiệm sức lực, đừng một lúc đã muốn mọc thành lá lớn, nếu không sẽ giống như dùng sức bóp kem đánh răng, một lúc bóp hết kem, không còn nữa, như vậy hạt giống sẽ không mọc được. Vì vậy chúng ta thấy lá vừa mới nhú đều rất mảnh mai, rất mềm rất yếu, như không chịu nổi gió, vì chỉ có như vậy nó mới vọt ra được, một lúc muốn vọt ra hai lá lớn là hoàn toàn không thể.

Cửu ngũ được tính là khởi đầu thuận lợi, ra đời thuận lợi, sau đó đến hào cuối thượng lục. Hào từ thượng lục (hình 12-8): “Thừa mã ban như, khấp huyết liên như.”

(Ngựa xe rời rạc, khóc ra máu đầm đìa)

屯 (zhūn)

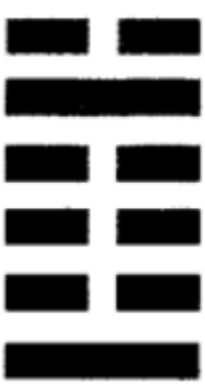

上六，乘马班如，泣血涟如。

图 12 –8

Cưỡi ngựa đi đi lại lại, lắc qua lắc lại, chính là cơn đau trước khi sinh dần dần lui đi, vì vui mừng mà khóc đỏ mắt. “Liên như” là không ngừng, nhưng chúng ta học Kinh Dịch thì phải hiểu nó nói không ngừng, tức là rất nhanh sẽ ngừng, vì không thể khóc lâu dài được, đứa trẻ sinh ra mẹ khóc ba ngày liền thì không phải bệnh thần kinh sao? Vì vậy “khấp huyết liên như” là nói vừa khó vừa vui, cảm giác đó không biết nói sao, tuy mắt đỏ hoe, nhưng rất nhanh cô ấy sẽ cười. Toàn bộ quá trình là như vậy.

> Trong Kinh Dịch, trong sáu hào của mỗi quẻ, hào quan trọng nhất gọi là chủ quái, nó chủ đạo toàn bộ quẻ. Vậy hào như thế nào mới có thể trở thành chủ quái? Chúng ta làm sao nhận biết nó? Và trong quẻ Truân, chủ quái của nó có ý nghĩa gì?

Mỗi quẻ đều có chủ quái, tức là trong sáu hào có một hoặc hai hào quan trọng nhất, vì vậy chủ quái có thể có một, trong sáu hào chỉ có hào đó quan trọng nhất, đó chỉ có một chủ quái; có thể có hai, vì hai hào đều quan trọng, thì có hai chủ quái.

Kinh Dịch nói với chúng ta “vật dĩ hi vi quý” (vật hiếm thì quý), không phải thiểu số phục tùng đa số. Quẻ Truân bốn hào âm hai hào dương, đương nhiên hai hào dương là hào chủ rồi, vì vậy chúng ta hãy xem kỹ lại hào từ của sơ cửu và cửu ngũ.

Sơ cửu “bàn hoàn, lợi cư trinh, lợi kiến hầu”. Nói với chúng ta Khương Thái Công câu cá, không phải muốn câu cá, ông ấy tin ở Văn Vương, ông ấy muốn câu Văn Vương. Từ đó chúng ta biết nhân tài thành công muộn, Khương Thái Công đến bảy tám mươi tuổi vẫn câu, vẫn tìm đối tượng phù hợp, vì vậy chúng ta cũng đừng gấp, như vậy mới có lợi cho việc định vị. Chỉ cần có thực lực, vĩnh viễn không bị chôn vùi, nếu không một gấp là loạn, không biết vị trí của mình nữa. Chúng ta không phải lùi bước, không phải nhu nhược, không phải an phận, không phải tạm bợ, mà là cư chính dưỡng đức. Khương Thái Công nuôi dưỡng đức hạnh, Khổng Minh nuôi dưỡng đức hạnh, sau đó thời cơ đến sẽ tìm được điểm bùng phát đó, một hơi thành công, rộng lớn triển khai.

Mọi người hãy nhớ lại cửu ngũ của quẻ Kiền, "phi long tại thiên", rất thần khí! Nhưng đến quẻ Truân, cũng là cửu ngũ, nó không thể "phi long tại thiên", nó chỉ có thể "truân kỳ cao", khác xa với rồng.

Đây chính là điều chúng ta thường nói: "thử nhất thì dã, bỉ nhất thì dã" (đây một thời, kia một thời). Cùng là cửu ngũ, trong môi trường lớn của quẻ Kiền nó có thể "phi long tại thiên", nhưng trong quy mô của quẻ Truân, nó chỉ có thể "truân kỳ cao". Như vậy chúng ta xem những quẻ sau sẽ biết, bất kỳ hào nào đều phải phối hợp với môi trường lớn của toàn quẻ để phán đoán, mới biết phải làm thế nào.

Từ quẻ Truân chúng ta nhận được gợi ý là: khi mới bắt đầu sự nghiệp, phải nhớ kỹ giữ bổn phận, từng bước vững chắc, đừng quảng cáo phóng đại không thực, đi khắp nơi tuyên truyền, nói hoa mỹ trên trời. Nếu không một khi bị vạch trần, tất cả công sức cuối cùng đều tan thành mây khói.

Vì vậy tiếp theo chúng ta phải chú ý bốn chữ, gọi là "mông dĩ dưỡng chính" (lấy giáo dục để nuôi dưỡng sự chính trực). Chính là khi chúng ta mới bắt đầu một ngành nghề, không có kinh nghiệm gì, đã muốn đi khắp nơi mở rộng, đó là không đúng, chúng ta nên đi tìm hiểu trước, xem người ta có điểm mạnh gì, học hỏi người ta, không ngừng cải thiện bản thân, khiến bản thân ngày càng quy củ, chính đáng. Đây chính là giáo hóa bản thân, dần dần kích phát tiềm lực của bản thân.

Khởi đầu phải có tầm nhìn xa, phải có kế hoạch toàn diện, còn phải có vài người chí đồng đạo hợp, sau đó từng bước tiến lên. Trong quá trình này phải nhớ kỹ xem nhiều quẻ Mông, vì chỉ có "mông dĩ dưỡng chính" mới có thể khiến chúng ta luôn có quan niệm đúng đắn, thể hiện hành vi hợp lý, từng bước phát triển thuận lợi. Tập sau chúng ta sẽ nói về: "Mông dĩ dưỡng chính" (lấy giáo dục để nuôi dưỡng sự chính trực).

Chương 13: Quẻ 4: Sơn Thủy Mông - lấy giáo dục để bồi dưỡng

> Quẻ Mông tượng trưng cho trạng thái mông muội sau khi sự vật mới sinh ra, hàm ý giáo dục phải bắt đầu từ thời thơ ấu. Ý nghĩa của "mông dĩ dưỡng chính" là thông qua giáo dục khai phá để bồi dưỡng thế giới quan, giá trị quan và nhân sinh quan đúng đắn. Trong Lễ Ký • Học Ký cũng chỉ rõ: "Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên" (Xây dựng đất nước, trị dân, giáo dục là trước tiên). Đủ thấy cái nhìn xa rộng về việc giáo dục làm nền tảng cho đời người đã có từ lâu. Vậy, trong Kinh Dịch, quẻ Mông có những kiến giải độc đáo gì về giáo dục? Chúng ta làm thế nào để đạt được mục đích "mông dĩ dưỡng chính"?

Khi chúng ta đi vào trong núi, thấy nước suối núi rất trong vắt, mọi người đều thích lấy thùng đến múc, mang về nhà uống, cảm thấy rất ngọt ngào. Vậy nước suối từ đâu mà có? Nước suối nhất định phải có nguồn nước, nhưng chúng ta không thấy được, vì bị núi che khuất. Vì vậy quẻ Mông trước có núi, sau có nước, gọi là Sơn Thủy Mông (hình 13-1). Chúng ta chỉ thấy nước suối không ngừng chảy ra trước núi, nhưng nguồn nước sau núi chúng ta không thấy được, điều này nói rằng, chúng ta vốn có tiềm lực, có trí tuệ, nhưng bị che khuất đi.



图 13 – 1

Trẻ con khi mới sinh ra, ngây ngô khờ khạo, tất nhiên là ngây thơ vô tội, rất đáng yêu, nhưng chúng ta có nỡ để sự ngây thơ vô tội này cứ tiếp tục theo tuổi tác tăng lên mà không thay đổi không? Tôi tin mọi người đều cảm thấy như vậy không ổn. Trẻ con ngây thơ đối với chúng ta là đáng yêu, nhưng người lớn mà còn ngây thơ, chúng ta sẽ cảm thấy rất buồn cười. Vì vậy nước suối này cho chúng ta gợi ý, là nói nguồn nước phía sau nhất định rất ngọt ngào, nó có thể tự tìm được một con đường chảy ra, vì đặc tính của nước là thấm nhuần, và nó sẽ chảy về nơi thấp. Người ta chính là lợi dụng nguyên lý này để khai phát tiềm lực, trí tuệ vốn có của bản thân, nên gọi là giáo hóa. Giáo hóa chính là một loại gợi ý khi chúng ta thấy phía trước có núi, phía sau có nước suối không ngừng chảy ra.

Trẻ con gọi là "đồng mông", tại sao người lớn không gọi là "đồng mông"? Thực ra, trong người lớn cũng có nhiều người đồng mông, một người càng già càng cố chấp, đó cũng là "đồng mông", giống như trẻ con vậy. Mỗi người đều có sự mông muội khác nhau, vì vậy chúng ta mới phải sống đến già, học đến già, không thể chỉ giáo hóa một thời gian, rồi cảm thấy mông muội của mình đã mở ra, trí tuệ đã hoàn toàn hiển lộ ra, điều này là không thể.

Ngoại quái của quẻ Mông là núi, núi có ý nghĩa chỉ sự dừng lại, nói với chúng ta phải học cả đời, không thể dừng lại. Bởi vì cho dù đã vượt qua ngọn núi này, phía sau còn có núi cao hơn, ngoài núi này còn có núi khác, nếu được một chút khai hóa rồi, chúng ta cảm thấy rất thỏa mãn, không tiến lên nữa, thì sau này gặp vấn đề vẫn không hiểu được. Chỉ có học suốt đời, mới không dừng lại ở đó. Nội quái của quẻ Mông là nước, nguồn nước là không ngừng, chúng ta phải khéo sử dụng nó, đừng lãng phí.

Quẻ Truân là sự sinh ra, khi sinh ra đều rất mông muội, vì vậy ngay sau đó phải "giáo hóa", do đó, sau quẻ Truân là quẻ Mông. Hai quẻ Truân Mông khác với hai quẻ Kiền Khôn, hai quẻ Kiền Khôn là tương thác (âm biến dương, dương biến âm), mà hai quẻ Truân Mông là đảo ngược, đảo ngược quẻ Truân thành quẻ Mông, đảo ngược quẻ Mông thành quẻ Truân, hai quẻ Truân Mông tương tổng (tổng hợp) với nhau.

Trong Kinh Dịch có nhiều quẻ tổng, chúng ta có thể từ sáu mươi bốn quẻ ghép thành từng cặp quẻ tổng, có hai mươi tám cặp (hình 13-2).

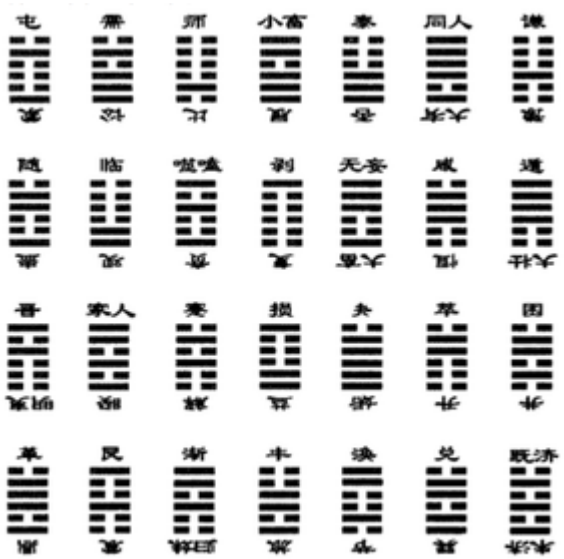

图 13 – 2

Quẻ Truân với quẻ Mông là tổng quái, quẻ Nhu với quẻ Tụng cũng tương tổng, quẻ Sư với quẻ Tỷ cũng đảo ngược nhau... Có thể thấy, sáu mươi bốn quẻ của Kinh Dịch, quẻ với quẻ không tương thác, thì là tương tổng. Vì vậy chúng ta thường nói thác tổng phức tạp, có liên quan đến sự biến hóa của quẻ. Hai mươi tám cặp tổng quái này chúng ta tạm thời không phân tích từng cặp một, sau này khi nói đến sẽ đề cập đến những quẻ nào là tương tổng.

> Đúng như câu "Nhân phi sinh nhi tri chi giả, thục năng vô hoặc" (Con người không phải sinh ra đã biết, ai có thể không mê hoặc), quẻ Mông nói với chúng ta: người, sinh ra mông muội, vì vậy giáo dục trở thành việc cấp thiết trước mắt. Vậy, quẻ Mông đối với giáo dục giáo hóa có ý nghĩa gì? Trong đó, Thoán từ "Phi ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã" đã giải thích lý niệm giáo dục như thế nào?

Chúng ta thường nói "người này rất mông muội", nghĩa là họ rất xa lạ với nhiều thứ, mà họ lại không muốn hỏi không muốn học, thể hiện ra dáng vẻ rất kỳ lạ, rất mơ hồ, không tự biết. Nói thật, bất kỳ ai đến một môi trường xa lạ, đều rất mông muội, vì vậy người Trung Quốc thường nói “nhập cảnh tiên vấn tục” (Nhập cảnh trước tiên phải tuân thủ thủ tục). Đến một môi trường xa lạ, phải hỏi người địa phương trước, hiểu tình hình địa phương, đừng tự cho mình là thông minh, đây là ứng dụng tốt nhất của quẻ Mông. Trẻ con hay hỏi, chính là vì muốn giải tỏa sự mông muội của mình, không muốn luôn ở trong trạng thái ngây thơ, đây mới là hiện tượng tốt.

Tượng của quẻ Mông phía dưới là nước, nước là Khảm hiểm, còn phía trên là Cấn, Cấn là núi, có ý nghĩa dừng lại, với quẻ Truân vừa vặn một quẻ nước ở dưới, một quẻ nước ở trên, hai quẻ Truân Mông đều có nước, đều có Khảm, biểu thị bất kể là sinh ra (Truân) hay giáo dục (Mông), đều mang tính nguy hiểm cao độ. Mọi người nghe xong có thể cảm thấy kỳ lạ: giáo hóa có nguy hiểm gì? Có đấy, vì chỉ cần tìm nhầm thầy sẽ có nguy hiểm cao độ.

Tại sao thầy lại quan trọng như vậy? Vì họ sẽ ảnh hưởng đến phương hướng cả đời của chúng ta, sẽ ảnh hưởng đến phán đoán và lựa chọn cả đời của chúng ta, thực sự rất quan trọng. Vì vậy, người Trung Quốc một khi có chút thành tựu, người đầu tiên phải cảm ơn nhất định là mẹ; người thứ hai chính là thầy giáo hóa của chúng ta, vì chính thầy năm đó đã dẫn chúng ta vào cửa, để chúng ta tìm đúng phương hướng.

Chúng ta hãy xem Thoán từ của quẻ Mông (hình 13-3): "Mông: Hanh, Phỉ ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã. Sơ phệ cáo, tái tam độc, độc tắc bất cáo. Lợi trinh.

(Trẻ thơ được hanh thông. Không phải ta tìm trẻ thơ mà trẻ thơ tìm ta. Hỏi (bói) một lần thì bảo cho, hỏi hai ba lần thì là nhàm, nhàm thì không bảo. Hợp với đạo chính thì lợi (thành công).)

Có thể thấy trong bốn đức “nguyên, hanh, lợi, trinh”, quẻ Mông có ba: “hanh, lợi, trinh”, nhưng “nguyên” không thấy nữa, vì nước suối bị núi che khuất, chúng ta không thấy được nguồn gốc.



蒙

卦辞

亨。匪我求童蒙，童蒙求我。
初筮告，再三渎，渎则不告。
利贞。

图 13－3

Vì vậy cho dù chúng ta có tiềm lực có trí tuệ, cũng có thể không thấy được mà không thể thi triển, là vì “nguyên” bị che khuất đi, nên trong thoán từ của quẻ Mông không có chữ "nguyên".

Làm sao mới có thể “hanh”? Câu này rất quan trọng: “phi ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã”. Không phải thầy đi cầu học trò học tập thật tốt, mà là học trò đến cầu thầy, khi họ đến hỏi, thầy mới cho họ đáp án, nếu không thầy cứ dạy mãi, học trò càng học càng chán, càng ngày càng ghét học tập. “Phi ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã”, câu này mới là nguyên lý cơ bản của giáo hóa. Vì vậy, Khổng Tử không từ chối bất kỳ ai, phổ cập giáo dục, hữu giáo vô loại, nhưng nhất định phải "tự hành thúc tu dĩ thượng" thầy mới dạy. Thực ra thầy không quan tâm đến chút “thúc tu” đó, “thúc tu” chính là học phí ngày nay, mà là thầy cho rằng nếu học trò ngay cả chút học phí cũng không đóng, thì là không có lòng thành muốn học. Như vậy chúng ta mới biết, tại sao Khổng Tử nói "tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hối yên".

Người phải chủ động học tập, mới tiến bộ được, nếu không thầy càng dạy, học trò càng nghe càng chán, hoàn toàn không dụng tâm, còn sẽ khiến họ hình thành thói quen xấu, là người khác nói gì họ cũng không quan tâm, như vậy sẽ xui xẻo cả đời.

> Thoán từ quẻ Mông "phi ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã" nói rằng: giáo dục không thể ép buộc học sinh, mà phải đạt đến trạng thái lý tưởng là học sinh chủ động cầu học từ thầy. Vậy, trong quá trình giảng dạy, bên nào nên chủ động? Thoán từ "sơ phệ cáo, tái tam độc, độc tắc bất cáo" giải thích điểm này như thế nào?

"Sơ phệ cáo, tái tam độc, độc tắc bất cáo". Nghĩa là, khi học sinh hỏi thầy câu hỏi, thầy phải cho họ câu trả lời thích hợp, thầy phải xem trình độ của học sinh, chỉ có thể cho họ phần họ hiểu được. Nhiều người không như vậy, nhiều thầy thấy trẻ con đến hỏi, liền nói một đống, sợ họ hiểu chưa đủ nhiều, làm như vậy rõ ràng sẽ khiến họ bị áp lực đến không thở nổi, khiến họ sinh tâm lý chống đối, sau này không hỏi nữa, đây chính là vấn đề của thầy.

Học sinh lần đầu đến hỏi, thầy lập tức nói cho họ, nhưng lần sau họ hỏi lại cùng câu hỏi, thầy không thể trả lời ngay. Lúc này thầy phải thể hiện vẻ mặt không vui, vì học sinh hỏi lại cùng câu hỏi ba lần chứng tỏ họ không dụng tâm, nếu lần thứ ba vẫn hỏi cùng câu hỏi, thầy phải nói với họ như vậy là không có lòng thành học tập. Giống như chúng ta bốc phệ vậy, bói một quẻ thấy không phù hợp, lại bói một quẻ nữa, đây là không kính trọng. Một người muốn học tập, nếu không kính trọng, không thể học được gì cả.

“Sơ phệ cáo”, nghĩa là khi học sinh lần đầu hỏi thầy câu hỏi, thầy sẽ xem tình trạng của học sinh để cho họ câu trả lời phù hợp. “Tái tam độc”, nghĩa là học sinh hỏi lại cùng câu hỏi nhiều lần, thể hiện họ hoàn toàn không có lòng kính trọng, là một sự xúc phạm, trong tình huống này thầy sẽ không nói nữa.

Mọi người đều rất ngưỡng mộ Nhan Hồi, cho rằng Nhan Hồi là học trò được Khổng Tử ưa thích nhất. Mọi người nên hiểu, cha của Nhan Hồi cũng là học trò của Khổng Tử, khi Nhan Hồi học với Khổng Tử còn rất trẻ, và rất thông minh, anh ấy cảm thấy rất kỳ lạ: cha tôi học được gì từ một thầy như vậy? Những điều thầy nói, tôi hầu như đều hiểu. Vì vậy anh ấy bắt đầu đặt câu hỏi, ban đầu Khổng Tử rất nhẫn nại, cho anh đáp án, nhưng đến một ngày Khổng Tử nổi giận lớn: anh đến đây làm gì? Anh đến học tập, hay muốn làm khó dễ cho tôi? Nhan Hồi không ngờ Khổng Tử lại nổi giận lớn như vậy, về nhà cả tuần không dám ra cửa, tự kiểm điểm bản thân, gầy đi hẳn, từ đó Nhan Hồi rất ít hỏi câu hỏi. Đừng tưởng là câu hỏi của Nhan Hồi ít đi, thực ra câu hỏi của anh nhiều hơn, nhưng anh sẽ tự mình suy nghĩ trước, nghĩ không thông, lại đi tìm tài liệu, cuối cùng thật sự không có cách nào, mới thỉnh giáo Khổng Tử. Khổng Tử cũng rất vui khi nói cho anh biết.

Chúng ta nhất định phải nhớ, học tập dựa vào bản thân, cha mẹ, thầy cô những người giáo hóa này chỉ là thích hợp khai phát hứng thú học tập của người học. Và khai phát hứng thú cũng phải thích hợp, nếu không một khi quá mức, người học sẽ không học được gì.

Thầy từ xưa đến nay đều mang trách nhiệm rất lớn, câu nói khó nghe nhất chính là "hại học trò", hại học trò là tội lỗi sâu nặng, thà không làm thầy còn hơn.

> Sư Thuyết có câu: "Cổ chi học giả tất hữu sư. Sư giả, sở dĩ truyền đạo thụ nghiệp giải hoặc dã" (Người xưa học tập đều có thầy. Thầy là người truyền dạy đạo lý, truyền nghiệp và giải thích nghi hoặc). Một câu nói lên được trách nhiệm của người làm thầy. Tuy nhiên, theo đạo lý của quẻ Mông, thầy đối với học trò không thể quá nhiệt tâm, điều này là vì sao? Là học sinh, phải giữ thái độ học tập như thế nào?

Mọi người xem tượng của quẻ Mông, trên là núi, dưới là nước. Núi ở trên, nước ở dưới, vậy cái nào đại diện cho thầy, cái nào đại diện cho trò? Chúng ta có thể chia một quẻ Mông thành hai phần, tức là xem nội ngoại quái, núi trên đại diện cho học sinh, nước dưới đại diện cho thầy (hình 13-4).



图 13－4

Bởi vì từ dưới lên trên gọi là "vãng", từ trên xuống dưới gọi là "lai", việc học là quá trình từ học sinh "đến" thầy cô, trong khi việc dạy học không phải là sự "đi" từ thầy cô xuống học sinh (ndlr: câu này dịch hơi tối nghĩa, tôi để bản gốc : 因为下往上叫做往，上往下叫做来，只能来来来上学，不能去去去教学生). Vì vậy chỉ có học trò đến cầu giáo thầy, không thể là thầy rất nhiệt tâm chạy đến nhà học trò để dạy học trò.

Điều này biểu thị học sinh học tập phải tự động. Điều quan trọng nhất của con người là phải tự động, tự động phát hiện vấn đề của mình, tự động tìm thầy phù hợp, tự động đặt ra câu hỏi phù hợp, bất kể nghe được hay không, đều phải tạm dừng lại, tự mình suy nghĩ kỹ, nghĩ không thông thì hỏi người khác trước, thực sự không nắm chắc, cuối cùng mới đi hỏi thầy, toàn bộ quá trình mới phù hợp với quẻ Mông.

"Nhân chi đại hoạn, tại hảo vi nhân sư" (Mối họa lớn của con người là thích làm thầy người khác). Tại sao câu này lại nói như vậy? Theo lý thì, nhiệt tình đi dạy người khác là đúng, nhưng thực tế hoàn toàn không phải vậy, **thích làm thầy là mối họa lớn**. Có người sẽ nói: Tôi làm thầy mà không dạy học sinh, còn gì nữa? Về điểm này, chúng ta có thể xem Khổng Tử đã làm thế nào, Khổng Tử giảng bài đều giảng chung, rất ít khi dạy riêng cho ai, trừ khi người đó có vấn đề riêng, và Khổng Tử chỉ giảng những điều thầy cho rằng nên giảng. "Phi ngã cầu đồng mông", mà là "đồng mông" phải đến cầu ta, đây là nguyên tắc không thể thay đổi của giáo hóa.

Vì vậy, chúng ta xem hạ Khảm của quẻ Mông là thầy, tức là người dạy dỗ, còn Cấn ở trên đại diện cho người được dạy - học sinh. Thầy là nước, nước có thể thấm nhuần vạn vật, nhưng nước cũng có thể tràn ngập thành họa, vì vậy thầy là người trí, sẽ biết khi nào nên chảy thì chảy, khi không nên chảy phải tiết chế, tránh một lúc chảy hết. Học sinh là người nhân, phải "lạc sơn", phải biết mình lên núi, nếu không chủ động đi thu thập đồ vật, sẽ như vào núi báu về tay không. Trong núi có nhiều bảo vật, học sinh phải tự mình đào bới, học sinh không chủ động học tập, sẽ dừng lại ở đó, vĩnh viễn không tiến bộ.

Quẻ Mông chia thành hai đoạn, Ngoại quái là thái độ của người học, Nội quái là tâm thái mà người thầy nên có, hai cái này phối hợp, mọi người có thể phát hiện, trong đó có hai hào dương, hai hào dương này tạo thành một khuôn khổ (hình 13-5). Mọi người nhớ lại, khi chúng ta ở quẻ Truân, nó có một khuôn khổ (hình 13-6), khuôn khổ đó là môi trường sinh thái cần thiết khi vạn vật muốn thai nghén muốn sinh ra. Điều

này giống như đứa trẻ sinh ra, thoát khỏi khuôn khổ trong cơ thể mẹ rồi, thoát ra rồi lại bắt đầu vào khuôn khổ của quẻ Mông. Đời người chính là không ngừng nhảy từ khuôn khổ này sang khuôn khổ khác.

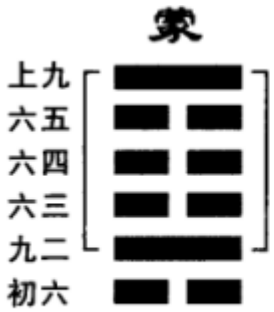

图 13－5



图 13－6

Người thường khi có nhiều kiến thức rồi, ngược lại không dám đưa ra quyết định nữa, sau khi đọc nhiều sách rồi, ngược lại không dám có sáng kiến nữa, cuối cùng trở thành tủ sách hai chân, cái gì cũng biết, chỉ là không biết dùng, thật đáng thương! Điều này **giống như cái đầu con người là một bể chứa nước, tuy không ngừng có kiến thức vào, nhưng không có vòi nước, đến khi cần dùng nước, lại không đổ ra được**, đầu óc đầy học vấn mà không dùng được, thì có ích gì?

Quẻ Mông là phải chảy ra nước, chúng ta đến một mức độ nào đó phải vứt bỏ những khuôn khổ không cần thiết, phải không ngừng vứt bỏ khuôn khổ, con người mới nhẹ nhàng được.

> Quẻ Mông lấy "sơn trung chi thủy" (nước trong núi) trong tự nhiên để ví với việc người, thể hiện mối quan hệ vi diệu giữa người dạy và người học trong quá trình giáo dục, nhấn mạnh quan niệm giáo dục "dạy phải thích hợp, học phải chủ động". Tượng của quẻ Mông cho chúng ta nhiều gợi ý, vậy hào từ của quẻ Mông lại nói với chúng ta triết lý nhân sinh gì?

Quẻ Mông có sáu hào, từ dưới lên trên, ký hiệu là sơ lục, cửu nhị, lục tam, lục tứ, lục ngũ, thượng cửu. Cửu nhị và thượng cửu là hai hào dương duy nhất trong quẻ này, hai hào dương này bao ba hào âm lục tam, lục tứ, lục ngũ ở trong, tạo thành một khuôn khổ, đó chính là cái chúng ta gọi là học đường, "đăng đường nhập thất" (lên giảng đường, vào phòng học) chính là vào cái khuôn khổ đó.

Sơ lục ở ngoài khuôn khổ, người đứng ngoài khuôn khổ nhất định là thầy, vậy tại sao thầy phải chạy ra ngoài? Chính vì thầy biết bất kỳ đạo lý nào đều phải tiến cùng thời đại, "thời dã mệnh dã" (Thời vậy, mệnh vậy), "thử nhất thì dã bỉ nhất thì dã" (đây một thời kia một thời), không thể luôn theo bộ cũ, nếu không ngừng truyền lại đạo lý trước đây, truyền đến cuối cùng mọi người đều mông muội. Vì vậy, thầy như vậy phải đứng ra, do giọng nói của thầy rất yếu ớt, nên dùng hào âm để đại diện, hiện tại lại ở vị trí đầu, thì càng yếu hơn. Mỗi thời đại, muốn dẫn dắt một số thứ mới tiến cùng thời đại, đều phải đặc biệt nỗ lực.

Hào từ sơ lục (hình 13-7): "phát mông, lợi dụng hình nhân, Dụng thoát chất cốc, dĩ vãng lận."

蒙



初六，发蒙，利用刑人，用说桎梏；以往吝。

图 13－7

“Phát mông”, nghĩa là phải khai phát lại cái khuôn khổ ban đầu. Khai phát thế nào? Phương pháp tốt nhất là dùng “hình”. “Hình” ở đây không phải là hình phạt theo pháp luật, mà là “hình mẫu”, có nghĩa là chúng ta ít nói, hành động và lời nói của chúng ta phải nhất quán để làm gương cho người khác. Nếu người khác cảm thấy chúng ta rất kỳ lạ, rằng trong thời đại này vẫn còn người như thế, thì chúng ta đã thành công, đã đạt được mục tiêu dùng lời nói để phá bỏ xiềng xích. Khi chúng ta tháo bỏ “chất cốc” (khuôn khổ/xiềng xích) của mình, người khác cũng cảm thấy như vậy tốt, thì họ cũng được giải thoát. Như vậy mới gọi là cải cách mở cửa, nếu không cứ dùng khuôn khổ cũ thì làm sao cải cách? Muốn mở cửa thì không thể không có gương mẫu, không thể không có chuẩn mực, có gương mẫu để mọi người xem rồi cảm nhận, gọi là sức mạnh tham chiếu trong ngôn ngữ hiện đại.

Một người chỉ dùng quyền lực, thế lực, đó là rất nguy hiểm, rất đáng sợ. Chúng ta phải rất bình hòa, phải ngôn hành nhất trí, phải chịu được sự kiểm nghiệm của mọi người, như vậy việc làm của chúng ta tự nhiên sẽ khiến người ta lấy chúng ta làm mục tiêu tham khảo, đối tượng học tập, mới dần dần mở rộng những điều mới ra, đây mới gọi là “phát mông”. “Phát mông” là phải khiến những người đó trong vô thức chịu ảnh hưởng tốt, mới đủ tư cách gọi là “phát mông”.

“Dĩ vãng lận” nghĩa là chúng ta không thể quá tích cực, không thể gấp có thành tích, nếu không sẽ gây ra nhiều nghi ngờ của người khác. Chúng ta chỉ muốn cho học vấn cũ một sinh mệnh mới, gọi là “kế cựu khai tân”, điều này hoàn toàn phù hợp với đạo lý của Kinh Dịch.

> Quẻ Mông nói với chúng ta: giáo dục phải đúng thời, đúng mức. Thi Thánh Đỗ Phủ có thơ rằng: "Hảo vũ tri thời tiết, đương xuân nãi phát sinh. Tùy phong tiềm nhập dạ, nhuận vật tế vô thanh". Ý nghĩa mưa xuân thấm nhuần vạn vật có điều tương đồng tuyệt diệu với đạo làm thầy của hào sơ lục “phát mông” - sự giáo dưỡng thực sự phải âm thầm chuyển hóa trong cuộc sống thường ngày. Vậy, ngoài hào sơ lục “phát mông” ra, cửu nhị và lục tam của quẻ Mông là những người thầy như thế nào?

Cửu nhị mới là chủ lực của thầy. Hào từ cửu nhị (hình 13-8): “Bao mông cát, nạp phụ, cát, tử khắc gia.”

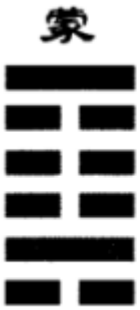

图 13－8

“Bao mông” nghĩa là xung quanh có nhiều người mông muội bao vây thầy, hướng thầy thỉnh giáo, hướng thầy học tập, đương nhiên là hiện tượng tốt.

Thầy phải nghiêm khắc, đồng thời phải có sức thân hòa, nếu không nghiêm đến nỗi học sinh đều sợ, giữ khoảng cách rất lớn với thầy, làm sao dạy? Nhưng nếu làm đến không có khoảng cách, thì càng tệ hơn, học sinh không coi thầy ra gì, thậm chí có lúc thầy nói to họ cũng không để ý, thầy sắc mặt không tốt, họ hoàn toàn không nhìn ra, cũng không nhìn, lúc đó thầy làm sao tự xử?

“Nạp phụ, cát” nghĩa là thầy như cưu nhị, giống như nhà cưới được một người vợ tốt vậy, cả nhà đều có phúc, đương nhiên cũng cát tường. Thầy như vậy sẽ có kết quả gọi là “tử khắc gia”. “Tử khắc gia” nghĩa là con cái do thầy như cưu nhị sinh ra sau này đều có thể giữ nhà, có thể truyền thừa gia giáo. Đây là thầy tốt nhất, thầy chủ lực. Vì vậy trong quẻ Mông cưu nhị là hào chủ, là chủ quái.

Nhưng, giáo hóa chỉ có thầy dốc sức, cũng không được, vì vậy quẻ Mông còn có một chủ quái học sinh, chính là lục ngũ. Chúng ta thấy cưu nhị và lục ngũ tương ứng với nhau, một âm một dương tương ứng, và đều ở hào giữa của thượng Nội quái (hình 13-9).

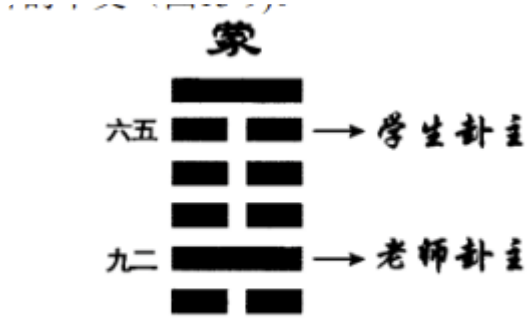

图 13－9

Còn có một loại thầy là lục tam, loại thầy này chính là hại học trò, mỗi thời đại đều có, không phải đến hiện nay mới có. Loại thầy này là thiểu số, nhưng luôn tồn tại. Hào từ lục tam (hình 13-10): “Vật dụng thủ nữ, kiến kim phu. Bất hữu cung, vô du lợi.”

(đừng dùng hạng con gái thấy ai có vàng bạc là (theo ngay) không biết thân mình nữa; chẳng có lợi gì cả.)

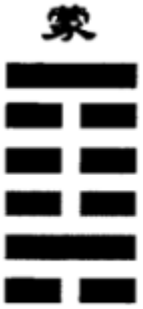

六三，勿用取女，见金夫，不有躬，无攸利。

图 13－10

“Vật dụng thủ nữ” nghĩa là không thể cưới loại con gái này, giọng điệu rất nghiêm trọng, nó dùng "không thể cưới loại con gái này" để ví von không thể học với loại thầy này. Tại sao loại con gái này không thể cưới? Vì “kiến kim phu, bất hữu cung”, thấy người có tiền, thì quên mất thân phận địa vị của mình, cứ luồn cúi nịnh bợ, như muốn tự động dâng hiến vậy. Nhiều thầy cũng như vậy, phát hiện phụ huynh học sinh này là tỷ phú, liền cho điểm cao, dạy thêm sau giờ học, không quan tâm người khác, chỉ chú ý đến họ. “Kiến kim phu, bất hữu cung”, điều này rất khó coi. Làm thầy, phải chăm sóc đến tất cả học sinh, làm sao có thể thấy ai có tiền thì đặc biệt chăm sóc người đó?

Khổng Tử thực sự làm được “hữu giáo vô loại”. Lúc đó học trò của Khổng Tử nghi ngờ Khổng Tử, có phải đã dạy những thứ tốt nhất cho con trai mình không, đương nhiên loại câu hỏi này mọi người không dám hỏi, chỉ có thể để trong lòng. Cuối cùng có một ngày, học trò của Khổng Tử là Tử Cầm gặp con trai Khổng Tử là Bá Ngư, liền hỏi: Cha anh có lén dạy anh điều gì không? Nói ra cho chúng tôi chia sẻ một chút. Bá Ngư nói không có, nhưng một lúc sau, lại nói hình như có một chút, Tử Cầm liền hỏi là gì. Bá Ngư nói: Cha tôi hỏi tôi, đã đọc Kinh Thi chưa, tôi nói chưa, ông ấy nói không đọc Kinh Thi làm sao nói chuyện với người khác? Chỉ có câu này thôi. Sau đó Tử Cầm lại hỏi, chẳng lẽ không có gì khác sao? Bá Ngư suy nghĩ nửa ngày nói: Còn một lần nữa, cha tôi hỏi tôi đã đọc Lễ chưa, tôi nói chưa, ông ấy nói không đọc Lễ, không biết Lễ, làm sao đứng vững trong xã hội? Chỉ có hai lần như vậy.

Mời mọi người đánh giá, Khổng Tử như vậy có tư tâm không, có lén dạy những điều tốt nhất cho con trai mình không? Câu trả lời vẫn là một âm một dương chi vị đạo: có thể nói không có, vì đây là điều ai cũng biết, không có gì đặc biệt; cũng có thể nói có, nói chuyện và đứng vững trong xã hội là cơ bản nhất, quan trọng nhất, nên cũng có thể nói Khổng Tử đặc biệt củng cố cho con trai mình. Hai câu trả lời này không ai đúng ai sai.

Người không thể có thành kiến, nhưng người khó tránh khỏi có thiên kiến, vì vậy chúng ta phải thường xuyên nhắc nhở bản thân, chúng ta đều không đủ khách quan, chúng ta đều khá chủ quan, như vậy chúng

ta mới dễ thoát khỏi mông muội, nếu không câu nệ vào thành kiến, thiên kiến, thì sẽ mãi mãi không thoát khỏi mông muội.

“Vô du lợi” nghĩa là thầy như lục tam sớm muộn gì cũng không có lợi ích, vì người ta coi thường họ. Phàm là thầy, dựa vào tiền bạc, địa vị để đối đãi học sinh, đã đánh mất bổn phận của người thầy, nên “vô du lợi”.

> Quẻ Mông trong Kinh Dịch từ một góc độ thể hiện sự thành công của giáo dục phải là kết quả của sự nỗ lực chung giữa người dạy và người học, thậm chí ở một mức độ nhất định còn phụ thuộc nhiều hơn vào tính chủ động và tích cực của người học. Điều này khá tương thông với lý thuyết giáo dục ngày nay nhấn mạnh "học sinh là chủ thể". Theo sự giải thích của giáo sư Tăng Sĩ Cường, Nội quái của quẻ Mông đại diện cho ba loại thái độ dạy học của thầy, Ngoại quái đại diện cho ba loại học sinh khác nhau, vậy, rốt cuộc là ba loại học sinh nào?

Hào từ lục tứ (hình 13-11): “Khốn mông, lận.”

(Bị khốn trong vòng hôn ám, hối tiếc.)



图 13－11

Lục tứ là loại học sinh đáng thương nhất, tại sao? Lục tứ phía trên là hào âm, phía dưới cũng là hào âm, nó bị hào âm che khuất ở giữa, vĩnh viễn không thấy ánh mặt trời, hơn nữa lục tứ với sơ lục đều là hào âm, “đồng tính tương xứ” (cùng tính đẩy nhau), không tương ứng. Học sinh như lục tứ vừa nghe không quen những điều trong trường học, cũng nghe không quen những điều ngoài trường học, nên gọi là “khốn mông”. Họ luôn luôn bối rối về việc mình nên nghe cái gì, mình rốt cuộc nên học cái gì.

Chúng ta có nhiều lựa chọn như vậy, thể hiện muốn học gì phải tự mình chọn, cha mẹ không nên quy định con cái phải học gì không được học gì, cha mẹ chỉ có thể cung cấp cơ hội để trẻ tự hiểu sự mông muội của mình ở đâu, mình có nên phát triển theo hướng này không. Nếu cha mẹ làm đến nỗi trẻ cái gì cũng bối rối, cái gì cũng muốn học, học nhiều rồi cái gì cũng ghét, môn nào cũng học không tốt, lại không biết làm sao hỏi thầy, về nhà gặp phụ huynh cũng không dám nói, vì vừa nói là bị đánh mắng, như vậy đã tạo ra “khốn mông” rồi.

Học sinh may mắn nhất thông minh nhất là lục ngũ (hình 13-12), gọi là đồng mông. Vì vậy hào từ lục ngũ: "Đồng mông, cát."

(Bé con, chưa biết gì (nhưng dễ dạy), tốt.)

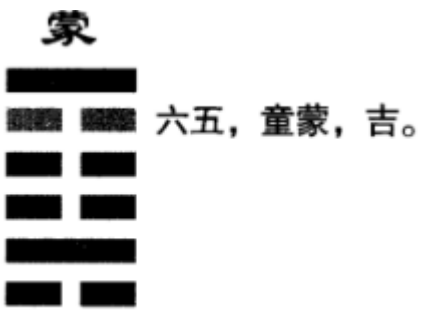

图 13－12

"Đồng mông" nghĩa là mông muội là việc tốt, không mông muội mới là việc xấu, nên loại học sinh này sẽ cát tường. Một người luôn cảm thấy mình cái gì cũng hiểu, đó chính là "khốn mông"; nhưng luôn cảm thấy mình cái gì cũng không hiểu, cũng là "khốn mông". Một người phải có cái biết, có cái không biết, đối với phần mình biết không tự đại, không tự mãn, nhưng người ta nói gì cũng không dễ dàng tin, phải rất thận trọng, đối với chỗ mình không biết, nắm được cơ hội là phải học tập.

Học sinh không may nhất chính là thượng cửu, đương nhiên thượng cửu so với lục tứ, vẫn may mắn hơn một chút, vì nó dù sao cũng là dương.

Hào từ thượng cửu (hình 13-13): "Kích mông, bất lợi vi khấu, lợi ngự khấu."

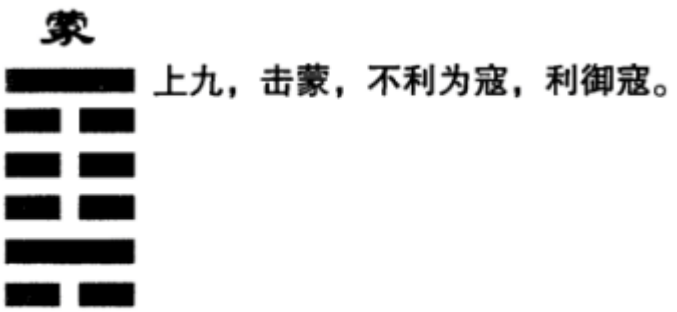

图 13－13

"Kích mông" nghĩa là nếu có thể gặp được thầy tốt, thầy lại có thể thích hợp kích phát chúng ta, đánh thức chúng ta, đánh cho tỉnh ngộ, chúng ta sẽ học tập tốt. Không phải học sinh nào cũng có tư cách để thầy đánh, câu này là điều mà tất cả thầy cô đều nên hiểu, cũng là điều mà tất cả phụ huynh đều nên nghĩ đến. Khi thầy đánh con cái, phụ huynh tốt nhất nên nghĩ thế này: "Tôi làm cha mẹ này không làm tròn trách nhiệm, tôi không đánh con cho tốt, thầy mới thay tôi đánh nó, tôi phải cảm ơn thầy". Nhưng tôi không

khuyến khích đánh đập, vì hào từ thượng cửu nói rất rõ: “bất lợi vi khấu, lợi ngự khấu”. “Lợi ngự khấu” nghĩa là cách đánh, thời điểm đánh, thái độ đánh, nhất định phải hợp lý, không hợp lý chính là đánh đập thân thể, là không đúng.

Chúng ta còn có một câu, là “yêu cho roi cho vọt”. Nếu thầy không yêu học sinh, mới không đánh họ! Thầy trong lòng không có học sinh, tuyệt đối không mắng họ. Nhớ kỹ: đánh mắng là biện pháp cuối cùng, có lợi cho việc đột phá mông muội, chỉ có đột phá được, nước suối núi đó mới chảy ra.

Nhiều phụ huynh nói với tôi, con họ thế nào nghịch ngợm thế nào không nghe lời, tôi đều nói với họ: con anh chị chỉ có một bệnh thôi, hai chữ - thiếu đòn, chỉ cần đánh một lần, nó sẽ tỉnh ngộ. Nhưng cũng phải nhớ không thể đánh con như đánh kẻ thù.

Thông thường chúng ta chỉ đánh lòng bàn tay, không đánh mu bàn tay, đánh mu bàn tay là coi nó như kẻ thù rồi. Chỉ cần để trẻ nhớ sâu sắc quá trình bị đánh đó, để nó biết phụ huynh không phải coi nó như kẻ thù, không phải coi nó như cái để xả giận, phụ huynh răn dạy nó phải học tập tốt, không chủ động học tập tương lai sẽ rất tệ. Như vậy mục đích đánh của chúng ta đã đạt được.

Toàn bộ quẻ Mông nói đạo lý giáo hóa rất thấu đáo, tự hỏi mình là loại học sinh nào, nên chọn loại thầy nào; tự hỏi mình là loại thầy nào, nên dạy loại học sinh nào, sau đó thiên hạ thái bình, mọi người đều được lợi, không hại học trò.

Nói thẳng ra, tác dụng của giáo dục có cả tích cực và tiêu cực, giáo dục một mặt giúp chúng ta sống tốt hơn, nhưng mặt khác khiến chúng ta dục vọng vô cùng, nhu cầu quá nhiều, phiền não chồng chất. Vì vậy có được ắt có mất, sau khi chúng ta giáo hóa, thì đau khổ không chịu nổi, vì chúng ta có nhiều nhu cầu, mà nhu cầu là không thể thỏa mãn. Bởi vì những thứ chúng ta cần không thể có ngay lập tức, cần phải chờ đợi, mà chờ đợi rất khó chịu, nhưng con người khó tránh khỏi phải chờ đợi.

Vì vậy, sau hai quẻ Truân Mông của Kinh Dịch, xuất hiện hai quẻ là Nhu và Tụng: vạn vật sinh ra rồi, phải giáo hóa, sau giáo hóa thì sinh ra nhu cầu, nhu cầu không thể thỏa mãn thì khó tránh khỏi gây ra tranh tụng. Vì vậy, tập sau chúng ta nói về: Cần phải chờ đợi.

Chương 14: Quẻ 5 : Thủy Thiên Nhu - Cần phải chờ đợi

> Quẻ Nhu trong Kinh Dịch dạy chúng ta rằng, sau khi con người được khai sáng, sẽ nảy sinh đủ loại nhu cầu. Chính những nhu cầu này đã thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại và phát triển xã hội, nhưng cũng chính những nhu cầu này đã mang lại nhiều phiền não và khủng hoảng. Vậy khi chúng ta có nhu cầu, cần phải chú ý những gì? Và làm thế nào để đối đãi đúng đắn với nhu cầu?

64 quẻ trong Kinh Dịch phần lớn đều thành từng cặp, quẻ Kiền với quẻ Khôn tương giao (hình 14-1), thể hiện Kiền Khôn giao nhau, khai thiên lập địa, có sự biến đổi mạnh mẽ, nhưng nếu mỗi lần đều có sự biến đổi mạnh mẽ như vậy thì con người cũng không chịu nổi. Cho nên tiếp theo là hai quẻ Truân Mông kết hợp, gọi là nhất thể lưỡng diện (một thể hai mặt) (hình 14-2), nhìn từ góc độ này là quẻ Truân, nhìn từ góc độ kia là quẻ Mông. Quẻ thứ năm là quẻ Nhu và quẻ thứ sáu là quẻ Tụng cũng là một thể hai mặt (hình 14-3).

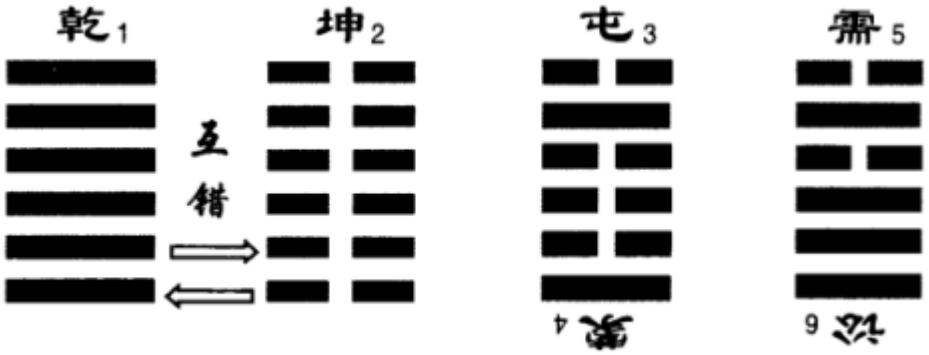

图 14 – 1　　图 14 – 2　　图 14 – 3

Con người không thể không có nhu cầu, nếu con người hoàn toàn không có nhu cầu, liệu còn có tích cực không? Còn nỗ lực không? Còn dụng tâm không? Không thể được. Cho nên người không có nhu cầu gì cũng chưa chắc đã tốt. Do đó chúng ta thấy trên thế giới không có ai chủ trương phóng túng, chủ trương con người cần có càng nhiều dục vọng càng tốt, càng nên thỏa mãn, điều đó rất nguy hiểm, nhưng cũng không ai thích cấm dục, đề xướng tuyệt đối không được có dục vọng, nói rằng dục vọng đều đáng ghét, điều đó cũng là quá đáng. Con người cần kiềm chế dục vọng của mình, phải kiểm soát nhu cầu của mình, bởi vì người có quá nhiều dục vọng không thể nào được thỏa mãn, không được thỏa mãn sẽ đau khổ, bắt đầu than phiền, bắt đầu tranh đoạt với người khác, rồi đi vào cảnh tranh chấp kiện tụng.

Ấn tượng đầu tiên quẻ Nhu cho mọi người là nhu cầu. Nhu có một ý nghĩa rất quan trọng, gọi là chờ đợi, tức là nhu, phải chờ đợi. Con người làm sao có thể đòi hỏi là được ngay? Nhưng hiện nay chúng ta đều là đòi hỏi là được ngay, trẻ con nói "con muốn uống nước", ngay lập tức nước đã đến miệng. Đó gọi là “đồng mông”, “đồng mông” là chỉ biết nước sẽ đến miệng, nhưng không biết nước đến miệng như thế nào. Có thể

thấy chúng ta không làm tốt quẻ Mông, quẻ Nhu nhất định sẽ có vấn đề, như vậy chúng ta mới biết rằng học cái này nối tiếp cái kia, có trình tự cụ thể.

Vấn đề của quẻ Nhu nằm ở đâu? Nằm ở chỗ **khi ở quẻ Mông chỉ khai sáng ở tầng tri thức, không khai sáng ở tầng trí tuệ**. Khi mẹ cho trẻ ăn, thổi nguội thức ăn, bản thân còn phải thử nhiệt độ, rồi mới đưa đến miệng trẻ. Điều này đang nói với trẻ: con muốn, thức ăn sẽ đến ngay miệng, như vậy là không tốt, sau này trẻ sẽ rất nóng vội, không có được sẽ khóc, không cho sẽ làm loạn, lúc đó cha mẹ sẽ không biết xử lý với con ra sao.

Chúng ta nên để trẻ từ nhỏ đã biết, thức ăn đến miệng có một quá trình, cần một khoảng thời gian và sự dụng tâm của nhiều người trong đó, như vậy trẻ sẽ hiểu làm bất cứ việc gì đều phải nhẫn nại một thời gian, và nhất định phải có ý thức về thời gian, đó gọi là "Nhu".

Quẻ Nhu, ngoại quái là Thủy, nội quái là Thiên, gọi là Thủy Thiên Nhu (hình 14-4). Vậy nước làm sao lên trời? Cho nên chúng ta biết cùng là quẻ Khảm, khi ở nội quái gọi là nước, đến ngoại quái thì gọi là mây. Mây từ đâu đến? Mây đến từ mặt đất.



图 14－4

Nếu có cơ hội lên núi Trường Bạch, đi xem Thiên Trì, sẽ thấy những tầng mây từ mặt đất bay lên trời. Từng tầng từng tầng mây lên trời, tích tụ đủ nhiều thì sẽ biến thành nước. Mây lên trời là nói với chúng ta phải chờ nước mưa, phải chờ mây tích tụ dày đặc, mới trở thành mưa, mới rơi xuống.

Tại sao chúng ta rất thích mưa? Bởi vì con người và tất cả động thực vật đều rất cần nước, có nước mới có thể sinh trưởng thuận lợi, vì nước có tính chất thấm nhuần. Nhưng nếu chúng ta ở quẻ Mông, chỉ nói với trẻ nước có tính thấm nhuần, thì rất có thể trẻ sẽ không yêu quý nguồn nước, sẽ lãng phí nước, dùng nước tắm rửa vô tội vạ. Cho nên, khi khai sáng, chúng ta phải nói với trẻ thơ: nguồn nước rất quý báu, rất thiếu thốn, không thể lãng phí. Nhưng hiện nay chúng ta chỉ dạy trẻ phải siêng rửa tay, không dạy rằng nước rất quý báu, không thể lãng phí, rửa tay sạch là được, không nên để nó chảy mãi. Một bên là khai sáng ở tầng tri thức, một bên là khai sáng ở tầng trí tuệ, người hiện đại chỉ thấy tri thức, quên mất trí tuệ.

Chúng ta phải nói với trẻ, dù hiện tại trên trời mây đen dày đặc, nhưng khi chúng ta đưa tay ra xem thì vẫn chưa có mưa, đó là vì thời gian chưa đến, chúng ta phải đợi thêm, trẻ sẽ hiểu. Đây là khai sáng ở tầng trí tuệ. Tất cả nhu cầu muốn được thỏa mãn đều phải có một quá trình, nhưng nếu chỉ nhận thức đến đây thì cũng còn rất nông cạn.

> Từ nhu cầu cơ bản về ăn mặc ở đi lại, đến thực hiện lý tưởng của bản thân, quá trình phát triển của mỗi người đều là quá trình nhu cầu tự thân không ngừng được thỏa mãn. Nhưng nhu cầu không có nghĩa là được thỏa mãn ngay lập tức. Hào sơ cửu của quẻ Nhu răn dạy chúng ta phải có lòng kiên trì. Vậy trong quá trình tìm kiếm sự thỏa mãn cho bản thân, sẽ gặp phải những vấn đề gì?

Mây chính là nước, nước chính là Khảm, Khảm chính là nguy hiểm. Điều này nói với chúng ta, bất cứ ai khi có ý nghĩ về nhu cầu, đều phải trả giá tương đương, không phải tiêu hao thể lực thì cũng tiêu hao thời gian, chính vì có nhu cầu nên chúng ta mới nguy hiểm. Tất cả nhu cầu đều phải gánh chịu rủi ro tương ứng, đây chính là cảnh báo của thượng Khảm, gọi là nguy hiểm ở phía trước.

Nội quái Càn của quẻ Nhu có nghĩa gì? Quẻ Càn chính là trời, chúng ta đã nói qua quẻ Càn chính là nam nhân, tại sao nội quái của quẻ Nhu lại dùng quẻ Càn mà không dùng quẻ Khôn? Bởi vì nhu cầu của một gia đình, cần nam nhân ra ngoài tìm cách giải quyết, nam nhân không thể tự ở nhà, đẩy phụ nữ ra ngoài, để phụ nữ đi giải quyết tất cả nhu cầu của gia đình, điều đó là không được.

Có thể thấy, mỗi quẻ trong Kinh Dịch đều có dụng ý của nó, quẻ Nhu chính là nam nhân nhìn trời, nghĩ: sao mãi không mưa nhỉ? Những thứ tôi cần sao mãi không thỏa mãn? Gia đình tôi đang chờ để dùng. Nhưng gấp gáp cũng không có tác dụng.

Chúng ta có thể thấy thoán từ của quẻ Nhu (hình 14-5): “Nhu: Hữu phu, quang hanh, trinh cát. Lợi thiệp đại xuyên.”

(Có lòng thành thực tin tưởng, sáng sủa, hanh thông, giữ vững điều chính thì tốt. Dù gặp việc hiểm như qua sông cũng sẽ thành công.)



卦辭

有孚，光亨，貞吉，利涉大川。

图 14－5

Nghĩa là một người có nhu cầu, phải giữ lòng thành tín, không được tùy tiện mở miệng đòi hỏi người khác, không được tùy tiện sinh ra nhiều dục vọng, nếu không sẽ mất đi sự thành tín. Mất đi thành tín cuối cùng là tự mình chịu thiệt. Giả sử một người rất thành tín, cần bao nhiêu lấy bấy nhiêu, không đòi hỏi nhiều, chỉ cần những gì hợp lý, không có quan niệm càng nhiều càng tốt, người này sẽ "quang hanh".

"Quang" là gì? "Quang" là ánh sáng mặt trời rất phổ biến chiếu rọi đại địa, nên "quang hanh" là sự hanh thông rất phổ biến, rất rộng lớn, không phải sự hanh thông nhỏ nhặt. Chúng ta thấy một người biết giữ phận, tự yêu mình, có thể kiềm chế dục vọng của mình, đi đến đâu cũng được hoan nghênh, không ai sợ họ. Còn một người rất tham lam, thấy gì cũng muốn, ai thấy cũng sợ. Làm người, nếu dục vọng của bạn quá nhiều, sẽ khiến người khác nghĩ rằng, gần gũi với bạn chắc chắn sẽ chịu thiệt, vì thế họ chỉ cần gần gũi bạn, họ sẽ tìm cách hại bạn trước, người như vậy sẽ không còn thành tín gì nữa, sẽ không còn triển vọng gì nữa, con đường sẽ càng đi càng hẹp, cuối cùng thành người cô đơn một mình. Chúng ta phải: những gì không nên đòi hỏi, xin được từ chối; chỉ đòi hỏi phần mình nên có, hơn nữa không lãng phí. Như vậy đi đến đâu người ta cũng không sợ chúng ta, người ta đều hoan nghênh chúng ta, đó là quang hanh. Quang hanh lại giữ chính đạo, hơn nữa lâu dài làm như vậy, chúng ta sẽ cát tường. Sau đó lợi thiệp đại xuyên, dù đi đến đâu, đều sẽ vượt qua muôn vàn khó khăn, đạt được thành quả thuận lợi.

> Nhu cầu hợp lý có thể thúc đẩy sự phát triển của nhân loại, dục vọng quá độ sẽ dẫn đến đau khổ. Do đó cổ nhân nói: tri túc thường lạc. Nhưng trong xã hội vật dục tràn lan hiện đại, người ta thường vô độ đòi hỏi dục vọng được thỏa mãn, đó là vì sao? Quẻ Nhu thiếu nguyên, có ý nghĩa gì?

Trong tứ đức nguyên, hanh, lợi, trinh, quẻ Nhu chỉ có hanh, trinh, lợi, nó không có nguyên. Bởi vì chúng ta đối với những gì mình thực sự cần, là không rõ ràng, giống như quẻ Mông, là bị che mờ. Chúng ta có những người thường rất gấp gáp đòi hỏi thứ gì đó, kết quả sau khi cho họ rồi, họ mới biết đây không phải là thứ mình muốn, bản thân vốn không cần, chỉ vì có quan niệm sai lầm "không lấy thì phí", nên mới lấy.

Có người đến cửa hàng nhìn thấy hôm nay giảm giá lớn, đợt bán đấu giá cuối cùng, chỉ còn một phần mười giá, rồi mua một đống lớn, về nhà mới biết bản thân hoàn toàn không mặc được, cuối cùng chỉ có thể treo ở đó. Loại người này quá nhiều. Lúc đó cho rằng mình cần, nhưng sau đó mới biết đó không phải là thứ mình thực sự cần, đây chính là vì nguyên của chúng ta bị che mờ.

Hanh, cần chúng ta tự có sự kiềm chế, đối với dục vọng của mình làm một quy phạm hợp lý, đối với nên đòi hỏi hay không nên đòi hỏi làm một phán đoán sâu sắc. Rất nhiều người mua đồ đều là do xung động, một khi xung động tiền không còn, hơn nữa phía sau còn một đống vấn đề: tặng người khác, đồ quá rẻ không dám tặng, bản thân lại không dùng được, để ở nhà chiếm chỗ, không biết xử lý thế nào, đây chính là tự chuốc phiền não. Người ta thấy bạn có tính cách như vậy, sẽ kính nhi viễn chi, vì sợ bạn sẽ lôi kéo họ - bên kia đang đại khuyến mãi, không mua thì phí, rồi hai người đi mua một đống lớn, sau đó về nhìn nhau cười

khổ. Vậy làm sao cát tường được? Vậy làm sao lợi thiệp đại xuyên được? Người như vậy đi đến đâu con đường cũng càng đi càng hẹp.

Phải thường xuyên ghi nhớ hiểm ở phía trước. Thực ra chúng ta còn phải ghi nhớ, phía trước cuộc đời có bốn chữ: gian, nan, hiểm, trở, không có việc gì là dễ làm, phàm là rất thuận lợi, chúng ta phải biết sắp bị lừa rồi. Chúng ta ngắm sơn thủy, ngắm phong cảnh, chỉ thấy vẻ đẹp của nó, không biết núi chính là trở, nước chính là hiểm. Chúng ta nói núi đẹp quá, thực ra núi là trời đang nói với chúng ta, phía trước chúng ta có rất nhiều trở ngại, giống như từng ngọn núi lớn chặn đường, nếu muốn vượt từng ngọn núi một, rất khó; nước chính là hiểm nguy, một khi sơ ý ngã xuống, tính mạng khó bảo toàn. Chúng ta thấy mỗi năm người chết vì tai nạn núi non, chết đuối nhiều biết bao! Nhưng người hiện đại chúng ta chỉ thấy cái đẹp của sơn thủy, đây chính là ở quẻ Mông, chỉ có mặt tri thức không có mặt trí tuệ. Điểm này chúng ta đã nhắc đến mấy lần rồi, chính là hy vọng chúng ta tự phản tỉnh.

Chúng ta thấy một quẻ phải nghĩ đến quẻ trước nó, phải nghĩ đến quẻ sau nó, phải nghĩ đến quẻ tổng của nó, nghĩ đến quẻ sai của nó, phải nghĩ đến trong quẻ còn có nhiều quẻ, như vậy đạo lý của nó mới thông. Nếu không thì chỉ là một cách nhìn rất thiên lệch.

> Mạnh Tử nói: "Tư thành giả, nhân chi đạo dã" (Nghĩ về sự thành tín, đó là đạo của người). Theo đuổi sự thành tín, là quy tắc căn bản làm người. Con người không chỉ phải thành tín đối với người khác việc khác, mà còn phải thành tín với nội tâm của mình, hiểu rõ những gì mình thực sự cần. Nhưng làm sao phân biệt nhu cầu thực sự? Chúng ta lại nên hiểu đúng đắn ý nghĩa của quẻ Nhu như thế nào?

Con người phải làm rõ trước tiên những gì mình cần là gì, đạt đến mức có thể thỏa mãn, thì đừng nghĩ đến việc có được nhiều hơn. Tôi thường thấy trẻ con sau khi đi vệ sinh xong, chúng lấy ra mấy tờ giấy lau tay, tay chúng nhỏ như vậy, lấy mười tờ giấy để làm gì? Mỗi lần thấy, tôi đều nói: "Các con, các con làm vậy quá lãng phí." Trong lòng tôi nghĩ còn đáng sợ hơn: người như thế này lớn lên đều là ăn mày, bởi vì tất cả tiền đến tay họ đều bị lãng phí hết.

Những Hoa kiều lớn tuổi của chúng ta, ở Mỹ thấy trong bếp người Mỹ có loại khăn giấy lau tay, các cụ Hoa kiều mỗi lần chỉ xé nửa tờ, không đành lòng dùng một lần một tờ. Nhưng thế hệ sau mới lớn lên, cũng là người Trung Quốc, cũng là con cháu Viêm Hoàng, lại một lần một tờ, như vậy rốt cuộc là tiến bộ hay là thoái bộ? Hiện nay chúng ta có máy fax rất tiện, mỗi lần tôi nhận được fax một tờ giấy lớn chỉ có hai dòng chữ, tôi đều thấy rất lãng phí, tôi fax cho người khác, dùng bao nhiêu tôi cắt bấy nhiêu là được rồi. Yêu quý tài nguyên không phải chỉ nói miệng, mà phải thực hành bằng hành động, mới có hiệu quả.

Quẻ Nhu cho chúng ta gợi ý: thứ nhất không thể muốn là được; thứ hai không thể có thể đòi hỏi nhiều là đòi hỏi nhiều; thứ ba phải rèn luyện thói quen chờ đợi của mình, mới có thể bình tâm tĩnh khí. Khi chúng ta

gọi điện gọi một chiếc xe, phải biết nó đến cần có thời gian, đừng gấp. Khi ăn cơm ngồi ở đó phải rèn luyện tâm trạng ăn uống. Hiện nay người ta không hiểu cuộc sống, chính là không biết chờ đợi.

Chúng ta đều biết Trung Quốc có một vị đoạt giải Nobel Vật lý, tên là Lý Chính Đạo. Khi Lý Chính Đạo tiên sinh đưa ra luận văn, quá trình đánh giá khá dài. Ông đã bói một quẻ, về việc Lý Chính Đạo tiên sinh bói quẻ có ghi chép, ông bói được quẻ Nhu, ông liền biết mình phải chờ đợi. Nói thật, người hiểu Kinh Dịch đều biết, xét duyệt càng nhanh càng nguy hiểm, bởi vì ban giám khảo không coi trọng, mới cho kết quả rất nhanh, xét duyệt càng lâu càng có hy vọng, bởi vì ban giám khảo sẽ cân nhắc xem có đạo lý hay không.

Trong quẻ Nhu có một câu, chính là khi chúng ta chờ đợi chúng ta phải để mình thoải mái một chút, bình hòa một chút, thay vì đứng trước cửa chờ, không bằng ngồi xuống uống ngụm trà, nấu vài món ngon cùng bạn bè chia sẻ, như vậy thời gian chờ đợi sẽ khá vui vẻ. Thấy quẻ Nhu, chỉ biết khổ sở chờ đợi, chỉ biết căng thẳng chờ đợi, thà đừng bói còn hơn. Bói được quẻ Nhu, chúng ta phải biết: tôi không nên gấp, người ta kiểm tra có một quá trình, tôi sắp xếp cuộc sống của mình, ổn định cảm xúc của mình, nhân cơ hội này trò chuyện với bạn bè. Đây mới gọi là cao minh. Bói quẻ không nên hỏi hung cát, mà hỏi bản thân phải làm sao để vượt qua, để khắc phục, bởi vì những gì nên đòi hỏi vẫn phải đòi hỏi, đó là nhu cầu hợp lý, nếu gặp những thứ không nên đòi hỏi thì từ bỏ, phải xả. Nhưng nên xả mới xả, không nên xả vẫn phải đòi hỏi, bởi vì nhu cầu là cần thiết.

> Tác dụng của bốc phệ là khai phát triệt để tiềm năng cá nhân. Lý Chính Đạo tiên sinh với tâm thái bình hòa chờ đợi đến giải Nobel, điều này không nói lên việc bốc phệ linh nghiệm thế nào, mà là nói với chúng ta, nên làm sao từ tầng trí tuệ để hiểu ý nghĩa của quẻ, để nhắc nhở bản thân nên đối mặt thế nào với những việc gặp phải. Vậy ngoài nhu cầu và chờ đợi ra, quẻ Nhu còn có ý nghĩa quan trọng gì?

Quẻ Nhu ngoài nhu cầu, chờ đợi ra, còn có một ý nghĩa rất quan trọng, gọi là "tất nhu", tức là nhất định phải. Nam nhi đại trượng phu, nhất định phải tận trách nhiệm; sinh ra làm người, nhất định phải học tri thức; để có thể sử dụng tri thức giúp đỡ người khác một cách hiệu quả, nhất định phải khai phát trí tuệ, những điều này đều là quẻ Nhu, không thể vì sợ phiền phức, sợ gánh chịu rủi ro, sợ khổ cực mà dễ dàng từ bỏ. Nhưng phải nhớ kỹ, mỗi người chúng ta đều không có quyền muốn là được, chúng ta phải cân nhắc phần lượng của mình, cân nhắc số tiền mình kiếm được là từ đâu mà có, nếu là từ mồ hôi nước mắt của đồng bào mà có, thì bản thân phải báo đáp họ. Nếu không, nếu bản thân không chăm sóc họ, không báo đáp quê hương, còn đường hoàng di cư, thì chính là quẻ Nhu, quẻ Mông đều có vấn đề.

Chúng ta phải nhớ kỹ, tất nhu chính là trách nhiệm của chúng ta. Làm lãnh đạo thì phải chăm sóc nhân viên của mình, làm trí thức thì phải tận một phần trách nhiệm với xã hội, không thể ích kỷ, ích kỷ chính là vô sỉ. Hiện nay chúng ta đi đâu cũng có thể thấy người chỉ lo cho mình không lo cho người khác, bản thân muốn cái này cái kia, không đặt sinh tử của người khác vào mắt; bản thân toàn thân đều là hàng hiệu, nhưng không thấy được đói rét của người khác, người như vậy là cực kỳ nguy hiểm.

Ở Nhật Bản từng xảy ra một việc như thế này, có một người trẻ cầm một quả bom tự chế, cho nổ tung cả một nhà máy. Cảnh sát rất nhanh bắt được anh ta, liền hỏi: "Tại sao anh làm vậy?" Anh ta nói: "Tôi đi đến đâu cũng thấy biểu tượng của công ty này, tôi đi rửa mặt, nhìn cái bồn rửa cũng có biểu tượng công ty này; nó sản xuất một loại khăn nhìn không có gì, nhưng khi ngâm nước biểu tượng liền hiện ra; tôi ngồi tàu điện là của công ty này, bất cứ thứ gì trong cuộc sống của tôi đều là của công ty này. Nếu tôi là Tôn Ngộ Không, công ty này chính là Như Lai Phật tổ, cả đời tôi nhảy trong lòng bàn tay nó không thoát ra được, vậy tôi là cái gì? Tôi không có được phẩm giá làm người của mình, nên tôi muốn cho nó nổ tung."

Có thể thấy, độc quyền là không ai thích cả, tiền nhiều thế lực lớn là điều tất cả hàng xóm đều không thể chịu đựng được, chúng ta tuyệt đối không thù ghét người giàu, chúng ta chỉ cảnh báo rằng, nếu một người làm như vậy thì hoàn cảnh của họ rất nguy hiểm.

> Cùng một việc sẽ có hai kết quả "sự bội công bán" (việc nhiều công ít) và "sự bán công bội" (việc ít công nhiều), khác biệt nằm ở phương pháp làm việc có đúng đắn hay không. Nhu cầu hợp lý phải được thỏa mãn, vậy chúng ta làm thế nào để thỏa mãn đúng đắn nhu cầu hợp lý của mình, đạt đến cảnh giới lợi thiệp đại xuyên?

Một người muốn thỏa mãn nhu cầu của mình, trước tiên phải nhận rõ người khác có cùng nhu cầu không, nếu có thì có xung đột không, tâm lý cảm nhận của người khác thế nào, bản thân có mang lại kích thích lớn cho người khác không, nếu có thì bản thân phải cẩn thận một chút, như vậy sẽ không có di chứng, đó gọi là trinh cát. Chúng ta có dục vọng, có nhu cầu, muốn được thỏa mãn, thì phải đi đường chính, phải dùng tâm thái bình thường để đối đãi với tất cả mọi người, để ứng phó với cảm nhận của mọi người, sau đó bản thân từng bước từng bước không chọc giận mọi người, không gây ra sự đố kỵ của mọi người, sẽ cát tường.

Tôi phải nói rõ, một người khiến người khác nhìn không vừa mắt, gây ra sự đố kỵ của người khác, bản thân có trách nhiệm tương đối, đừng luôn oán trách người khác. Hiện nay chúng ta đều đang ca giọng điệu cao, nói làm người khó, những lời như vậy nói một ngàn năm cũng vô dụng, bởi vì đó là không hợp nhân tính. Chúng ta phải cẩn thận, phú mà bất nhân là điều tất cả mọi người đều căm ghét, điều này nhắc nhở chúng ta, muốn giàu không sao, chỉ cần có nhân là được, phải “phú nhi nhân”. Chúng ta giàu có, phải nghĩ xem tiền của mình từ đâu mà có, nghĩ xem có bao nhiêu người đã giúp đỡ mình, nghĩ xem sự tích lũy của cải của mình đã làm tổn thương bao nhiêu phúc phận tổ tiên để lại, đời này mình hưởng hết, đời sau làm sao? “Phú bất quá tam đại” (không giàu quá ba họ) chính là nhắc nhở chúng ta, phúc phận không thể một lần hưởng hết, nhu cầu là tất yếu, nhu cầu phải hợp lý, nhu cầu phải trả giá tương xứng. Suy xét tổng hợp như vậy, chúng ta nên sẽ đi con đường chính đạo, sẽ lợi thiệp đại xuyên.

Ý nghĩa tích cực của quẻ Nhu, chúng ta đều rất quen thuộc, gọi là "y thực túc, tri vinh nhục" (Khi áo cơm đầy đủ, con người mới hiểu được sự vinh nhục). Khi một người được thỏa mãn nhu cầu rồi, phải nghĩ xem có việc gì có thể làm rạng danh môn hộ, việc gì sẽ khiến gia đình mình xấu hổ. Nói cách khác, chúng ta không

chỉ cần thỏa mãn nhu cầu, còn phải quan tâm đến đánh giá mà cả gia tộc nhận được trong xã hội, hành vi của mình có làm tổn thương gia phong không, điều này rất quan trọng.

Sau khi nhu cầu của chúng ta được thỏa mãn, thứ nhất là phải quản tốt bản thân, ràng buộc tốt bản thân, bản thân chúng ta hợp lễ nghĩa, người khác sẽ không thù ghét chúng ta. Có một người hàng xóm rất giàu, thực ra chúng ta đều thấy rất tốt, nhưng nếu có một người hàng xóm rất giàu, bắt đầu xe cộ tấp nập, làm cho hàng xóm xung quanh đều không yên ổn, thì chúng ta rất ghét người như vậy, cảm thấy sống cạnh người như vậy thật xui xẻo. Có thể thấy, người giàu có, nếu nghĩ đến việc phải chăm sóc sự yên ổn của xung quanh, phải chia sẻ với hàng xóm xung quanh, thì họ nhất định rất được hoan nghênh.

> "Thương lẫm thực nhi tri lễ tiết, y thực túc nhi tri vinh nhục", nhu cầu hợp lý được thỏa mãn, có thể thúc đẩy sự phát triển của bản thân. Đây là ý nghĩa tích cực của quẻ Nhu. Khi nhu cầu không hợp lý, sẽ sinh ra tác dụng tiêu cực, tức là ý nghĩa tiêu cực của quẻ Nhu. Vậy ý nghĩa tiêu cực của quẻ Nhu là gì? Thông qua học tập quẻ Nhu, chúng ta có thể đạt được chân lý sống như thế nào?

Ý nghĩa tiêu cực của quẻ Nhu rất đáng sợ, gọi là "nhân tâm bất túc xà thôn tượng", rõ ràng biết nuốt không trôi, cũng cố nuốt, cuối cùng làm hỏng mình. Chúng ta vì thỏa mãn nhu cầu, thường làm tổn thương rất nhiều hình ảnh tự ngã vất vả xây dựng nên, chính vì chúng ta tham lam vô độ, gây ra sự nghi ngờ và sợ hãi của người khác, cuối cùng sau khi bộ mặt thật của mình bị phơi bày, nhân cách và tín dụng đều phá sản.

Chúng ta phải biết, nhu cầu có tích cực cũng có tiêu cực. Bạn xem ma túy chắc chắn là tiêu cực, vậy có phải nên đốt hết tất cả ma túy, để thế giới không còn ma túy? Không phải, bởi vì dù thuốc phiện là ai chạm vào cũng xui xẻo, nhưng khi chúng ta đau đớn không chịu nổi, một chút thuốc phiện có thể giảm đau. Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng, thiên sinh vạn vật đều có dụng ý của nó, nhưng việc con người nắm bắt rất khó khăn, như vậy mới cần phải học tập. Thuốc phiện có tác dụng tích cực, có thể dùng làm thuốc, nhưng cũng không thể nói "vậy nhà chúng ta đều để dự trữ chút thuốc phiện", điều đó không được, bởi vì chỉ cần người trong nhà chạm vào, cả nhà đều xong. Cho nên thuốc phải quản chế, chính là vì loại nhu cầu này thuộc về tính đặc thù, không thể sử dụng phổ biến.

Có người nói vậy uống vitamin thì được chứ? Cũng không được, vitamin uống nhiều cũng sẽ trúng độc, đây chính là sự bảo hộ lớn nhất của trời đối với nhân loại. Nếu nói uống vitamin không bị trúng độc, vậy quá đơn giản rồi, mỗi người đều thừa dịp mình có tiền, đem tất cả vitamin cần thiết trong đời một lần uống hết, sau này có nghèo cũng không sợ. Nhưng thực tế nếu làm vậy, không đầy ba ngày đã chết vì trúng độc. Cho nên cha mẹ không thể thừa dịp mình hiện có tiền, con cái đời này cần gì là liều mạng cho cái đó, như vậy đứa trẻ này coi như xong.

Con người là có vào có ra, chỉ cần điều này không thông, người sẽ xong đời, chỉ vào không ra thì không thể lợi thiệp đại xuyên. Cho nên rất nhiều thứ không thể cứng nhắc nuốt, không thể độc nuốt, không thể thấy là nuốt, đây mới là gợi ý tốt nhất quẻ Nhu cho chúng ta. Từ bây giờ chúng ta phải nhớ: hợp lý mà trì hoãn,

thấy một thứ gì trước tiên nghĩ xem không lấy có phải tốt hơn không, phát hiện thực sự không lấy tốt hơn, thì đừng lấy, điều này thể hiện nhu cầu này không phải là thứ chúng ta cần. Hợp lý kiềm chế dục vọng của mình, vừa đủ thì thôi, đừng quá tham, như vậy mới là hạnh phúc lớn nhất, cũng là chân lý của quẻ Nhu.

Để giúp mọi người giảm bớt đau khổ do nhu cầu mang lại, tăng thêm hạnh phúc do thỏa mãn mang lại, tập sau chúng ta sẽ bàn kỹ về: đạo đãi cơ. Người Trung Quốc rất giỏi chờ đợi thời cơ, đạo đãi cơ đối với mỗi người đều rất quan trọng.

Chương 15: Đạo đợi thời

> Quẻ Nhu nói với chúng ta, nhu cầu hợp lý phải được thỏa mãn. Nhưng trong cuộc sống thực tế, quá trình theo đuổi nhu cầu hợp lý thường bước bước gian hiểm, đó là vì sao? Chúng ta nên đối phó với những vấn đề này như thế nào? Sau khi hiểu rõ đạo lý cần chờ đợi, thông qua diễn tiến của sáu hào quẻ Nhu, chúng ta sẽ đạt được trí tuệ nhân sinh như thế nào?

Chúng ta phải sống, nên sẽ sinh ra rất nhiều dục vọng, do đó, phải tìm cách thỏa mãn. Điều này nhìn từ mặt tích cực là một động lực tốt, có thể khiến chúng ta rất tích cực, rất tiến thủ; nhưng nhìn từ mặt tiêu cực, chúng ta sẽ phát hiện đây chính là tự mình làm khó mình.

Quẻ Nhu Nội quái là Càn, thể hiện dù bạn là quân tử, rất có năng lực, rất cầu tiến, nhưng đời này của bạn chắc chắn là mệnh lao khổ, đơn giản vậy thôi. Khi chúng ta khuyến khích trẻ phải như thế nào, miệng nói "tôi yêu con nên mới khuyến khích con", thực ra đã hại trẻ rồi, hại nó cả đời căng thẳng, bận rộn, phiền não, đây chính là một âm một dương chi vị đạo.

Ngoại quái của quẻ Nhu là Khảm, Khảm chính là nguy hiểm. Nội quái là thiên, hai quái trên dưới hợp lại nói với chúng ta, dù một người có cương kiện, tích cực, phấn chấn đến đâu, cũng không tránh khỏi sự thử thách của rủi ro khắp nơi, nên vẫn phải vừa phải, đừng quá đáng. Những thứ dù tốt đến đâu cũng không được quá đáng, đây là gợi ý đầu tiên quẻ Nhu cho chúng ta.

Sáu hào quẻ Nhu (hình 15-1) rất thú vị: Sơ cửu đắc chính, Cửu tam đắc chính, Lục tứ đắc chính, Cửu ngũ đắc chính, Thượng lục cũng đắc chính, nó có năm phần sáu là đắc chính.



图 15－1

Có thể thấy nhu cầu là chính đáng, không có gì phải tránh né, cũng không thể tránh né. Tại sao Cửu nhị bất chính? Chúng ta chờ chút nữa sẽ xem.

Trước tiên xem Sơ cửu (hình 15-2), Sơ cửu nói rất rõ ràng: "Nhu vu giao, lợi dụng hằng, vô cữu".



初九，需于郊，利用恒，无咎。

图 15－2

Chính là một người trẻ mới vào xã hội, giống như còn chưa vào thành phố, ở ngoại ô. Chúng ta có thể tưởng tượng, khi chúng ta ở ngoại ô, bước chân của chúng ta tự nhiên chậm hơn. Chúng ta thấy người trong thành phố đi nhanh vô cùng, nhưng đến nông thôn xem, mọi người đều chậm rãi, bởi vì trong lòng họ biết, mình hiện ở ngoại ô, không cần biết muốn vào thành phố nào, đều phải có một quá trình, không phải lập tức có thể vào được, nên không vội được. Điều này nói với chúng ta một người trẻ mới vào xã hội, phải hiểu bản thân hiện tại muốn mua nhà không đủ khả năng, muốn thăng quan nhanh chóng không làm được, muốn phát tài lớn không thể, không cần biết đi con đường nào cũng phải có một quá trình dài, nên không thể gấp, nếu lúc này gấp chính là hành hạ bản thân, không gấp ngược lại mới tốt.

Không gấp với việc thỏa mãn nhu cầu sẽ rèn luyện tu dưỡng vĩnh hằng của chúng ta, vĩnh hằng mới là gốc rễ của thành công. Từ từ đến, không vội vã, gấp cũng vô ích, nên sẽ vô cữu. Vô cữu chính là nói chúng ta có tu dưỡng như vậy, hiểu rõ hoàn cảnh của mình, không ham cao chuộng xa, không nghĩ một đêm có thể công thành danh toại, chúng ta sẽ không có di chứng. Hiện nay có những người tuổi còn trẻ đã có quá nhiều dục vọng, và gấp gáp muốn thỏa mãn ngay lập tức, cuối cùng bức mình đến mức nhảy lầu, hoặc làm cho mình hoàn toàn không còn liêm sỉ, chính là vì họ không thấy hào từ "nhu vu giao" của Sơ cửu, nếu không thì gấp gì chứ? Gấp cũng vô ích, không bằng lợi dụng hằng, lợi dụng thời gian này để rèn luyện tính nhẫn nại của mình, rèn luyện lòng kiên trì của mình, mới vô cữu.

Quẻ Nhu sáu hào, năm hào đắc chính, tức là nói, nếu nhu cầu hợp lý, chúng ta nên nỗ lực tranh thủ. Trong quá trình tranh thủ, trước tiên phải có lòng kiên trì, đây là điều quẻ Nhu sơ hào răn dạy chúng ta. Hào Cửu nhị dương hào cư âm vị, là hào duy nhất bất chính trong quẻ Nhu, vậy hào này nói với chúng ta nên chú ý điều gì?

Cửu nhị (hình 15-3) là gì? "Nhu vu sa, tiểu hữu ngôn, chung cát".

(Đợi ở bãi cát, tuy có khẩu thiệt một chút, nhưng sau sẽ tốt.)



九二，需于沙，小有言，终吉。

图 15 –3

Bởi vì những thứ chúng ta muốn giống như ao nước vậy, tràn đầy nguy hiểm, nhưng chúng ta vẫn phải đến, bởi vì chúng ta cần sinh tồn, cần sống, nhất định phải đối mặt với thách thức. Đã nguy hiểm như vậy, mà quẻ Nhu năm hào đều đắc chính, chính là nói chỉ cần nhu cầu của chúng ta chính đáng, thì không thể tránh né, nhất định phải tiến lên. Khi chúng ta từ ngoại ô liên tục đi về phía bờ sông, đi đến khi dẫm phải cát, chúng ta liền biết, sông đã gần rồi. Khi ở ngoại ô mọi người đều biết còn xa mới thỏa mãn được nhu cầu, nên giữa họ không có cạnh tranh gì, nhưng khi dẫm phải cát, cát sẽ làm chân ta đau, điều này thể hiện người cạnh tranh đã nhiều.

Khi nhu cầu còn xa xôi, mọi người không tranh giành dưới, dù sao đều đòi không được, nên mọi người đều khách khí với nhau, nhưng hiện tại thấy sắp đến tay rồi, mà chỉ có một vị trí, hơn chục người cạnh tranh, lúc này sẽ "tiểu hữu ngôn". Bắt đầu có lời ra tiếng vào rồi - nhìn bộ dạng anh cũng muốn tranh thủ à? Anh đừng lấy, lấy cũng vô dụng; anh tích cực như vậy, có phải bố anh đã lo liệu quan hệ cho anh rồi... liền có người phá hoại anh, bôi nhọ anh, bóp méo anh, làm cho anh thế này cũng không đúng, thế kia cũng không phải.

Khi truyền đến tin tức, nói chỗ trống phía trên đó là muốn đề bạt anh, tất cả mọi người nhìn anh đều không có lời tốt - ôi, anh thật biết nịnh hót; ôi, anh có phải là em rể của ai đó không? Tiểu hữu ngôn rất phiền phức. Nhưng chúng ta đừng bị những điều này ảnh hưởng, vẫn phải theo phương châm đã định, phương hướng đã định của mình, dùng phương thức hợp lý, cuối cùng sẽ cát tường. Đây là điều Cửu nhị nhất định phải trải qua, ai bảo nó dương cư âm vị!

Khi một người trẻ cảm thấy mua nhà không có hy vọng, ngược lại sống rất tiêu sái. Khi anh ta cảm thấy cũng tạm được rồi, tiền đặt cọc có thể đặt được rồi, lúc này lại phiền não vạn phần: không đặt, tiền để ngân hàng lãi suất quá ít, cũng rất có thể tiêu mất, đáng sợ hơn là bị bạn bè mượn mất; đi đặt, thì bắt đầu gánh nợ, từ đây vì trả tiền nhà mà phiền não không thôi.

Dưới trời không có chuyện vừa khéo như ý, sẽ không có ai có thu nhập vừa khéo có dư để trả tiền nhà, không có cái vừa khéo như vậy. Tại sao Cửu nhị bất chính? Bởi vì đó là "nhị", là âm vị, lúc này nên hơi nhu một chút, lại cố tình "cửu" quá cương, chính là quá gấp với nhu cầu. Hiện nay người trẻ mua nhà tại sao gấp

như vậy? Lý do là: khi tôi kiếm được 10 vạn thì giá nhà là 18 vạn; tôi liều mạng kiếm, kiếm được 18 vạn thì giá nhà 36 vạn; khi tôi kiếm được 36 vạn, giá nhà đã 70 vạn rồi, vậy làm sao có thể đợi?

Cho nên Cửu nhị chính là đi đến giai đoạn này chân chúng ta sẽ đau, cát cọ khiến chúng ta khó bước tiếp, hơn nữa tạp âm rất nhiều - anh không cần mạng nữa à, vì mua nhà như vậy đáng không? Đây là một kiểu. Anh không biết xin tiền bố anh à? Bố anh nhiều tiền như vậy mượn không được sao? Đây cũng là một kiểu... Lúc này chúng ta cần làm, chính là kiên định con đường mình muốn đi, không bị dao động, người ta làm sao quấy nhiễu là việc của người ta.

> Quẻ tượng của quẻ Nhu, thượng Khảm hạ Càn, tức là nói hiểm ở phía trước, vậy trải qua hào hai của quẻ Nhu, đi đường chính, đạt được cát tường rồi, chúng ta sẽ đối mặt với hoàn cảnh thế nào? Hào Cửu tam của quẻ Nhu gần nhất với thượng Khảm, báo trước gần kề nguy hiểm, lúc này, chúng ta nên đối phó thế nào?

Đi lên, gần bờ sông, sắp đến tay rồi, liền đến Cửu tam (hình 15-4): "Nhu vu nê, trí khấu chí".

(Đợi ở chỗ bùn lầy, như tự mình vời giặc đến.)

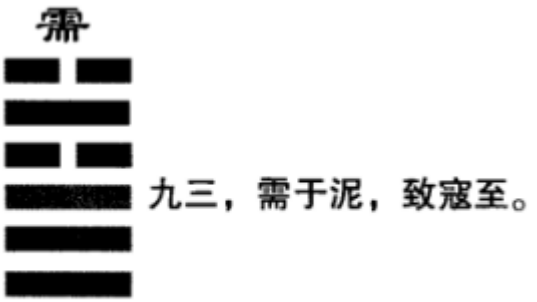

图 15－4

Lúc này giày đã đầy bùn, bởi vì qua cát là đến bùn, qua bùn là đến nước. Trí khấu chí chính là hiện tại bản thân chúng ta đã khó bước tiếp rồi, lại còn lúc này rước thêm một đống kẻ thù đến, đây là lúc cạnh tranh gay gắt nhất. Một mục tiêu nhỏ, mọi người đều muốn, bạn rất miễn cưỡng với tới, cảm thấy đã sắp đến tay rồi, nhưng chưa chắc đã với được đến tay, thấy được nhưng không lấy được làm sao? Lúc này cách tốt nhất chính là đừng tự chuốc khổ, phải tận nhân sự thính thiên mệnh. Cho nên "tận nhân sự thính thiên mệnh" của Khổng Tử, nói chính là hào Cửu tam.

Người trẻ mới vào xã hội, thứ nhất phải nhớ người Trung Quốc không thể nịnh bợ, nhưng người Trung Quốc cũng không thể đắc tội. Thứ hai phải nhớ những gì mình học ở trường rất đơn thuần, nhưng xã hội rất phức tạp, thầy cô ở trường không dạy bộ đó ở xã hội, bởi vì bản thân thầy cô cũng chưa từng trải qua, cũng không biết. Chúng ta chỉ có thể dựa vào bản thân mò mẫm, thận trọng cẩn thận, bước đi có tính toán, đến lúc đó mới tin rằng hóa ra lời mẹ nói từ nhỏ là đúng. Từ nhỏ mẹ bảo chúng ta phải cẩn thận, phải cẩn thận,

nhưng lúc đó tuổi còn nhỏ không hiểu, bây giờ cuối cùng đã hiểu, không cẩn thận không được, nhưng cụ thể phải cẩn thận cái gì, cũng không biết. Đây chính là phải làm tốt Sơ cửu, mới có thể vĩnh hằng, thêm vào tỉ mỉ và nhẫn nại mới có thể vô cữu.

Nhưng nếu một người cứ như vậy thì tỏ ra rất tiêu cực, rất bảo thủ, thì chỉ còn cách mạnh dạn tiến lên. Phải nhớ kỹ, bất cứ thứ gì khi sắp đến tay, người ta đều nhìn bạn không vừa mắt. Ví dụ trẻ con vào trường học, bắt đầu có thành tích, bảng điểm vừa phát ra liền xem nhau thi được bao nhiêu điểm, rồi một đứa trẻ đạt thủ khoa, lúc này nó phải biết "trí khấu chí", bản thân đã đắc tội với rất nhiều người, nhưng nó phải làm thế nào? Phải đi đường chính, phải thể hiện hợp lý.

Bất cứ việc gì trước tiên phải hiểu phần của mình ở đâu, mới biết những gì nên đòi hỏi bản thân sẽ dụng tâm làm, những gì không nên đòi hỏi căn bản không cần nghĩ đến, hơn nữa những gì nên đòi hỏi không nhất định phải đạt được. Cho nên chúng ta nên dạy trẻ từ nhỏ, có thể nói nên đòi hỏi, nhưng không thể nói nhất định phải đạt được, bởi vì thiên hạ không có công bằng, chỉ có công chính. Mà công chính với công bằng rất nhiều người không tách rời được.

Một lãnh đạo nói với nhân viên: "Hiện nay chúng ta muốn cử ba người đi Nhật Bản khảo sát, tôi rất xin lỗi, vì nguồn lực không đủ, nên hiện nay chúng ta bắt buộc phải dùng một biện pháp, chọn ra ba người từ chúng ta, nhưng tôi nói trước với mọi người, lần này chọn ra ba người này đi rồi, lần sau sẽ không có phần của họ nữa." Có thể thấy làm lãnh đạo, chỉ có thể công chính, hoàn toàn không thể công bằng, cơ hội có hạn, mọi người đều muốn đi, không cần biết lãnh đạo dùng tiêu chuẩn gì mọi người đều không phục, áp dụng chế độ luân phiên, mọi người mới yên lòng. Bởi vì không thể mỗi lần đều là mấy người cố định, nếu không mọi người sẽ cho rằng lãnh đạo thiên vị, giả công tế tư.

Quẻ Nhu chính là nói với chúng ta, nguồn lực mãi mãi là không đủ, cơ hội mãi mãi là hiếm hoi. Nếu ai cũng có, còn tranh thủ làm gì? Ngoài chế độ luân phiên, còn rất nhiều việc chúng ta luôn chửi, chửi mấy trăm năm, cuối cùng vẫn không đổi được, thì chúng ta biết đó là không thể đổi được, bởi vì đó là tình trạng thực tế, không phải nói suông lý thuyết có thể giải quyết.

Khổng Tử nói, tận nhân sự thính thiên mệnh, trong cạnh tranh gay gắt, chúng ta nên định vị đúng bản thân, hiểu rõ những gì mình cần, toàn lực để tranh thủ. Hào Lục tứ với tư cách là bắt đầu của thượng Khảm quẻ Nhu, tượng trưng đã vào cảnh hiểm, lúc này, chúng ta nên làm thế nào, mới có thể thoát khỏi cảnh hiểm?

Hào từ của Lục tứ (hình 15-5): "Nhu vu huyết, xuất tự huyệt".

(như đã chờ đợi ở chỗ lưu huyết mà rồi ra khỏi được.)



六四，需于血，出自穴。

图 15－5

Đến Lục tứ, chúng ta đã vào Ngoại quái rồi, lúc này nhà đã mua rồi, quan đã thăng rồi, danh đã có rồi, nhưng nguy hiểm cũng đã bắt đầu đến vai rồi.

"Nhu vu huyết, xuất tự huyệt", chính là nói với chúng ta, hóa ra những nhu cầu bản thân đạt được đều là gánh nặng do mồ hôi nước mắt của chúng ta tạo nên. Chúng ta thấy rất nhiều người thực sự là vừa thăng quan xong thì không còn hứng thú nữa, nghĩ sớm biết vậy thì đừng lấy, quá vất vả. Chính là vì những thứ chúng ta hiện có được đều là do bản thân hy sinh rất nhiều thứ khác mới có được, đến lúc đó chúng ta sẽ thấy rất không đáng. Ví dụ vì một căn nhà từ bây giờ mỗi tháng đều vì tiền nhà mà phiền não; vì một căn nhà đặc biệt sang trọng, tất cả bạn bè đều không dám đến chơi, đó đều là được không bù nổi mất. Nếu một người ở nhà còn tốt hơn cả lãnh đạo của mình, thì người đó xong rồi, lãnh đạo sẽ bắt đầu hỏi tiền của anh từ đâu ra, hiện nay rất nhiều người trẻ không có đầu óc này, cuối cùng làm cho bản thân thân tâm mệt mỏi, rồi bắt đầu oán trời trách người - xã hội không được, nhân loại không tiến bộ, chỉ có tôi là tốt nhất, nên mới khổ não như vậy. Đây đều là tự làm tự chịu.

"Nhu vu huyết, xuất tự huyệt", máu từ đâu ra? Đều là tâm huyết của bản thân. Cho nên đến Lục tứ chúng ta phải biết, đi đến bước này, chúng ta phải rất bình tĩnh nhìn sự thay đổi của thế cuộc, và tiến hành tự điều chỉnh. Con người chỉ có một biện pháp chính là tự điều chỉnh. Gần trăm năm nay, chúng ta luôn muốn thay đổi người khác, đây là chuyện cười. Chúng ta cho rằng người Trung Quốc thế này không đúng, thế kia không đúng, nhất định phải thay đổi, thay đổi đến cuối cùng là không có hiệu quả. Chúng ta xem Tần Thủy Hoàng là đủ rồi, ông ta đốt hết sách, giết hết người đọc sách, có tác dụng gì? Tần Thủy Hoàng chết rồi, người Trung Quốc vẫn là người Trung Quốc.

Lại xem Hồng Kông đi, bị người Anh chiếm đóng một trăm năm, ngay cả tên đường cũng dùng tên người Anh, người Anh đi rồi, người Hồng Kông vẫn là người Trung Quốc. Cho đến nay tôi vẫn chưa phát hiện có ai có thể thay đổi được người Trung Quốc. Tính dân tộc không có tốt xấu, quan niệm của người hiện đại cho rằng người Trung Quốc thế này tốt, thế kia xấu, nguyên nhân căn bản là họ hoàn toàn không hiểu gì về tính dân tộc. Tính dân tộc là trong một môi trường sinh thái, những người có cùng nguồn gốc lịch sử, tự nhiên

mài giũa mà sinh ra một bộ thứ, không có phân biệt tốt xấu. Giống như có người dùng đũa ăn cơm, có người dùng dao nĩa ăn cơm, có người dùng tay ăn, miễn là ăn vui vẻ, căn bản không có tốt xấu.

Người hiện đại suy nghĩ thường không đủ sâu sắc, ví dụ rất nhiều người nói về hạnh phúc, hạnh phúc là gì? Tôi không biết hạnh phúc là gì, để mỗi người đi nghĩ hạnh phúc là gì, là không có câu trả lời. Bởi vì mỗi người có tiêu chuẩn hạnh phúc khác nhau, hạnh phúc không có công thức cố định.

Trong quá trình đạt được nhu cầu hợp lý, mỗi người đều trải qua gian khổ, từng bước thận trọng cẩn thận. Sau khi trải qua đủ loại nỗ lực, nhẫn nại và kiên trì bền bỉ, sự việc phát triển có chút thành tựu, hào Cửu ngũ của quẻ Nhu nói "nhu vu tửu thực, trinh cát". Vậy lúc này, chúng ta nên tự rót rượu tự uống, tự mình hưởng lạc sao?

Sau "nhu vu huyết" chúng ta sẽ đau, nhưng chúng ta cảm thấy bản thân làm vậy đáng giá, liền bắt đầu vào Cửu ngũ. Hào từ của Cửu ngũ (hình 15-6): "Nhu vu tửu thực, trinh cát".

(Chờ đợi ở chỗ ăn uống no say (chỗ yên vui), bền giữ đức trung chính thì tốt.)

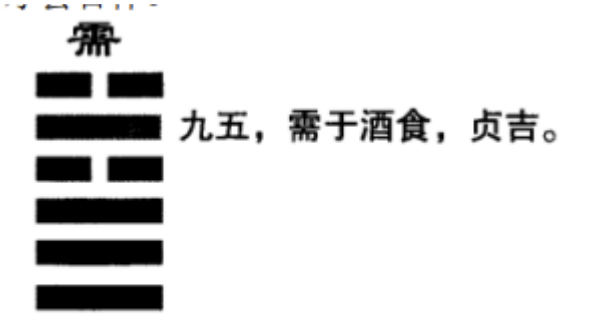

图 15－6

Lúc này danh cũng có rồi, tiền nhà cũng trả gần xong rồi, quan cũng thăng đến mức rồi, một người đến lúc cũng tạm được, thường thì không dám đòi hỏi tiến thủ nữa. Một người trẻ có thể nói với sếp, trong ba năm phải làm quản lý, bởi vì làm một quản lý nhỏ người ta cũng không để tâm, nhưng nếu một phó tổng nói mình trong hai năm phải làm tổng giám đốc, thì đó là tự tìm đường chết. Cho nên có người nói hóa ra hào từ Cửu ngũ nói với chúng ta, "nhu vu tửu thực, trinh cát", ý là lúc này phải uống chút rượu nhỏ, ăn chút đồ nhắm, không nên nói gì cả, mới cát tường.

Rất nhiều người hiểu Kinh Dịch như vậy, kết quả hại chết bản thân, đọc Kinh Dịch đọc ra rất nhiều quân tử, đọc Kinh Dịch cũng đọc ra rất nhiều tiểu nhân, mà lạ thay người đọc Kinh Dịch thành tiểu nhân lại nhiều hơn người đọc thành quân tử. Rất nhiều người như vậy, có nhà rồi, sinh con rồi, chức vị cũng tạm được rồi, liền bắt đầu suốt ngày rủ rê bạn bè, du sơn ngoạn thủy, không lo công việc chính, người như vậy còn không bằng không thành công! Xã hội của chúng ta bị những người gọi là thành công này làm cho mù mịt khói

bụi, thành công để làm gì? Có thể thấy, ý đồ thực sự của Cửu ngũ là nói với chúng ta phải chia sẻ với mọi người. Chúng ta phải hiểu rằng bản thân có thể mua nhà là nhờ rất nhiều người giúp đỡ, ít nhất ngân hàng cho chúng ta vay tiền, đó là ân huệ của quốc gia; bản thân có thể tranh thủ được một chức vụ nào đó là do người khác nhường nhịn. Tôi thường nói với học sinh của mình, người đứng đầu lớp, phải cảm ơn những người không đứng đầu lớp, nếu mỗi người họ đều đạt điểm cao hơn bạn, bạn có thể đứng đầu được không? Người cao phải cảm ơn người thấp, nếu mỗi người đều cao hơn bạn, bạn trở thành người thấp nhất rồi, có gì đáng kiêu ngạo?

Người Trung Quốc có hai đức tính tốt mà các dân tộc khác trên thế giới không tìm thấy, một là thành toàn, một là chia sẻ. Thành tựu của chúng ta là do người khác nhường cho chúng ta, là do người khác thành toàn, nếu không mỗi người đều coi chúng ta là đối thủ cạnh tranh, chúng ta hai tay khó chống lại bốn nắm đấm. Chúng ta xem Quan Công là đủ rồi, anh hùng thiên hạ, vô địch thiên hạ, cuối cùng ngựa vừa ngã, người vừa ngã, đầu liền không còn nữa, Quan Công chết sau lúc đầu rất không cam tâm: "Trả đầu lại cho ta", "Ai dám giết ta", oán khí rất nặng. Nhưng sau đó ông biết rồi, hóa ra những người mình giết trước đây là nhường mình, nếu không mình chưa chắc đã giết được họ. Như vậy Quan Công liền thông suốt, liền thành thần. Do đó ý nghĩa của "nhu vu tửu thực" chính là phải chia sẻ với mọi người. Một thành toàn, một chia sẻ, đây là mỹ đức của dân tộc chúng ta.

Tất cả mọi việc Cửu ngũ phải chia sẻ với những người có liên quan xung quanh, mới trinh cát, nếu không họ sẽ tìm cách gây phiền phức cho bạn, tìm cách làm bạn mất mặt bất cứ lúc nào. Một người không có danh tiếng gì, bị kẹt trong thang máy hai tiếng đồng hồ, người ta còn rất thông cảm với anh ta: ôi, thật đáng thương, vận xui. Một người rất có danh tiếng, một ngày nào đó dù chỉ bị kẹt trong thang máy một tiếng đồng hồ, cả nước đều biết, không ai thông cảm cho anh ta. Đây là điều Cửu ngũ nên suy nghĩ kỹ. Địa vị càng cao, tư thế càng phải thấp. Nhưng có người nói không được, vẫn phải liên tục có nhu cầu, vậy sẽ vào Thượng lục, Thượng lục chính là muốn rồi còn muốn, mãi mãi không thỏa mãn.

Chủ chỉ của quẻ Nhu nằm ở một chữ "trinh", biểu thị sinh vật chi thành, với người là trí, răn dạy mọi người làm việc phải giữ chính đạo, đi con đường giữa, tránh lợi lộc làm mờ trí, tham lam vô độ. Vậy sau khi nhu cầu hợp lý được thỏa mãn rồi, có thể đạt đến cảnh giới lợi thiệp đại xuyên không? Hào thượng của quẻ Nhu, lại cho mọi người những gợi ý quan trọng nào?

Hào từ Thượng lục (hình 15-7): "Nhập vu huyệt, hữu bất tốc chi khách tam nhân lai, kính chi, chung cát".

(Vào chỗ cực hiểm rồi, nhưng có ba người khách thủng thẳng tới, biết kính trọng họ thì sau được tốt lành.)



上六，入于穴，有不速之客三人来，敬之，终吉。

图 15 –7

“Nhập vu huyệt” chính là một người đã rơi vào ngõ cụt rồi, rất khó trèo ra; bất tốc chi khách chính là người không mời mà đến; tam là đa số, không nhất định là ba người.

Khi bạn tham lam vô độ, muốn rồi còn muốn nhiều hơn, chỉ vì đạt được xếp hạng tỷ phú hàng đầu, lúc này sẽ có ba loại người tìm đến. Loại thứ nhất là từ cục thuế quốc gia, hải quan, họ đến kiểm tra xem bạn có đóng thuế theo quy định không và hàng hóa xuất nhập khẩu có đúng tiêu chuẩn không, bởi vì bạn là mục tiêu lớn của họ, họ kiểm tra một mình bạn còn tốt hơn kiểm tra mấy ngàn người khác, đây gọi là quản lý trọng điểm.

Loại thứ hai là những kẻ tống tiền, bắt cóc, lừa đảo, những người này lấy bạn làm mục tiêu, dù bạn thuê rất nhiều vệ sĩ, vẫn là phòng không hết. Loại thứ ba là người thân bạn bè của bạn, bất kể quan hệ tốt xấu, đều đến, nói bạn bây giờ điều kiện tốt rồi, tiền dùng không hết rồi, giúp một tay đi. Người ta cưới hỏi, người bình thường tặng vài trăm, người nhận đã rất vui rồi, bạn đến thì người ta mở to mắt xem bạn tặng bao nhiêu, bạn cũng tặng vài trăm, người ta sẽ nói bạn giàu mà không nhân đức. Có thể thấy, cây lớn gió lớn, thực ra người có tiền chỉ là nhìn đẹp thôi, cũng là nghèo đến chết, chính là trong túi không có tiền mặt.

Hiện nay chúng ta có thể thấy, thế kỷ 21 còn có một loại biến tướng của “bất tốc chi khách”, họ sống sờ sờ trong nhà chúng ta, chính là con cái của chúng ta, cái đó còn đáng sợ hơn. Một gia đình con cái rất ngoan ngoãn quy củ, không có thói xấu, cũng rất biết làm vui lòng cha mẹ, nhưng chính như vậy mới đáng sợ. Bởi vì chúng không chịu học, cha mẹ hỏi tại sao không học, chúng sẽ không nói thật với cha mẹ, nhưng sẽ nói thật với tôi. Chúng nói với tôi: "Con không phải không thích học, con thi cử cũng đều không tệ, con chỉ là cảm thấy học không có tác dụng, con bây giờ sống rất thoải mái, kiếm tiền để làm gì? Con chỉ cần giống như bố mẹ con vậy, kiếm mấy tấm thẻ nhựa, cắm vào là có tiền, sách để người khác đọc đi, hơn nữa con lớn lên rồi, tiền của bố mẹ sớm muộn gì cũng là của con." Tôi tiếp tục hỏi: "Vậy nếu bố mẹ đi xa rồi, nói khó nghe một chút là qua đời rồi, con làm sao?" Nó nói: "Không có vấn đề gì, họ có rất nhiều căn nhà, con cách một thời gian bán một căn là đủ sống rồi." Loại bất tốc chi khách này chúng ta đuổi cũng đuổi không đi.

Ba loại người trước kia chúng ta còn có thể kính chi, chung cát, chỉ cần rất cẩn thận đối phó với họ, họ hơi có một chút hài lòng sau đó, cuối cùng sẽ đi, sẽ không lâu dài tìm chúng ta phiền phức. Cậu nhỏ trong nhà

là cả đời quấn lấy chúng ta, vậy làm sao có thể "kính chi, chung cát"? Có những cha mẹ rất thích khoe khoang, thậm chí trước mặt con cái cũng phô trương, điều này đã hại đứa bất tốc chi khách trong nhà. Từ nhỏ thuê mấy người bầu bạn với nó, khiến nó hoàn toàn không biết thế nào là khổ, hoàn toàn không biết muốn thỏa mãn nhu cầu phải trải qua phấn đấu, phải mạo hiểm, từ nhỏ nhồi nhét cho nó quan niệm: chỉ cần gọi một tiếng, đồ vật liền mang đến; chỉ cần nhìn một cái, người ta liền làm rất tốt. Đây chính là tiểu Hoàng Đế trong nhà. Tiểu Hoàng Đế kiểu này ngay cả quần áo cũng không biết mặc, dây giày cũng không biết buộc, năng lực sinh hoạt cực kỳ kém.

Một người năng lực sinh hoạt kém là đau khổ cả đời, nhưng hiện nay chúng ta coi nhẹ nhất chính là năng lực sinh hoạt. Chúng ta từ nhỏ dạy trẻ phải kiếm tiền, từ nhỏ dạy nó phải biểu hiện tốt, từ nhỏ dạy nó phải lễ phép với người khác, mà không dạy cho nó năng lực sống. Sau đó trẻ lớn lên ra xã hội không biết cách sống thế nào, nó tuổi còn trẻ đã "nhập vu huyệt" (rơi vào ngõ cụt) rồi, đây là lỗi của người lớn.

> Sáu hào của quẻ Nhu cho chúng ta thấy quá trình gian nan để đạt được cát tường của nhu cầu. Vậy trong cuộc sống, chúng ta nên vận dụng quẻ Nhu như thế nào để chỉ điểm mê tân? Thông qua học tập quẻ Nhu, chúng ta lại có thể đạt được trí tuệ nhân sinh như thế nào?

Chúng ta xem toàn bộ quẻ Nhu xuống, thì rất rõ ràng, người nông thôn do không gấp gáp, thường về sau phát triển sẽ tốt hơn, người thành phố từ nhỏ đã cạnh tranh mù quáng, ngay cả cơ hội suy nghĩ bình tĩnh cũng không có. Có tivi rồi, trẻ con không thông minh nữa, bởi vì nó không tự suy nghĩ nữa, chỉ biết copy theo tivi.

Nhà chúng tôi có ba đứa trẻ, ba đứa trẻ trước khi vào đại học, nhà chúng tôi không mua tivi. Con gái tôi là con cả, nó thi đỗ vào Giao thông đại học, sau đó lần đầu tham gia thi diễn thuyết, bốc thăm đề tài, đề tài là "Tôi xem tivi". Nó đứng dậy liền nói: "Nhà tôi không có tivi." Tất cả mọi người đều rất kinh ngạc: Giáo sư Tăng này nghèo đến mức này sao? Ngay cả tivi cũng không mua nổi. Không phải nhà tôi không mua nổi tivi, mà là tôi biết muốn dạy trẻ không xem tivi còn khó hơn lên trời, mua về chính là đang dụ dỗ nó, kích thích nhu cầu của nó. Cho nên tôi không mua. Mãi đến khi đứa con trai út của tôi thi đỗ đại học, nhà tôi mới mua tivi. Lúc này mới bắt đầu xem tivi vẫn còn kịp, tại sao phải gấp gáp với một thời điểm? Mới mở một nhà hàng tôi sẽ không đi ăn ngay, bởi vì bên trong sơn còn chưa khô, đi vào chỉ là chịu khổ chịu nạn.

Thời chính là thủ thời đãi mệnh, đây là điều tuyệt vời nhất của người Trung Quốc, bởi vì thời chưa đến, có nỗ lực cũng vô dụng; thời vừa đến, đuổi kịp lên, nhẹ nhàng vui vẻ.

Đọc Kinh Dịch đối với bản thân, đối với cả nhà, đối với xã hội, thậm chí đối với nhân loại đều có lợi ích rất lớn. Nhưng người hiện đại chúng ta coi nó là thứ truyền thống, lạc hậu, đã không còn tác dụng, liều mạng học phương Tây, vậy chính là tự làm tự chịu.

Người Trung Quốc từ xưa đều là mượn lực dùng lực, không bao giờ tự mình ra sức, bởi vì ra sức sẽ làm tổn thương bản thân. Trên toàn thế giới chỉ có nhu đạo thái cực của chúng ta là dùng sức của người khác đánh họ, không giống võ quyền, đấu vật, phải tự mình tốn sức. Nhu đạo của chúng ta chính là: người khác tốn sức, tôi không tốn sức, nhưng khi người ta đánh tôi thì họ sẽ xui xẻo, tôi sẽ dùng chính sức của họ đánh trả lại. Đây cũng là gợi ý Kinh Dịch cho chúng ta.

Hiểu được thủ thời đãi mệnh, chúng ta mới có thể hiểu Khổng Tử tại sao nói "thời dã, mệnh dã". Quẻ Nhu từ đầu đến cuối đều đang nói "thời dã, mệnh dã", thời vừa đến, rất nhẹ nhàng, giống như mệnh rất tốt; thời chưa đến, làm nửa ngày đều là phí công. Thời chưa đến, chúng ta phải tích trữ lại, bồi dưỡng bản thân, mở sáng đôi mắt, để người khác tin tưởng phẩm đức của mình, đây mới là cao minh nhất.

Đọc xong quẻ Nhu chúng ta có bình tâm tĩnh khí không? Tôi bảo đảm là không thể. Bởi vì hiện nay toàn bộ môi trường đang khuyến khích chúng ta phải tranh thủ, nên vẫn không tránh khỏi tranh cường hiếu thắng. Dù chúng ta quản được bản thân, cũng không quản được người khác, cho nên sau quẻ Nhu, chúng ta sẽ giảng quẻ Tụng. Tụng chính là khi không giải quyết được, liền bắt đầu xảy ra lời qua tiếng lại, chửi qua chửi lại, chửi không đủ thì đánh, đánh không đủ thì kiện, hiện nay toàn xã hội chính là như vậy - trước chửi, chửi không thắng thì đánh, đánh đến mức người ta đi kiện. Người Trung Quốc nhường qua nhường lại mới thật sự cao minh, hiện nay là tranh qua tranh lại, cuối cùng chết là chính mình. Có thể thấy quẻ Tụng rất quan trọng, tập sau chúng ta sẽ bàn về tranh cường hiếu thắng.

Chương 16: Quẻ 6 : Thiên Thủy Tụng - Tranh cường hiếu thắng

> Trong cuộc sống thực tế, một khi con người vướng vào kiện tụng, họ thường tìm mọi cách để thắng kiện. Tuy nhiên, thường chỉ là để tranh một hơi, đòi một lẽ phải. Nhưng trong Kinh Dịch - nơi chứa đựng trí tuệ cổ xưa của Trung Quốc, cũng tồn tại quẻ liên quan đến kiện tụng - quẻ Tụng. Vậy quẻ Tụng này chứa đựng huyền cơ gì? Có phải chỉ cần nắm được quẻ Tụng là có thể giúp mình thắng kiện không? Và quẻ Tụng có những gợi ý gì cho cuộc sống của chúng ta?

Chúng ta lật ngược quẻ Nhu lại thì thành quẻ Tụng, quẻ Nhu và quẻ Tụng được gọi là tương phản quái (hỗ vi tương phản quái). Nhìn từ phía này là quẻ Nhu, nhìn từ phía kia là quẻ Tụng, gọi là nhất thể lưỡng diện (như hình 16-1).



图 16 – 1

Bất kỳ việc gì, khi chúng ta đứng ở lập trường khác nhau, suy nghĩ sẽ khác nhau. Chúng ta thường thấy hai người có ý kiến khác nhau, thực ra không phải vậy, chỉ là lập trường khác nhau mà thôi. Mỗi người đều đứng ở lập trường của mình nên rất khó tránh khỏi "công nói công có lý, bà nói bà có lý". Kết quả của việc "công nói công có lý, bà nói bà có lý" là dẫn đến bạo lực, nói không thông thì đánh. Nhưng như vậy thì không văn minh, nên chúng ta mới phát minh ra một chữ, gọi là "tụng" (訟).

Chúng ta thấy chữ "tụng" (訟) một bên là chữ "ngôn" (言) nghĩa là mở miệng nói, một bên là chữ "công" (公) nghĩa là nói cho mọi người nghe. Nói cho mọi người nghe có tác dụng không? Trước đây có tác dụng, trước đây nói cho các bác, các chú, các cụ trong xóm nghe, để mọi người phân xử, rồi có thể giải quyết được mâu thuẫn, hóa giải được tranh chấp. Bây giờ thì không được, bây giờ chúng ta đẩy "nói cho mọi người nghe" lên một bước nữa gọi là ra tòa. Mọi người thử nghĩ xem, người nào kiện người nào? Có phải người mạnh kiện người yếu không? Chắc là không. Người mạnh không cần phải kiện, chỉ cần đe dọa, uy hiếp, đánh đập là đủ rồi, người đi kiện thường là người yếu kiện người mạnh, nên cơ hội thắng không nhiều, đây là điều đầu tiên chúng ta cần hiểu rõ. Nếu người mạnh có thể quan tâm đến người yếu, có thể chia sẻ với người yếu, dù không phải chia đều, nhưng khiến người yếu bớt đi sự bất bình thì họ sẽ không kiện nữa.

Bất kể ai kiện ai đều vì cái gì? Chúng ta hãy xem thoán từ của quẻ Tụng (hình 16-2): "Tụng: Hữu phu, trất, dịch. Trung cát, chung hung. Lợi kiến đại nhân, bất lợi thiệp đại xuyên."

(Kiện cáo vì mình tin thực mà bị oan ức (trất), sinh ra lo sợ (dịch). Nếu giữ đạo trung (biện bạch được rồi thì thôi) thì tốt lành,nếu kiện cho đến cùng thì xấu. Tìm được bậc đại nhân (công minh) mà nghe theo thì chỉ có lợi, nếu không thì như lội qua sông lớn (nguy), không có lợi.)



卦辞

有孚窒，惕，中吉；终凶。
利见大人，不利涉大川。

图 16－2

"Hữu phu" là tín dụng, là thành tín, "trất" là tắc nghẽn. Một khi sự thành tín giữa người với người bị tắc nghẽn, tín dụng bắt đầu phá sản, đôi bên không tin tưởng nhau, thì chỉ còn cách ra tòa. Và chúng ta nhất định phải biết rằng mối quan hệ giữa người với người không bao giờ dừng lại ở đâu cả, trên đời không có thứ gì dừng lại ở một chỗ. Quan hệ giữa người với người hoặc là dương hoặc là âm, không phải ngày càng tin tưởng thì là ngày càng nghi ngờ, khi một người bắt đầu nghi ngờ đối phương, càng nhìn càng không tin tưởng, thì càng đi xa nhau. Ngay cả khi hai người càng đến gần nhau, cũng phải giữ khoảng cách an toàn, nếu không quá gần rồi cuối cùng cũng sẽ quyết liệt. Ví dụ khi chúng ta với bạn thân tốt đến mức không thể tốt hơn, thì phải bắt đầu đề phòng việc trở mặt, con người phải có chừng mực, đạo lý là như vậy.

Trong cuộc sống thực tế, tranh tụng thường phát sinh khi có xung đột về lợi ích, nên cũng có thể xảy ra giữa đối tác, họ hàng thậm chí người trong nhà. Và nguyên nhân xảy ra tranh tụng, thường là do sự không tin tưởng lẫn nhau. Vậy quẻ Tụng nhắc nhở chúng ta, khi xảy ra xung đột lợi ích, có nhất thiết phải dùng kiện tụng để giải quyết không? Trong lúc này điều cần chú ý nhất là gì?

Khi lòng tin có vấn đề, đôi bên ngày càng không tin nhau, chúng ta phải "Dịch" (惕), nghĩa là cảnh giác. Chữ "dịch" là trọng điểm của cả quẻ Tụng.

"Dịch" (惕) có nghĩa gì? Thứ nhất, đối với việc có nên kiện hay không, chúng ta phải nâng cao cảnh giác. Bởi vì một khi vào tòa thì không có hồi kết: sơ thẩm ai cũng không phục, phúc thẩm cứ thế kéo dài, kéo dài ba năm năm năm tinh thần mệt mỏi, cuối cùng vẫn không có kết quả. Cho nên trước khi kiện chúng ta phải hết sức cảnh giác, cân nhắc kỹ có nên kiện không, kiện rồi kết quả sẽ ra sao, bản thân có chịu đựng được không.

Thứ hai, đối với việc có thể thắng kiện hay không, chúng ta cũng phải cảnh giác. Luật sư thường nói trước khi kiện là chắc chắn thắng, kiện xong thua rồi, họ lại nói không thắng thì không có cách nào, đó là do thẩm phán không công bằng, họ đẩy hết trách nhiệm đi - lại không phải tôi xét xử, tôi đã cố hết sức, chắc chắn có cơ hội, không ngờ kết quả lại như vậy. Chúng ta phải tự hỏi trước xem có thể chấp nhận cảnh thê thảm như vậy không, hơn nữa còn phải cân nhắc dù có thắng thì đối phương có phục không.

Có lần, một giáo sư Nhật Bản ăn cơm với tôi, ông ấy nói một câu khiến tôi suốt đời không quên, ông nói: "Trí tuệ cao nhất của người Trung Quốc là một chữ." Tôi hỏi chữ nào. Ông nói: "Chính là chữ 'hóa' (化), việc lớn hóa nhỏ, việc nhỏ hóa không." Hóa, ngày nay gọi là hòa giải ngoài tòa án, trên toàn thế giới chỉ có chúng ta có cách thưởng cho thẩm phán rất kỳ lạ - một thẩm phán có càng nhiều vụ hòa giải ngoài tòa án, chứng tỏ hiệu suất của thẩm phán đó càng cao. Cho nên thẩm phán phải hiểu không phải người ta kiện là nhất định phải xét xử, không xét xử mới là thẩm phán giỏi, xét xử xong hai bên thành thù. Có người kiện tụng, thẩm phán nhìn thấy chuyện này nói chuyện một chút là xong, không có gì đáng kiện, khuyên giải đôi bên không cần nóng giận, đây mới là thẩm phán giỏi.

Khi tôi ở Mỹ, chỉ cần có thời gian rảnh, tôi đều chạy đến tòa án của họ xem, vì Mỹ là quốc gia pháp trị, trong tòa án của họ thật sự là đủ loại chuyện kỳ lạ. Có một người con trai khi kết hôn không mời bố anh ta, bố anh ta liền đến tòa kiện con trai, nói con trai tôi kết hôn lại không mời tôi. Lúc đó tôi thấy rất buồn cười: sao lại thế này? Rồi thẩm phán hỏi người con trai: "Tại sao con kết hôn mà không mời bố?" Người con trai nói lý lẽ đàng hoàng: "Con kết hôn chỉ mời một số người thường xuyên qua lại, bố con rất ít qua lại với con, con mời bố làm gì?" Kết quả tòa tuyên người con thắng kiện, người cha thua kiện.

Bạn Mỹ của tôi hỏi người Trung Quốc sẽ như thế nào, tôi nói ở Trung Quốc không bao giờ xảy ra chuyện như thế. Anh ta hỏi tại sao, tôi nói: "Ở Trung Quốc, con trai kết hôn là việc của bố, không liên quan gì đến con trai, con trai tôi kết hôn tôi mời anh, dù anh không quen con trai tôi, nhưng anh quen tôi là đủ rồi." Nhưng người Mỹ hoàn toàn không thể chấp nhận sự thật này. Đây chính là do văn hóa khác nhau, tư duy khác nhau, tạo thành tính dân tộc khác nhau của chúng ta. Và tính dân tộc không liên quan đến đúng sai.

Còn một lần nữa là con trai kiện bố, người con trai này học đại học năm hai ở Chicago, là sinh viên giỏi trường danh tiếng. Anh ta nói: "Ông tôi rất giàu, khi ông tôi qua đời, phần lớn tài sản cho bố tôi, nhưng có một phần là cho tôi, lúc đó tôi còn nhỏ, không có quyền hành sử hợp pháp, nên theo luật ủy thác cho bố tôi xử lý thay. Bây giờ tôi học đến năm hai đại học rồi, tôi mới phát hiện bố tôi cho tôi ít tiền lãi, ông ấy chiếm đoạt tài sản của tôi, không kiện không được."

Người Mỹ nghĩ rằng, tôi có thể tốn một nghìn đô để kiện anh lấy một đô. Mọi người thử nghĩ xem, nếu chuyện này xảy ra ở Trung Quốc, bạn có suy nghĩ gì? Chúng ta đương nhiên sẽ nói đây không phải là bệnh thần kinh sao? Tốn một nghìn đô, cuối cùng chỉ được một đô, còn nhất định phải kiện. Mỹ như thế này gọi là nước pháp trị sao? Tôi không biết.

Bây giờ chúng ta có thể thấy quẻ Tụng nói với chúng ta, "hánh", "trung cát", nghĩa là chỉ cần chúng ta cảnh giác, cuối cùng sẽ tìm được một điểm hợp lý. Nhưng kết luận của quẻ Tụng là hai chữ - "chung hung", ý nghĩa của "chung hung" là nói kiện tụng, người thua dĩ nhiên là thua, người thắng cuối cùng cũng chắc chắn thua, có thể thua còn khó coi hơn. Bởi vì đối phương sẽ quấy rối bạn không ngừng, họ ở chỗ tối bạn ở chỗ sáng, thế thì khó khăn rồi. Loại án lệ này trong lịch sử chúng ta xuất hiện quá nhiều.

Nguyên tắc cơ bản của quẻ Tụng là cầu tránh khỏi kiện tụng. Vụ kiện tốt nhất là được hòa giải giữa chừng, như vậy mới có thể đạt được kết quả đôi bên cùng thắng và tốt lành. Nếu nhất định phải tranh cường háo thắng, phán xét thắng thua, thì cuối cùng hai bên tích oán, ngược lại đều không được lợi gì. Nhưng xã hội hiện đại cạnh tranh gay gắt, kiện tụng ngày càng nhiều, chúng ta làm thế nào để giảm bớt kiện tụng, tránh "chung hung", từ đó đạt được kết quả đôi bên cùng thắng?

Chúng ta lại xem hai câu cuối của thoán từ quẻ Tụng: "Lợi kiến đại nhân, bất lợi thiệp đại xuyên." "Lợi kiến đại nhân" nghĩa là gì? Trước tiên chúng ta phải hiểu rõ thế nào là đại nhân. Trong đầu người Trung Quốc, tiểu nhân là người tu dưỡng không tốt, người không đi đường chính; thánh nhân là người rất hay dạy dỗ người khác, nói năng có đầu có đuôi, rồi bản thân cũng có vẻ rất thần thánh. Nhưng thế nào gọi là đại nhân? Rất đơn giản, người có thể cứu mạng chúng ta mới gọi là đại nhân, nếu không thì tính là đại nhân gì? Chúng ta vừa bị oan ức liền nói "đại nhân tôi oan ức, đại nhân cứu mạng tôi", chưa từng có ai nói "thánh nhân cứu mạng tôi", người có thể cứu mạng thì không còn là thánh nhân nữa. Cho nên người có mối quan hệ lợi hại mật thiết nhất với dân chúng, chính là đại nhân.

Đại nhân ở đây chỉ vị thẩm phán công chính, ý nói chúng ta phải nhanh chóng cầu trời đất phù hộ, chỉ mong có một vị thẩm phán công chính, nếu không thì nói thế nào cũng vô ích.

Thành thật mà nói, nếu luật pháp được định ra quá chặt chẽ thì không thể thực thi, nên luật pháp nhất định phải có tính linh hoạt, mới có thể thích ứng với các tình huống khác nhau. Cho nên đừng nghĩ rằng chỉ cần thực thi theo luật là tốt, chỉ cần luật định chặt chẽ là tốt, đó đều là nói suông, là ảo tưởng của người không có kinh nghiệm. Luật lệ định quá chặt chẽ, người ta không thể cử động được, sẽ bị tắc nghẽn khó làm. Không có trường học nào dám nói "phàm thi cử gian lận đều bị đuổi học", bởi vì như vậy sẽ gây phản ứng mạnh từ phía phụ huynh, nên nhiều giáo viên không bắt học sinh gian lận nữa, đọc báo, giả vờ không thấy. Vì vậy xuất hiện hai kiểu giáo viên coi thi, đây cũng là một âm một dương chi vị đạo.

Một kiểu là thực sự đọc báo, không coi thi nữa, không quan tâm học sinh có gian lận hay không, rồi đẹp lời nói là học sinh tự giác, học sinh tự quản, học sinh biểu hiện tốt không cần mình; còn kiểu kia là đục một lỗ nhỏ trong tờ báo, giả vờ đọc báo để lén nhìn, rồi đi bắt học sinh gian lận, kiểu giáo viên này sẽ bị học sinh căm ghét cả đời - giả vờ đọc báo dụ tôi mắc bẫy, tôi mới lấy phao ra, nếu thầy trừng mắt nhìn tôi thì tôi có dám lấy phao không? Có thể thấy, định ra luật lệ chặt chẽ là rất khó, ngoài việc quy định giáo viên phải làm

thế nào, còn phải quy định lúc đó người gian lận nhiều hay ít, đề thi ra có đúng không, v.v., đủ loại tình huống đều phải tính đến.

"Lợi kiến đại nhân" cho thấy cuối cùng vẫn phải dựa vào con người, luật có tốt đến đâu, chỉ cần người lập pháp không theo lương tâm, người tư pháp không theo lương tâm, người thực thi pháp luật không theo lương tâm, thì luật bằng không. Dân chúng tại sao luôn không có niềm tin? Chính là vì từ xưa đến nay đại nhân quá ít. Cho nên Bao Công thực sự rất giỏi, dù thấp bé, mập mạp, sắc mặt không đẹp, nhưng rất nổi tiếng. Hai cánh dài trên mũ quan của Bao Công sở dĩ đặc biệt dài, là vì ông ấy không cao, đứng giữa các quan, Hoàng Đế hoàn toàn không thấy ông ở đâu, nên cho làm đặc biệt dài hơn, để Hoàng Đế nhìn một cái có thể thấy ông.

Nhưng phải nhớ kỹ, "bất lợi thiệp đại xuyên". "Bất lợi", nghĩa là đừng nghĩ rằng mình nhất định sẽ thắng, dưới trời không có vụ kiện nào chắc chắn thắng, bởi vì biến số quá nhiều, chúng ta không biết có đột ngột xuất hiện một Trình Giảo Kim hay không. "Đại xuyên" là nguy hiểm, bất kỳ vụ kiện nào cũng giống như nhu cầu, đều đầy rẫy nguy hiểm. Vậy phải làm sao? Thực ra rất đơn giản, nếu có một vụ án lớn hơn xuất hiện, vụ án của bạn sẽ lập tức bị gác lại, thẩm phán không để ý đến, bởi vì cả thế giới cả xã hội đều đang xem ông ta xử lý vụ đó, vụ của bạn chỉ có thể tính là chuyện vặt, nên thường sẽ kéo dài hai ba năm, bởi vì vụ kia vẫn chưa xử xong. Có thể thấy, kiện tụng nói cho cùng chỉ có hai chữ - "chung hung", thế giới biến đổi khôn lường, ai cũng không thể dự đoán được, muốn tìm được điểm hợp lý tương đối không dễ.

> Quẻ Tụng nói với chúng ta, chỉ có tư pháp công chính mới là phương pháp tốt nhất để giảm bớt kiện tụng. Nhưng chỉ cần kiện tụng, bất kể thắng thua, đều không phải là chuyện tốt. Vậy, học quẻ Tụng có thể giúp chúng ta trong cuộc sống hàng ngày giảm bớt tranh chấp, tránh được kiện tụng không? Làm sao vận dụng trí tuệ của Kinh Dịch để tránh kiện tụng?

Đại tượng của quẻ Tụng nói với chúng ta: "Thiên dữ thủy vi hành, tụng; quân tử dĩ tác sự mưu thủy."

Quẻ Tụng trên là thiên, dưới là thủy, nên gọi là Thiên Thủy Tụng. Trời với nước sao lại là tụng? Bởi vì đại diện của trời là mặt trời, mặt trời từ phương đông mọc lên đi về phía tây, còn các dòng sông của Trung Quốc đều chảy từ tây sang đông, đúng là "nhất giang xuân thủy hướng đông lưu". Có thể thấy nước chảy từ tây sang đông, mặt trời từ đông sang tây, hai cái hoàn toàn ngược chiều nhau, ám chỉ ý kiến không hợp nhau, sẽ cãi vã tranh chấp, đôi bên không nhường nhịn, rồi sẽ dẫn đến kiện tụng. Người quân tử thấy tượng của quẻ Tụng, liền cảm thấy sâu sắc rằng chúng ta nên "tác sự mưu thủy", nghĩa là bất cứ làm việc gì, nhất định phải chuẩn bị đầy đủ trước khi bắt đầu.

Thứ nhất, phải nghĩ xem người mình tìm đến có cùng chí hướng không. Nếu không cùng chí hướng, mọi người sớm muộn sẽ bất đồng ý kiến, sớm muộn phải chia tay. Ví dụ kiện ly hôn, năm xưa anh yêu tôi tôi yêu anh, yêu như keo như sơn, tại sao cuối cùng lại gặp nhau ở tòa án? Sao lại thay đổi nhanh vậy? Chính là do không "tác sự mưu thủy".

Người hợp tác mở công ty cũng vậy, khi chưa kiếm được tiền, ai cũng không kiện, vì họ nghĩ: chưa kiếm được tiền, kiện thắng cũng không chia được tiền. Nhưng một khi kiếm được tiền liền bắt đầu có ý kiến: sao người trong đó toàn là người thân của anh vậy, sao anh quản tiền, tôi cũng có thể quản mà. Rồi có người bắt đầu rút cổ phần, có người hoặc là dùng một chút tiền đuổi người khác đi, hoặc là không cho tiền người ở lại.

Có một lần ba người muốn hợp tác, mời tôi làm người chứng kiến, bốn chúng tôi ăn cơm trò chuyện, nói chuyện thật sự rất hợp, rồi ba người đều cười cười ha ha ký hợp đồng, muốn hợp tác làm ăn. Tôi thấy rất tốt, cũng rất vui. Không ngờ, tôi về đến nhà, cà vạt vừa cởi xuống, áo còn chưa kịp cởi, điện thoại đã reo, một trong ba người liền gọi điện cho tôi, nói: "Thầy Tăng, hôm nay tôi vì nể mặt thầy mới đồng ý, thực ra hoàn toàn không thể được, nên thầy gọi điện nói với hai người kia, cái hợp đồng đó vô hiệu."

Có thể thấy người Trung Quốc thực sự quá thông minh, nên nhiều người rất tức giận, nhưng tức giận thì có tác dụng gì? Người Trung Quốc sinh ra đã thông minh như vậy, mà thông minh có cách sống của thông minh, ngu dốt có cách sống của ngu dốt, cá nhân tự mình lựa chọn.

> Có nhiều đối tác, lúc đầu đều đồng tâm hiệp lực, cùng chia sẻ ngọt bùi, nhưng cuối cùng vẫn không tránh khỏi cảnh tượng cùng phòng đánh nhau, cùng chết trong phòng. Kinh Dịch qua quẻ Tụng nói với chúng ta: trước khi làm bất cứ việc gì, đều phải suy đi nghĩ lại rồi mới hành động, từ đó tránh được những tranh chấp pháp lý không cần thiết. Nhưng chúng ta vẫn có thắc mắc, tại sao một khi gặp tranh chấp kiện tụng, luôn có những chỗ nói không rõ ràng?

Tôi đã từng thảo luận vấn đề này với nhiều người có kinh nghiệm trong giới luật: chỉ cần là luật viết bằng chữ Hán, đều rất khó giải thích, mà giải thích thế này cũng đúng, giải thích thế kia cũng thông, nên người Trung Quốc vĩnh viễn là công nói công có lý, bà nói bà có lý; thứ hai, là luật của người Trung Quốc vĩnh viễn thiếu một điều, thiếu điều nào? Rất thú vị, chính là thiếu điều mình đang tìm. Khi chúng ta cần làm việc đều sẽ lấy luật ra xem, phát hiện điều nào cũng có, chỉ có điều mình đang tìm là không có. Nhiều người không hiểu tại sao. Thực ra nguyên nhân rất đơn giản, chính là người Trung Quốc đường hoàng từ xưa đến nay không vi phạm pháp luật, người Trung Quốc chỉ làm những việc luật pháp chưa quy định mà thôi.

Mọi người phải suy nghĩ kỹ câu này: bất kỳ bộ luật nào sau khi định chết rồi đều không thông. Như vậy mọi người mới biết người phương Tây định chế độ, một hai ba bốn năm viết xong là hết, người Trung Quốc một hai ba bốn năm viết xong nhất định thêm một điều "những việc khác", nhất định sẽ để lại một số khoảng trống, nếu không có luật cũng như không có luật.

Có thể thấy ngoài người Trung Quốc, tiếng Trung, chữ Trung Quốc cũng là thứ có tính linh hoạt nhất trên thế giới, hầu như một chữ một thái cực. Chữ viết nghiêm ngặt nhất thế giới không phải tiếng Anh, mà là tiếng Pháp, hiệp ước định bằng tiếng Pháp tuyệt đối chỉ có một cách giải thích, bởi vì nó rất nghiêm ngặt. Nhưng chúng ta làm không được, chúng ta không phản đối pháp luật, cũng không phản đối chế độ, bởi vì

chúng ta từ Chu Công đã nổi tiếng thế giới về chế độ. Khổng Tử rất ngưỡng mộ chế độ của Chu Công, ngay cả trong mộng cũng mơ thấy Chu Công, nhưng chúng ta cũng thấy cuối cùng là "lễ băng nhạc hoại", chúng ta không thể khôi phục lại chế độ nhà Chu, nên mới phải "dữ thời câu tiến" (theo kịp thời đại). Nói thật, định ra một điều luật phải mất rất nhiều thời gian, định xong nó vẫn sẽ thay đổi liên tục, vậy chúng ta là chết cứng theo luật pháp hay tùy cơ ứng biến? Đương nhiên là phải tùy cơ ứng biến, chết cứng theo luật pháp là không thông.

Câu tôi nghe nhiều nhất là, tại sao không thể như thế này. Có người nói quy định không được, người nghe thì nổi giận: Quy định? Đó là quy định nhà anh, liên quan gì đến tôi? Anh còn muốn dùng quy định nhà anh để quản tôi? Thế thì rất tuyệt. Cho nên nói đến quẻ Tụng, chúng ta phải nhớ khó nhất là hợp lý. Người phương Tây là luật định thế nào, người làm thế ấy, đây là tính dân tộc của họ; người Trung Quốc yêu cầu cao hơn, chỉ chấp nhận luật hợp lý, tuyệt đối không chấp nhận luật không hợp lý.

Thực ra, khi Mỹ năm xưa quy định lái xe nhất định phải thắt dây an toàn, người Mỹ đã phản đối, nhưng khi điều luật này được thông qua, tất cả người Mỹ lái xe đều thắt dây an toàn. Người Trung Quốc không như vậy, thói quen của người Trung Quốc là chính phủ muốn định luật gì cứ định, chúng tôi không can thiệp, chúng tôi chỉ nghĩ lúc đó đừng để người ta bắt được là được. Có thể thấy cách nghĩ của người Trung Quốc khác với phương Tây, người phương Tây không bao giờ nghĩ đến việc lúc đó đừng để bị bắt, vì họ cho rằng không thể không bị bắt, nhưng rất kỳ lạ, người Trung Quốc sẽ không bị bắt. Và mỗi người bị cảnh sát bắt đều nói: oan uổng, người ta không thắt không sao, tôi không thắt lại có chuyện, đây không phải cố ý gây khó dễ cho tôi sao? Ở Trung Quốc tình trạng như vậy có thể thấy khắp nơi.

Tư duy linh hoạt của người Trung Quốc dẫn đến trong nhiều quá trình kiện tụng, rất khó đạt được kết quả hợp lý mà hai bên đều công nhận. Không bình đẳng, không đồng đều, không hợp lý là nguyên nhân gây ra kiện tụng. Tư pháp có công bằng hay không ảnh hưởng đến thành bại của kiện tụng. Nhưng quẻ Tụng trong Kinh Dịch lại chủ trương người ta tránh kiện tụng, vậy nếu trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta gặp chuyện không bình đẳng, không đồng đều, không hợp lý thì phải làm thế nào? Quẻ Tụng còn cho chúng ta những gợi ý gì?

Khi chúng ta xem rõ quẻ Tụng trong Kinh Dịch, sẽ biết bất cứ việc gì trước khi bắt đầu, phải nghĩ xem có dẫn đến kiện tụng không, nếu có, phải cố gắng tránh, trước đó giao tiếp, nói chuyện rõ ràng. Lấy một việc cụ thể làm ví dụ, nếu bạn làm vải vóc, có người làm giả, bạn làm thế nào? Bạn nói đi bắt, nhưng sự thật thường là bạn không bắt, họ còn không dám trắng trợn, chỉ lén lút làm giả một chút, chỉ cần bạn bắt đầu bắt, họ sẽ bắt đầu làm giả quy mô lớn, họ nghĩ: dù sao cũng bị bạn bắt, bị bạn kiện, tôi làm lô này bạn kiện tôi, tôi làm nhiều lô hơn cũng chỉ là bạn kiện tôi mà thôi, dù sao tôi có tiền bạn cứ kiện đi. Rồi kéo dài ba năm năm năm, kéo đến khi thẩm phán sắp phán quyết, công ty bạn đã sụp đổ, bạn sẽ thảm. Cho nên người Trung Quốc làm chuyện xấu, đã bắt thì phải bắt, nhưng bắt rồi chúng ta sẽ không đưa ra tòa, chúng ta sẽ

tìm một người có địa vị uy tín ra làm trung gian hòa giải, đôi bên nhường nhịn lẫn nhau - người bị làm giả nói chuyện đã làm giả thì thôi, sau này đừng làm nữa là được; còn người làm giả nghĩ mình cũng kiếm được nhiều tiền rồi, thôi thì không làm giả nữa. Đây gọi là hòa giải ngoài tòa án, việc lớn hóa nhỏ, việc nhỏ hóa không.

Quẻ Tụng nói với chúng ta "dịch", là nói phải cảnh giác bản thân, bởi vì chúng ta không thể cảnh giác được người khác.

Đọc quẻ Tụng, chúng ta nên biết cuộc đời chính là trong những gian nan trở ngại không ngừng mà tự mình trưởng thành. Chúng ta luôn muốn sống một cuộc sống rất đơn giản - chính phủ định ra luật, mọi người làm việc theo luật, mô hình này năm nghìn năm vẫn chưa thực hiện được. Người Nhật khi ở Đài Loan, bắt được trộm, việc đầu tiên là chặt gót chân tên trộm, vì đó không phải đồng bào của họ, đương nhiên có thể chặt, như vậy ai cũng không dám làm trộm. Chúng ta bây giờ cũng có thể, bắt được trộm chặt gót chân, ai còn dám trộm? Tôi đảm bảo không có trộm. Nhưng bạn có muốn sống trong xã hội như vậy không? Nghĩ đến thôi đã thấy kinh khủng. Cho nên nói đi nói lại vẫn là mọi người phải nói theo lương tâm, tự mình quản tốt bản thân. Những điều này nghe có vẻ vô ích, nhưng cuối cùng lại trở thành hữu ích nhất. Đây là gợi ý tốt nhất Kinh Dịch cho chúng ta.

Kinh Dịch nói với chúng ta, nhân loại đã không còn đường nào khác để đi. Lão Tử từng nói: "Dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi." (Dân không sợ chết, lấy gì lấy cái chết để dọa họ). Khi dân chúng không sợ vi phạm pháp luật, không sợ chết, thì pháp luật có tác dụng gì? Dù luật pháp quy định cướp ngân hàng bị bắt sẽ bị xử bắn, dân chúng thấy bắn thì bắn. Có thể thấy con đường pháp trị trong xã hội nhân loại hiện nay là không thông.

> Kiện tụng không thể khiến người tin phục, dù thắng kiện cũng không vinh quang. Nhưng một khi người ta kiện tụng, thường sẽ bỏ qua bản chất của vấn đề, mà nghĩ đủ mọi cách, chỉ muốn tranh một hơi, đòi một lẽ phải. Nhưng Kinh Dịch lại nói với chúng ta, nhất định phải "nói theo lương tâm, tự mình quản tốt bản thân". Vậy, Kinh Dịch có thể giúp người ta giảm bớt kiện tụng không?

Từ nhỏ chúng ta phải nói với trẻ em phải theo lương tâm, những thứ có được không theo lương tâm cuối cùng đều giữ không được. Thì trẻ em dần dần sẽ hiểu, chúng sẽ rất cẩn thận, không trộm đồ của người khác, không phải đồ của mình không lấy bừa. Nhưng chúng ta phải nói rõ, khi trẻ em lấy tiền trong nhà ra tiêu, làm cha mẹ không nên cho rằng trẻ đang ăn trộm tiền, bởi vì chúng hoàn toàn không có khái niệm về trộm cắp. Rất nhiều trẻ em rất oan uổng, chúng vốn không có khái niệm gì về trộm cắp, khái niệm về chế độ tư hữu tài sản chúng cũng không hiểu, chúng chỉ thấy tiền ở đó, người lớn lấy ra tiêu, vậy mình lấy ra tiêu cũng không có gì sai.

Cho nên khi trẻ lấy tiền ra, người lớn không nên nói thẳng là nó ăn trộm tiền của nhà, đó là người lớn sai. Làm người lớn phải nói với trẻ: con có thể dùng tiền nhà, vì con là thành viên trong gia đình, bố mẹ có thể

tiêu tiền, đương nhiên con cũng có thể tiêu, nhưng con phải nói với bố mẹ một tiếng, như vậy chúng ta mới biết không phải người ngoài vào trộm, mà là người nhà lấy. Và con lấy bao nhiêu phải bàn với bố mẹ một chút. Đây mới là giáo dục. Nếu cha mẹ thấy con lấy tiền nhà ra, liền nói: hỏng rồi, đứa trẻ này còn nhỏ đã biết ăn trộm. Thế là xong, trẻ sẽ sinh tâm lý phản kháng: bạn cho rằng tôi là trộm, tôi sẽ trộm cho bạn xem. Có thể thấy quẻ Mông là rất khó khăn, chúng ta thường là ở quẻ Mông có vấn đề, trẻ em có nhu cầu không chính đáng, người lớn không biết làm sao để uốn nắn chúng, nếu cuối cùng đi theo con đường kiện tụng thì toàn dân không yên ổn.

Thẩm phán càng bận rộn chứng tỏ xã hội càng loạn, đây là tương đối. Chúng ta thà để thẩm phán lĩnh lương không làm việc, đây chính là điều Khổng Tử nói "tất dã sử vô tụng hồ". Nghĩa là phải nghĩ cách để mọi người đều không kiện tụng, chứ không phải cấm mọi người không được kiện tụng, nghĩ cách thông suốt hóa giải, phòng bị trước, nâng cao cảnh giác của mỗi người, rồi để mọi người đều biết kiện tụng cuối cùng đều là hai bên đều thua thiệt.

Bất cứ việc gì phòng bị trước không hối hận sau, đây mới gọi là hạnh phúc, đây mới là định nghĩa thực sự của hạnh phúc. Hạnh phúc không phải là cười cười ha ha, cười cười ha ha chính là không động não, không động não chính là chết đến nơi mà không tự biết, đó gọi là ngây thơ, gọi là mông muội.

Tư tưởng trung tâm của quẻ Tụng là đừng kiện tụng, kiện tụng là rất mệt mỏi. Vậy làm thế nào để hóa giải nó, khiến mọi người nhẹ nhõm? Phần tiếp theo chúng ta sẽ nói về việc hóa giải mệt mỏi vì kiện tụng.

Chương 17: Hóa Giải Mệt Mỏi Vì Kiện Tụng

> Quẻ Tụng nói với chúng ta, kiện tụng là việc hai bên đều thua thiệt, nên tránh càng nhiều càng tốt. Nhưng đồng thời cũng nói với chúng ta, khi cần kiện thì phải kiên định dũng cảm tiến hành kiện tụng. Vậy tình huống nào nên kiện? Tình huống nào không nên kiện? Mục đích kiện tụng thực sự là gì? Chúng ta nên lĩnh hội trí tuệ trong quẻ Tụng như thế nào để hóa giải mâu thuẫn trong cuộc sống?

Có một công ty, tổng giám đốc nhận được thông báo phải đi Nhật Bản họp, ông nghĩ mọi lần đều là mình đi, cũng để phó tổng đi một lần. Thế là phó tổng rất vui vẻ đồng ý, rồi về nhà nói với vợ con: anh phải đi Nhật Bản họp, các em có muốn đi chơi luôn không? Hai người cũng rất vui vẻ đồng ý, xin nghỉ, ba người hùng hùng hổ hổ đến Tokyo. Chơi quá vui đến nỗi quên cả họp, đến khi nhớ ra thì cuộc họp đã kết thúc rồi, không có cách nào, ông ta đành cứng đầu về nước, dù sao cũng không thể lưu vong ở nước ngoài.

Về đến nơi ông ta liền cân nhắc kỹ có nên nói thật không, nhưng nếu lúc này nói thật thì cả công ty đều cười mình, mà truyền ra ngoài, mình chỉ có cúi đầu về nhà. Nên ông ta quyết định tạm lĩnh phí công tác, chuyện sau này tính sau.

Sau đó con trai tổng giám đốc biết chuyện này, liền nói với bố: phó tổng có thể làm vậy sao? Nếu không xử lý ông ta, phong khí cả công ty sẽ hỏng hết, nên dù thế nào cũng phải gọi phòng pháp vụ xử lý ông ta, kiện cũng được, ít nhất có ba tội: một là trễ nải công vụ; hai là giả mạo văn thư; ba là chiếm đoạt phí công tác.

Còn tổng giám đốc nói: Đương nhiên bố biết rồi, nhưng có những việc bố biết con không biết, nếu như con nói chúng ta bây giờ kiện ông ta, tòa án phán thế nào là một chuyện, ông ta chắc chắn sẽ bị công ty đối thủ của chúng ta trả giá cao để lôi kéo. Và ông ta rất quen thuộc với công ty chúng ta, bị lôi kéo đi rồi ông ta sẽ chuyên thiết kế một số phương án nhắm vào chúng ta, đánh gục chúng ta, thiệt hại gây ra như vậy đâu phải khoản phí công tác này có thể bù đắp được? Hơn nữa phó tổng từ lâu đã có nhiều đóng góp cho công ty chúng ta, lần này cứ coi như bố cho ông ấy nghỉ phép an ủi, đãi cả nhà đi chơi cũng không quá. Huống chi trong chuyện này, bản thân bố cũng có lỗi. Bố bảo ông ấy đi họp, lẽ ra phải tăng trách nhiệm của ông ấy, nói cho ông ấy biết bố muốn hiểu gì, nhờ ông ấy chuyển đạt điều gì, nhưng bố không dặn dò.

Con trai vẫn kiên quyết nói: không được, nếu không chúng ta lập phòng pháp vụ để làm gì? Tổng giám đốc nói: Chúng ta lập phòng pháp vụ là để nâng cao cảnh giác của chính mình, bất kỳ phương án nào cũng phải suy đi tính lại điều chỉnh, hoặc là trước đó trao đổi với đối phương, đừng để người ta có cơ hội kiện chúng ta, chứ không phải nói chúng ta lập phòng pháp vụ để đi kiện người khác.

Bố con tổng giám đốc có thái độ hoàn toàn khác nhau đối với sự việc này, nhưng đều có lý, nếu kiện phó tổng đó, thì có thể bị đối thủ cạnh tranh lôi kéo, nhưng nếu cứ thế bỏ qua, thì có thể trợ giúp cho phong

khí vô trách nhiệm này. Vậy trong tình huống lợi ích công ty bị xâm phạm, rốt cuộc là nên kiện, hay không kiện? Cuối cùng dùng phương pháp nào mới có lợi cho lợi ích lâu dài của công ty?

Gừng vẫn là già cay, tổng giám đốc dù sao cũng là tổng giám đốc, bởi vì phó tổng này về sau trong lòng luôn không yên, thực ra từ khi ở Tokyo không đi họp trong lòng đã không yên rồi: phải làm sao đây? Mất mặt thế này, có lỗi với công ty, có lỗi với tổng giám đốc, càng có lỗi với bản thân. Nên ông ta bắt đầu nghĩ, về sau mình song song hai việc, một mặt tạm thời lĩnh phí công tác, che mắt mọi người để mình có thể bình an; rồi mình phải nhanh chóng nghĩ xem có cách nào có thể đóng góp đặc biệt cho công ty, bù đắp xong rồi mới chính thức nói với tổng giám đốc về lỗi lầm của mình, lúc đó tùy tổng giám đốc xử lý, đây mới là cách nghĩ của người Trung Quốc.

Sau đó khi ông ta đã có đóng góp rồi, liền đi tìm tổng giám đốc, nói mình đi Tokyo chơi đến lú lẫn, ngay cả họp cũng không đi. Tổng giám đốc giả vờ không biết, và nói không sao, coi như đi chơi. Phó tổng nói không được, thế này truyền ra sẽ làm hỏng phong khí công ty, nên mình nhất định phải xin từ chức, và sẽ hoàn trả phí công tác, thậm chí có bị pháp luật xử lý, mình cũng không oán trách gì. Tổng giám đốc lại nói: đùa gì vậy, đóng góp của anh cho công ty có ai bì kịp, ai dám nói câu này tôi bảo người đó cuốn xéo.

Chúng ta có thấy người Trung Quốc hoàn toàn không có ý thức pháp luật không? Đương nhiên không. Bởi vì chúng ta sẽ nghĩ đến tầng sâu hơn - vì pháp luật mà ép đi một người tài rất quan trọng đối với công ty, được mất thế nào. Đây mới là chỗ khác nhau giữa Pháp gia và Nho gia. Nói thật, một số người đọc sách cứ cho rằng Pháp gia là Pháp gia, Nho gia là Nho gia. Thực ra đọc Kinh Dịch rồi chúng ta nên biết, Nho gia chính là Pháp gia, Pháp gia chính là Nho gia. Khổng Tử rất coi trọng chế độ, rất coi trọng phải có phải trái, nhưng cách nói của ông khác với Pháp gia, Pháp gia là mọi việc theo pháp luật, Khổng Tử nói theo pháp luật phải có điều kiện tiên quyết: người lập pháp phải theo lương tâm, người tư pháp phải theo lương tâm, người thực thi pháp luật phải theo lương tâm. Cho nên chúng ta sẽ thấy Pháp gia thêm theo lương tâm, liền thành Nho gia.

Chúng ta thấy trong lịch sử Pháp gia cuối cùng đều chết rất thảm, thì biết tại sao Mạnh Tử nói "đồ pháp bất túc dĩ tự hành". Hơn nữa Pháp gia thường là tự chuốc họa vào thân, nên vẫn là Nho gia nhìn xa hơn một chút.

Quẻ Tụng có phải nói với chúng ta vĩnh viễn không được kiện tụng? Đương nhiên không thể, bởi vì có lúc là không tránh khỏi. Quẻ Tụng nói với chúng ta kiện tụng được, nhưng phải có tính pháp luật, phải đào tạo thẩm phán tốt, còn phải có luật sư tốt. Chúng ta nhìn lại chuyện vừa rồi, tổng giám đốc trong toàn bộ quẻ Tụng ở vị trí chính là cửu ngũ, chúng ta thấy quẻ Tụng sáu hào chỉ có cửu ngũ là đắc chính, năm hào còn lại hoàn toàn bất chính. Nghĩa là muốn kiện, nhất định phải cửu ngũ hành động đúng đắn, nhất định phải cửu ngũ biết làm sao để dàn xếp, biết thế nào mới là hợp lý.

Câu này rất quan trọng, sự không công bằng hợp lý. Điều chúng ta theo đuổi là sự không công bằng hợp lý, không phải như người ta nói hiện nay là công bằng. Vì vậy, bây giờ chúng ta chia toàn bộ quẻ Tụng thành hai đoạn để xem, trên là thiên, dưới là thủy (hình 17-1).

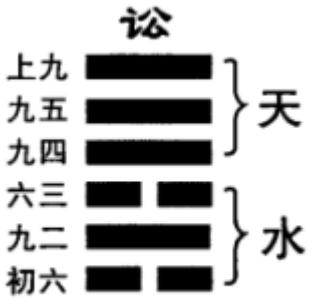

图 17 – 1

Trên là thiên, thiên hành kiện, người dưới muốn kiện người trên, mà người trên lại là người rất cường kiện, có quyền có thế, thậm chí kiện tụng dùng tiền công, còn người dưới kiện tụng ngoan ngoãn dùng tiền của mình, đi đánh nhau với người trên, không đáng. Dưới là thủy, thủy tuy sức mạnh rất lớn, nhưng dù sao nó vẫn rất yếu ớt. Lão Tử nói rõ nhất: "Thượng thiện nhược thủy." Thế nào gọi là thượng thiện nhược thủy? Chính là nước sẽ thấm nhuần vạn vật, nhưng hoàn toàn không kể công. Bạn xem mưa rơi, mưa xong rồi không nói người được bao nhiêu lợi ích, phải trả bao nhiêu tiền.

Chúng ta xem hào từ của Sơ lục (hình 17-2): “Bất vinh sở sự, tiểu hữu ngôn, chung cát.”

(đừng kéo dài (vụ kiện) làm gì, tuy bị trách một chút, nhưng sau được tốt.)

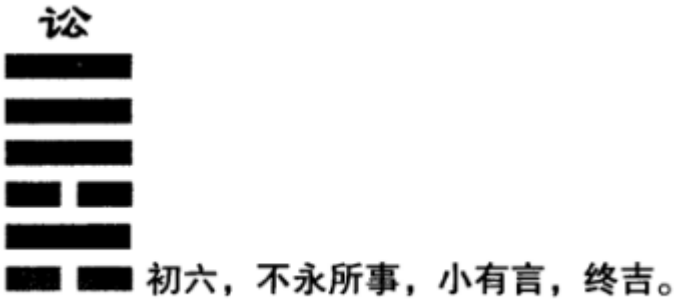

图 17 – 2

"Bất vinh sở sự" nghĩa là đừng thường xuyên làm những chuyện này. Một công ty động một tí là kiện, vướng vào kiện tụng, thì làm sao làm việc được? Tôi có rất nhiều ví dụ thực tế, một tổng giám đốc tự nói với tôi, ông nói: tôi chỉ phạt một nhân viên, kết quả nhân viên đó ra ngoài, ngày nào cũng kiện, cứ kiện mãi, làm cả công ty không yên ổn, tôi cho anh ta tiền anh ta không lấy, anh ta chỉ muốn kiện tôi đến cùng, tôi không có cách nào với anh ta. Chúng ta chỉ khi thực sự gặp phải người như vậy, mới biết "bất vinh sở sự".

Cho nên kiện tụng loại việc này càng ít càng tốt mới là thượng sách, lỡ xảy ra rồi phải nhanh chóng cầu hòa giải, đừng nghĩ rằng mình nhất định sẽ thắng. Dưới "bất vinh sở sự" chính là "tiểu hữu ngôn, chung cát".

"Tiểu hữu ngôn, chung cát" là hào từ của Sơ lục trong quẻ Tụng. Nhưng nó cũng xuất hiện trong hào từ của Cửu nhị trong quẻ Nhu, ý nghĩa là nói, tuy "tiểu hữu ngôn", nhưng cuối cùng đều có thể đạt được kết quả tốt lành. Đã có kết quả giống nhau, vậy "tiểu hữu ngôn" xuất hiện đồng thời trong hai quẻ Nhu và Tụng.

"Tiểu hữu ngôn" trong hào từ của Sơ lục quẻ Tụng không giống với "tiểu hữu ngôn" trong hào từ của Cửu nhị quẻ Nhu. "Tiểu hữu ngôn" trong quẻ Nhu là nói người ta công kích bạn, oan uổng bạn, chính là lời bàn tán. Quẻ Tụng không phải vậy, "tiểu hữu ngôn" trong quẻ Tụng là nói bạn cân nhắc cân nhắc, bạn là lục, vốn là yếu ớt, bạn lại là sơ, vị trí rất thấp, dựa vào đâu mà đi kiện người trên? Nên nói vài câu biện hộ cho mình là được rồi, hoàn toàn không biện hộ cũng không được, nhưng đừng lý sự thẳng thừng, đừng nói một đống lời, đây mới gọi là tiểu hữu ngôn.

Tiểu hữu ngôn, kêu oan một chút là được rồi, đối phương nghe được cũng tốt, không nghe được cũng được, ít nhất mình đã nói, như vậy mới sẽ chung cát, mới sẽ cát tường.

Hào từ của Cửu nhị (hình 17-3): “Bất khắc tụng, qui nhi bô. Kì ấp nhân tam bách hộ, vô sảnh.”

(không nên kiện, lui về mà tránh đi, ấp mình chỉ có ba trăm nóc nhà thôi (ý nói địa vị mình thấp, thế mình nhỏ), như vậy thì không bị họa.)



讼

九二，不克讼，归而逋，其邑人三百户，无眚。

图 17－3

Cửu nhị là nói nếu nhất định phải kiện thì kết quả cuối cùng chắc chắn là thua, bởi vì người làm sao đánh thắng được trời? Chúng ta vừa nghĩ đã biết, phàm là người có cách, có khả năng đều không đi kiện những kẻ yếu, bởi vì không cần thiết, đi kiện đều là người yếu, nhưng đó là vô dụng. Bởi vì Cửu nhị với Cửu ngũ hai dương tương đối, căn bản là không tương ứng, mà bản thân hào Cửu nhị dương cư âm vị, đã có vấn đề, do đó Cửu nhị tự cân nhắc một chút, mình có thể thắng được người trên không, không được thì quy nhi bô. Quy nhi bô nghĩa là nhanh chóng chạy về quê, đừng ở lại đây, nếu không ở đây, người trên thấy bạn là muốn trả thù bạn, bạn sẽ gặp rắc rối. Về quê còn phải nghĩ xem quê mình bao nhiêu người, hào từ của Cửu

nhị nói với bạn, kỳ ấp nhân tam bách hộ, phải đến làng nhỏ chỉ có ba trăm hộ, nếu không nếu quê bạn có một vạn người, thì người trên bắt đầu chú ý rồi, bạn có phải về để chuẩn bị nổi loạn không, liền truy đuổi bạn ngay, có thể chưa về đến nhà đã bị giết. Nếu quê bạn tổng cộng chỉ có ba trăm hộ, dù tất cả mọi người đều ủng hộ cũng không thành khí hậu, người trên sẽ nói thôi vậy, sẽ không so đo nữa, như vậy mới vô tánh. Vô tánh nghĩa là tránh được bị hại. Chúng ta thấy trước đây người ta thường như vậy, không hợp với lãnh đạo thì cáo quan về quê, ẩn cư một thời gian, nói không chừng lãnh đạo nghĩ lại thấy không đúng, qua một thời gian lại triệu hồi về, lại phục chức. Nên Cửu nhị tuy là hào giữa của nội quái, nhưng bản thân yếu ớt, hơn nữa người trên Cửu ngũ quyền thế tuyệt đối lớn hơn Cửu nhị, hai hào không tương ứng, không được ủng hộ, Cửu nhị tự mình phải cân nhắc kỹ.

Lục tam (hình 17-4) cũng bất chính, bởi vì vị trí này vốn là dương vị, bây giờ một hào âm chiếm ở đây, nên hào từ của Lục tam nói: "Thực cựu đức, trinh lệ, Chung cát; hoặc tòng vương sự, vô thành."

(Cứ (yên ổn) hưởng cái đức (ân trạch) cũ của mình (Chu Hi hiểu là giữ cái nếp cũ), ăn ở cho chính đáng mà thường để lòng lo sợ thì kết quả sẽ tốt; nếu phải đi theo làm với người trên, thì cũng đừng mong thành công.)

讼

六三，食旧德，贞厉，终吉。或从王事，无成。

图 17－4

"Thực cựu đức" nghĩa là nói chúng ta còn phải nghĩ xem đạo đức cổ xưa của người Trung Quốc nên làm thế nào, chính là nhắc nhở chúng ta dưới đi kiện trên về cơ bản là không đúng.

"Thực cựu đức, trinh lệ", chính là nói Lục tam ở nội quái, đã là cực đoan của người kiện tụng, thì thường là, có cơ hội là muốn kiện người khác. May mà Lục tam bất chính. Như vậy mọi người mới biết, có khi đắc chính tốt, có khi đắc chính ngược lại chưa chắc tốt. Giống như trong môi trường lớn là tụng này, đắc chính để làm gì? đắc chính là phải rất cẩn thận. Tất cả hy vọng của mọi người đều gửi gắm vào Lục tam, bây giờ Lục tam phải nhớ kỹ tuy mình ở vị trí cao nhất của việc kiện người khác, nhưng vì bản thân mình là hào âm, hào âm ở vị trí dương, nên nghĩ rằng dưới kiện trên dù sao cũng không hợp luân thường, vẫn là theo đạo đức cũ mà làm thì hợp lý hơn.

Theo cách nói của quẻ Tụng, "dưới không kiện trên", nhưng nếu cấp trên của chúng ta làm việc vi phạm pháp luật kỷ cương, chúng ta có nên tố cáo không? Nếu một cán bộ trung cấp gặp quần chúng bên dưới tố

cáo cấp trên của mình thì nên xử lý thế nào? Người mạnh căn bản không cần dùng hình thức kiện tụng để đối phó với người yếu, người yếu lại không dám dùng hình thức kiện tụng để bảo vệ quyền lợi của mình, vậy tác dụng của pháp luật ở đâu?

Cửu tứ nó ở tầng thấp nhất của bị kiện, cũng là đối tượng dễ bị kiện nhất từ phía dưới.

Hào từ của Cửu tứ (hình 17-5): "Bất khắc tụng, phục tức mệnh, du, an trinh cát."

(không thể kiện cáo được, trở lại theo thiên mệnh (lẽ chính đáng), đổi ý đi, ở yên theo điều chính thì tốt.)

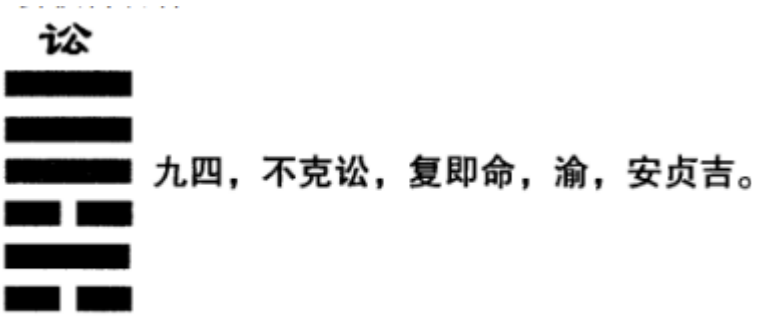

图 17－5

Bất khắc tụng nghĩa là đừng nghĩ rằng vị trí mình cao, thì nhất định sẽ thắng, bởi vì xã hội bao giờ cũng có công lý. Từ đây chúng ta đã có thể thấy tinh thần của quẻ Tụng - tuy có nhiều biến hóa phức tạp, tuy biết kiện không lại người trên, nhưng khi nên kiện, vẫn phải dũng cảm mà kiện. Vậy thế nào mới gọi là nên kiện? Vì tiền mà kiện không đúng, vì danh lợi của mình mà kiện không cần thiết, chỉ có thể vì công lý của xã hội mà kiện. Một người vì công lý của xã hội mà hy sinh bản thân, không tiếc, mọi người sẽ khâm phục. Nên bất khắc tụng nghĩa là nói dù kiện không thắng, nhưng chỉ cần có thể phục tức mệnh, có thể uốn nắn lại phong khí sai trái của xã hội, thay đổi hiện trạng, cuối cùng vẫn là an trinh cát, địa vị sẽ rất vững vàng, cũng sẽ được cát tường.

Hào Cửu tứ của quẻ Tụng còn có một tầng ý nghĩa nữa là một số quan chức, khi dân chúng có điều không đúng, bạn đừng vì mình là quan, dân là dân, mà không kiện, sợ người ta hiểu lầm bạn bắt nạt dân chúng. Quan chức phải có nguyên tắc của mình - dù để người ta hiểu lầm, tôi vẫn phải kiện, nhưng khi kiện tôi không phải để khoe quyền thế, cũng không phải vì mưu lợi riêng, mà là vì công lý của xã hội. Chỉ có trong tình huống như vậy, trên mới có thể kiện dưới, nếu không đều là dưới kiện trên.

Quẻ Tụng luôn nói với chúng ta phải cảnh giác, phải cẩn thận, bởi vì kiện đến cuối cùng là hai bên đều thua thiệt.

Nhưng, hào Cửu ngũ (hình 17-6) nói với chúng ta: "Tụng, nguyên cát."

(xử kiện hay đi kiện, đều rất tốt.)



图 17 –6

Tại sao? Bởi vì Cửu ngũ là người lãnh đạo tổng thể của toàn xã hội, Cửu ngũ nhất định phải có thể phán đoán rõ ràng tranh tụng, có thể biết thẩm phán phán quyết công bằng hay không công bằng, như vậy dù trong lúc kiện tụng cũng là đại cát.

Khi Bao Công còn sống, có kiện không? Đương nhiên có kiện, nhưng mỗi lần ông đoán kiện đều được lòng dân, sảng khoái lòng người, bởi vì ông không vì tư, không thiên vị, ông không quản hoàng thân quốc thích gì, đều đối xử như nhau. Nhưng chúng ta phải nói rõ, đây là việc cực kỳ khó khăn, đừng lấy đây làm thông lệ. Bạn xem Hoàng Đế vừa lên triều liền xem cái mũ dây dài dài kia có ở đó không, Bao Chửng có mặt, ông ấy sẽ nói ít đi vài câu. Bao Chửng có uy thế như vậy, bởi vì ông làm việc đúng đắn, người thường không có. Hơn nữa Hoàng Đế ban cho ông một số quyền lực đặc biệt, có thể trực ngôn can gián Hoàng Đế, người khác dám thế không? Nên chúng ta rất rõ ràng, lãnh đạo có công chính liêm minh hay không phải xem Cửu tứ làm có đúng không.

Chúng ta còn có một loại người, gọi là đại lão, vì đại lão thâm niên cao, thanh danh rất cao, ông ấy có trách nhiệm phải kiện, thấy không đúng, phải tố cáo. Ông ấy làm vậy tốt không?

Chúng ta xem hào từ của Thượng cửu (hình 17-7): "Hoặc tích chi bàn đái, chung triêu, tam sỉ chi."

((kiện) may mà được cái đai lớn (của quan chức) thì trong một buổi sáng sẽ bị cướp ba lần.)



图 17 –7

Bàn đái chính là ý nói thăng quan cho ông ấy. Nghĩa là đại lão dựa vào thanh danh của mình, dựa vào địa vị được tôn kính cao độ trong xã hội, thấy ai không đúng là kiện. Lãnh đạo phải làm sao? Lãnh đạo chỉ có thưởng cho đại lão, chỉ còn cách cho đại lão quan chức bổng lộc hậu hĩnh. Sỉ là tước đoạt, nghĩa là lãnh đạo cho đại lão quan chức nhưng rất nhanh lại kéo ông ấy xuống, lại cho ông ấy quan chức lại kéo ông ấy xuống. Tại sao lại thế này? Bởi vì cách làm của đại lão tuy có lợi cho việc nâng cao thanh danh xã hội, nâng cao cảnh giác của mọi người, nhưng đáng sợ hơn là đại lão làm vậy dẫn động phong khí xấu của xã hội - động một tí là kiện, động một tí là cáo. Có thể thấy, toàn bộ ý nghĩa của quẻ Tụng vẫn là phải cố gắng giảm bớt kiện tụng, điều này mọi người có thể suy nghĩ kỹ, rốt cuộc cách nào tốt hơn.

> Quẻ Tụng nói với chúng ta, kiện tụng sẽ mang lại nhiều tổn thương và phiền phức, nhưng dù vậy, khi nên kiện vẫn phải kiện. Bất kể kiện hay không kiện, đều là vì sự ổn định và tiến bộ của xã hội. Nhưng việc gì nên kiện, việc gì không nên kiện, chúng ta thường sẽ tham khảo ý kiến luật sư, vậy luật sư phải làm thế nào mới thực sự có trách nhiệm với các bên đương sự?

Ở Mỹ, tôi từng nghe một câu chuyện như thế này: Có một con sông nhỏ, trên sông có một cây cầu để thông đường hai bờ, tiện cho người qua lại. Một ngày có một con cá sấu nằm trên mặt nước, khiến không ai dám qua cầu, sau đó có một người đến, anh ta nói đừng sợ, tôi sẽ đi mở đường, anh ta đi qua nói với cá sấu hai câu, cá sấu quay đầu bỏ chạy. Mọi người thấy thần kỳ, hỏi anh ta đã nói gì với cá sấu, anh ta nói bởi vì tôi là luật sư, mà câu nói thường dùng nhất của luật sư, chính là điều tôi nói với cá sấu - anh không đi tôi bắt đầu tính phí tư vấn đấy. Nên cá sấu vừa nghe sợ chết khiếp, vội vàng bỏ chạy.

Luật sư phương Tây tính theo giờ, từ lúc vào bắt đầu tính phí, nói chuyện hai tiếng trả tiền hai tiếng, một tiếng trả tiền một tiếng, dù luật sư không làm gì cả, phí tư vấn vẫn phải trả. Ở Trung Quốc, làm vậy được không? Nếu một người có việc đi tìm luật sư, luật sư lấy đồng hồ ra, tính giờ, tất cả mọi người đều chửi luật sư này: không làm gì cả mà vẫn đòi tiền. Nên luật sư Mỹ có thể khuyên chúng ta đừng kiện nữa, kiện không có lợi gì đâu, bởi vì họ vẫn có tiền kiếm; còn luật sư Trung Quốc nếu khuyên chúng ta đừng kiện, thì họ không có một xu thu nhập nào, nên họ sẽ cực lực chủ trương chúng ta đi kiện, còn nói chắc chắn thắng, không thể không thắng.

Do đó, chúng ta phải suy nghĩ kỹ toàn bộ tình hình, rồi nhìn lại toàn bộ sáu hào của quẻ Tụng, sẽ biết: đứng ở lập trường không kiện mà kiện, mới không kiện bừa bãi, mới không kiện đến mức hai bên đều thua thiệt. Bất đắc dĩ vẫn phải kiện, nhưng kiện rồi phải tìm kiếm hòa giải, thực sự không hòa giải được, vẫn phải kiên trì, bởi vì chúng ta thấy hòa giải một lần không thành, lại một lần nữa tìm kiếm hòa giải, đôi bên sẽ nhường nhịn lẫn nhau, vấn đề sẽ được giải quyết. Kiện tụng là dùng để hóa giải vấn đề, không phải dùng để kiện cho người ta thua, dùng tinh thần này để kiện tụng thì tương đối phù hợp với đạo lý của Kinh Dịch.

> Kinh Dịch nói với chúng ta, chỉ có đứng ở lập trường hóa giải vấn đề mà tiến hành kiện tụng, mới có thể tránh được càng nhiều càng tốt việc hai bên đều thua thiệt. Tuy nhiên, nếu muốn đạt được kết quả "chung cát", thì chủ quái của quẻ Tụng đóng vai trò

> cực kỳ quan trọng. Chủ quái là chủ đạo của mỗi quẻ, nó thống lĩnh năm hào còn lại, có tác dụng kiểm soát. Vậy chủ quái của quẻ Tụng là hào nào? Nó lại nói với chúng ta đạo lý gì?

Quẻ Tụng chủ quái thực ra là Cửu ngũ, nghĩa là nói, công ty này chỉ cần tổng giám đốc có quan niệm đúng đắn, ông ấy cho rằng lập phòng pháp vụ là để phòng ngừa kiện tụng, chứ không phải để đi kiện tụng, chỉ một ý nghĩ này thôi, bầu không khí cả công ty đã khác. Nếu tổng giám đốc này dặn dò phòng pháp vụ: có bất kỳ ai xâm phạm quyền lợi của chúng ta, phải kiện, thì phòng pháp vụ sẽ cố gắng tìm cơ hội có thể kiện, đi kiện khắp nơi, cuối cùng làm cho nội bộ công ty nhân tâm bất ổn, bên ngoài tiếng xấu đồn xa.

Quan niệm của người Trung Quốc là nói hai người kiện đến cùng, chính là hai người đều không đúng, nếu không sao lại kiện đến mức này? Chúng ta thường nói một câu, một bàn tay không thể vỗ thành tiếng, phàm là có tiếng đều là hai bàn tay cùng vỗ, không thể chỉ có một bên hoàn toàn sai. Chúng ta thấy hai người Trung Quốc cãi nhau, hai người cãi nhau đó nhất định đều có chỗ không đúng, nếu không sao lại cãi nhau? Người Trung Quốc có một suy nghĩ, chính là nói đúng sai thực ra không cần chúng ta tự nói, người khác nói mới tính, hai chúng ta nói không tính, cái này gọi là "công đạo tự tại nhân tâm". Cái công đạo tự tại nhân tâm này là điều mà điều khoản pháp luật không thể quy phạm được, nhưng ở xã hội Trung Quốc lại rất có tác dụng.

Người phương Tây là thẩm phán phán thế nào thì tính thế ấy, người Trung Quốc là miệng mọi người nói thế nào thì tính thế ấy, nên chúng ta xem chữ "phẩm" (品) đó, ba chữ "khẩu" (口), chính là mọi người đều nói thế nào thì là thế ấy. Một người phải chịu được nhân phẩm, nên gọi nhân phẩm nhân phẩm. "Người này nhân phẩm không tệ", chính là mọi người đồng thanh nói "người này nhân phẩm không tệ", có người kiện ông ta, thì tám phần là người ta kiện bừa. Người Trung Quốc thường trước khi tòa án tuyên án chúng ta đã biết trong lòng, đây cũng là chỗ chúng ta khác với người phương Tây.

Bây giờ chúng ta có thể thấy, cả quẻ Tụng mọi người cần chú ý một chữ, gọi là "dịch" (cảnh giác). Làm một người quân tử, làm bất cứ việc gì trước tiên phải nghĩ: tôi làm thế này sẽ bị kiện không? Có phải cuối cùng ép tôi đi kiện người khác không? Nếu cả hai đều không, thì cân nhắc thêm một chút nữa, rồi mới bắt tay vào làm, đây mới là thái độ đúng đắn. Nếu nghĩ: mặc kệ, làm rồi tính sau, có người kiện tôi, tôi sẽ kiện lại, thế thì thiên hạ đại loạn rồi.

> Từ đây mà xem, bất kể kết quả thế nào, kiện tụng đối với bất kỳ ai, đều là một việc cực kỳ phức tạp mệt mỏi. Nên quẻ Tụng nói với chúng ta, nhất định phải cầu tránh khỏi kiện tụng, mới có thể đạt được kết quả "chung cát". Vậy, thông qua việc học tập Kinh Dịch - nơi chứa đựng trí tuệ cổ xưa của Trung Quốc, có thể giúp chúng ta hóa giải mệt mỏi vì kiện tụng, đạt được kết quả đôi bên cùng thắng và cát tường không?

Hiện nay phần lớn chúng ta đều tách rời nhân trị và pháp trị để nghĩ, thực ra đây là sai lầm. Trên thế giới không có quốc gia nhân trị tuyệt đối, cũng không có quốc gia pháp trị tuyệt đối. Mỗi quốc gia đều có pháp

luật, nhà có gia pháp, công ty còn có luật công ty, quốc gia làm sao có thể không có pháp luật?

Quan niệm của Kinh Dịch cho rằng trên toàn thế giới chỉ có hai loại quốc gia: một loại quốc gia nhân trị lớn hơn pháp trị, một loại quốc gia pháp trị lớn hơn nhân trị. Bởi vì âm trung hữu dương, dương trung hữu âm, chúng ta thừa nhận như Mỹ là quốc gia pháp trị lớn hơn nhân trị, nhưng Mỹ có người tín dụng rất tốt, lẽ nào Trung Quốc không có một người nào? Mỹ cũng có người không có tín dụng. Có người lấy người tín dụng rất tốt của Mỹ so với người tín dụng rất kém của Trung Quốc, dụng ý là gì? Chúng ta có cần giống người phương Tây động một tí là kiện không, tôi không có ý kiến, mọi người tự lựa chọn. Chỉ là quan niệm của người Trung Quốc từ trước đến nay là, kiện tụng nếu không rất cần thiết, tốt nhất đừng động đến ý nghĩ này, bởi vì kiện tụng không phải là việc rất vinh quang. Nếu một ngày nào đó tòa án triệu tập một trong chúng ta, bạn sẽ thấy không sao sao? Tôi không tin.

Tòa án triệu tập bạn, bạn sẽ thấy kỳ lạ: sao lại triệu tập tôi? Rồi bắt đầu bất an, đông dò hỏi, tây dò hỏi, sẽ làm rất nhiều chuẩn bị. Bởi vì về cơ bản từ khi có lịch sử dân tộc Trung Hoa, chúng ta đối với tư pháp đều là không tin tưởng. Nguyên nhân tạo nên tính dân tộc này của chúng ta chính là ở chỗ người Trung Quốc hiểu lầm thân sơ hữu biệt.

"Thân sơ hữu biệt" là chủ trương của Nho gia, nhưng người Trung Quốc hiểu lầm, dùng sai. Nên chúng ta có thể thấy, chỉ cần tòa án phán người nhà người ta có tội, chúng ta sẽ nói tòa án thực sự công bằng, công chính, có mắt; nhưng chỉ cần thẩm phán phán người nhà mình có tội, không một ai cho rằng thẩm phán có mắt, đều cho rằng thẩm phán nhất định nhận phong bì đỏ, tham nhũng, không công chính.

Nên tôi có một số bạn là thẩm phán, tôi đều nói với họ: các anh thực sự rất oan uổng, các anh có công chính đến đâu, người ta vẫn đeo kính màu để nhìn các anh, rửa cũng không sạch. Luật sư cũng vậy, tôi có nhiều bạn là luật sư, danh thiếp của họ đều không dám in mình là luật sư. Tôi hỏi họ tại sao không in? Họ nói nếu cùng ăn cơm, rồi chúng tôi đưa danh thiếp ra, mọi người nhìn thấy là luật sư, nhiều người sẽ không nói chuyện nữa, mọi người nghĩ trong lòng: ai đưa người này đến? Có phải chuẩn bị kiện tôi không? Ảnh hưởng không khí ăn cơm của mọi người, thế thì cần gì chứ?

Thực ra người làm luật sư, đi ra ngoài ăn cơm với bạn bè thì dùng danh thiếp bình thường, danh thiếp chuyên nghiệp của luật sư, có thể để trong một túi khác, khi cần thiết mới lấy ra. Như vậy quan hệ nhân sự của bạn sẽ rất tốt.

Chỉ cần mọi người không biết bạn có thân phận này, họ ở trước mặt bạn sẽ rất tự do, rất tự nhiên. Chỉ cần để mọi người biết bạn có thân phận này, mọi người luôn có gút mắc trong lòng.

Từ lâu cách nhìn của chúng ta đối với người trong giới luật pháp là méo mó, khiến họ gánh một cái nồi đen rất nặng. Nên chúng ta cũng nhân dịp này, một mặt làm rõ, một mặt cũng giải thích.

Luật pháp của Trung Quốc muốn sửa đổi là rất khó. Thứ nhất, nếu muốn sửa đổi một điều luật, cần rất nhiều thời gian, hơn nữa luật trước với luật sau, không biết từ đâu cắt đứt. Theo lý thuyết, bất kỳ một bộ luật nào cũng nên thêm một điều cuối cùng - bộ luật này đến tháng ngày nào năm sau tự động chấm dứt. Cái này gọi là nguyên tắc mặt trời lặn. Hiện nay sở dĩ người ta không phục chính là một bộ luật đã dùng hai mươi năm rồi, vẫn chưa sửa đổi, vẫn đang sử dụng; nhưng nếu năm nào cũng sửa đổi, người ta cũng sẽ nghi ngờ: sao anh sửa đổi? Anh có phải đang muốn thuận tiện cho ai không?

Người trong giới luật pháp khó khăn chính là ở chỗ này. Cách cũ cứ dùng mãi, mọi người sẽ chửi: sao không biết sửa đổi một chút? Rõ ràng không phù hợp thời thế rồi mà vẫn không sửa? Vừa sửa, tất cả mọi người đều trợn mắt nhìn: anh muốn xử lý ai, muốn thuận tiện cho ai?

Xem quẻ Tụng rồi, chúng ta thấy không đi theo con đường kiện tụng thì tốt hơn, chúng ta có thể có những con đường khác để đi, đó mới là phúc của chúng ta.

Ngoài kiện tụng ra, chúng ta có đường khác để đi không? Xem Kinh Dịch là được rồi, Truân, Mông, Nhu, Tụng, dưới có hai quẻ: một là quẻ Sư, một là quẻ Tỷ, nghĩa là nói chúng ta có hai con đường có thể đi: một con đường là đánh đến cùng, cuối cùng hưng sư động chúng; một con đường là mọi người cùng nói chuyện tốt, có thể thỏa hiệp, có thể điều đình, rồi mọi người suy bụng ta ra bụng người, kết thành đồng minh, người từng kiện tụng, từ đây cũng hòa thuận như xưa. Có thể thấy, Tỷ sẽ có viễn cảnh vui vẻ hơn, còn Sư là khiến người ta rất lo âu, không biết làm sao để kết thúc tốt đẹp. Vì vậy, phần tiếp theo chúng ta sẽ nói về: Sư ưu Tỷ lạc (quẻ Sư lo âu quẻ Tỷ vui vẻ).

Chương 18: Sư Ưu Tỷ Lạc

> Trong xã hội hiện đại cạnh tranh gay gắt, việc xảy ra tranh chấp là điều khó tránh khỏi. Vậy khi không may rơi vào tranh chấp, chúng ta nên làm thế nào? Nguyên tắc "nhất âm nhất dương chi vị đạo" trong Kinh Dịch cho chúng ta biết có hai thái độ đối với tranh chấp: một là đi theo quẻ Sư, hai là đi theo quẻ Tỷ. Vậy quẻ Sư và quẻ Tỷ có gì khác nhau? Chúng ta nên dựa vào đâu để lựa chọn? Khi lựa chọn cần có những điều kiện gì?

Dân tộc Trung Hoa chúng ta là dân tộc của Kinh Dịch, câu này hiểu thế nào? Đó là vì đạo lý của Kinh Dịch đã thấm vào máu thịt, trở thành DNA không thể thay đổi trong tính cách dân tộc của chúng ta. Nhiều người cứ chê trách người Trung Quốc cái này không đúng, cái kia không phải. Thực ra tôi đã quan sát ít nhất 40 năm, khi việc đó không liên quan trực tiếp đến lợi ích của họ thì họ nói rất có lý, hoàn toàn đúng đắn. Nhưng một khi phát hiện việc đó có liên quan đến lợi ích của họ thì họ lập tức trở thành một người khác, gần như hoàn toàn phi lý. Sau khi đọc Kinh Dịch, tôi mới biết đó chính là "nhất âm nhất dương chi vị đạo", chúng ta không thể trách họ.

Trong xã hội hiện đại cạnh tranh gay gắt, việc xảy ra tranh chấp là điều khó tránh khỏi. Vậy khi không may rơi vào tranh chấp, chúng ta nên làm thế nào? Nguyên tắc "nhất âm nhất dương chi vị đạo" trong Kinh Dịch cho chúng ta biết có hai thái độ đối với tranh chấp: một là đi theo quẻ Sư, hai là đi theo quẻ Tỷ. Vậy quẻ Sư và quẻ Tỷ có gì khác nhau? Chúng ta nên dựa vào đâu để lựa chọn? Khi lựa chọn cần có những điều kiện gì?

Dân tộc Trung Hoa chúng ta là dân tộc của Kinh Dịch, câu này hiểu thế nào? Đó là vì đạo lý của Kinh Dịch đã thấm vào máu thịt, trở thành DNA không thể thay đổi trong tính cách dân tộc của chúng ta. Nhiều người cứ chê trách người Trung Quốc cái này không đúng, cái kia không phải. Thực ra tôi đã quan sát ít nhất 40 năm, khi việc đó không liên quan trực tiếp đến lợi ích của họ thì họ nói rất có lý, hoàn toàn đúng đắn. Nhưng một khi phát hiện việc đó có liên quan đến lợi ích của họ thì họ lập tức trở thành một người khác, gần như hoàn toàn phi lý. Sau khi đọc Kinh Dịch, tôi mới biết đó chính là "nhất âm nhất dương chi vị đạo", chúng ta không thể trách họ.

Vì vậy nói chuyện với người Trung Quốc và người nước ngoài có thứ tự trước sau khác nhau. Người nước ngoài có thể thẳng thắn nói "Tôi không đồng ý với ý kiến của anh", đối phương cũng không sao. Nhưng với người Trung Quốc, chỉ cần nói "Tôi không đồng ý với ý kiến của anh" thì hậu quả khó lường. Thực ra với người Trung Quốc, đồng ý hay không đồng ý đều như nhau, đồng ý chỉ là đồng ý phần hợp lý, phần không hợp lý vẫn không đồng ý.

Bất kỳ việc gì cũng có chỗ hợp lý và không hợp lý, nên chúng ta phải hiểu rõ "tôi đồng ý" và "tôi không đồng ý" hoàn toàn giống nhau, đã như vậy tại sao còn nói "tôi không đồng ý"? Điều đó thể hiện tôi nể mặt anh, trong lòng tôi không có anh, anh có thể làm gì tôi? Thế thì phiền phức. Chỉ cần chúng ta có cách nói

mang tính cảm xúc như vậy, đối phương cũng lập tức phản ứng mang tính cảm xúc, thế là hai bên đánh nhau. Chi bằng nói "Tôi đồng ý, nhưng có vài chỗ có thể sửa đổi một chút", như vậy họ sẽ chấp nhận.

Vì vậy, Đại học mới luôn dạy chúng ta: "Tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hĩ" (Biết được thứ tự trước sau thì gần với đạo vậy). Cùng một lời nói nhưng chỉ cần sai thứ tự trước sau thì hoàn toàn khác.

Đạo lý Kinh Dịch cho chúng ta biết, tất cả mọi thứ đều có điều kiện, không thể không có điều kiện. Tranh chấp có điều kiện của tranh chấp, bởi vì người càng đông ý kiến càng nhiều, và trên toàn thế giới người Trung Quốc có chủ kiến mạnh nhất. Chủ kiến là gì? Chủ kiến là rất kiên trì với chủ trương của mình. Người Trung Quốc rất coi trọng tình, rất coi trọng nhân tình, nên có những chỗ không lý tính, dễ xúc động. Từ thời Xuân Thu, chúng ta đã tranh chấp không ngừng, làm cho Khổng Tử rất đau đầu, cuối cùng đành phải viết Xuân Thu. Viết Xuân Thu thực ra cũng là tranh chấp, một mặt Khổng Tử bảo chúng ta đừng tranh chấp, một mặt vẫn không thể không tranh chấp. Dùng tư duy này để hiểu người Trung Quốc thì phù hợp với yêu cầu của Kinh Dịch hơn.

Tôn Tử binh pháp đưa ra hai chữ - "bất chiến" (không đánh). Người nước ngoài rất khó chấp nhận, nói các người miệng nói không đánh nhưng cuối cùng vẫn đánh, Tôn Vũ cả đời đều đánh trận, làm sao có thể không đánh? Thực ra đánh là để không đánh, đứng trên lập trường không đánh mà đánh thì mới không loạn đánh, có gì không đúng?

> Văn hóa truyền thống Trung Quốc chủ trương hóa lớn thành nhỏ, hóa nhỏ thành không, rất phù hợp với chủ chỉ của quẻ Tụng trong Kinh Dịch. Ý nghĩa của quẻ Tụng là tiêu trừ tranh chấp, giảm thiểu kiện tụng; nếu không thể hòa giải thì cũng phải đứng trên lập trường không kiện mà kiện, mới không đến nỗi loạn kiện! Tuy nhiên trong xã hội loài người, tình trạng bất bình bất quân không thể tránh khỏi, tranh chấp cũng không ngừng, vậy một khi xảy ra tranh chấp, tiếp theo sẽ có tình huống gì?

Tranh chấp không ngừng, mọi người tiêu hao hết tinh lực thể lực, như vậy đương nhiên không tốt. Vậy phải làm sao? Chúng ta bắt đầu nghĩ, con người lúc đầu cũng giống như động vật, là đấu sức, sau mới biết đấu sức thì cả hổ cũng không đánh thắng được, cả trâu cũng không thắng được, thậm chí cả chó cũng sợ. Chúng ta dần dần nhận ra con người không thể đấu sức, đấu sức là hạ sách, chúng ta nâng đấu sức lên đấu trí. Người Trung Quốc rất giỏi đấu trí, đấu trí là động não, động não tự nhiên sẽ có người động não xấu, chúng ta phải chấp nhận tình huống này, rồi từ từ dẫn dắt cho đúng. Vì vậy Kinh Dịch rất coi trọng hai chữ "giáo hóa", nghĩa là khi chúng ta gặp người xấu việc xấu, trước hết phải nhẫn nại, rồi từ từ nghĩ cách dẫn dắt cho đúng, thực ra đây cũng gọi là quẻ Sư.

Nhưng trong quẻ Sư, chúng ta nhấn mạnh hơn về việc lao sư động chúng, giải quyết bằng vũ lực, đây là yếu nghĩa của quẻ Sư. Vì vậy tượng của quẻ Sư là trên là Địa, dưới là Thủy, gọi là địa trung hữu thủy.

Đi theo quẻ Sư chúng ta đều cảm thấy chết chóc thương vong, rất đáng sợ, nên nghĩ đến một quẻ Tỷ. Quẻ Tỷ với quẻ Sư đúng là tổng quẻ, đảo ngược quẻ Sư lại, nó biến thành địa thượng hữu thủy, chính là quẻ Tỷ (hình 18-1).



图 18 – 1

Chúng ta thử nghĩ xem, thủy ở trên địa và thủy ở trong địa có gì khác nhau: nước ở trên đất, nó sẽ chảy tán; nước ở trong đất, nó rất ngưng tụ. Vì vậy người Trung Quốc chỉ khi đánh nhau mới đoàn kết nhất trí, bởi vì nếu bình thường mọi người đều đoàn kết như vậy, có ý kiến cũng không thể nói, thì làm sao giao tiếp? Có thể thấy, thời chiến bất kể việc gì, phải nhất trí đối ngoại, lúc này nếu có người ba lòng hai dạ, tất cả mọi người đều sẽ chửi anh ta.

Người đoàn kết và phục tùng nhất trên thế giới là người Nhật. Bởi vì đất nước họ rất nhỏ, không thể không đoàn kết, bão tố, động đất, núi lửa phun trào đủ cả, tất cả nhà cửa của họ đều xây sát nhau. Người Nhật chỉ cần 5 giờ chiều có người không thấy đâu, tất cả người trưởng thành trong làng đều cầm đèn lồng đi tìm người đó, chúng ta có lẽ không làm vậy. Người Nhật chỉ cần trong làng có một người làm việc không đúng đắn, cả làng đều không nói chuyện với người đó, chúng ta làm được không? Làm không được. Nên không cần yêu cầu chuyện này, bởi vì người Trung Quốc thân sơ có khác - các anh đều có thể không nói chuyện với anh ta, nhưng tôi mắc nợ anh ta rất nhiều ân tình, tôi vẫn phải quan tâm anh ta, không có cách nào. Hai thái độ này không liên quan đến đúng sai.

Sinh thái tự nhiên của Nhật khiến người Nhật rất đoàn kết, sinh thái tự nhiên của Trung Quốc khiến chúng ta nên đoàn kết thì đoàn kết, không nên đoàn kết thì không đoàn kết. Người Nhật quấn khăn trắng trên đầu, họ nhất định viết "tất thắng", Đông phương tất thắng; người Trung Quốc nếu quấn khăn trắng sẽ không viết "tất thắng", họ sẽ viết "bất bại". Một bên Đông phương tất thắng, một bên Đông phương bất bại, đó chính là điểm khác nhau giữa Nhật Bản và Trung Quốc. Chúng ta không cầu thắng, cầu thắng là ngốc, cho dù hôm nay thắng, đối phương không phục, bắt đầu báo thù, bạn sẽ phải thấp thỏm lo âu mỗi ngày. Người Trung Quốc đánh người không đánh ngay vào chỗ hiểm, một đòn đánh trúng chỗ hiểm, mọi người đều nói người này quá tàn bạo, chúng ta đều điểm đến là dừng, so đấu so đấu, chúng ta không phân

thắng thua, bởi vì chúng ta cho rằng có thể đánh thì đánh, không thể đánh thì không đánh, đây mới là trí tuệ. Ngược lại không thể đánh mà cũng đánh, đó là tự chuốc lấy nhục, cả người tiêu hao mất, làm hy sinh vô ích. Người Trung Quốc không sợ chết, nhưng không làm hy sinh vô ích, đây cũng là sự khải thị của Kinh Dịch cho chúng ta.

Kinh Dịch là văn minh sớm nhất của dân tộc Trung Hoa, được tôn là "nhóm kinh đứng đầu, nguồn gốc của đại đạo". Xưa kia từng là môn học bắt buộc của chính trị gia, quân sự gia, thương gia; nhưng người Trung Quốc hiện đại rất ít học Kinh Dịch. Dù vậy, cách tư duy của Kinh Dịch vẫn thấm nhuần trong hành vi của mỗi người Trung Quốc. Vậy Kinh Dịch mà "bách tính nhật dụng nhi bất tri" (dân chúng dùng hàng ngày mà không biết) ảnh hưởng đến cách hành xử của chúng ta thể hiện ở đâu?

Hiểu được đặc điểm người Trung Quốc không làm hy sinh vô nghĩa, cũng biết được tại sao khi con cái chúng ta đi ra ngoài đánh nhau, về nhà trong tình trạng thảm thương, chúng ta liền tát cho một cái: đánh không lại còn đánh với người ta làm gì? Ý là đánh được thì mới đánh, đánh không lại thì chạy về. Những lời này nghe có vẻ rất kỳ lạ, nhưng chúng ta phải hiểu đó là do cách suy nghĩ khác nhau. Người Trung Quốc đánh nhau, trước tiên xem mình có đánh thắng đối phương không, đánh được thì đánh, đánh không lại thì chạy. Điều này không có gì mất mặt.

Từ thời Tam Quốc, dĩ nhiên trước đó cũng vậy, khi đánh trận hô "sát", thì xông lên giết, rồi thấy không ổn, "triệt". Chúng ta gọi là "triệt" không gọi là "thoái", người Trung Quốc không bao giờ lui. Bây giờ còn thông minh hơn, "tiến về phía trước, xoay một hướng rồi lại tiến về phía trước", hai chữ "triệt thoái" chúng ta không nói, từ đây chúng ta nên suy nghĩ kỹ.

Sư là cực kỳ nguy hiểm, vì vũ khí không có mắt, nên người Trung Quốc đều hết sức lấy bất chiến làm chủ, phải chiến cũng không phá hoại người ta, phải toàn quốc. Toàn quốc là giữ nguyên vẹn quốc gia đối phương, không để nó bị tổn hại. Vì vậy người có võ nghệ cao cường của chúng ta ra tay điểm đến là dừng, để đối phương biết thua là được, bản thân không tiếp tục nữa. Người thắng phải giả vờ không thắng, người thua phải cứng cỏi, giả vờ không thua, đó mới là cảnh giới cao nhất.

Trong xã hội Trung Quốc, chỉ cần để một người Trung Quốc cảm thấy tất cả mọi người đều thấy anh ta thua, anh ta sẽ mất mặt, sẽ báo thù. Nhưng nếu chúng ta không để anh ta cảm thấy chúng ta thắng, anh ta không phục, nhưng sẽ không báo thù. Hoàng Trung và Quan Vũ chính là kết bạn như vậy. Hoàng Trung giao chiến với Quan Vũ, cuối cùng ngã ngựa, Hoàng Trung biết xong rồi, liền vươn cổ ra, ý là để Quan Vũ đâm chết cho xong. Quan Vũ so đòn một cái, không đâm chết Hoàng Trung, Hoàng Trung vô cùng biết ơn. Ngày hôm sau, chủ nhân của Hoàng Trung ra lệnh cho anh ta bắn tên, nói anh ta bắn cung thần chuẩn, bảo anh ta bắn chết Quan Vũ. Hoàng Trung bất đắc dĩ phải đồng ý, nhưng bắn ba mũi tên đều không trúng Quan Vũ, vì anh ta không nỡ: người ta có thể giết chết mình nhưng lại tha cho mình, làm sao mình nỡ một mũi tên bắn chết người ta? Vì vậy chủ nhân của anh ta nghi ngờ: Quan Vũ có thể giết ngươi, hắn không giết;

ngươi có thể bắn chết Quan Vũ, ngươi không bắn; hai ngươi chắc chắn có thông đồng, lôi ra chém. Những trường hợp như vậy chúng ta thấy quá nhiều trong lịch sử.

Vì vậy muốn xuất sư mà không sinh hậu hoạn là vô cùng khó khăn, đánh đến mức đối phương không muốn báo thù, đánh đến mức cuối cùng đối phương còn quy tâm, điều này đáng để nghiên cứu kỹ.

Theo thống kê, trên Trái Đất, từ khi xuất hiện văn minh đến nay hơn năm nghìn năm, loài người đã xảy ra hơn một vạn năm nghìn cuộc chiến tranh, hàng tỷ người chết trong chiến tranh, nhân loại đã phải trả giá rất đắt cho điều này, vì vậy nước ta chủ trương hết sức lấy bất chiến làm chủ. Tuy nhiên quẻ Sư trong Kinh Dịch cho rằng cũng có tình huống bất đắc dĩ phải dùng binh! Vậy lúc này, làm thế nào để xuất sư mà không sinh hậu hoạn? Từ quẻ Sư chúng ta có thể nhận được những khải thị gì?

Quẻ Sư có một mục tiêu, từ xưa đến nay đều như vậy, gọi là trừ bạo an lương. Chỉ cần không phải vì trừ bạo an lương mà lao sư động chúng, thì đó là không đúng. Sư chính là chiến tranh hiện nay, mọi người thấy chiến tranh tốt không tốt? Nếu đọc Kinh Dịch đến đây mà vẫn nói "chiến tranh rất tốt", đó là chuyện cười; nếu vẫn nói "chiến tranh không tốt", đó cũng là chuyện cười. Chiến tranh có gì tốt, có gì không tốt? Chiến tranh không có tốt xấu, mấu chốt xem con người đánh thế nào. Bây giờ có nhiều tổ chức như Liên Hợp Quốc, hóa chiến tranh thành vô hình, bởi vì sẽ luôn có xung đột, luôn có chuyện anh nhìn tôi không vừa mắt, tôi nhìn anh không vừa mắt, luôn có tôi kiện anh, anh kiện tôi, nhưng có thể hóa giải được, công đức vô lượng. Đây cũng là đạo lý của Kinh Dịch.

Bây giờ "Sư" của chúng ta dần chuyển thành "lão sư" (thầy giáo), đương nhiên điều này cũng không có gì là sai. Hiện nay các ngành các nghề đều có thầy, quẻ Sư cũng có thể nói về điều này - chỉ cần các ngành các nghề đều có người hướng dẫn tốt, có thể hóa tranh đấu thành vô hình, rồi mọi người đều đi theo con đường của quẻ Tỷ, cũng được. Thầy giáo làm gì? Trong "Sư thuyết" của Hàn Dũ giải thích: Sư giả, sở dĩ truyền đạo thụ nghiệp giải hoặc dã (Thầy là người truyền đạo, dạy nghề, giải đáp thắc mắc). Nhưng bây giờ thầy giáo có một định nghĩa mới gọi là người hướng dẫn thi cử - anh học lớp của tôi, tôi đoán đề cho anh, sau đó anh đi thi, đạt điểm cao, anh phải cảm ơn tôi. Bây giờ thầy giáo biến thành như vậy. Chúng ta từ lâu đều bị thi cử dẫn dắt giáo dục, khiến cho học sinh chúng ta cũng như vậy. Tôi từ nhỏ đã như vậy, một vấn đề đưa ra trước tiên hỏi có thi không, không thi thì không xem, phải thi mới học thuộc, không hiểu cũng học thuộc. Giáo dục như vậy là gì, như vậy là sư gì?

Tỷ thì sao? Tỷ chính là tôi bắt chước anh, anh bắt chước tôi, mọi người học hỏi lẫn nhau, tham khảo lẫn nhau, có thể hoàn toàn giống nhau không? Không thể. Trên đời không có thứ gì hoàn toàn giống nhau, nhưng tôi so sánh anh, anh so sánh tôi, làm đến gần giống là được rồi, không cần quá khắt khe. Mọi người tìm ra một điểm chung, gọi là cầu đồng tồn dị, cầu đồng tồn dị là then chốt của văn hóa Trung Hoa, đặc biệt là trong thế kỷ 21. Người Trung Quốc thế kỷ 21, đã có nhiều thông tin như vậy, gần như biết được

thông tin toàn thế giới, sau đó chúng ta nên cân nhắc kỹ, so sánh đi so sánh lại, rồi tìm ra con đường chúng ta nên đi. Đây mới là ý đồ chính của chúng ta khi giảng giải quẻ trong Kinh Dịch lần này.

Mọi thứ trên thế giới đều tuần tự tiệm tiến, thứ tự sắp xếp 64 quẻ trong Kinh Dịch có ý nghĩa sâu sắc: bất kể là người hay sự vật, sau khi sinh ra (Truân) phải tìm đúng phương hướng, được khai sáng (Mông), tiến tới hiểu rằng con người có nhu cầu (Nhu), nhu cầu khó cân bằng sẽ xảy ra tranh chấp (Tụng), và thái độ đối với tranh chấp có hai cách, một là đánh nhau (Sư), hai là cầu đồng tồn dị (Tỷ), vậy quẻ Sư và quẻ Tỷ mang lại kết quả gì khác nhau? Con người nên chọn cuộc sống tương lai như thế nào?

Tương lai của nhân loại, mọi người rất rõ, đi theo quẻ Tỷ gọi là phát triển hòa bình, mới là phúc của mọi người, nếu đi theo quẻ Sư, thì là cùng nhau hủy diệt. Bởi vì bây giờ vũ khí đều rất ghê gớm, mà lại là kiểu bấm nút, hơn nữa bây giờ mọi thứ đều rất minh bạch, vừa có động tác là biết ngay, bên này vừa động, tên lửa chưa tới, bên kia đã bấm nút trước, hai bên cùng chết. Chúng ta nhất định phải quay lại từ quẻ Mông, mới có cách đảm bảo nhân loại tiến về một hướng đúng đắn. Bây giờ chúng ta chỉ có đào tạo chuyên môn, cái gọi là đại học của chúng ta thực ra không đủ tư cách gọi là đại học, bởi vì đại học sở dĩ gọi là đại học, là phải đào tạo ra một con người toàn diện, chứ không phải đào tạo ra một người chuyên môn, bây giờ chúng ta chỉ có chuyên nhân không có toàn nhân, giáo hóa toàn nhân đã không còn.

Chúng ta từ quẻ Càn xem đến bây giờ, nên có một sự giác ngộ, việc chúng ta cần làm thực ra chỉ có ba chữ, gọi là “chính càn khôn” (làm cho trời đất được ngay thẳng, vũ trụ được trật tự). Chỉ có “chính càn khôn”, mới có cách đi con đường Tỷ, và tránh con đường Sư. Chúng ta có thể thấy, từ quẻ Truân bắt đầu, trong tượng của các quẻ Truân, Mông, Nhu, Tụng, Sư, Tỷ, tất cả đều có nước (hình 18-2).

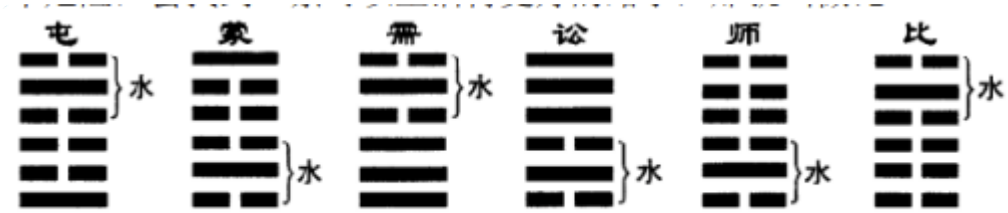

图 18 –2

Điều này chứng tỏ con người sinh ra trên thế giới này, lúc đầu giống như các động vật khác đều dựa vào nước, nhưng con người dần dần thoát khỏi nguy hiểm này, sẽ tìm được một con đường sống tốt hơn, đó gọi là Tỷ.

Kinh Dịch tuy cổ xưa, nhưng là nguồn trí tuệ của dân tộc Trung Hoa, đối với người hiện đại vẫn có ý nghĩa khải thị rất quan trọng! Và cái gọi là "Sư ưu Tỷ lạc", ý nghĩa hiện đại của nó chính là sớm thay đổi quan niệm cạnh tranh (Sư) thành quan niệm tương trợ (Tỷ), chuyển hóa can qua thành ngọc bạch, nhân loại mới có thể phát triển trong hòa bình! Và theo cách tư duy của Kinh Dịch, bất kỳ việc gì muốn phát triển theo hướng tốt,

nhất định phải có điều kiện nhất định, vậy quẻ Tỷ có phải đều tốt không? Điều kiện hạn chế nó lại có những gì?

Tỷ cũng có nhất âm nhất dương, tiểu nhân thấy Tỷ sẽ kết bè kết phái; quân tử vì nghĩa công mà kết hợp, gọi là chí đồng đạo hợp. Vì vậy trước khi giải thích quẻ Sư và quẻ Tỷ, chúng ta phải nói một câu: "dịch vị quân tử mưu, bất vị tiểu nhân mưu" (Dịch là để cho quân tử mưu tính, không phải để cho tiểu nhân mưu tính). Một người bản thân rất giữ mình trong sạch, rất coi trọng tu dưỡng phẩm đức của mình, người này đọc Kinh Dịch là có lợi. Nếu một người không coi trọng phẩm đức, phủ định lương tâm, người này lại đọc Kinh Dịch, thì thật tệ hại, ý nghĩ xấu xa rất nhiều, có thể tìm thấy ý nghĩ sai lầm bất cứ lúc nào, như vậy xã hội sẽ có thêm một tiểu nhân. Vì vậy, muốn đọc Kinh Dịch chúng ta nhất định phải uốn nắn bản thân trước, đảm bảo xuất phát điểm của mình là vì công nghĩa xã hội, không phải vì cá nhân, nếu không Kinh Dịch cũng không giúp được.

Trong quẻ từ của quẻ Tỷ có bốn chữ, gọi là "bất ninh phương lai" (không yên rồi mới đến). Nghĩa là người ở nơi nào đó không yên ổn mới chạy đến chỗ chúng ta, nếu nơi đó an ninh rồi, họ sẽ không chạy đến chỗ chúng ta nữa, thì chúng ta phải tiếp nhận họ. Bây giờ nhiều quốc gia chỉ tiếp nhận những người có tiền, có chuyên môn. Bạn thấy khi một quốc gia nào đó xảy ra thảm họa lớn, một lòng muốn đến Mỹ, Mỹ liền rào cả nước lại, không cho người vào, chúng ta cũng không thể nói Mỹ sai, bởi vì nếu để mọi người vào hết thì họ sẽ khổ, những vấn đề sau đó đều phải do họ gánh chịu. Nhưng Trung Quốc xưa không như vậy, xưa kia Trung Quốc là trước tiên làm cho mình tốt, người không yên ổn hướng về sự an ninh của chúng ta, sẽ đến, và chỉ cần muốn đến, chúng ta đều mở cửa chào đón.

Có tài liệu chứng minh: trong Thế chiến II, nhiều quốc gia trên thế giới không chịu tiếp nhận người Do Thái, chỉ có Trung Quốc mở rộng cửa. (...) Khi tôi ở Malaysia, nhiều người châu Âu hỏi tôi, Trịnh Hòa có thực sự đến Malaysia không? Tôi nói có đền thờ kỷ niệm Trịnh Hòa làm bằng chứng, còn nghi ngờ gì nữa? Họ không tin. Họ nói nếu Trịnh Hòa thực sự đã đến Malaysia, tại sao các ông không lấy Malaysia làm thuộc địa quản lý? Tôi nói đó là tư duy của người phương Tây các ông, chúng tôi không thế, chúng tôi sẽ sống hòa hảo với các nước xung quanh, họ có thể cử sứ đoàn đến nước chúng tôi triều cống, triều cống chỉ là chào hỏi lẫn nhau. (...) Nhưng người nước ngoài nghe xong đều coi như chuyện cười, bởi vì họ không có suy nghĩ này. Bạn thấy người Anh đến đâu chiếm đến đó, nhưng một trăm năm đã chứng minh họ chiếm đều vô dụng, bây giờ một cái cũng không còn. Triều đình Trung Quốc về việc này là ra lệnh: chúng ta không thể xâm hại các nước xung quanh, phải chăm sóc họ, chỉ có thể thông thương hữu nghị với họ, người không yên ổn của họ chạy đến chỗ chúng ta, chúng ta phải tiếp nhận.

Nổi tiếng nhất trên thế giới là khi xưa người Đức tàn sát người Do Thái, người Do Thái chạy khắp thế giới, nhưng bất kể người Do Thái chạy đến đâu, họ vẫn luôn cho rằng mình là người Do Thái, hiện tại chỉ là tạm cư nơi đó mà thôi. Bạn thấy ở Mỹ nhiều người gọi là người Mỹ gốc Do Thái, ở Anh gọi là người Anh gốc Do

Thái, nhưng khi đó người Do Thái chạy đến Trung Quốc, không một ai nói mình là người Do Thái, đều nói "tôi là người Trung Quốc".

Điều này có liên quan rất nhiều đến quẻ Tỷ của chúng ta, người Do Thái là “bất ninh phương lai”, chúng ta phải chăm sóc họ. Chúng ta phải từ từ phát huy tinh thần của quẻ Tỷ, bởi vì trong thế kỷ 21 chiến tranh quân sự là không thể, vũ khí quá ghê gớm, ai cũng không dám lao sư động chúng, nên chỉ có đi theo quẻ Tỷ. Đi theo quẻ Tỷ phải nhớ kỹ, chúng ta phải tự mình làm tốt, thể hiện cho người khác thấy, người khác tự nguyện đến tham khảo chúng ta, chúng ta mới có giá trị. Nhiều quốc gia đều đã thử qua biện pháp vũ lực "anh phải nghe tôi, không thì tôi đánh anh", điều này bây giờ không thông nữa; đánh xong, ký một hiệp ước bất bình đẳng, bây giờ cũng không thông nữa; dùng kinh tế để xâm lược, bây giờ cũng không làm được nữa. Chúng ta dần dần phát hiện, thử qua nhiều con đường, con người đều biết chúng ta sẽ từ từ đi đến làng địa cầu, làng địa cầu chính là ứng với thiên hạ đại đồng. Thiên hạ đại đồng đến từ hai quẻ trong Kinh Dịch, một gọi là Đồng nhân, một gọi là Đại hữu, Đại hữu, Đồng nhân chính là đại đồng (hình 18-3).



图 18－3

Từ thời xưa, lý tưởng thiên hạ đại đồng đã ra đời, trong Kinh Dịch có hai quẻ Đại hữu và Đồng nhân, Khổng Tử còn phác họa thế giới đại đồng "thiên hạ vi công" trong Lễ ký! Cho đến nay, lý tưởng thiên hạ đại đồng đã trở thành lý tưởng chung của toàn nhân loại. Tuy nhiên muốn thực hiện thiên hạ đại đồng, nhân loại phải cùng nhau nỗ lực không ngừng, vậy hướng nỗ lực của nhân loại là gì? Tiền đề của thiên hạ đại đồng là gì?

Về thiên hạ đại đồng, chúng ta sẽ thể hiện khi giảng đến Đồng nhân, Đại hữu. Nhưng trước thiên hạ đại đồng, có một quẻ Tỷ và quẻ Sư, để cho nhân loại lựa chọn. Nếu đi theo con đường Sư, e rằng xác suất toàn cầu hủy diệt rất cao, bởi vì bây giờ mỗi quốc gia đều đang mở rộng quân bị, không thể không mở rộng, bởi vì người ta mạnh, chúng ta không mở rộng sẽ bị đánh, thế thì không được, nhưng toàn thế giới lại đều đang mở rộng. Đây là việc rất kỳ lạ của con người: tại sao có người có thể mở rộng có người lại không thể mở rộng? Bạn thấy Iran mãi không phục, Iran cảm thấy: dựa vào cái gì mà Mỹ có thể làm hạt nhân tôi lại không thể làm hạt nhân? Anh nói năng lượng hạt nhân của anh là vì hòa bình, tôi không thể vì hòa bình sao? Thế là kiện tụng, cả ngày đến tối đều kiện, kiện xong nếu đi theo con đường chiến tranh thì xong đời. Điều đó rất không đáng.

Lần này chúng ta nói ra đạo lý của Kinh Dịch, mục đích chính là hy vọng mọi người tìm ra một con đường phát triển đúng đắn, cũng chính là thiên hạ đại đồng, người phương Tây gọi là làng địa cầu, tiếng Anh gọi là One world. One world có nghĩa rất sâu sắc, không phải chỉ nói chỉ có một Trái Đất, mà là nói đã là một Trái Đất, thì nên có cảm giác thiên hạ một nhà. Người phương Tây không có cảm giác thiên hạ một nhà, chỉ có người Trung Quốc có, đúng như câu "tứ hải chi nội giai huynh đệ dã" (trong bốn biển đều là anh em). Nếu không có cảm giác này, làm sao nói làng địa cầu? Bây giờ chỉ có Olympic mọi người tụ tập một chút, rồi thi đấu một sống một chết, là về. Như vậy đối với làng địa cầu không có giúp ích gì.

Ngoài giao lưu kinh tế qua lại, chúng ta còn cần rất nhiều nơi giúp đỡ lẫn nhau, chăm sóc lẫn nhau, con người mới có thể thực sự làm được phát triển hòa bình. Phát triển hòa bình là con đường sống duy nhất hiện nay của nhân loại, nếu không chúng ta rất có thể cùng chết. Nhưng con người sẽ không lý tính như vậy, đều nghĩ riêng cho mình, mỗi người đều cho rằng mình kiện tụng nhất định thắng, xuất binh nhất định thắng, nên chúng ta vẫn không tránh khỏi tranh giành, vẫn không tránh khỏi tranh quyền đoạt lợi. Vì vậy, dù chúng ta rất không thích quẻ Sư, chúng ta vẫn phải nghiên cứu xem đạo lý của quẻ Sư rốt cuộc nằm ở đâu, chúng ta mới có thể hết sức tránh được hậu quả xấu của nó, đưa Sư đi vào con đường đúng đắn. Vì vậy, tập sau chúng ta sẽ bàn về: Sư xuất chính đạo.

Chương 19: Quẻ 7 : Địa Thủy Sư - Sư xuất chính đạo

(Quân đội xuất phát phải đi đúng đạo)

> Xã hội hiện đại là một xã hội cạnh tranh, nhưng cạnh tranh cũng có cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh. Hiện nay, tranh chấp lợi ích trong xã hội loài người ngày càng gay gắt, bất kể cá nhân hay tổ chức, đều dễ rơi vào vòng xoáy "cạnh tranh không lành mạnh", không thể tự thoát ra, lúc này, mọi người nên làm thế nào? Quẻ Sư trong Kinh Dịch bảo con người "trinh, trượng nhân cát, vô cữu", nghĩa là chỉ cần làm được "trinh", thì có thể trong cạnh tranh đi qua nguy hiểm mà thuận lợi, không có lỗi lầm. Vậy "trinh" nghĩa là gì? Làm sao có thể giảm thiểu tổn thất đến mức thấp nhất?

Chúng ta muốn xem một quẻ, trước tiên phải xem tên của nó là gì, gọi là quẻ danh. Sau đó xem quẻ tượng, dựa vào quẻ danh để tưởng tượng. Tiếp theo chúng ta phải xem quẻ từ của nó, hiểu tại sao gọi là quẻ này. Tiếp đến là thoán từ, thoán từ là giải thích lời trong quẻ từ. Cuối cùng chúng ta xem đại tượng của nó, đại tượng chính là chúng ta dựa vào quẻ danh, quẻ tượng, quẻ từ, thoán từ để giác ngộ nên làm thế nào. Sau khi hiểu rõ mấy phần này, chúng ta lại hiểu được từng hào, cả quẻ sẽ rõ ràng trong lòng. Nhưng hiểu rõ trong lòng là chưa đủ, phải vận dụng tốt trong cuộc sống hàng ngày, mới là đại dụng của chúng ta khi đọc Kinh Dịch.

Chúng ta hãy xem quẻ Sư (hình 19-1).



图 19－1

Sư là binh chủng, bây giờ gọi là quân đội; Sư là lao sư động chúng đi đánh trận, bây giờ gọi là chiến tranh. Quẻ Sư có thể dùng hai quẻ cơ bản, tức là Bát Quái hai hai chồng lên nhau để biểu thị. Chúng ta nói 64 quẻ đều là Bát Quái, từ đây có thể thấy rất rõ. Hai quẻ cơ bản tạo thành quẻ Sư từ dưới lên trên, Nội quái là quẻ Khảm, tức là nước, Ngoại quái là quẻ Khôn, tức là đất. Thế là chúng ta lập tức biết được, tượng của quẻ Sư là địa trung hữu thủy, thủy ở trong địa. Thủy ở trong địa tốt không? Nếu chúng ta muốn uống nước, trong đất không có nước thì đào giếng cũng vô ích, nên trong đất có nước chúng ta có thể uống; nhưng nếu nước đó có độc, thì có thể bị độc chết.

Từ tượng của quẻ Sư chúng ta có thể thể hội được, chiến tranh không hoàn toàn là việc xấu, cũng có thể là việc tốt. Vì vậy, "Sư", từ khảo chứng văn tự học hiện đại chúng ta có thể hiểu được, lúc đầu nó có ý nghĩa tích cực, gọi là dĩ chiến chỉ chiến (lấy chiến để ngừng chiến). Vì vậy, người hiện đại càng nên thấy Sư là nghĩ đến vì hòa bình mà chiến.

Có nhận thức này, chúng ta mới có thể yên tâm xem thoán từ của Sư: “Sư trinh, trượng nhân cát, vô cữu”.

(quân đội mà chính đáng (có thể hiểu là bên chí), có người chỉ huy lão thành thì tốt, không lỗi.)

Trước tiên là một chữ "trinh", có thể thấy đánh trận chỉ có một tư tưởng trung tâm - trinh. Trinh là nghĩa chính cố, là chiến tranh phải có tính chính đáng, và tướng lĩnh phải trung trinh bất nhị với cấp trên. Bởi vì xưa kia đánh trận rất ít khi người lãnh đạo cao nhất tự mình xuất chinh, như các vua chúa xưa rất ít khi tự mình xuất chinh, phần lớn là phái đại tướng đi, Hoàng Đế giao quyền binh, quyền chỉ huy cho vị tướng xuất chinh, vị tướng xuất chinh có quyền điều động ba quân, có quyền quyết định đánh hay không đánh, đánh ở đâu, đánh nhanh hay chậm, đánh đến lúc nào dừng, và đánh xong thì làm sao, đều có thể quyết định. Vì vậy, khi vị tướng ra khỏi cổng thành, Hoàng Đế bắt đầu lo lắng: vạn nhất vị tướng lấy thành trì đánh được làm đất của mình, không công nhận ta nữa, thì làm sao? Năm xưa Trịnh Hòa hạ Tây Dương cũng tương đương như xuất sư, đó là một loại chiến tranh khác, kết quả nhiều người nói với Minh Thành Tổ, phải đề phòng Trịnh Hòa, bây giờ vùng lãnh hải anh ta chinh phục được còn lớn hơn đất nước ta, vạn nhất sau này anh ta tự lập một vương quốc trên biển, thì hoàn toàn không còn để ý gì đến triều Minh nữa. Những việc như thế này, cũng là điều Hoàng Đế rất khó xử.

Vì vậy Sư chỉ có một tư tưởng trung tâm - “trinh”. Tướng lĩnh phải trung thành, không hai lòng với người đã bổ nhiệm mình, nếu không sẽ mang tiếng xấu muôn đời.

> Ý nghĩa quan trọng của quẻ Sư là nói cho con người biết: mục đích của chiến tranh phải là dĩ chiến chỉ chiến; vì hòa bình mà chiến, mới có thể đạt được kết quả tốt! Và chữ "trinh" trong quẻ từ càng chỉ ra rằng, đối với một chính nghĩa chi sư, có một vị thống suất trung trinh như Quan Vũ, Nhạc Phi, không mưu cầu tư lợi là rất quan trọng! Vậy "trượng nhân cát" trong đó "trượng nhân" chỉ cái gì? Có quan hệ gì với tiêu chuẩn chọn thống suất?

Quẻ từ quẻ Sư đề cập đến trượng nhân cát, trượng nhân là gì? Chính là người có đức và sống lâu, còn có năng lực mới gọi là trượng nhân. Ở Trung Quốc, con rể sẽ gọi bố vợ là trượng nhân. Một người không sống lâu, con gái chưa gả đi đã chết, cũng không thành trượng nhân được. Một người được người khác gọi là trượng nhân, phải có phẩm đức của trượng nhân, không được đối xử với con rể như nô lệ. Ý nghĩa như vậy thực ra đến nay vẫn như thế. Trượng nhân cát nghĩa là gì? Là nói điều kiện bản thân vị tướng xuất chinh có phù hợp tiêu chuẩn của trượng nhân không, nếu phù hợp, thì cát tường. Chủ tướng có phẩm đức tốt không, trinh không trinh, có tài năng chỉ huy quân đội không, có tài năng đánh thắng trận không, có thể thích khả nhi chỉ, đánh đến mức vừa phải thì không đánh nữa không. Những điều này đều là tiêu chuẩn chúng ta cần

xem xét khi chọn chủ tướng. Nếu vị tướng lãnh đạo chỉ định là thích hợp, gọi là “trượng nhân cát”, kết quả sẽ “vô cữu”, không có hậu chứng, đánh thắng không có hậu chứng, đánh thua cũng không sao.

Thật ra, không có chiến tranh nào chắc chắn thắng, bách chiến bách thắng chỉ là một kỳ vọng, không thể là sự thật, nên câu này chúng ta không nên chỉ xem đến đây. Bởi vì chúng ta đã nhiều lần nói rõ Kinh Dịch là đồng thời nói hai mặt, gọi là nhất âm nhất dương chi vị đạo. Vì vậy, dù quẻ từ quẻ Sư bảo chúng ta: trượng nhân cát, vô cữu, nhưng chúng ta nên lập tức nghĩ đến, nếu “phi trượng nhân”, nếu vị tướng dùng không thích hợp, thì sẽ không “cát”, sẽ không thể “vô cữu”. Hậu quả đáng sợ do dùng sai tướng lĩnh trong lịch sử chúng ta đều còn nhớ rất rõ.

Tiếp theo có thoán từ, là để giải thích quẻ từ, bởi vì đôi khi chúng ta vẫn rất khó lĩnh hội quẻ từ tại sao nói như vậy. Chúng ta có thể thấy, quẻ Sư có năm hào âm, chỉ có một hào dương, nên nó đến từ quẻ Khôn, khi Cửu nhị của quẻ Kiền vào quẻ Khôn, nó liền biến thành quẻ Sư. Vì vậy chúng ta lập tức hiểu được, "trinh" trong Sư trinh, là “lợi tẫn mã chi trinh”. “Lợi tẫn mã chi trinh” là nói, quẻ Sư tuy do quẻ Kiền và quẻ Khôn kết hợp mà thành, nhưng chủ thể vẫn là quẻ Khôn, mà chủ thể của quẻ Khôn chính là lợi tẫn mã chi trinh. Con ngựa cái nhất định phải phục tùng theo vị lãnh đạo cao nhất phía trên, chính là con ngựa đực đó, không được tự ý làm chủ.

Phàm là người đảm nhận chức đại đô đốc, đại tướng quân, đều không có quyền quyết định chiến tranh, đánh hay không, chỉ có vị lãnh tụ tối cao mới có thể phán quyết. Nếu Hoàng Đế không nói đánh, tướng quân không thể vì mình có quyền binh, tự ý làm chủ, muốn đánh là đánh, nếu không vị tướng quân này sẽ có thể tạo phản bất cứ lúc nào. Vì vậy, “lợi tẫn mã chi trinh”, mới là chìa khóa thực sự của Sư trinh.

Bây giờ chúng ta có thể thấy, Cửu nhị là chủ tướng, hoặc gọi là thống soái, nhưng trong lòng nó nhất định phải có vị quốc vương phía sau, vị lãnh tụ tối cao đó, Cửu nhị là thực hiện mệnh lệnh của vị lãnh tụ tối cao, mà không được tự ý làm chủ. Trong Tam Quốc Diễn Nghĩa, Ngụy vương phái Đặng Ngải đi đánh Thành Đô, khi Đặng Ngải đánh xuống được, Ngụy vương có phải trong lòng rất vui không? Đương nhiên vui rồi, tốn bao nhiêu công sức khổ cực mới đánh được Thành Đô. Nhưng sau khi Đặng Ngải vào Thành Đô, liền muốn làm cái này, làm cái kia, lập tức có người báo nhỏ với Ngụy vương, nói Đặng Ngải muốn tự xưng vương, muốn thay thế A Đẩu tự lập. Đặng Ngải chính là không thể hội được “lợi tẫn mã chi trinh”, là chìa khóa của Sư trinh.

Trinh là nghĩa của chính, chính là trung trinh bất nhị, chính là tính chính đáng, chính là hành vi không được có một chút sai lệch.

Thoán từ quẻ Sư viết "trinh, trượng nhân cát, vô cữu", và trong thoán truyện cũng đề cập "trinh, chính dã", có thể thấy, chữ "trinh" này đối với quẻ Sư mà nói, là quan niệm cốt lõi, tại sao vậy? "Trinh" ngoài việc bảo

con người phải trung trinh bất nhị, và nỗ lực phối hợp với lãnh đạo ra, còn có ý nghĩa thực tế nào khác để tham khảo không?

Thoán truyện quẻ Sư nói: “Sư. Chúng dã. Trinh. Chính dã. Năng dĩ chúng chính. Khả dĩ vương hĩ. Cương trung nhi ứng. Hành hiểm nhi thuận. Dữ thử độc thiên hạ nhi dân tòng chi. Cát. Hựu hà cữu hĩ.”

Chữ "vương" này là động từ, nghĩa là có thể hành vương đạo. Thông thường, nếu quân đội của một quốc gia rất chính, thống lĩnh bản thân cũng rất trung trinh, thì có đội quân như vậy, khi cần thiết đi đánh trận, vị thống trị cao nhất của quốc gia này không thể là hành bá đạo, mà là hành vương đạo. Điều này nói cho chúng ta biết, chiến tranh có bá đạo cũng có vương đạo. Cái gọi là vương đạo, thực ra rất đơn giản, chính là trừ bạo an lương. Vì trừ bạo an lương, lời hiện nay gọi là vì hòa bình mà chiến tranh, chính là vương đạo; vì tư lợi của một quốc gia mà đi xâm lược người khác, đó gọi là bá đạo.

Từ lịch sử dài lâu chúng ta có thể thấy, phàm là “vương đạo chi chiến” kết quả đều là “vô cữu”; phàm là “bá đạo chi chiến”, kết quả không những giết chết người khác, mà còn giết chết chính mình. Rất không may, chiến tranh phương Tây phần lớn là bá đạo, còn văn hóa Trung Hoa từ xưa đến nay đặc biệt nhấn mạnh vương đạo.

Binh pháp trên toàn thế giới đều nói về cách đánh trận, làm sao để đạt được thắng lợi, chỉ có dân tộc Trung Hoa chúng ta không như vậy. Tôn Tử Binh Pháp của chúng ta bảo mọi người: bất chiến. Ý của bất chiến không phải nói không cần chiến tranh, mà là nói phi bất đắc dĩ, không cần chiến tranh, thực sự cần chiến, lấy toàn quốc làm trên. Nghĩa là cho dù chiến tranh cũng phải bảo toàn người ta, không được lạm sát vô tội, điều này đáng để chúng ta người hiện đại suy nghĩ kỹ.

Mọi người thấy, đánh bài bridge nhất định có thắng có thua, hoặc là make, hoặc là down. Make, thắng; down, thua. Thắng thua của bài bridge rất rõ ràng, không có hòa cả làng, đây chính là chiến tranh phương Tây. Chỉ có cờ tướng là có thể hòa. Mọi người từ đây suy nghĩ kỹ, một người biết đánh cờ tướng, với một người biết đánh bài bridge, tâm thái tu dưỡng của họ hoàn toàn khác nhau. Người thực sự biết đánh cờ tướng, sẽ không luôn thắng người khác. Nếu bạn đánh cờ tướng rất giỏi, luôn thắng người khác, thiên hạ vô địch thủ, thì bạn sẽ rất thảm, vì không ai muốn đánh với bạn. Bạn nói đến đánh cờ, người ta thà nói đau bụng, cũng không muốn bị bạn "làm thịt". Người thực sự biết đánh cờ tướng, có khi thắng có khi thua, và thấy có người thua không tốt, thắng không tiện, lại có thể hòa cờ, thực sự rất cao. Đánh cờ tướng đánh đến muốn thắng thì thắng, muốn thua thì thua, muốn hòa thì hòa, mới thực sự là biết đánh cờ tướng, đó mới là "khả dĩ vương hĩ".

Bất kỳ trò chơi nào gần như đều có thắng có thua, nhưng những thứ có thắng có thua đều không thể vô cữu. Bây giờ có những bậc cha mẹ cho con đi lên tivi thi đấu với người ta, mà không nghĩ một chút, trẻ con không nhất định thắng được, vạn nhất thua, cảm giác thất bại đó có thể cả đời cũng không quên được, làm

cha mẹ tàn nhẫn như vậy - đi đi, dù sao là nó mất mặt chứ không phải tôi mất mặt, dù sao là nó đau khổ chứ không phải tôi đau khổ, đây là người thân sao? Đây rõ ràng là kẻ thù mà. Cha mẹ chỉ quan tâm lúc con thắng, mình rất vinh dự; nhưng vạn nhất con thua, con là người xui xẻo nhất. Tôi không phản đối bất cứ việc gì, bởi vì chủ trương của Khổng Tử là không tán thành bất cứ việc gì, cũng không phản đối bất cứ việc gì.

Trong xã hội phát triển như vũ bão hiện đại, cạnh tranh đã trở thành chủ điệu của cuộc sống. Đối mặt với áp lực to lớn việc gì cũng phải phân thắng thua, con người liền kỳ vọng có thể đạt được một cuộc cạnh tranh "đôi bên cùng thắng" lành mạnh, thoát khỏi cạnh tranh không lành mạnh khiến người ta lưỡng bại câu thương! Tuy nhiên, con người rốt cuộc nên làm sao phán đoán cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh? Lại nên làm sao tránh cạnh tranh không lành mạnh?

Việc gì có tốt thì có xấu, có xấu thì có tốt, chúng ta hôm nay miệng luôn nói cạnh tranh, thực ra chính là quẻ Sư, chính là tranh đoạt lẫn nhau. Chúng ta đầy óc đều là kỳ vọng, kỳ vọng cạnh tranh lành mạnh, nhưng những gì chúng ta thấy gần như đều là cạnh tranh không lành mạnh.

Cái gọi là vương đạo chính là mọi cạnh tranh đều phải quan tâm đến phẩm giá của mỗi người, suy bụng ta ra bụng người, như vậy mới biết tầm quan trọng của trinh, mới biết phải chính, mới có thể dĩ chúng chính. Có "chúng", "chính", mới có thể vương hĩ, đây gọi là tinh thần vương đạo.

Thoán từ quẻ Sư nói: “Cương trung nhi ứng”. “Cương trung” chỉ Cửu nhị, ứng cái gì? Ứng Lục ngũ, nếu tướng lĩnh không thể tâm tâm tương ấn với hoàng thượng, tin tưởng lẫn nhau, thì không thể đánh trận được. Cửu nhị với Lục ngũ tương ứng, mới có thể hành hiểm nhi thuận.

> Sáu mươi tư quẻ trong Kinh Dịch đều dựa vào quẻ tượng mà nói, quẻ Sư dưới quẻ Khảm chính là hiểm, trên quẻ Khôn chính là thuận, đánh trận là hành hiểm, nhưng cầu là ban lãnh đạo phía trên có thể an tâm, nếu ban lãnh đạo phía trên ngày ngày nhận được tình báo, luôn nghi ngờ Cửu nhị, họ làm sao an tâm làm việc?

“Dĩ thử độc thiên hạ”, chữ "độc" này chính là dĩ độc công độc của "độc", ý là dùng phương thức này để "dĩ độc công độc", dĩ chiến chỉ chiến. Nhi dân tòng chi, nhân dân đều cảm thấy tướng lĩnh làm như vậy là đúng, đương nhiên cát hựu hà cữu hĩ, là cát tường mà lại không có hậu chứng. Có những cuộc chiến đánh thắng cũng là hậu chứng đầy đàn, đánh thua thì càng thảm không nỡ nhìn. Từ những cuộc chiến xảy ra gần đây, mọi người đều có thể thấy, không hiểu quẻ Sư mà muốn tiến hành chiến tranh, đánh thắng cũng rất thảm, đánh thua thì càng thảm. Kiên trì chính đạo, lấy trừ bạo an lương để dụng binh, mới là người thực sự hiểu được dụng Sư.

Đại tượng quẻ Sư cho chúng ta biết, con người học quẻ Sư rồi nên làm thế nào. Nó chỉ có một câu đơn giản: “Địa trung hữu thủy. Sư. Quân tử dĩ dung dân súc chúng.”

“Địa trung hữu thủy,” là dựa vào quẻ tượng mà ra. Sư, nói rõ quẻ này gọi là quẻ Sư. “Quân tử dĩ dung dân súc chúng”, là chỉ người có tu dưỡng phẩm đức thấy quẻ tượng, quẻ danh này, lại từ quẻ từ và thoán từ hiểu được ý nghĩa của quẻ Sư, thì biết chúng ta bình thường phải giáo dục nhân dân, phải yêu thương nhân dân. Bởi vì nhân dân đều rất ngây thơ vô tội, họ cũng không có cách nào, muốn làm cũng không thể làm, muốn nói cũng không ai nghe. Vì vậy, chính quyền phải giáo dục nhân dân đi đúng đạo, giáo dục họ quý trọng thời gian, phải làm việc chăm chỉ, giáo dục họ an định gia đình, giáo dục con cái tốt, đây đều là trách nhiệm của chính quyền. Thời bình, chúng ta có thể để nhân dân đi cày ruộng, làm những việc khác, khi cần thiết, họ sẽ tự nguyện đến báo quốc đầu quân.

“Dung dân súc chúng” là bình thường chính quyền nuôi dưỡng dân chúng, đến lúc cần thiết dân chúng sẽ không màng tất cả, sẽ vì nước hy sinh. Vì vậy chúng ta thường nói, dưỡng binh thiên nhật, dụng tại nhất thời, chính là đạo lý này. Người Trung Quốc sợ chết nhất, nhưng vì quốc gia, vì dân tộc, chúng ta biến thành người không sợ chết nhất, điều này trong lịch sử có thể được chứng minh rất nhiều.

Chúng ta hiểu rằng, thời xưa không có quân nhân chuyên nghiệp, nông dân làm ruộng bình thường, đến lúc cần thiết động viên lên, là một đội quân rất tinh nhuệ. Đương nhiên bây giờ không được nữa, vì bây giờ chiến tranh quá đáng sợ, và rất chuyên nghiệp, dựa vào động viên tạm thời là không thể, nên bây giờ nhất định phải có quân nhân chuyên nghiệp. Điều quan trọng nhất của quân nhân chuyên nghiệp chính là tuyệt đối phục tùng. Chúng ta rất ít chủ trương tuyệt đối, nhưng nếu là quân nhân, thì thân phận đặc thù, là trường hợp khác. Quân nhân không thể nói "ý kiến cá nhân của tôi", nếu quân nhân nói quan điểm cá nhân, ý kiến cá nhân, là rất nguy hiểm, bởi vì thân phận quân nhân với các nghề nghiệp khác hoàn toàn khác nhau, không thể so sánh được.

Bây giờ có một số doanh nghiệp vẫn dùng quản lý quân sự hóa, chính là xem nhân viên như quân nhân, hậu quả nhất định rất nguy hiểm. Bởi vì phàm là quân nhân nhất định có vài nguyên tắc phải tuân thủ, ví dụ quân nhân có thể bị xử bắn, nhân viên có thể bị xử bắn không? Quân nhân là phục tùng chỉ đạo cao nhất của quốc gia, nhân viên chỉ là nghe lệnh của ông chủ, mà anh chỉ là ông chủ nhỏ hoặc ông chủ lớn mà thôi, có quyền lực lớn như vậy sao? Đây chính là lạm dụng quẻ Sư.

> Quan niệm "dung dân súc chúng", vận dụng vào tổ chức hiện đại, là cảnh báo lãnh đạo bình thường phải chú trọng đào tạo, quan tâm đến cấp dưới, được sự tin tưởng của cấp dưới, thì khi tổ chức gặp khó khăn, mới có thể khiến tổ chức sinh ra sức mạnh đoàn kết và sức cạnh tranh mạnh mẽ. Ngoài ra, quẻ Sư còn có ý nghĩa chỉ đạo quan trọng đối với các mặt khác trong cuộc sống thực tế, ví dụ trong xã hội hiện đại, "sư" không chỉ chỉ quân đội, còn chỉ thầy giáo, vậy điều này nên hiểu thế nào?

Chữ Sư này sau được mở rộng, các ngành các nghề đều có người họ Sư, xưa đã có quân sư, bây giờ có kiến trúc sư, luật sư, giáo sư, thậm chí đến làm đẹp cũng gọi là mỹ dung sư. Đây đều là việc tốt, bởi vì đây chính là tăng cường trách nhiệm của những người này. Chỉ cần anh là sư, tự xưng là sư, anh phải nhớ: “trinh”, bởi vì sư chỉ có một nguyên tắc là trinh. Trinh là yêu cầu bản thân phải chính trực. Bởi vì anh là sư, người ta sẽ

nghe lời anh, bên cạnh anh có một đám đông, nếu bản thân anh không chính, thì người bên cạnh anh nhất định bị hại, thế thì không thể vô cữu.

Đại văn học gia Hàn Dũ đời Đường đặc biệt đưa ra một câu, chúng ta đều rất quen thuộc: "Sư giả, sở dĩ truyền đạo thụ nghiệp giải hoặc dã" (Sư là người dùng để truyền đạo, truyền thụ kiến thức và giải đáp những nghi hoặc). Truyền đạo gì? Chính là truyền đạo lý của đại tự nhiên, nếu không truyền đại đạo lý đó, cứ truyền tiểu đạo lý của mình, thì rất nguy hiểm.

Vậy bất kỳ ai cũng có thể giảng đại đạo lý sao? Không phải. Bởi vì bây giờ không thể không chuyên môn hóa, nhưng sau khi chuyên môn hóa, đại đạo lý đó không còn nữa, chúng ta rất khó phán đoán thầy giáo giảng đúng hay sai. Vì vậy, lần này chúng ta giải thích trí tuệ của Kinh Dịch, có hai ý nghĩa: một là hy vọng mỗi người đối với trí tuệ của Kinh Dịch, đối với đạo lý của Kinh Dịch, có một số hiểu biết phổ biến, như vậy sau khi có năng lực phán đoán, tương lai sẽ biết thầy nào là thầy mình có thể theo, lời của thầy nào một câu cũng không thể nghe, tốt nhất nên kính nhi viễn chi. Bây giờ trong xã hội có đủ loại thầy, mỗi người chọn thầy của mình, cuối cùng là tự làm tự chịu. Ý nghĩa thứ hai là hy vọng các thầy trong các ngành các nghề trước hết hiểu đạo lý Dịch, lấy đạo lý Dịch làm nền tảng chuyên môn, mới vô cữu, mới không hại người.

Chúng ta nói rõ hơn một chút, học tập từ tự nhiên, lấy tự nhiên làm thầy, thuận theo tự nhiên để thiết lập các chuyên môn, gọi là truyền đạo. Thụ nghiệp chính là dựa theo đạo lý Kinh Dịch, thiết lập kiến thức chuyên môn, đi truyền bá một cách đúng đắn, tích cực. Giải hoặc, thì phải xem quẻ Mông rồi. Học sinh có vấn đề phải chủ động đưa ra, bởi vì thầy một thời điểm chỉ có thể giảng một việc, không thể việc gì cũng giảng, và thầy trong quá trình giảng bài, bản thân hiểu biết nhiều bao nhiêu cũng không quan trọng, phải giảng sao cho học sinh đều hiểu, nên chúng ta thường nói, phải thâm nhập nhưng nhất định phải dễ hiểu, chính là đạo lý này.

Chúng ta phải xem từng hào của quẻ Sư từ dưới lên trên, mục đích của chúng ta chính là thể hội bốn chữ - nhân giả vô địch.

> Trong sáu mươi tư quẻ của Kinh Dịch, mỗi quẻ đều do sáu hào tạo thành, từ hào sơ đến thượng hào, có thể xem là sáu giai đoạn từ bắt đầu đến kết thúc của một việc, hoặc sáu vai trò khác nhau có tác dụng trong một việc. Vậy sáu hào của quẻ Sư, đều đại diện cho cái gì? Tại sao nói có thể từ đó thể hội được nhân giả vô địch?

Chúng ta xem Sơ Lục trước (hình 19-2), hào từ của nó rất đơn giản: "sư, xuất dĩ luật, phủ tàng, hung"

(Ra quân thì phải có kỷ luật, không khéo (chữ phủ tàng nghĩa là bất thiện) thi xấu.)



初六，师出以律，否臧凶。

图 19－2

“Sư xuất dĩ luật”, luật chính là kỷ luật, chính là đánh trận phải xem binh sĩ có giữ kỷ luật không. “Phủ” là không có nghĩa, tàng là tốt đẹp, “phủ tàng” chính là không tốt đẹp, kỷ luật quân đội không tốt thì nhất định nguy hiểm.

Mọi người hồi tưởng lại trong Tam Quốc Diễn Nghĩa, Tào Tháo muốn dẫn binh đi đánh trận, đúng lúc gặp ruộng lúa mì của dân chín, thế là Tào Tháo lập tức ra lệnh, phàm là giẫm đạp ruộng lúa mì thì chém. Bởi vì phải có kỷ luật rất nghiêm khắc, mới có thể tạo ra sức mạnh ràng buộc to lớn đối với binh chúng. Vì vậy tại sao động không động đều nói chém, là để nâng cao cảnh giác của mọi người. Cả hào Sơ Lục đều đang nói cho chúng ta biết, quân đội trước khi đi đánh trận, chúng ta phải xem đội quân này bình thường huấn luyện có tốt không, có giữ kỷ luật không, ra ngoài có quấy nhiễu dân không.

Sơ Lục cũng có thể nói là binh chủng phải nghiêm túc tuân thủ kỷ luật, nếu không, đi đánh trận, cho dù đánh thắng, hậu chứng cũng rất nghiêm trọng.

Cửu nhị (hình 19-3) là chủ tướng, hào từ cũng rất đơn giản: “Tại sư, trung, cát, vô cữu, vương tam tích mệnh.”

(Trong quân, có đức trung thì tốt, không tội lỗi, được vua ba lần ban thưởng.)

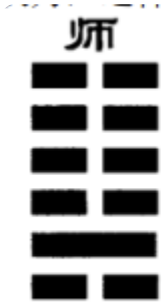

九二，在师，中吉，无咎，王三锡命。

图 19－3

Thống suất một đội quân gọi là tại sư; trung là phải hành trung đạo, hành chính đạo. Tại sư làm được trung cát, trinh cố, thì vô cữu. Vô cữu đại diện không có hậu chứng, nhưng phải có một điều kiện, gọi là vương tam tích mệnh, vương là chỉ triều đình, tích là ban thưởng, tam đại diện nhiều lần, Hoàng Đế hoặc quốc

vương, một rồi hai, hai rồi ba lần trao cho tướng lĩnh quyền binh, tin tưởng ông ta, cho ông ta quyền lực vận dụng binh quyền đầy đủ, như vậy tướng lĩnh mới có cách dẫn binh đi đánh trận.

Lục tam (hình 19-4) hào từ thì tương đối tệ: "Sư, hoặc dư thi, hung."

(bất chính (vì hào âm ở ngôi dương) lại bất trung ,xấu, thất trận, có thể phải chở xác chết về)

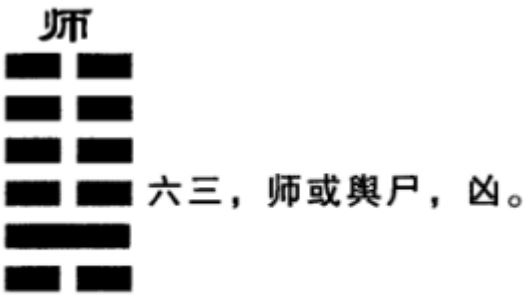

图 19－4

Nghĩa là kết quả của cuộc chiến này rất có thể là biến thành từng xe từng xe thi thể đem về, tức là có thể sẽ đánh thua trận. Vì vậy trách nhiệm của Lục tam là phải nâng cao cảnh giác, không được mù quáng thừa thắng truy kích, để tránh hậu hoạn.

Tiếp theo ba hào đều rất nguy hiểm, bởi vì lúc này người đã ở tiền tuyến rồi, làm sao không nguy hiểm được? Quẻ Khôn phía trên bắt đầu từ hào thứ tư. Lục tứ (hình 19-5) hào từ: "Sư, tả thứ, vô cữu."

(Ra quân rồi mà lui về đóng (thứ) ở phía sau (tả) không có lỗi.)

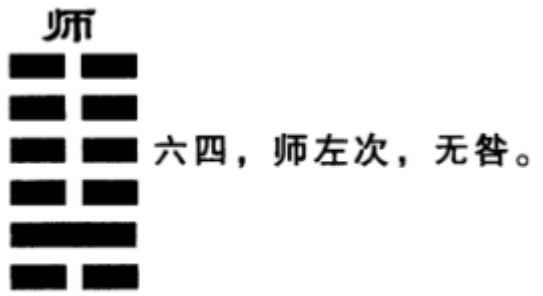

图 19－5

Sư tả thứ chính là rút lui. Rút lui tốt cũng là một bản lĩnh lớn. Chúng ta xem trong Tam Quốc Diễn Nghĩa, Mã Tố mất Nhai Đình, toàn quân bị tiêu diệt, lúc này nếu không nhanh chóng rút lui các đội quân khác, cũng sẽ bị Tư Mã Ý tàn sát thê thảm, lúc này Triệu Vân đã đưa các đội quân khác an toàn về Thục quốc, một công lao, bởi vì rút lui không dễ.

Tuy toàn bộ quẻ Sư lấy Cửu nhị làm chủ quẻ, nhưng vị trí của Lục ngũ cũng không thể xem nhẹ, Lục ngũ chính là quân vương. Hào từ của Lục ngũ (hình 19-6) rất thú vị: “Điền hữu cầm, lợi chấp ngôn, vô cữu. Trưởng tử xuất sư, đệ tử dư thi, trinh hung.”

(Như đồng cỏ muông thú (về phá), bắt chúng thì lợi. (dùng) người lão thành làm tướng súy để cầm quân, nếu dùng bọn trẻ (tài kém) thì phải chở thây mà về, và dù danh nghĩa chính đáng (trinh) kết quả vẫn xấu.)

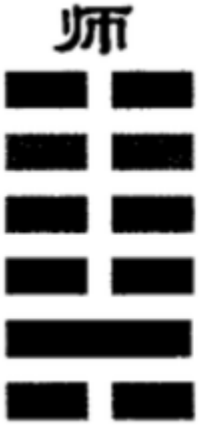

六五，田有禽，利执；言，无咎。
长子帅师；弟子舆尸。贞凶。

Những con thú hoang sẽ phá hoại mùa màng vào ruộng thì làm sao? Đương nhiên phải bắt. Điều này nói cho chúng ta biết, Hoàng Đế chỉ có thể vì hòa bình, vì chính nghĩa, vì trừ bạo an lương, mới có thể ra lệnh xuất sư. Tiếp theo, “trưởng tử xuất sư; đệ tử dư thi. Trinh hung”. Tại sao lại “trinh hung”? Trinh phải không hung mới đúng, sao trinh lại hung? Rất kỳ lạ.

Trong nhiều hào từ của các quẻ trong Kinh Dịch, thông thường đều là "trinh cát", "trinh" thường chỉ việc kiên trì chính đạo, trung trinh bất nhị, vì vậy tự nhiên cát tường! Nhưng trong quẻ Sư, hào từ của Lục ngũ, tại sao lại nói "trinh hung"?

"Trinh" là nói về trưởng tử xuất sư, "hung" là nói về đệ tử dư thi, đây là hai việc khác nhau. Nếu làm được “trưởng tử xuất sư” thì trinh, trinh nhất định cát; nếu làm thành “đệ tử dư thi”, thì nhất định là hung họa. Trưởng tử và đệ tử không nhất định là con trai của Hoàng Đế, đương nhiên cũng có thể bao gồm con trai của Hoàng Đế.

“Trưởng tử” là nói quân vương phái một người thực sự có tài năng, phẩm đức lại tốt, chính là trượng nhân mà quẻ từ quẻ Sư nói đến, đi làm tướng lĩnh, dẫn dắt quân đội xuất chinh, sẽ trinh, sẽ cát. Nhưng nếu quân vương phái một “đệ tử”, đệ tử chính là người không có tư cách trượng nhân, thì sẽ là đầy xe thi thể đem về, thì nhất định là hung. Vì vậy quân vương một mặt có quyền lực quyết định có đánh trận hay không, mặt khác phải cẩn thận chọn tướng lĩnh dẫn quân xuất chiến, nếu không nếu dùng sai tướng lĩnh, thì là đầy xe thi thể đem về, quân vương phải chịu trách nhiệm.

Thượng Lục (hình 19-7) rất thú vị: "Đại quân hữu mệnh, khai quốc thừa gia, tiểu nhân vật dụng".

((Sau khi khải hòan) vua ra lệnh gì quan hệ đến việc mở nước trị nhà thì đừng dùng kẻ tiểu nhân (dù họ có công chiến đấu).)

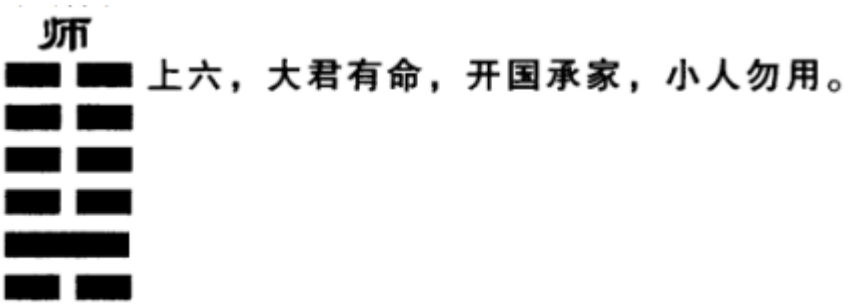

图 19－7

Thượng Lục là hào cuối cùng của quẻ Sư, chính là đánh xong trận rồi, bắt đầu phải luận công hành thưởng, không thì lần sau ai còn ra đi đánh nữa?

"Khai quốc thừa gia" nghĩa là gì? Khai quốc là phong hầu, thừa gia là lập từ đường. Xưa kia chỉ có người làm quan mới được lập từ đường, người thường hoàn toàn không thể lập từ đường, bây giờ có quyền này rồi, có thể làm rạng danh cho gia tộc, lập một từ đường, tế lễ. Quẻ Sư đến cuối cùng đặc biệt đưa ra "tiểu nhân vật dụng", là nhắc nhở chúng ta, đối với tiểu nhân, vẫn phải luận công hành thưởng, nhưng phải nhớ kỹ có thể cho họ nhiều tiền, cho họ nhiều vật chất, tuyệt đối không thể thăng quan cho họ, như vậy sẽ không có hậu chứng. Cùng có công lao, là quân tử thì chúng ta có thể thăng quan cho họ, là tiểu nhân thì chúng ta cho họ nhiều tiền. Cho tiền là một lần, dùng hết là không còn, thăng quan là vĩnh viễn. Hơn nữa làm như vậy có thể để tiểu nhân biết, chúng ta trong lòng hiểu rõ, đừng nghĩ lừa gạt chúng ta, như vậy sẽ không có hậu chứng.

Từ trước khi xuất binh đánh trận, cho đến khi đánh xong, mỗi giai đoạn phát triển thế nào, mỗi vị trí khác nhau làm sao phối hợp, quẻ Sư đều nói cho chúng ta rất rõ ràng. Yếu nghĩa của quẻ Sư là hành hiểm cầu thuận, vì hòa bình mà chiến, không phải vì xâm lược người khác mà chiến, nên nhất định phải có công nghĩa, nhất định phải có trung trinh, nhất định phải kỷ luật nghiêm minh, đây là điều kiện cơ bản.

Nhưng bất kể thế nào, đánh trận cuối cùng vẫn là lao dân thương tài, đánh một trận phải tốn bao nhiêu tiền, đó không phải là điều chúng ta có thể tính toán được. Tiền tài mà một quốc gia tích góp được không dễ dàng, thành tựu xây dựng được không dễ dàng, một khi xảy ra chiến tranh, đều sẽ tiêu tan trong chốc lát, nên bây giờ có lẽ nhiều người đều không nghĩ đến việc chiến tranh. Vì vậy, chúng ta phát triển ra một con đường khác, gọi là ngoại giao. Thông qua Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, mọi người cùng nhau thương lượng, đó chính là đi con đường quẻ Tỷ. Tỷ là thân tỷ, thân cận của ý nghĩa, dùng lời hiện nay gọi là

theo đuổi. Vì vậy người Trung Quốc thường nói, tôi theo anh, tôi vĩnh viễn theo anh, tôi luôn theo anh, thực ra chính là nói thân tỷ, thân phụ. Do đó, sự hợp lý hài hòa của quẻ Tỷ, là điều mà nhân loại hiện nay cần nhất. Vì vậy tập sau chúng ta sẽ bàn về: Thân tỷ hài hòa.

Chương 20: Quẻ 8 : Thủy Địa Tỷ - Thân tỷ hài hòa

> Quẻ Tỷ và quẻ Sư là tổng hợp quẻ với nhau, chúng ta thường nói tỷ lân nhi cư (sống gần gũi nhau như hàng xóm), Tỷ, chính là ý nghĩa thân tỷ, theo đuổi. Vậy quẻ Tỷ nói cho chúng ta biết, nên thân tỷ theo đuổi những người như thế nào? Tại sao Khổng Tử nói "quân tử châu nhi bất tỷ, tiểu nhân tỷ nhi bất châu"? Quẻ Tỷ và quẻ Sư đều có Khảm, điều này nhắc nhở chúng ta điều gì? Trong một tập thể đoàn kết nhất trí, xuất hiện những tiếng nói khác biệt là việc tốt hay xấu?

Người với người so sánh tỷ lại tỷ tốt không tốt? Tôi tin sau khi chúng ta nghe nhiều đạo lý Kinh Dịch, chúng ta không dám nói tốt, cũng không dám nói không tốt. So sánh tỷ lại tỷ có gì không đúng? So sánh tỷ lại tỷ mới biết bản thân có khuyết điểm gì, sau đó có thể cải thiện. Nhưng tại sao lại nói người so với người tức chết người? Nguyên nhân rất đơn giản, chính là chúng ta nên so sánh thì không so sánh, không nên so sánh thì cứ đi so sánh, chỉ sai ở chỗ này mà thôi. Chúng ta bây giờ so sánh quần áo, so sánh hàng hiệu, so sánh xe cộ, so sánh nhà cửa, so sánh chức quan, so sánh của cải, thì đương nhiên càng so càng tức.

Thực ra con người chỉ có một thứ có thể so sánh, chính là phẩm đức tu dưỡng, những thứ khác đều không cần thiết phải so sánh. Chúng ta xem người phải xem người này phẩm đức tu dưỡng tốt không, lấy họ làm tấm gương, nếu họ không bằng mình, cũng không thể cười họ, phải tăng cường bản thân, làm gương cho họ xem, bởi vì chúng ta không có cách nào thay đổi một người, nhưng nếu họ tự nguyện hướng về chúng ta thỉnh giáo, lấy chúng ta làm tham khảo, thì họ đắc đạo, chúng ta đều rất vui. Nếu đạo đức của họ tốt hơn mình, thì chúng ta càng phải phản tỉnh bản thân những chỗ nào làm chưa đủ, phải gấp rút, lấy họ làm mô phạm, hướng về họ mà noi theo, như vậy mới gọi là nên so sánh thì so sánh, không nên so sánh thì không so sánh.

Ý nghĩa thực sự của Tỷ chính là so sánh tỷ lại tỷ, xem ai đáng để chúng ta học tập, thì phải hướng về họ mà thân tỷ. Ý nghĩa của thân tỷ chính là nói theo đuổi người đáng để chúng ta học tập, đây mới là ý nghĩa thực sự của quẻ Tỷ. Quẻ Tỷ, dưới Khôn trên Khảm, cũng chính là trên là nước, dưới là đất. Mọi người lập tức biết được, nó với quẻ Sư vừa hay đảo ngược, nên quẻ Sư và quẻ Tỷ tương tổng (hình 20-1).



图 20 – 1

Mọi người có thể thấy, không kể là quẻ Sư hay quẻ Tỷ, đều là năm hào âm, một hào dương. Bình thường hào dương ở trên, chính là toàn dân nhất trí ủng hộ một lãnh tụ; lúc đánh trận hào dương ở dưới, chính là toàn quốc đều ủng hộ vị tướng đi đánh trận. Điều này thể hiện Kinh Dịch nói đều không phải quyền lợi nghĩa vụ, mà là trách nhiệm. Lúc đánh trận tướng quân phải chịu trách nhiệm lớn nhất, thành bại đều ở trên vai ông ta, nhưng bình thường chúng ta sẽ đặt trách nhiệm lên vị lãnh đạo cao nhất, tăng cường trách nhiệm của ông ta.

Khổng Tử trong Luận Ngữ, thiên Vi Chính nói rất rõ ràng: "Quân tử châu nhi bất tỷ, tiểu nhân tỷ nhi bất châu" (Quân tử kết nối hài hòa nhưng không kết bè kéo cánh, tiểu nhân thì kết bè kéo cánh nhưng không hòa hợp), câu này hoàn toàn đang nói về quẻ Tỷ.

Mọi người nên suy nghĩ: thế nào gọi là tỷ? thế nào gọi là châu? Hai chữ này thực ra có cùng ý nghĩa, chính là thân phụ, đồng tâm của ý nghĩa, hôm nay gọi là đồng tâm hiệp lực. Đồng tâm hiệp lực phải có một nhân vật trung tâm, quân tử trong Kinh Dịch chính là hào dương, hào dương trong quẻ Tỷ chính là quân tử, năm hào âm khác đều là tiểu nhân. Quân tử phải chu đáo mà chăm sóc tất cả mọi người, không được cứ nghĩ đến việc muốn người ta đến thân tỷ với mình, quân tử không thể nói: đến đây, mọi người đoàn kết xung quanh ta, tất cả nghe theo mệnh lệnh của ta, tất cả ủng hộ ta, đây là chuyện cười. Bởi vì chỉ cần quân tử chăm sóc người khác thì tự nhiên sẽ được mọi người ủng hộ, đây gọi là châu nhi bất tỷ. Còn tiểu nhân thì sao? Tiểu nhân rất thú vị, tiểu nhân không có năng lực gì để chăm sóc người khác, chỉ có tìm được một đối tượng mà mình có thể theo đuổi, có thể thân tỷ, lấy họ làm chủ. Vì vậy như thế mọi người mới hiểu được tại sao nói dân bất khả đa chủ, dân chỉ có thể có một chủ.

Người xưa thường nói thiên vô nhị nhật, nhân vô nhị chủ (trời không có hai mặt trời, người không có hai chủ), chúng ta từ đây có thể thấy. Quẻ Tỷ toàn quẻ chỉ có một chủ, chính là hào Cửu ngũ, những hào khác đều là hào âm.

Bây giờ chúng ta xem thoán từ quẻ Tỷ (hình 20-2): "Tỉ cát. Nguyên phệ, nguyên vĩnh trinh, vô cữu. Bất ninh phương lai, hậu phu hung."

(Gần gũi thì tốt. Bói lần thứ nhì mà được như lần đầu (nguyên phệ) rất tốt, lâu dài, chính thì không có lỗi. Kẻ nào ở chỗ chưa yên (hoặc gặp trắc trở) sẽ lại với mình (hoặc mình nên vời lại) l kẻ nào tới sau (trễ) thì xấu.)



比

卦辞

比，吉。原筮，元永贞，无咎。
不宁方来，后夫凶。

图 20－2

Quẻ Tỷ ngay từ đầu nói cho chúng ta biết, con người nhất định phải sống cuộc sống quần cư, bởi vì người là động vật quần cư, vì vậy phải đoàn kết, phải có một người làm lãnh đạo. Vị lãnh đạo này rất quan trọng, phải tìm cho kỹ, tìm được người thích hợp, mọi người lấy người đó làm trung tâm, đoàn kết nhất trí, tự nhiên sẽ cát tường.

“Nguyên phệ”, nguyên có nghĩa là tìm cầu, “phệ” có nghĩa là phán đoán, chính là chúng ta đi tìm cầu một người đủ cao minh, tâm hoài đủ rộng rãi, có tu dưỡng nhân từ, có thể chăm sóc mọi người, chúng ta đề cử người đó lên làm lãnh tụ của chúng ta. Vì vậy trong lịch sử Trung Quốc chỉ có đề cử, không bao giờ có bầu cử. "Đề" là gì? "Đề" là mọi người đều cho rằng một người nào đó tốt, đề cử người đó lên; "bầu" là tự mình ra sức cổ vũ cho mình, nhiều cuộc bầu cử nước ngoài đều như vậy. Người Trung Quốc thấy những người như vậy đều cảm thấy rất kỳ lạ: đúng là tự khen tự khoác lác, rồi mọi người chửi họ không ra gì. Chúng ta nhất định phải nhớ, chúng ta là muốn người khác nhận ra mình, muốn người khác khẳng định mình, muốn người khác đề cử mình, như vậy mới có giá trị, nếu không tự mình yêu cầu, tự mình nhờ cử tri bỏ phiếu, giá trị ở đâu?

Sau đó chúng ta cẩn thận phán đoán: người này đáng để chúng ta đề cử lên làm lãnh tụ, chúng ta lấy họ làm đối tượng thân tỷ, đây gọi là lương cầm trạch mộc nhi thê, hiền thần trạch chủ nhi sự (chim lành chọn cây mà đậu, bề tôi hiền chọn chủ mà thờ). Bạn thấy Gia Cát Lượng chọn hơn mười năm, mới chọn được Lưu Bị, sau đó dù Lưu Bị có lúc không quá tôn trọng ông, ông cũng rất lịch sự, bởi vì Gia Cát Lượng cảm thấy đã lấy Lưu Bị làm đối tượng thân tỷ rồi, thì mình ủi thân một chút cũng không sao.

Là đối tượng được thân tỷ, cần có tu dưỡng nhân từ, tâm hoài rộng rãi và trí tuệ cao minh, có thể chu đáo chăm sóc mọi người. Đồng thời, còn cần làm được “nguyên vĩnh trinh”, vậy thế nào là “nguyên vĩnh trinh”? Chúng ta lại làm thế nào để đạt được “nguyên vĩnh trinh”?

“Nguyên vĩnh trinh”, “nguyên” chính là độ lượng lớn, một người phải có độ lượng lớn, người ta mới lấy anh làm đối tượng thân tỷ; “vĩnh” chính là vĩnh cửu, vĩnh hằng, một người không thể nói hôm nay độ lượng lớn, ngày mai bắt đầu rất nhỏ nhen, hôm nay chăm sóc người khác, ngày mai có được phiếu bầu rồi không quản nữa.

Một người có độ lượng lớn và có thể duy trì lâu dài, lại thêm có thủ thường hợp lý, chính là "nguyên vĩnh trinh". Sau đó những người khác lấy họ làm đối tượng thân tỷ, đoàn kết lại ủng hộ họ, như vậy thì vô cữu.

Phía dưới còn hai câu rất thú vị, gọi là "bất ninh phương lai, hậu phu hung". Ai sẽ đi thân tỷ quân tử? Những người sống rất an nhàn, rất thoải mái không cần thân tỷ, nên không phải người sống tốt mới đi thân tỷ, thực ra là người bất an mới đi thân tỷ quân tử. Chúng ta thấy những người đến thành phố đi làm công gần như đều là "bất ninh phương lai", họ đều là ở nhà sống không tốt, bất an, mới đến nương nhờ, nên ông chủ phải đi chăm sóc những nhân viên từ nông thôn đến này, ông chủ phải biết những người này đến làm nhân viên cho anh, là "bất ninh phương lai", anh phải làm cho họ an yên, đây là trách nhiệm của anh.

"Hậu phu hung chính" là nói ai đến muộn, người đó sẽ không có cơ hội; còn có một cách giải thích là mọi người cùng đến, sẽ làm đối tượng thân tỷ bị dồn ép, bị làm sụp đổ. Hồng Kông năm 1997 trở về Tổ quốc, đó là đất đai của chính chúng ta, nhưng có thể nói toàn quốc người nào thích đến Hồng Kông thì đến không? Có lẽ cũng không được, một đi là dồn ép Hồng Kông sụp đổ. Những điều này đều có thể được khải thị từ Kinh Dịch, nên chúng ta nhất định phải quản lý kiểm soát, đừng nói Hồng Kông, ngay cả đặc khu Thâm Quyến cũng phải quản lý kiểm soát, không phải người nào cũng có thể vào, nếu không tất cả vào hết sẽ dồn ép nó sụp đổ. Vì vậy, hậu phu hung có hai cách giải thích: một là nói người đến muộn xui xẻo; hai là nói người phía sau đều chen vào thì đối tượng thân tỷ cũng xui xẻo.

Thoán truyện là để giải thích thoán từ, thoán truyện quẻ Tỷ nói: "Tỷ. Cát dã. Tỷ phụ dã. Hạ thuận tòng dã. Nguyên phệ nguyên vĩnh trinh vô cữu. Dĩ cương trung dã. Bất ninh phương lai. Thượng hạ ứng dã. Kỳ đạo cùng dã."

Cát chính là cát tường. Phụ là phụ trợ, nghĩa là giúp đỡ lẫn nhau. Thời xưa năm nhà gọi là một tỷ, người Trung Quốc rất thích dùng năm làm đơn vị, ví dụ "đội ngũ", năm nhà một tỷ. Vì vậy cái chúng ta bây giờ gọi là hàng xóm chính là "tỷ lân nhi cư", nhà ở gần nhau, gọi là "tỷ lân", để giúp đỡ nhau canh gác. Thực ra giúp đỡ canh gác, toàn thế giới đều rất coi trọng.

Chúng ta đến Mỹ sẽ phát hiện, khu dân cư của Mỹ không thông với nhau, điều này nói cho chúng ta biết từ khu dân cư này vào sau khi đi một vòng, vẫn phải từ đây ra, muốn đi nơi khác là không thông được. Hơn nữa khi chúng ta vào, không thấy người nào, thực ra rất nhiều con mắt từ trong những cửa sổ kính đều đang nhìn chúng ta, đây gọi là giúp đỡ canh gác. Tuy chúng ta không thấy bên trong có người, nhưng người bên trong đã bắt đầu chú ý: người này không phải người khu dân cư chúng ta, chạy đến đây làm gì? Đây chính là nguyên lý của Tỷ.

> Chúng ta thường nói "tỷ lân nhi cư" có ý nghĩa là cùng sống gần gũi giúp đỡ nhau canh gác, điều này phản ánh nội hàm phụ trợ trong quẻ Tỷ. Một người muốn người khác đến thân tỷ, anh ta phải luôn giữ được đạo đức cao thượng và tu dưỡng tốt đẹp; còn một người muốn thân tỷ người khác, lại cần những điều kiện gì?

Tỷ, nó cần “hạ thuận tòng dã”, chính là người phía dưới đã chọn được đối tượng muốn đi thân tỷ, thì phải tự nguyện, thành tâm thành ý mà thuận theo họ, có thể thấy, đi thân tỷ người khác cũng có điều kiện. Chúng ta chưa bao giờ nói phải mù quáng thuận theo ông chủ, chúng ta chủ trương phải cẩn thận chọn ông chủ, nếu ông chủ này đáng để chúng ta theo đuổi, đáng để chúng ta học tập, thì đương nhiên phải thuận theo họ. Nếu một người vừa muốn đến đây làm việc, lại không nghe lời ông chủ, thì người này không đúng rồi.

Chúng ta phải chọn là bản thân có thể học hỏi từ ông chủ này không, có thể nâng cao phẩm đức không, như vậy mới hiểu được thế nào là Tỷ. Bây giờ chúng ta nên uốn nắn nguyên tắc chọn nghề của chúng ta, tâm thái chọn nghề đúng đắn nên là: tôi đến công ty này, tôi có thể học được nhiều thứ; tôi theo đuổi ông chủ này, phẩm đức tu dưỡng của tôi sẽ được nâng cao; còn về lãnh bao nhiêu lương, có được thăng chức hay không, đó là thứ yếu, tuyệt đối không phải là việc quan trọng. Đáng tiếc bây giờ nhiều người trẻ không hiểu điều này, cũng không biết phải chọn như vậy.

“Nguyên kỳ, nguyên vĩnh trinh, vô cữu”, đều đang nói về hào cương trung này, trong quẻ Tỷ, Cửu ngũ chính là cương trung, đắc chính đắc trung, hào dương ở vị trí dương. Cái gọi là cương trung, chính là nếu một người muốn người khác thân tỷ với mình, anh phải tăng cường tu dưỡng bản thân, làm tấm gương cho người khác, thì phải rất cương kiện, bền bỉ, nên nhất định phải hào dương ở vị trí dương.

“Bất ninh phương lai, thượng hạ ứng dã”, “bất ninh phương lai” chỉ Cửu ngũ với Lục nhị, Cửu ngũ là hào giữa của Ngoại quái, Lục nhị là hào giữa của Nội quái, chúng tương ứng nhau một âm một dương, cũng chính là Cửu ngũ làm rất tốt, Lục nhị lại vừa hay bất an. Nếu Cửu ngũ biểu hiện rất tốt, Lục nhị cũng rất an yên, thì Lục nhị không nhất định đến; nếu Cửu ngũ biểu hiện cũng không hơn người khác, Lục nhị cũng sẽ không đến.

Muốn người ta đến thân tỷ, không nhất định là muốn tất cả mọi người đều thân tỷ bên cạnh mình, không cần thiết. Chúng ta cần đi chăm sóc những người bất an, làm cho họ an, gọi là "ký lai chi, tắc an chi". “Ký lai chi, tắc an chi” chính là nói người ta vì bất an mới đến, đến rồi thì chúng ta đừng dọa nạt họ, đừng tăng thêm phiền phức cho họ, đừng để họ cảm thấy càng bất an.

“Hậu phu hung”, tại sao lại hậu phu hung? Bởi vì kỳ đạo cùng dã. Quẻ Tỷ đến hào Thượng lục, toàn bộ đều phải hoàn thành rồi, hoàn thành không phải rất tốt sao? Không. Kinh Dịch thật là tuyệt vời, nó nhắc nhở chúng ta, mọi người đoàn kết nhất trí, tinh thành hợp tác, đồng tâm hiệp lực, cũng phải thích khả nhi chỉ, vừa phải mới tốt, quá mức thì không tốt.

> Thoán từ quẻ Tỷ nói cho chúng ta biết, khi chúng ta chọn được đối tượng thân tỷ, thì phải thành tâm thành ý mà thuận theo, còn làm đối tượng được thân tỷ, thì phải làm tấm gương tốt, chăm sóc chu đáo, từ đó khiến những người đến thân tỷ, theo đuổi đoàn kết nhất trí, đồng tâm hiệp lực. Tuy nhiên, sự đoàn kết nhất trí, đồng tâm hiệp lực này cũng cần “thích khả nhi chỉ”, đây lại là tại sao?

Ngay cả đoàn kết nhất trí đồng tâm hiệp lực quá mức cũng không tốt sao? Đương nhiên không tốt, mọi người đoàn kết nhất trí, dần dần sẽ không có đúng sai nữa, người dưới cảm thấy dù sao phía trên nói gì cũng đúng; còn người trên thì cảm thấy mọi người ủng hộ như vậy, dần dần buông lỏng bản thân, dần dần không còn thận trọng như vậy, thích nói gì thì nói, thế là xong đời.

Mọi người thấy quẻ tượng của quẻ Tỷ, bỏ Thượng lục đi rồi, nhìn năm hào dưới, sẽ phát hiện đó là một quẻ tượng rất đáng sợ, gọi là quẻ Bác (hình 20-3), chính là toàn bộ sẽ bị bác lạc mất.

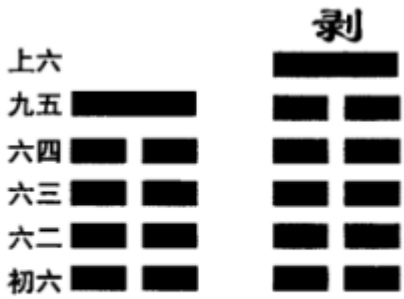

图 20 – 3

Có thể thấy nếu mọi thứ đều lấy đối tượng thân tỷ làm chủ, họ sẽ không có áp lực, sau khi không có áp lực, sẽ buông lỏng, buông lỏng sẽ buông thả, một khi buông thả thì tệ rồi, vốn rất tốt, cũng sẽ nói bậy bạ rồi, vốn rất thận trọng, cũng sẽ đột nhiên một cái giống như không chăm sóc được nữa. Và người bị hại là ai? Là toàn thể.

Vì vậy đạo Tỷ cũng sẽ cùng, đừng quá mức, do đó chúng ta mới biết một tập thể không nên đến mức một chút tiếng nói phản đối cũng không có. Họp bàn thảo luận, nếu nhất trí thông qua, chúng ta phải đặc biệt cẩn thận: tại sao lại nhất trí thông qua? Ngay cả một chút ý kiến nhỏ cũng không có sao? Hoặc là tôi quá độc đoán rồi, hoặc là kết luận này toàn dân quả thực nhất trí đều cho là rất tốt, hoặc là có ý kiến mà không dám nói, thì tôi phải cẩn thận ngẫm nghĩ. Nếu toàn thể nhất trí thông qua, việc này quả thực là rất tốt, thì không có vấn đề gì, nhưng chúng ta vẫn hy vọng, một ông chủ nếu thực sự có độ lượng lớn, vẫn nên giữ lại 5% tạp âm. Một công ty có 5% tiếng nói khác biệt, thực ra đối với tổng giám đốc là tốt nhất, bởi vì như thế này mỗi lần tổng giám đốc muốn nói điều gì, đều sẽ suy xét mấy người sẽ có ý kiến khác đó họ sẽ có ý kiến gì, rồi mới cân nhắc, như vậy sẽ rất thận trọng.

Chúng ta đều biết đạo lý "vật cực tất phản" này, đạo Tỷ cũng có lúc cùng tận, vì vậy đoàn kết nhất trí, đồng tâm hiệp lực cũng cần thích khả nhi chỉ. Trong một tập thể có nhiều người thân tỷ, theo đuổi, có tiếng nói phản đối làm nhắc nhở chưa hẳn không phải là việc tốt. Đại tượng của quẻ Tỷ cũng ẩn chứa nhiều điều nhắc nhở chúng ta về cuộc sống, sự nghiệp, vậy nó lại nói cho chúng ta điều gì?

Quẻ Tỷ có một câu trong đại tượng đáng để chúng ta chú ý, đại tượng nói: "Địa thương hữu thủy. Tỉ. Tiên vương dĩ kiến vạn quốc, thân chư hầu."

Nghĩa là quẻ Tỷ này chính là tượng nước ở trên đất. Các đời vua của chúng ta thấy quẻ Tỷ thì biết, muốn cai trị một quốc gia, thì phải cho những người có công lao, có danh vọng phong đất đai, để họ thay mình chia sẻ lo lắng, chia sẻ lao động, thực ra chia sẻ lo lắng lao động mới là trách nhiệm thực sự của chư hầu. Đáng tiếc có người lúc đầu được phong hầu, rất vui mừng, rất biết ơn, sau đó lại tham vọng ngày càng lớn, gây nên nhiều sự kiện phản nghịch.

Cái chúng ta trước đây gọi là quốc với khái niệm quốc bây giờ hơi khác nhau, trước đây quốc thực ra chính là bộ lạc, sau đó bộ lạc hợp nhất, lúc đầu có lẽ gọi là bang, sau mới dùng chữ quốc. Đến khi thực sự hiện đại hóa, chúng ta mới cho rằng toàn Trung Quốc hợp thành một quốc, những cái khác thì biến thành tỉnh, không còn gọi là quốc. Trước đây Trung Quốc có vạn bang, rồi dần dần biến thành mấy nghìn quốc gia, sau biến thành mấy chục quốc gia, cuối cùng thống nhất thành một quốc gia. Từ có nhiều quốc dần dần biến thành một quốc, tại sao vậy? Bởi vì chúng ta hiểu quẻ Tỷ, chúng ta thấy quẻ tượng của quẻ Tỷ là địa thượng hữu thủy, nước ở trên đất là từ tứ phương bát diện chảy qua, vậy tại sao lại tích tụ ở một chỗ? Chính là vì nơi này địa thế tương đối thấp.

Từ đây chúng ta thể hội được, người càng ở chức vị cao, tư thái phải càng thấp, chỉ có tư thái thấp, mọi người mới sẽ đều nương tựa đến. Bây giờ không phải vậy, bây giờ người vừa lên chức thì giống như lại cao thêm, rồi lại lên chức nữa, mặt cũng không biết cười nữa, bắt đầu mặt lạnh nhìn người khác, cuối cùng dẫn đến mọi người đều chạy mất. Đây chính là không thông hiểu đạo lý quẻ Tỷ. Quẻ tượng quẻ Tỷ nói cho chúng ta biết địa thế cao, nước đều chảy đi, địa thế thấp nước mới đến, chính là một hiện tượng tự nhiên như vậy. Người Trung Quốc gọi tư thái thấp là dĩ đại sự tiểu, người ở vị trí trên phải để người dưới cảm thấy anh rất thân thiết, đây gọi là thân dân. Có thể thấy từ một gia đình đến một công ty, đến một quốc gia, thực ra quẻ Tỷ đều nói rất rõ ràng. Mà quẻ Tỷ dưới là Khôn, trên là Khảm, chính là thể hiện thực sự nguy hiểm vẫn là ở trên.

> Đại tượng quẻ Tỷ nói cho chúng ta biết, người ở địa vị cao hạ thấp tư thái, cũng có thể được mọi người nương tựa, điều này giống như nước chảy tụ ở chỗ thấp vậy, nói một cách dễ hiểu, chính là bình dị gần gũi. Quẻ tượng quẻ Tỷ là Khôn dưới Khảm trên, dưới là đất, trên là nước, giáo sư Tăng Tử Cường cho rằng, thực sự nguy hiểm là ở trên, đây là đạo lý gì?

Tại sao nói thực sự nguy hiểm là ở trên? Bởi vì đôi khi dân chúng thuận theo, một thời gian sau, có thể sẽ không thuận nữa, lòng người sẽ thay đổi. Chúng ta người Trung Quốc có một hiện tượng rất đặc biệt, chính là mỗi vị Hoàng Đế mới lên ngôi, nhất định sẽ đưa ra chính sách và chủ trương mới của mình; mỗi Hoàng Đế làm được vài năm, sẽ cách một thời gian lại đưa ra một lời kêu gọi, đây là đạo lý gì? Người thực sự hiểu người Trung Quốc, đều nên biết, chúng ta từ mấy vạn bộ lạc, dần dần hòa hợp thành một dân tộc Trung

Hoa, điều này thể hiện trong dân tộc Trung Hoa có đủ loại người, có đủ loại suy nghĩ, một dân tộc như vậy, chúng ta nói một câu không khách sáo, là không có cảm giác quy thuộc.

Nếu một dân tộc rất nhỏ, sinh thái tự nhiên rất gian khổ, rời đi thì sống không nổi, thì người của dân tộc đó sẽ có cảm giác quy thuộc rất mạnh. Nhưng Trung Quốc lớn như vậy, ở đây không hợp nhau, sống không nổi, có thể chạy đến nơi khác, người Trung Quốc chỉ có cảm giác nương tựa, rất khó sinh ra cảm giác quy thuộc. Cái gọi là cảm giác nương tựa chính là nói anh đối với tôi tốt, tôi không có lý do gì không đối với anh tốt; anh đáng để tôi ủng hộ, tôi nhất định toàn tâm phối hợp với anh, nhưng nếu anh thay đổi, hoặc tôi cho rằng anh không đáng để tôi ủng hộ nữa, thì chỉ một câu nói là xong, đạo bất đồng bất tương vi mưu, tôi liền cáo lão hoàn hương, hoặc lên núi ẩn cư, mai danh ẩn tích, hoặc phiêu lưu hải ngoại. Đây chính là người Trung Quốc.

Vì vậy cách một thời gian, Hoàng Đế lại phải đưa ra một lời kêu gọi, xem phản ứng phía dưới thế nào: nếu phía dưới nhiệt liệt hưởng ứng, thì Hoàng Đế biết mình vẫn được ủng hộ rất cao; nếu nói nửa ngày phía dưới giống như không nghe thấy, cũng không có phản ứng, thì Hoàng Đế phải điều chỉnh bản thân rồi. Những điều này chúng ta đều có thể thấy rõ ràng từ sáu hào của quẻ Tỷ. Chỉ có hiểu Kinh Dịch, chúng ta mới đọc hiểu được lịch sử của chúng ta, mới biết tại sao mọi người phải làm như vậy. Rất đáng tiếc là, người bây giờ chỉ biết dùng tiêu chuẩn phương Tây để nhìn Trung Quốc, nên không thì nhìn thấy lộn xộn, thì là nhìn thấy hoàn toàn không ra gì.

Người Trung Quốc cận đại đau khổ nhất, cũng là bi ai nhất, bất hạnh nhất chính là không hiểu bản thân, thường phàn nàn: người ta nước ngoài tại sao có thể như vậy? Chúng ta tại sao không thể? Bởi vì tư duy khác nhau. Chúng ta thực sự hiểu rõ Kinh Dịch rồi, quay lại nhìn người Trung Quốc, sẽ phát hiện hầu như rất ít người rời khỏi nhất âm nhất dương chi vị đạo. Bạn thấy ông chủ vừa nói ai phản ứng trước, ai phản ứng sau, đều có đạo lý nhất định. Ông chủ vừa nói có người không phản ứng, người ta sẽ nghi ngờ: người này có phải có hai lòng không, có phải không tán thành không? Người này nói tôi không có, thì người ta càng xác định anh ta có, nếu không sao lại căng thẳng như vậy? Người Trung Quốc từ xưa đến nay đều như vậy. Người nên phản ứng phải phản ứng, lúc không nên phản ứng, phải có cách làm của không nên phản ứng, chúng ta chỉ cần không đi theo đường lối này, cho dù tốt đến đâu, trung tâm trung nghĩa đến đâu, cuối cùng đều là chịu thiệt.

Bây giờ công ty lớn rồi, bắt đầu xây dựng cửa hàng liên kết ở các nơi, hoặc tìm người nhượng quyền, đây cũng là đạo lý quẻ Tỷ. Trụ sở chính công ty phải nhớ bất ninh phương lai, công ty khác sở dĩ muốn nhượng quyền với anh, chính là vì họ bản thân bất an, nếu không anh đi nhượng quyền với họ còn khá hơn, mà nếu anh vừa bắt đầu đã kén chọn thế này thế kia, họ trong lòng buồn cười: tôi tốt hơn anh thì tôi còn đến nhượng quyền với anh? Vì vậy đã là trụ sở chính, người ta có ý nhượng quyền, chúng ta phải lập tức biết bất ninh phương lai, phải bảo người ta phải cải thiện thế nào, phải cung cấp đào tạo cho người ta, phái người

hỗ trợ chỗ thiếu của người ta, như vậy mới đúng. Chỉ có dùng phương pháp này mới khiến mọi người cho rằng nhượng quyền phải nhanh, nếu không hậu phu hung, đến muộn thì không có cơ hội nữa. Đây đều là có thể ứng dụng ở khắp nơi.

Bây giờ chúng ta đối mặt với một cục diện hoàn toàn mới gọi là làng địa cầu, làng địa cầu chính là một câu, gọi là thiên nhai nhược tỷ lân, phải đem thiên hạ to lớn, coi như làng xóm, mọi người sống gần gũi như nhau. Có thể thấy quẻ Tỷ đối với hiện đại hóa, đặc biệt là làng địa cầu hiện nay, có chức năng rất quan trọng. Chúng ta càng nên dành thời gian nhiều hơn, để nhận thức kỹ lưỡng.

Nói chung người ta vừa nghĩ đến hiện đại hóa, liền nghĩ đến Mỹ hóa, xem hiện đại hóa thành Mỹ hóa, xem Mỹ hóa thành hiện đại hóa, cho rằng quốc tế hóa chính là không cần bản thân, nhận đồng người khác. Quan niệm không rõ ràng này, nếu không coi trọng, sẽ sinh ra hậu quả rất nghiêm trọng. Ý nghĩa thực sự của quốc tế hóa, là gặp người Mỹ nói tiếng Mỹ, gặp người Nhật nói tiếng Nhật, gặp người Trung Quốc vẫn dùng tiếng Trung Quốc. Nếu vì quốc tế hóa mà khiến bản thân không còn gì nữa, là không đáng, chúng ta làm sao nhẫn tâm vì hiện đại hóa mà diệt mất văn hóa của mình?

Có thể thấy quẻ Tỷ đối với tu dưỡng, nhân sinh, sự nghiệp của chúng ta cũng như hiện đại hóa đều rất quan trọng. Vậy sáu hào của quẻ Tỷ cụ thể đang nói gì? Tập sau chúng ta sẽ bàn về "tâm đầu ý hợp".

Chương 21: Tâm đầu ý hợp

> "Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hòa" (Thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa). Từ xưa đến nay, chúng ta người Trung Quốc đều cầu người với người hòa hợp, chú trọng chí đồng đạo hợp. Điều này cũng đúng phản ánh đạo lý thân tỷ hài hòa, tình đầu ý hợp mà quẻ Tỷ trong Kinh Dịch hàm chứa. Quẻ Tỷ lấy năm hào âm một hào dương làm quẻ tượng, tượng trưng toàn dân nhất trí ủng hộ một lãnh tụ. Vậy cụ thể đến từng hào của quẻ Tỷ, đều ẩn chứa những huyền cơ gì? Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta lại nên khéo léo vận dụng đạo lý quẻ Tỷ như thế nào, để xử lý các mối quan hệ nhân sự phức tạp đa dạng?

Người phương Tây lấy việc làm trung tâm, chúng ta người Trung Quốc lấy con người làm trung tâm, đây là điều mà nhiều người vẫn không cho là đúng. Có người nói: Bạn xem, phương Tây đối sự không đối nhân, rất tốt, rất lý tính. Thực ra thực sự hiểu rõ sự thật thì chúng ta nên biết người phương Tây không giống chúng ta, không có khái niệm về lòng trung thành, nhân sự phương Tây là lưu động, gọi là nhảy việc, hôm nay ở công ty này, ngày mai nhảy sang công ty kia. Chúng ta nếu hỏi một người phương Tây: Anh đối với ông chủ của anh, đối với công ty hiện tại có trung thành không? Họ sẽ cảm thấy rất buồn cười: Tôi trung thành làm gì? Tôi bất cứ lúc nào cũng sẽ rời đi.

Thực sự hiểu được điều này, chúng ta mới hiểu người phương Tây lấy sự việc làm trung tâm cũng là rất bất đắc dĩ. Chúng ta hỏi người phương Tây, đối với công ty, đối với ông chủ có trung thành không? Câu trả lời của họ, nếu dùng tiếng Anh mà nói chỉ có một từ, gọi là ridiculous, nghĩa là loại câu hỏi này rất kỳ lạ. Họ nói: Tôi chỉ cần trung thành với công việc, chỉ cần làm tốt công việc, đến công ty nào cũng có thể sống. Người Trung Quốc dám nói như vậy không? Ở Trung Quốc, ai dám đứng ra nói, "tôi không cần trung thành với ông chủ, tôi không cần trung thành với công ty, tôi chỉ trung thành với công việc"? Có thì cũng chỉ là nói lời kêu gọi cao đẹp.

Trung Quốc từ xưa đến nay, đều là người với người có quan hệ tốt rồi, mới có thể bàn việc làm thế nào. Không có người thì không có việc, sự tại nhân vi, mỗi việc đều phải thông qua con người để làm nên, nên chúng ta làm việc không tách rời làm người. Một người làm việc làm rất tốt, nhưng nếu mỗi làm một việc lại đắc tội một người, trong một công ty chỉ cần làm mười việc là đắc tội mười người. Xin hỏi người như vậy còn ở lại được không?

Tôi thường nghe nhiều ông chủ nói với cán bộ mới đến đều nói rất hay: "Tôi mời anh đến, chính là muốn làm cho công ty tốt hơn, những cái khác anh không cần lo lắng, tôi hoàn toàn ủng hộ anh". Sau đó cán bộ mới đến bắt đầu làm cái này, làm cái kia, đến nửa năm sau, ông chủ lại gọi anh ta đến, ông chủ nói: "Anh yên tâm, tôi đến bây giờ vẫn không thay đổi, vẫn ủng hộ anh, nhưng không ngờ anh mới đến nửa năm, đã đắc tội với tất cả mọi người, anh bảo tôi làm sao ủng hộ anh? Anh tìm việc khác đi, tôi không có cách nào với anh". Chúng ta cũng không thể nói ông chủ này sai, ông ta cũng làm theo cảm xúc của mình. Có thể

thấy ở Trung Quốc, toàn bộ điều kiện tiên quyết chính là phải xử lý tốt mối quan hệ giữa người với người, mới có thể làm tốt công việc. Toàn bộ quẻ Tỷ đều nói về mối quan hệ giữa người với người.

> Dân tộc Trung Hoa là một dân tộc coi trọng quan hệ giữa người với người, ở Trung Quốc, chỉ có trước tiên đối xử tốt với người, mới có thể làm việc tốt, điều này đúng phản ánh mặt nhân tính hóa của người Trung Quốc. Và toàn bộ quẻ Tỷ, đều đang nói về quan hệ giữa người với người, hào sơ của quẻ Tỷ có thể nói là bước đầu tiên để củng cố trung tâm lãnh đạo, vậy là nền tảng của cả quẻ Tỷ, hào Sơ lục này, nói cho chúng ta biết những gì?

Hào từ của Sơ lục (hình 21-1): “Hữu phu, tỉ chi, vô cữu. Hữu phu doanh phẫu, chung lai hữu tha cát.”

((Mới đầu) có lòng thành tín mà gần gũi nhau thì không có lỗi. Nếu lòng thành tín nhiều như đầy một cái ảng thì có thêm điều tốt khác nữa.)

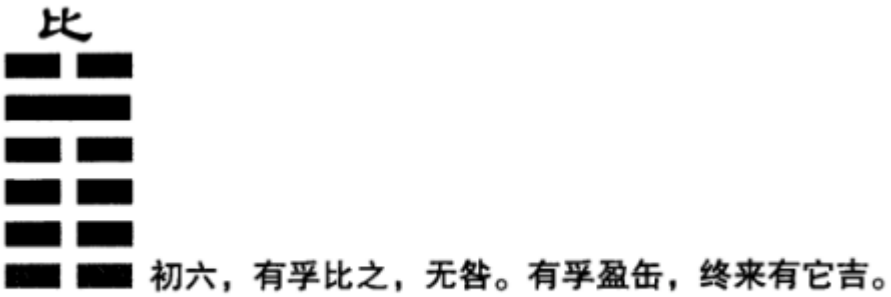

图 21－1

Câu thứ nhất: “Hữu phu tỷ chi”, chính nói cho chúng ta biết, muốn theo đuổi một người, muốn thân tỷ một người, muốn đoàn kết bên cạnh một người, nguyên tắc cơ bản nhất chính là phát xuất từ lòng chân thành. Chỉ có chúng ta phát xuất từ lòng chân thành mong muốn theo đuổi, đuổi thế nào cũng không đi, nếu không cho dù dùng quy định, thề thốt, hiệp ước, hợp đồng, vẫn không quản được chúng ta.

Nếu một nhân viên muốn nhảy việc, anh ta sẽ nói rất rõ ràng "Tôi muốn đi làm ở công ty kia, nên tôi xin thôi việc" không? Có người Trung Quốc nào ngốc như vậy không? Nhưng người Mỹ thì như vậy. Người Mỹ còn tuyệt hơn, anh ta sẽ xin phép với ông chủ, nói: “Tôi muốn xin công ty hai ngày nghỉ, tôi muốn đi ứng tuyển ở một công ty khác, nếu họ nhận tôi, tôi bên này sẽ xin thôi việc, nếu họ không nhận tôi, tôi vẫn sẽ quay lại”. Ông chủ Mỹ cũng suy nghĩ một chút, nói: “Được, vậy anh đi ứng tuyển đi”. Bởi vì ông chủ cũng không có cách nào.

Người Trung Quốc ai dám như vậy? Nhân viên Trung Quốc nếu nói như vậy, ông chủ trong lòng nghĩ: Sao lại có chuyện này, anh nói với tôi câu này, anh coi tôi là cái gì? Ông chủ liền nói: Vậy anh không cần nữa, anh không cần đợi nữa, bây giờ đi luôn đi. Có thể thấy, có những lời người Mỹ nghe thấy cảm thấy rất bình thường, người Trung Quốc nghe thấy thì cảm thấy rất kỳ lạ.

Chúng ta người Trung Quốc muốn xin thôi việc với ông chủ, phần lớn sẽ nói thế này: Ông chủ, tôi thực sự rất thích phục vụ ở công ty, theo ông, tôi học được rất nhiều thứ. Nhưng tôi không có cách nào, nhà thực sự bận không xuể, mẹ tôi nhất định bắt tôi về nhà giúp việc, tôi đã nhiều lần nói với mẹ tôi, tôi không nỡ rời công ty này. Mẹ tôi còn định tự mình đến nói với ông, tôi đành phải nói, để tôi tự đến nói với ông. Những lời như vậy ông chủ rất cảm động, liền đồng ý, bởi vì nhân viên Trung Quốc không phải nói dối, là cho ông chủ mặt mũi. Vì vậy thực sự hiểu được đạo lý này của người Trung Quốc, chúng ta mới biết tại sao người Trung Quốc sẽ biểu hiện khác với người nước ngoài, nó là có đạo lý, tuyệt đối không phải lung tung.

"Hữu phu tỷ chi" nói cho chúng ta biết, người Trung Quốc chỉ có biểu hiện phát xuất từ lòng chân thành, mới là thuần túy, mới là không thay đổi, mới là không thể lay động, như vậy sẽ "vô cữu", không có hậu chứng. Chỉ có chúng ta tự nguyện, phát xuất từ chân thành, không chịu bất kỳ áp lực bên ngoài nào, không chịu đe dọa lợi dụ hăm dọa, chúng ta sẽ rất chân thành, rất bền bỉ, từ đó dần dần trải qua một thời gian ma hợp, mọi người sẽ càng đi càng gần, rồi lẫn nhau ngươi trong lòng có ta, ta trong lòng có ngươi.

Điều này là ai cũng không thể can thiệp được. Vì vậy, chúng ta phải phát xuất từ sự lựa chọn của bản thân, phát xuất từ quyết định của bản thân, rồi dần dần tìm cách để người trên cảm nhận được chúng ta trong lòng có họ, như vậy là đi đúng đường rồi.

> Quẻ Tỷ nói cho chúng ta biết, bất kể đối với lãnh đạo, đồng nghiệp, bạn bè, thậm chí bạn đời, muốn làm tốt quan hệ của nhau, đều phải làm được: ngươi trong lòng có ta, ta trong lòng có ngươi. Làm thế nào để đạt được điều này? Có phải nói với đối phương, trong lòng tôi có anh, là được không?

Những lời này không thể nói, tuyệt đối không thể đi nói với ông chủ rằng: Ông chủ, tôi trong lòng có ông. Điều đó sẽ khiến cả hai bên đều rất khó xử, bởi vì ông chủ sẽ không tin lời anh. Anh càng hô khẩu hiệu, càng viết cam kết, càng nhiều lần thể hiện sự ủng hộ kiên quyết của mình, ông ta càng nghi ngờ: anh làm gì mà căng thẳng thế? Nếu là thật, đâu cần phải thế này. Chúng ta chỉ tin vào cảm nhận của bản thân, chúng ta phải để ông chủ cảm nhận được chúng ta trong lòng có ông ấy, ông ấy sẽ không nghi ngờ nữa. Người Trung Quốc có nhiều việc chỉ có thể làm không thể nói, cho đến bây giờ vẫn vậy.

"Hữu phu doanh phủ", chính là nói cho chúng ta biết, lòng thành của chúng ta từ hành vi, thái độ của chúng ta tràn đầy, rồi sẽ thể hiện ra, để ông chủ cảm nhận được, từ đó sẽ chung lai hữu tha cát, đến cuối cùng sẽ được rất nhiều cát tường. Như vậy ông chủ sẽ chăm sóc anh, sẽ bồi dưỡng anh, sẽ tìm cơ hội thăng tiến cho anh, thậm chí nếu anh chưa kết hôn, ông ấy sẽ giúp anh tìm đối tượng, giúp anh an cư, còn chăm sóc gia đình anh, đây gọi là chung lai hữu tha cát. Cũng chính là chúng ta ngoài việc có bảo đảm về chức vị trong công ty, có cơ hội thăng tiến, lương bổng có thể tăng theo năm ra, còn sẽ có dư khánh. "Dư khánh", chính là những điều tốt mà chúng ta không tưởng tượng được. Một người nếu có thể làm được đến bước này, thì có thể xem xét đến hào Lục nhị.

Hào từ của Lục nhị (hình 21-2) là "tỉ chi tự nội, trinh cát"

(Tự trong mà gần gũi với ngòai, chính đáng thì tốt.)

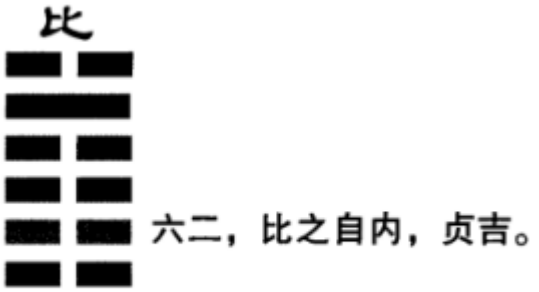

图 21 –2

Kinh Dịch Nội quái gọi là nội, Ngoại quái gọi là ngoại, chúng ta phải từ nội quái hướng lên để thân tỷ. Nói thật, một người chỉ khi làm đến quản lý cấp cơ sở, mới có cơ hội đi giao tiếp với người trên. Lục nhị là hào giữa của Nội quái, cũng gần như là quản lý cấp cơ sở, vậy Lục nhị phải ủng hộ bên cạnh ai? Phải củng cố trung tâm nào? Đương nhiên chính là hào Cửu ngũ. Bởi vì ngoài đối với Cửu ngũ, Lục nhị không thể nói hai chữ "trung thành", nếu không sẽ biến thành có hai chủ. Toàn bộ tập thể của quẻ Tỷ chỉ có thể có một chủ, chính là Cửu ngũ, Lục nhị không thể đối với ai ngoài Cửu ngũ thể hiện lòng trung thành, Lục nhị chỉ có thể thể hiện bản thân muốn đoàn kết bên cạnh Cửu ngũ, bản thân muốn đến ủng hộ ông ấy, như vậy người ta mới không nghi ngờ Lục nhị.

Dĩ nhiên, Lục nhị còn phải chú ý đến có lúc sẽ có nhiều động thái tế nhị. Ví dụ cấp dưới của anh sẽ đến đề xuất, nói với trên có thể có một số thể hiện, anh phải xem xét động cơ của họ rốt cuộc là gì: là người trên phái đến? Hay là họ vốn là người thân của cấp trên? Hay là họ muốn thử thái độ của tôi? Phải nắm rõ, rồi đưa ra phản ứng thích hợp. Lục nhị phải giữ trung đạo, bởi vì Lục nhị chiếm vị trí là hào thứ hai của Nội quái, lại là âm, cũng chính là hào duy nhất đắc chính trong ba hào của Nội quái. Vì vậy, Lục nhị phải theo cách thức hợp lý để phản ứng, mới sẽ cát tường. Nếu không thể hiện sai ý rồi hoặc thời gian không đúng, đều sẽ rất thê thảm.

Hào từ của Lục tam (hình 21-3): "Tỉ chi phỉ nhân"

(Gần gũi người không xứng đáng.)



六三，比之匪人。

图 21－3

Chữ "phỉ" này không phải "phỉ" của thổ phỉ, mà là nghĩa của phi (không phải). Kinh Dịch thường dùng "phỉ" để đại diện cho "phi". Tỷ chi phỉ nhân, chính là tìm sai đối tượng thân tỷ, thế nào gọi là phỉ nhân? Chính là người không nhân không nghĩa, chính là không giống người. Những người như vậy, Lục tam còn đứng ra nói muốn theo đuổi họ, muốn ủng hộ họ, thì Lục tam nhất định hung, cuối cùng nhất định là thương bi. Vì vậy từ Lục tam của quẻ Tỷ, chúng ta biết tâm giao phải xem đối tượng thích hợp, tâm giao với người không nhân không nghĩa, chính là chọn sai đối tượng, cuối cùng nhất định sẽ xui xẻo.

Vì vậy khải thị của ba hào dưới quẻ Tỷ chính là: Thứ nhất, cẩn thận chọn đối tượng thân tỷ. Thứ hai, cẩn thận chọn lựa, suy xét, quyết định, rồi phát xuất từ nội tâm, rất chân thành mà thể hiện ra, không thể giả tạo, bởi vì giả tạo sau này có nhiều vấn đề, cũng không thể chấp nhận đe dọa, không thể nịnh bợ; nếu không chính là lợi dụng bản thân để bán rẻ bản thân, cuối cùng nhất định phải tự mình gánh chịu cái hậu quả xấu đó. Toàn bộ Nội quái của quẻ Tỷ đang nói cho chúng ta biết làm thế nào để thuận theo, làm thế nào để thân tỷ, làm thế nào để ủng hộ người trên mà chúng ta nên ủng hộ.

> Nội quái của quẻ Tỷ nói cho chúng ta biết, phải cẩn thận chọn đối tượng thân tỷ, và chọn cách thức thích hợp để ủng hộ họ, mà không được giả tạo hoặc cố ý nịnh bợ, càng không thể chấp nhận đe dọa. Vậy, là Ngoại quái của quẻ Tỷ - quẻ Khảm, nó lại nói cho chúng ta biết những gì?

Ngoại quái quẻ Tỷ là thủy, là Khảm, chính là thể hiện người ở trên, thực ra rất nguy hiểm, nguy cơ tính rất cao. Chúng ta có thể thấy ba hào của Ngoại quái Lục tứ, Cửu ngũ, Thượng lục, đều là đắc chính, Lục tứ, Thượng lục, âm cư vị âm; Cửu ngũ, dương cư vị dương. Cửu ngũ đặc biệt tuyệt vời, nó không những đắc chính, mà nó còn ở chính giữa cả quẻ, là chủ quẻ của toàn quẻ, hào quan trọng nhất.

Hào thứ tư (Hình 21-4) rất đơn giản: "Ngoại tỉ chi, trinh cát."

(Gần gũi với bên ngoài (hào 5) giữ đạo chính thì tốt.)



图 21－4

Bởi vì Lục tứ vốn đã ở ngoại quái, tức Ngoại quái, với Cửu ngũ rất gần, có thể tại chỗ thể hiện ủng hộ Cửu ngũ, hơn nữa Lục tứ là âm, Cửu ngũ là dương, âm đi thừa dương thường đều là tốt, nên hào Lục tứ thường đều là cát tường.

Thực sự quan trọng là ở Cửu ngũ, bởi vì Cửu ngũ chính là người đứng đầu mà! Tất cả nó phải chịu trách nhiệm hoàn toàn. Hào từ của Cửu ngũ (hình 21-5) là: "Hiển tỷ, vương dụng tam quỹ, thất tiền cầm, ấp nhân bất giới, cát."

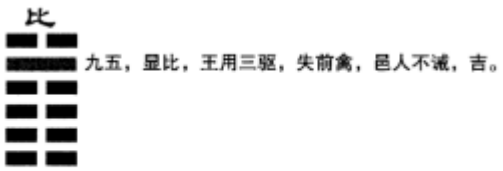

图 21－5

Hiển chính là rất rõ ràng, hiển tỷ chính là đối tượng mà mọi người theo đuổi, ủng hộ, Cửu ngũ phải dùng thân làm gương để khiến người ta rất chân thành ủng hộ nó, làm cho mọi người xem. Làm thế nào để cho mọi người xem? Rất thú vị, vương dụng tam quỹ. Thế nào gọi là vương dụng tam quỹ? Xưa kia Hoàng Đế đều phải định kỳ đi săn bắn, dùng lưới ba mặt, cái chúng ta bây giờ nói là võng khai nhất diện (mở một mặt lưới), chính là từ đây mà ra. Hoàng Đế đi săn, người rất đông, Hoàng Đế ở giữa, hai bên đều có người, rồi đường một đường đuổi lại. Con vật trong vòng vây thì chia hai loại: một loại chạy về phía trước, một loại chạy về phía sau. Phàm là chạy về phía trước, Hoàng Đế đều không bắn nó; phàm là chạy về phía sau, Hoàng Đế vừa hay bắn nó. Võng khai nhất diện thể hiện quẻ Tỷ chính là hòa tắc lưu, bất hòa tắc phân (hòa thì giữ lại, không hòa thì chia tách), chúng ta chỉ lấy những cái thuận, bỏ đi những cái nghịch, như vậy mới gọi là đại độ lượng. Triều Chu thống nhất toàn quốc thời, đã có hai người Bá Di Thúc Tề không tán thành triều Chu đi diệt triều Thương, nên hai người không ăn lương thực của triều Chu, chết đói dưới núi Thủ Dương.

> Thương Trụ Vương bạo ngược vô đạo, Chu Võ Vương phạt Trụ diệt Thương, là thuận theo thiên ý dân tâm, nhưng Bá Di và Thúc Tề của triều Thương, lại cho rằng đây là phạm thượng làm loạn, để thể hiện trung thành với triều Thương, kiên quyết không ăn lương

> thực dưới sự cai trị của triều Chu, cuối cùng chết đói dưới núi Thủ Dương, để lại câu chuyện "Bất thực Chu khử" (không ăn lúa nhà Chu) ngàn năm còn tiếng thơm. Đối với việc này, Khổng Tử nhận xét thế nào?

Khổng Tử một mặt nói, triều Chu tốt, nên diệt Thương; một mặt nói Bá Di Thúc Tề tuyệt vời, cầu nhân đắc nhân, cầu nghĩa đắc nghĩa. Đây là cách làm "các thủ sở nhu" (mỗi người lấy cái mình cần).

Chúng ta người Trung Quốc có một trí tuệ, gọi là "sai bất đa" (sai không đáng kể), bất kỳ việc gì chỉ làm đến mức "sai bất đa", đáng tiếc bây giờ chúng ta đều rất khó thể hội. Cửu ngũ phải có độ lượng lớn: người thuận theo ta, ủng hộ ta, ta chăm sóc họ; số ít thực sự có ý kiến, chạy lên núi rồi, ta cũng không phản đối. Chúng ta bây giờ không làm như vậy, chúng ta bây giờ yêu cầu nhất trí, thực ra yêu cầu nhất trí để làm gì? Mỗi người có suy nghĩ riêng của mình, và người có ý kiến khác là thiểu số, để họ đi thôi!

Có thể làm được "vương dụng tam quỹ", chính là thể hiện Cửu ngũ rất khai minh, rất hiền năng. Tiếp theo "thất tiền cầm", thế nào gọi là "thất tiền cầm"? Chính là những con vật chạy nhanh ở phía trước, chúng ta thả cho chúng đi. Mọi người từ góc độ của động vật mà xem, có phát hiện không, việc Hoàng Đế đi săn đối với những con vật mà nói, là một quá trình giúp chúng ưu hóa, phàm là lanh lợi, khỏe mạnh, chạy nhanh, để chúng lại tiếp tục sinh sản; còn những con ngốc nghếch, chạy không nhanh, yếu ớt, vừa hay bắn chết. Vì vậy, nhiều việc chúng ta phải hiểu sâu thêm một tầng, đừng chỉ nhìn bề ngoài, nếu không là vĩnh viễn không hiểu được.

Chúng ta thấy biểu hiện Hoàng Đế đi săn, dân chúng sẽ thế nào? Chúng ta tiếp tục xem hào từ của Cửu ngũ là biết: "ấp nhân bất giới, cát". "Ấp nhân" chính là dân chúng, dân chúng thấy Hoàng Đế mở một mặt lưới, thấy Hoàng Đế chỉ bắn những con yếu ớt, thả đi những con khỏe mạnh, điều này đối với việc ưu sinh của động vật là có lợi, có thể thấy Hoàng Đế là nhân từ. Dân chúng đối mặt với Hoàng Đế như vậy, sẽ không rất sợ hãi, không rất kinh hãi, thì Hoàng Đế được lòng dân rồi, được lòng dân thì cát tường rồi.

Đối với người Trung Quốc, phải làm nhiều cho họ xem, nói cho họ nghe là vô dụng, bởi vì chúng ta từ xưa đến nay đã hình thành thói quen, không quá tin lời người khác. Ngay cả Khổng Tử cũng nói "thính kỳ ngôn", phải "quan kỳ hành" ("nghe lời nói", "nhìn hành động") nếu nói đến làm được, tốt nhất; nói nửa ngày đều không làm được, loại người này thôi đi. Đây mới là tiêu chuẩn của chúng ta.

Thượng lục (hình 21-6) thì tệ rồi, tuy nó là đắc chính, nhưng hào từ đã nâng cao cảnh giác rồi: "tỉ chi vô thủ, hung."

(Không có đầu mối để gần gũi, xấu.)

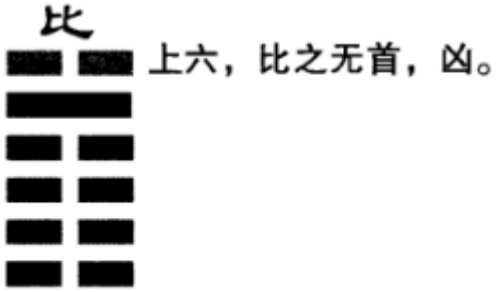

图 21 – 6

Chúng ta đều biết vị trí của Thượng lục rất cao, gọi là đại lão. Cửu ngũ có bất kỳ hiệu triệu nào, đều sẽ tìm một hai đại lão quan trọng tham khảo ý kiến, thỉnh giáo, cũng chính là tìm kiếm sự ủng hộ của họ, lúc này chính là xem biểu hiện của Thượng lục rồi. Nếu Thượng lục cho rằng mình là đại lão, tư cách già dặn lắm, không nhất định phải ủng hộ Cửu ngũ, thì lúc này Cửu ngũ sẽ tự mình cân nhắc cân nhắc rồi - tôi đè được anh, tôi phát cáu; tôi đè không được anh, tôi đợi một chút. Tóm lại, trong lòng Cửu ngũ là không vui. Dần dần Cửu ngũ với đại lão này sẽ xa cách rồi, tạo thành ngăn cách tâm lý, người dưới một nhìn, phát hiện người đứng đầu với đại lão rất gần gũi, nhưng mạo hợp thần ly (bề ngoài hòa thuận mà trong lòng xa cách), giống như không nhất trí, sau đó sẽ dẫn đến một phen suy đoán của họ, đối với sự đoàn kết của toàn thể là có ảnh hưởng. Vì vậy làm đại lão, khi cần thiết phải chủ động đứng ra trước, đến thân tỷ Cửu ngũ, ủng hộ Cửu ngũ, rồi bảo Lục tứ phải chúng khẩu nhất từ, ở những trường hợp khác nhau cùng phát biểu tuyên ngôn ủng hộ, mà sức mạnh ủng hộ của Lục tứ, khiến cho toàn quẻ phía dưới đều sẽ rất nhanh hưởng ứng. Nếu không thì gọi là tỷ chi vô thủ, đó là có hung họa.

> Quẻ Tỷ nói cho chúng ta biết, lãnh đạo khai minh hiền năng, đều sẽ có tâm nhân từ, từ đó khiến dân chúng thân phụ với họ, không đến nỗi vì kính sợ mà xa lánh, như vậy mới có lợi cho sự đoàn kết của toàn thể, thực hiện chúng khẩu nhất từ, nhất hô bách ứng. Tuy nhiên, quẻ Sư là tổng quẻ với quẻ Tỷ, cũng có hàm nghĩa tụ hợp chúng nhân, đoàn kết nhất trí, vậy giữa chúng có những khác biệt gì?

Bây giờ chúng ta đem quẻ Khảm của quẻ Sư và quẻ Khảm của quẻ Tỷ để so sánh sơ qua một chút. Khảm/Thủy của quẻ Sư là ở trong đất, gọi là địa trung hữu thủy (hình 21-7). Mọi người có thể tưởng tượng được, khi nước tụ tập ở giữa đất, tính lưu động của nó rất nhỏ, tính ngưng tụ rất cao. Điều này tượng trưng một dân tộc hoặc một quốc gia, khi đánh trận, tất cả tấm lòng đều là hướng cao nhất trí, mọi người sẽ không nghĩ đến việc của mình. Lúc này con người có thể dùng nghị lực lớn nhất củng cố lại với nhau, đây gọi là thời kỳ phi thường.



图 21－7



图 21－8

Nhưng quẻ Tỷ thì khác rồi, quẻ Tỷ là địa thượng hữu thủy (hình 21-8). Địa thượng hữu thủy, nó sẽ lưu động, sẽ thẩm thấu, nó cũng sẽ bị ánh nắng mặt trời chiếu bốc hơi mất, bởi vì nó không có tính ngưng tụ như nước dưới đất. Chúng ta khi đánh trận, sức mạnh đoàn kết đó rất đáng sợ, nhưng bình thường chúng ta không cần thiết yêu cầu như vậy, cả năm như vậy cũng chịu không nổi. Vì vậy bình thường chúng ta muốn mọi người thân tỷ, thì dùng phương pháp có tính đàn hồi lớn hơn, gọi là "chí đồng đạo hợp". Mọi người ý kiến giống nhau thì gần gũi một chút, có ý kiến thì xa lánh một chút, có thân có sơ.

Ông chủ một công ty, nhất định phải yêu cầu nhân viên phải có văn hóa doanh nghiệp. Văn hóa doanh nghiệp chính là nhận thức "đồng tâm nhất trí". Nguyên tắc dùng người của ông chủ là nói: "tôi dùng anh, thì anh nhất định phải nghe tôi; anh không nghe tôi, tôi nhất định không thể dùng anh". Bởi vì công ty không phải là nơi làm cách mạng, suy nghĩ và biện pháp của ông chủ là phải có người đi triển khai thực hiện, một câu nói là nói xong, nếu nhân viên cho rằng công ty không được, cho rằng ông chủ không được, có thể rời đi. Vì vậy, chúng ta có thể thấy, thân tỷ là rất tự nhiên, sự ngưng tụ khi chiến tranh cũng rất tự nhiên.

Đến hiện tại, chúng ta đã phân tích tám quẻ, từ Càn Khôn thiên địa định vị, đến Truân Mông Nhu Tụng Sư Tỷ, tất cả đều liên quan đến Khảm/Thủy. Điều này là bởi vì từ khi sinh ra đến bây giờ vẫn chưa làm nên một phen sự nghiệp, đã đầy rẫy nguy hiểm, có thể nói là bước bước gian nan! Hơn nữa lòng người hay thay đổi, lòng người khó lường, nói lật mặt là lật mặt, thêm vào đó "nhân tâm cách phúc bì" (lòng người cách nhau một lớp da thịt), bề ngoài và nội tâm của con người không nhất trí, con người không thể hiểu nhau. Nhưng điều này không đại diện cách làm như vậy là không đúng, bởi vì chúng ta đều phải bảo vệ bản thân, chúng ta không lừa người, chúng ta chỉ bảo vệ bản thân. Mỗi người đều bảo vệ bản thân, đây gọi là "minh triết bảo thân", người Trung Quốc rất hiểu được "minh triết bảo thân". Nhưng nhiều người rất ghét câu nói này, cho rằng "minh triết bảo thân" chính là ích kỷ.

> Thông qua so sánh quẻ Sư và quẻ Tỷ, chúng ta có thể biết, vì chiến tranh mà đoàn kết nhất trí, không bằng bình thường đã đạt được cộng thức, tương hỗ thân tỷ. Trong cuộc sống thực tế, văn hóa doanh nghiệp, tinh thần đồng đội, đều phản ánh rất tốt nội hàm của quẻ Tỷ. Tuy nhiên, Ngoại quái của quẻ Tỷ là quẻ Khảm, liên quan đến nước, đại diện cho nguy hiểm và hay thay đổi, điều

> này giống như sự thay đổi của lòng người, nên khi trong tập thể thân phụ xuất hiện biến cố, đầy rẫy nguy hiểm, nhiều người đều sẽ chọn minh triết bảo thân. Vậy, minh triết bảo thân này, có phải là một biểu hiện của sự ích kỷ không?

Người phải trước tiên giữ được bản thân, nhưng không thể ích kỷ, như vậy mới có năng lực đi bảo vệ người khác, mới có năng lực đi làm một chút việc có ý nghĩa cho quốc gia, xã hội, nhân quần. Đây chính là Kinh Dịch. Chúng ta có thể thấy sự khác nhau giữa Châu và Tỷ, chính là Châu là không có tư tâm, Tỷ khó tránh khỏi có tư tâm, nên khi nói đến quẻ Tỷ, chúng ta đặc biệt phải đưa ra một điểm chính là con người phải tiêu trừ tư tâm của mình, mà điều này rất khó.

Chữ “tỷ” (比) với chữ bằng (朋) (bạn), là rất giống nhau. "Tỷ" là anh hướng bên này tôi liền theo anh hướng bên này, tôi cùng một phương hướng với anh, tôi nhận đồng anh, theo đuổi anh. Còn bằng thì sao? Bằng là gì? Bằng (朋) không phải là hai mặt trăng, “nguyệt” (月), bởi vì trên trời chỉ có một mặt trăng, không thể có hai mặt trăng được. Chữ "bằng" (朋) này nó là hai bộ “nguyệt” (月), "nguyệt" (月) đại diện cho thịt, mà còn là thịt thối. (ndlr: bộ 月 có thể được hiểu là biểu thị "thịt" khi kết hợp với các chữ khác, vì trong một số trường hợp, 月 được dùng để tượng trưng cho hình ảnh của cơ thể hoặc phần thịt của con người). Vì vậy bằng hữu chính là những người có mùi hương giống nhau, họ có nhận thức chung, có sở thích chung, có chí hướng chung, rồi tự nhiên sẽ chí đồng đạo hợp. Bất kể bạn bè có những khác biệt gì không, chỉ cần có thể cùng đi lên chính đạo, nhân loại sẽ có hy vọng.

Chúng ta nhìn đến bây giờ, sẽ thể hội được bốn chữ, gọi là “tự nhiên dưng dục” (tự nhiên giáo dục/nuôi dưỡng). Tất cả mọi thứ đều là thuận theo tự nhiên, rất ít là nhân vi làm tác, đây gọi là nhân tính. Nhân tính từ đâu đến? Chính từ ông trời đến, ông trời chính là đại tự nhiên, nên nhân tính chính là tính chung đặc hữu mà đại tự nhiên ban cho loài người. Dĩ nhiên trong này có sự khác biệt đặc thù, gọi là “cá biệt sai dị”, nhưng chúng ta khi nghiên cứu, tương đối coi trọng tính chung, chính là đặc tính chung của loài người. Nhưng khi chúng ta đối đãi với mỗi người, phải coi trọng tính sai dị cá biệt. Như vậy đem tính chung với tính cá biệt hợp lại với nhau để phán đoán, thì đúng tám chín phần mười rồi.

Lần này vì lý do thời gian, chúng ta tạm thời nói đến quẻ Tỷ trước. Chúng ta biết, loài người phải đoàn kết, mà đoàn kết nhất định phải có một chính đạo làm mục tiêu nỗ lực chung của chúng ta. Loài người đã đối mặt với khủng hoảng rất lớn, môi trường sinh thái của chúng ta bây giờ đều có những thay đổi rất lớn, nếu không tốt tốt hướng chính diện đối mặt với tương lai, chúng ta không những có lỗi với tổ tiên, mà còn có lỗi với con cháu, tất cả tội lỗi đều phải do thế hệ chúng ta gánh chịu. Vì vậy, chúng ta lấy tám quẻ nghiên cứu lần này làm nền tảng, tiếp tục xem những quẻ khác về sau. Khi chúng ta thông suốt cả sáu mươi tư quẻ rồi, ngay cả bốc quẻ cũng không cần nữa, sẽ hiểu được tại sao Khổng Tử nói "bất chiêm nhi dĩ hĩ”, bởi vì tất cả đều không rời khỏi quy luật tự nhiên.

Mục lục

- Mục lục - 1
Chương 1: Đạo Âm Dương 2
Chương 2: Bát Quái định Càn Khôn 11
Chương 3: Kinh Dịch và vận mệnh 21
Chương 4: Giải mã bói toán 30
Chương 5: Kiền Khôn là cửa ngõ của Dịch 41
Chương 6: Quẻ 1: Bát Thuần Kiền - Kiền quái lục long 52
Chương 7: Lục Long Ngự Thiên 65
Chương 8: Văn Ngôn của Khổng Tử 76
Chương 9: Dương Cực Thành Âm 84
Chương 10: Quẻ 2: Bát Thuần Khôn - Địa Đạo Nhu Cương 94
Chương 11: Đạo Kiền Khôn 106
Chương 12: Quẻ 3 : Thủy Lôi Truân : Khó khăn khi mới bắt đầu 115
Chương 13: Quẻ 4: Sơn Thủy Mông - lấy giáo dục để bồi dưỡng 127
Chương 14: Quẻ 5 : Thủy Thiên Nhu - Cần phải chờ đợi 140
Chương 15: Đạo đợi thời 149
Chương 16: Quẻ 6 : Thiên Thủy Tụng - Tranh cường hiếu thắng 160
Chương 17: Hóa Giải Mệt Mỏi Vì Kiện Tụng 169
Chương 18: Sư Ưu Tỷ Lạc 180
Chương 19: Quẻ 7 : Địa Thủy Sư - Sư xuất chính đạo 189
Chương 20: Quẻ 8 : Thủy Địa Tỷ - Thân tỷ hài hòa 201
Chương 21: Tâm đầu ý hợp 210